

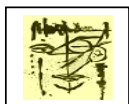
THƯ QUÁN BẢN THẢO

Chủ đề Một Nơi Nào Để Nhớ



*Sưu tập đặc biệt
Túy Hồng & Nhã Ca vs Trần Phong Giao
về gái Huế*

giới thiệu tạp chí Trình Bày (1970-1972)



Số 64 THÁNG 5– 2015

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
Năm 14 TẬP 64, THÁNG 5, NĂM 2015
Chủ đề: Một nơi nào để nhớ

Mục lục

Thư tòa soạn /3

Sống và Viết:

Phạm văn Nhân (4), Trần Hoài Thư (7) Nguyễn Lệ Uyên (14), Như Thương (21), Ngọc Bút (26), Cái Trọng Ty (33).

Phần chủ đề

Huỳnh Phan Anh: Cho một thành phố riêng tư / 36

Đỗ Hồng Ngọc: Saigon bây giờ / 41

Phạm văn Nhân: Xóm Tình của tôi / 46

Trần Hoài Thư: Saigon và tôi / 50

Hồ Đình Nghiêm: Québec, je me souviens / 60

Nguyễn Kim Phượng: Những thành phố văn nghệ / 64

Thế Vũ: Thư về Nhatrang /67

Lê Ký Thương: Biển của tôi /71

Mai Thảo: Hà nội, một ánh lửa đã tắt /73

Lý Hoàng Phong: Huế, thành phố của bí ẩn /77

Vũ Khắc Khoan: Saigon huế hà nội và tôi / 83

Bình Nguyễn Lộc: saigon. thủ đô bách việt / 88

Túy Hồng: Nói với Huế /91

Nguyễn phúc Sông Hương: thơ / 94

Mường mán : thơ /95

Nguyễn Quốc Thái: thơ /97

Trần Vạn Giả : thơ /100

Đình Thắng : thơ /101

Nguyễn Dương Quang: thơ /102

Duyên: thơ /103

Trần Huyền Ân: thơ / 105

Mai Quang: thơ / 107

Nguyễn thị Liên Tâm: thơ / 107

Phạm Cao Hoàng: thơ /108

Huyền Chiêu: Thị trấn biển mất / 110

Mang Viên Long: Tuy Hòa ... /114

Nguyễn Lệ Uyên: Thành phố hôm qua và bây giờ / 121

Nguyễn thị Hải Hà: Nơi cất giữ tuổi thơ tôi / 126

Khuất Đầu: Qui nhơn ngày ấy /135 Chuyện một người con

gái tên: / 137

Trần thị Nguyệt Mai: Một thoáng hương xưa / 141

Nguyễn thị Mỹ Thanh: Chưa một lần trở lại / 145

Giới thiệu tạp chí Trình Bày

THT: Hành trình của tạp chí trình bày / 149

Nguyễn văn Lục: Viết về tạp chí Trình Bày / 155

Văn thơ trích từ Trình Bày:

Thơ trích: Nguyễn Quốc Thái /159, Bùi Khải Nguyên /161,

Nguyễn Đăng Thường / 167, Nguyễn sa /170, Hsu Chín Mo /223, Ai Ts'ing / 224

*Văn trích: Ngô Thế Vinh / 176 Trần Hoài Thu / 185, Nguyễn
Mộng Giác /209, Lê văn Thiện / 216, Thế Vũ / 227, Thế
Nguyễn / 231, Trần văn Nam / 249*

Mục Thường xuyên:

Viêm Tĩnh (thơ) / 262,

Nguyễn Âu Hồng: Tìm nhau (truyện) / 263

Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh : Nhà bốn anh em (truyện)/276

Nguyễn văn Xuân: Lại chửi (tản mạn) / 282

Phan văn Dật: Bài thơ khóc thị Bằng...(Biên khảo) / 292

Thanh Lãng : ca Huế (biên khảo)/ 303

Giới thiệu sách / 313

Lời qua tiếng lại /318

Giữ thân hữu và Tòa soạn: /323

*Tranh bìa: Lê Triều Diễm, chụp lại từ tranh bìa truyện Một
Nơi Nào Để Nhớ của Trần Hoài Thu do Con Đường xb 1973.*

Trình bày bìa:THT

Liên lạc Tòa soạn:

Trần Hoài Thu

719 Coolidge Street, Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaithu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Sau một thời gian dài chuẩn bị, chúng tôi rất vui mừng được gửi đến quý bạn TQBT số 64 này.

Vui mừng vì càng ngày tờ báo càng được sự tin cậy và mến yêu của quý bạn, trong cũng như ngoài nước.

Chủ đề kỳ báo này là Một Nơi Nào Để Nhớ gồm những bài viết của các tác giả thời danh trước và sau 1975.

Chúng tôi cũng dành nhiều trang để giới thiệu tạp chí Trình Bày - một tạp chí được xem bị tịch thu nhiều nhất (16 trên 42 số). Chúng tôi chỉ chú trọng về lãnh vực văn học nghệ thuật.. Đây là dịp để quý bạn thẩm định về một nền văn học miền Nam tự do, nhân bản, dung nạp mọi khuynh hướng dị biệt, và tại sao chúng cũng đồng số phận bị truy diệt tận tình sau 30/4/75.

Cũng trong số báo này, quý bạn sẽ tìm thấy những bài biên khảo hay tản mạn giá trị mà trên Net không hề thấy, ví dụ bài viết của Nguyễn văn Xuân (“lại chữ”), Phan văn Dật (“Bài thơ khóc thị Bằng không phải là của vua Nguyễn Dục Tông”) hay 3 bài sưu tập trong mục Lời qua tiếng lại giữa nhà văn nữ Nhã Ca&Túy Hồng và nhà văn Trần Phong Giao về gái Huế...

Vì hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi, TQBT không biết còn tiếp tục kéo dài thêm nữa không. Nào ai biết được tương lai. Tuy nhiên, quý bạn cứ tin là khi ngón tay chúng tôi còn gõ được vào keyboard là ngày ấy Thư Quán Bản Thảo vẫn tiếp tục có mặt.

Vui thôi mà.

Trân trọng

Trần Hoài Thư

SỐNG VÀ VIẾT

Phạm văn Nhân Độc giả thắc mắc

Đối với tôi niềm vui là sau khi phát hành TQBT, có những cú điện thoại gọi đến, hay qua email. Chỉ cần một câu ngắn của những độc giả thân quen mấy năm nay. Báo tin là đã nhận được TQBT. Tôi vui. Nhưng, với Thư Quán bản Thảo số 63, phát hành tháng 2 năm 2015. Trong mục: Sống và Viết. Bài **Có Những Điều Không Thể Tin...** của nhà văn Trần Hoài Thư viết về VẤN ĐỀ số 52 bị tịch thu có cái truyện ngắn của nhà văn Ngụy Ngử viết trong số báo này. Đã qua hơn 40 năm, nay anh THT có trong tay đủ bộ Nguyệt San Vấn Đề, và cả số 52 phát hành vào tháng 11-1971. anh Trần Hoài Thư viết:..." *Dù Vấn Đề không giải thích tại sao, nhưng sau khi đọc số này, tôi biết chắc là từ truyện ngắn của Ngụy Ngử (NN)...*"

Sau đó, một độc giả thường xuyên của TQBT, và cũng là một người bạn học cũ, một đồng đội cũ với tôi. Anh đã nhận TQBT từ số một, phát hành vào thời điểm mà những tên không tặc ném hai chiếc máy bay hành khách vào hai tòa tháp đôi của trung tâm thương mại thế giới. Người bạn tôi nói đó là một sự kiện mà "tụi mày" (hắn gọi tôi với một tình thân khi còn nhỏ) phát hành TQBT đã gây cho tao một ấn tượng khó quên, mỗi khi nhắc đến sự kiện bi thảm này trên xứ Mỹ.

Giữa tôi với hắn là bạn bè, cách xưng hô "mày, tao " là chuyện thường ngày ở huyện. Lối xưng hô này nghe rất thân mật dù hai đứa chúng tôi bây giờ không còn trẻ. Nhưng lạ, tôi rất khoái lối xưng hô như thế này. Mỗi lần

gọi "mày, tao" như một thời hai đứa còn long nhong trên những con phố nhỏ ở một thành phố biển PT. Hắn thường nói mỗi lần nước Mỹ kỷ niệm ngày đau buồn nhất 11 tháng 9 năm 2001 là hắn nhớ đến ngày đầu tiên tôi gọi TQBT số 1 cho hắn. Ngày ra mắt tạp chí văn học "nghèo nhất" nước Mỹ của người Việt trên xứ người. Tôi vui vì còn có người bạn cứ mỗi lần nhận được TQBT do tôi gửi đến, hắn lại gọi điện cho tôi biết và nói đủ điều trong những số báo mà bạn tôi nhận được.

Nhưng, lần nhận TQBT số 63 này, hắn gọi điện cho tôi ngoài cái khen thưởng tình hắn còn thắc mắc qua nhiều câu hỏi (hỏi nhiều nhất - tôi trả lời ít nhất - lắng nghe nhiều hơn). Như hắn đọc bài viết của Trần Hoài Thư trong mục Sống và Viết về : Có Những Điều Không Thể Tin... Người bạn tôi thắc mắc: Ngụy Ngữ là ai? Tôi trả lời: trong bài viết của nhà văn Trần Hoài Thư đã viết rồi. Tao hiểu! Hắn tức giận. Tay nhà văn này (NN) cũng là lính sao lại nhục mạ lính. Mà nhục mạ đám lính của tao. "lính răn rì". Rồi người bạn tôi đọc lên những đoạn văn mà nhà văn Trần Hoài Thư trích dẫn trong bài viết của ông. Người bạn tôi nói: mày biết tao là lính dù, cũng áo răn rì mà khi về phố có ai đóng cửa, nhón nháo sợ hãi đâu mà sao dám viết lách lăng nhăng như hắn (NN)? Mà lại cho đi trên Nguyệt San Văn Đề? Theo tao được biết ông nhà văn Mai Thảo là dân Bắc kỳ Di cư 54. Tránh Cộng sản miền Bắc vào Nam, mà để cho mấy tay nhà văn viết văn chữ bọn lính như tao? Trong khi cuộc chiến càng ngày càng khốc liệt. Tranh dành nhau trên từng tấc đất, mà hắn (NN) dám viết lách như thế? Còn mày ông nhà văn trong quân đội ở Sài Gòn đâu? Tuần nào mày ông nhà văn này cũng gặp ông chủ nhiệm Mai Thảo, mà sao không có ý kiến? Rồi cái đám nhân viên kiểm duyệt của chính phủ? Hắn dài dòng. Tụi tao là dân đánh giặc, có thời giờ đâu mà đọc báo chí. Nay thấy TQBT của tụi mày viết về cái anh nhà văn này, tao thấy giận quá. Hồi mày cũng trong nhóm với THT. Trả lời cho tao biết.

Tôi hiểu nỗi bức xúc của bạn tôi. Không phải của bạn tôi

đâu, mà còn nhiều độc giả khác nữa. Ngày xưa ở ngoài mặt trận, làm gì có thời gian rảnh rỗi mà đọc báo. Nhất là những tạp chí văn học. Ăn còn phải ăn vội ăn vàng. Ngủ rừng ngủ bụi. Thì báo chí chỉ là món ăn "xa xỉ" của người ở thành phố. Tôi hiểu những câu hỏi của bạn tôi chất vấn tôi .

Tôi chịu. Làm sao tôi trả lời cho người bạn tôi đây. Với tư cách là: tôi với nhà văn THT cùng chủ trương tạp chí TQBT. Đã là người chủ trương thì phải trả lời khi có độc giả thắc mắc. Thắc mắc việc gì liên qua tới TQBT thì được. Chứ về những cái truyện ngắn của vài ông nhà văn, dù là gốc lính viết có lợi cho phía bên kia trong thời chiến tranh ở Miền Nam, làm mất đi tinh thần chiến đấu trong thời buổi gay go nhất về cuộc chiến ý thức hệ.

Tất cả đều do Sở phối hợp nghệ thuật kiểm duyệt. Và về những ông nhà văn, nhà báo ở Sài Gòn có trong tay tạp chí, họ thích đi hay không là quyền của họ. Còn tôi, lúc đó cũng chỉ là người lính "quèn" làm sao ngó tới được mấy ông đó mà có ý kiến. Tôi nói với bạn tôi, mày nên tìm hỏi mấy ông nhà văn gốc quân đội còn sống, là bạn của ông chủ bút Văn Đề mà hỏi xem sao? Tôi nói với bạn tôi như vậy. Cuối cùng tôi nói hẳn: Miền nam Tự Do mà . Nhà văn muốn viết sao thì viết. Hẳn không chịu, chửi thề. Thắc mắc hoài về ông nhà văn NN này. Tại sao, ông NN không vào QYV mà xem những người lính từ mặt trận đem về ? Tại sao ông NN này không nhìn thấy biết bao vợ con lính chết vành khăn tang? Tại sao? Tại sao? vì ông cũng là lính. Tôi nói với bạn tôi: có khi anh ta là lính " nằm vùng" mà ở hậu phương có đi đánh trận đâu mà biết. Và, cũng có khi ông Mai Thảo, cái bóng của ông lớn quá, đám kiểm duyệt...sợ cho qua. Tôi trả lời cho bạn tôi như vậy.

Thế rồi, tôi nói với bạn tôi: mày hỏi nhiều câu hỏi quá. Tạo chịu. Bây giờ có một cách tao chỉ cho mày là mày về VN thăm nhà. Hỏi gặp ông nhà văn NN này. Đám viết lách trong nước ai cũng biết ông nhà văn này, chất vấn ông vài câu, thì may ra giải tỏa cho mày những câu hỏi đã đưa ra.

Nhưng mày biết ông nhà văn này bây giờ làm lớn lắm đó. Tao nghĩ như vậy. Liệu cái tuổi trên bảy mươi của tụi mình có làm được gì nữa không?

Người bạn tôi vẫn còn ám ức và tức về câu nói của tôi! cuối cùng, tôi bảo với người bạn: thôi, mày hãy đọc TQBT của tao với ông bạn THT làm, và giữ lấy nó. Hy vọng với tạp chí này, mày sẽ tìm lại được trong cuộc sống, với những bài văn, những bài viết về văn học, những tác giả là những người lính như tao với mày. Mà ngày xưa, tuổi trẻ của tụi mình sống nhiều ở chiến trường hơn ở thành phố. Ăn gạo sây nhiều hơn là đọc báo. Đó là những gì mà hôm nay, sau 40 năm, TQBT sưu tầm được qua một nền văn học Tự Do mà chính tao với mày đã hấp thụ cái tự do đó, của một người lính như tao với mày. Người bạn tôi vẫn còn ám ức. Nhưng biết nói làm sao đây.

Dù gì tôi cũng phải cảm ơn bạn tôi đã thức mắc sau khi đọc TQBT số 63 về ông nhà văn " Con Thú Tật Nguyễn " này.



Trần Hoài Thư
Độc giả thức mắc

Câu hỏi của anh bạn lính nhảy dù của nhà văn Phạm văn Nhân cũng là câu hỏi của tôi, đặc biệt là khi đọc thi tập **Đầu Gió - Tuyển tập những bài thơ thép**, do Tổng cục chiến tranh chính trị tại SG ấn hành dành tặng chiến sĩ các cấp.

Sách dày 570 trang, in bằng loại giấy tốt, và bằng kỹ thuật

offset hiện đại nhất bấy giờ. Bìa sau có huy hiệu Tổng cục chiến tranh chính trị, với dòng chữ: *Ấn hành để tặng các chiến sĩ.*

Thú thật, khi nhận được cuốn thơ này do hảo ý của một bạn thơ tặng, tôi xiết bao vui mừng. Bởi nó là một tập thơ về lính rất hiếm hoi mà tôi cố công sưu tầm. Tôi có thể dùng nó để chứng tỏ:

Người lính miền Nam đi đánh trận

Mang theo ba lô hồn thơ vẫn

(thơ Nguyễn Phúc Sông Hương)

Nó chắc chắn là một di sản quý báu, vì chẳng lẽ trong thời chiến, mấy mươi năm, với một khối lượng đồng đảo nhà văn nhà thơ mang áo lính phục vụ tại bộ đầu não CTCT tại SG không lẽ không thực hiện một cuốn sách để đời ?

Nhưng mà sau khi đọc nó, tôi thấy thất vọng nặng nề - lẫn cả tức giận.. Thép gì khi đăng một bài thơ của Nguyễn Đức Sơn - một người trốn lính:

Đưa tay ngắt một cọng đèn

Sao nghe lạnh lẽo vang rền từ lâu

Còn đây đủ bát canh rau

Xin mang về nấu đời sau tặng người ...

(NDS- Tặng vật trang 297)

Thép gì khi đọc những câu thơ với áo nâu sồng, với kính với kệ, với tiếng chuông tiếng mõ như thế này:

Chùa cổ bên sông

mưa lòng chánh điện

mưa dàu mái cong

về thăm năm cũ.

.....

hiện con bướm nhỏ

đậu bầu áo phai

ru trong nắng tịnh...

(Võ chân Cữu - Chùa cổ bên sông, trang 537)

Cả bài thơ chẳng thấy một chữ gì về lính, huống hồ là nói

đến thép !

Thép gì, khi đăng lại bài thơ của tôi, yếu đuối, chẳng xứng
đáng chí trai, thấy mình xấu hổ !

.....

Ta có áo mưa làm con vợ nhỏ
Có gò cao làm gối, gối đầu
Ta có oan hồn làm bạn hữu
Thương dùm cho ta khỏi cùi phun

Ta có ông bà muôn năm cũ
Đội đất vỗ về giấc ngủ ta
Ông bà xin thương một thằng lính sữa
Trợn đời chỉ biết có trắng hoa...

(THT - Đêm nằm kích ở Luật Chánh 2, trang 442)

Thép ở chỗ nào chứ? Thơ của tôi, tôi biết mà.

Ngay cả một bài thơ của một tác giả được xem là phản
chiến nhất nhì trong văn chương miền Nam là Nguyễn Bắc
Sơn với mấy câu đọc đến nóng mặt, lợm miệng, vậy mà
cũng có mặt trong tuyển tập những bài thơ thép:

Tập uống máu người thay nước uống
Múa may theo lịch sử điên cuồng...
(trích Thảo Khẩu)

Người lính miền Nam có bao giờ tập uống máu người thay
nước uống không?

Khi tuần báo Khởi Hành đăng bài thơ này, chúng tôi nghĩ
là nhờ cái nhãn hiệu “Hội văn nghệ sĩ quân đội” nên Khởi
Hành không bị tịch thu. Giờ đây, chính bài này lại được
chọn vào trong Đầu Gió của Tổng Cục CTCT, thì tôi thấy
mình nghĩ lắm. Và nhà thơ Viên Linh nên lấy sự kiện này

để trả lời cho những ai kết tội KH đã đăng những bài thơ phản chiến, bất lợi cho việc tuyên truyền chống Cộng. Đây, chẳng những anh bạn thắc mắc mà tôi cũng thắc mắc. Anh bạn hỏi những người trong nhóm chủ trương PVN chịu. Tôi cũng đành chịu vậy. Thôi xin đành tạ lỗi.

NGUYỄN BẮC SƠN

THẢO KHẨU

Buổi sáng xuất quân về hướng Bắc
 Âm thầm sững sờ toán quân ma
 Qua cầu sông Lũy nhìn quanh quất
 Nước đỏ cầu đen chột nhố nhà

Nước reo bèo dạt mặt trời lên
 Khỏi núi lời ca chú đế mên
 Cờ gió cao che đầu trắng sĩ
 Thanh cầu gỗ súng nhạc leng keng

Vì sao ta đến đây hồ hết
 Học trở bề bút tập mang gươm
 Tập uống máu người thay nước uống
 Mưa may theo lịch sử diễn cuồng

Vì sao người đến đây lâm giặc
 Đông trở trắng sĩ loạn Xuân Thu
 Giận đời ghê những bàn tay bẩn
 Đưa đầy người trong cát bụi mù

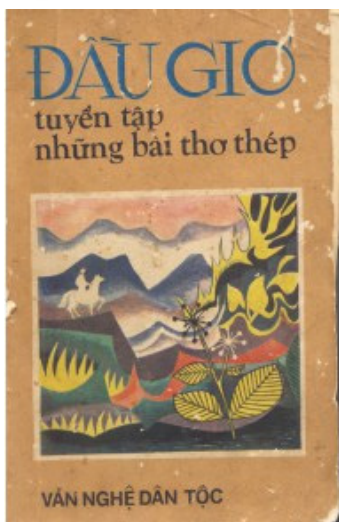
Buổi chiều uống nước giếng Ma-Hỷ
 Thằng Xuân bắn chết thằng Mang Khinh
 Hối ối sống chết là mưa nắng
 Gió tối mưa đêm chỗ lạnh mình

288

ĐẦU GIÓ

ĐẦU GIÓ

289



Tuy nhiên vẫn có kẻ nói dùm...

Trong khi SG làm ngơ trước những chửi rủa hàng ngũ quân đội miền Nam, từ thương phế binh, đến người lính, và công khai ca ngợi phe địch của Ngụy Ngử trên Vấn Đề thì Thế Vũ - một nhà văn gốc lính miền Nam, nhưng sau 1975 là một đảng viên CS như Ngụy Ngử - lại bênh vực tận tình đồng đội của ông trên các truyện đăng trên Vấn Đề và Trình Bày.

Tôi lấy Thế Vũ để chứng tỏ những điều mà Ngụy Ngử viết là láo khoét, bịa đặt, vu khống. Bởi lẽ nếu lấy một tác giả không phải là đảng viên CS, thì việc chứng tỏ này có thể bị ngộ nhận do ở vị trí và cách nhìn chủ quan về cuộc chiến của mỗi tác giả chẳng.

Khi kể về một đơn vị lính miền Nam ghé qua một thành phố, Ngụy Ngử viết:

Thành phố đang sinh hoạt bình thường. Chợt có tin lính rần rì đổ đến, tất cả nhón nháo sợ hãi và những cánh cửa tiếp theo nhau khép nhanh lại, chợ tan, người thưa thớt tới lui khép nép, khắp các đường lớn đường nhỏ không còn một bóng gái trai... (Phố miền Nam - Vấn đề 50 tháng 9-71).

thì Thế Vũ tả cái cảnh phố miền Nam ấy như sau:

Phố buổi tối cũng khá đông người. Con phố chính mở cửa cũng đến hơn mười giờ. Quanh chợ những gánh quà lật vật đặt sát bên nhau, những xe bánh mì, nước ngọt, những sạp báo và tạp hóa, những gánh bắp từ các rẫy xa đưa về, lửa than hồng và mùi bắp tươi nướng tỏa ngát. Đủ mọi thứ sắc áo lính xuôi ngược, những biệt kích quân, những toán biên phòng, những đơn vị địa phương hay cơ động, tất cả hầu như đều mới trở về từ những cánh rừng xa, những tóc râu bơ phờ, những quần áo bẩn nhớp, những đôi giày trần sờn rách bạc màu, những khuôn mặt mệt mỏi và ê chề. Sinh hoạt của thị trấn như tùy thuộc hoàn toàn vào mức độ giao động ở vùng biên giới, với những đoàn quân tình cờ ghé lại một đêm, với những thương binh vừa bắt đầu bình phục trong bệnh viện dã chiến lếch thếch băng qua những con đường cho đỡ nhớ. Những nửa đêm về sáng thị

trần có thể thắng thốt lảng nghe tiếng chân loạng choạng bước đi của bọn lính say khướt mù đất nhau tìm lối trở về đơn vị tiếng la hét, tiếng khóc lóc thảm thiết của bọn người sống bằng súng đạn chiến trường và cái chết đè nặng trên cuộc đời lâu dần không làm thị trấn buồn tui nữa, giòng sông nước đục lờ vẫn không ngừng chảy ngược về rừng như họ rồi sẽ được trả trở ra vùng biên giới, ở đó ngày tháng là bóng tối và ánh sáng, đời sống là sự kéo dài cái chết của chính mình yà trái tim cơ hồ như đã không còn đập trong lồng ngực của họ nữa...

(Thế Vũ : Ngoài sân bay, Trình Bày số 30 ngày 22-10-1971)

Về tình đồng đội thì trong lúc Ngụy Ngũ dùng tạp chí Vấn Đề do Mai Thảo và Vũ Khắc Khoan chủ trương để trút những hằn học căm hận lên hàng ngũ quân đội VNCH, gọi thương phế binh VNCH là “bọn què quặt hết thời”, phết sơn đen lên một tập thể lính miền Nam như là “những con thú tật nguyên” một bọn “bệnh họan”, “say sưa”, “phá phách”, không lý tưởng.... Trong khi đó thì người chị “bên kia” là “chị Hà” - kẻ mà “vớ vô số máy thu thanh lâm nhảm từng ngày bây giờ, chị Hà được kể vào hàng ngũ những người lâm đường theo giặc”, thì NN cũng mượn ý của đại tướng McArthur để thổi bong bóng lên tận chín tầng mây:

“Chị Hà (...) đã nhập vào đoàn người đã mờ trong u chiều vô danh của đất trời vạn cổ; mờ và không bao giờ mất

Thì ngược lại, trong lúc trốn ẩn ở Saigon, sau khi “tự ký phép”, Thế Vũ đã nhớ thê thiết đến đồng đội của mình:

"Sau những ngày đầu tiên cố gắng du mình vào nhịp sống khá lạ lẫm của thành phố bởi những năm tháng trước đó mãi mê hì hục cầm súng, bên cạnh những khuôn mặt bạn bè thân thiết ngày xưa cũng vừa mới trở về, tôi bắt đầu nghĩ tới những lá thư mà mình dự tính viết cho những người ở xa.

Lá thư thứ nhất cho người bạn chiến binh còn trôi nổi ngoài chiến trường biên giới. Đó là người đã chia cho tôi những điều thuốc lá nghèo khó ngày tôi mới ra trình diện

đơn vị, người đã hằng đêm nằm chung với tôi trong một căn lều dã chiến, đã từng dìu tôi trong những cơn say khướt mù ở hậu cứ, ở thị trấn dừng quân, đã an ủi tôi trong những cơn đau đớn tù nhục...

(trích NHỮNG THU' KHÔNG VIẾT ĐƯỢC, Trình Bày số 34 18-12-1971)

Tại sao Thế Vũ - một người viết văn có khuynh hướng khuynh tả, chống đối chiến tranh, lại nhớ thê thiết đến đồng đội của ông?

Câu trả lời: chính là tình sống chết bên nhau.

Tình sống chết mới nảy sinh ra tình đồng đội.

Có ở trong đơn vị tác chiến, có đánh giặc thật sự, có thấy bạn bè ngã xuống, có chia chung điều thuốc, hay chén rượu đế pha coca, mới hiểu được cái tình này. Thế Vũ chẳng yêu gì đời lính. Ông không hối hận việc ông đào ngũ. Vậy mà lá thư thứ nhất ông dành trái tim mình cho người bạn cùng một đơn vị với mình. Bởi ông đã nhận ra, không phải riêng ông mà tất cả đều mang vóc dáng bị đất. Đủ biết là tình đồng đội là mạnh mẽ đến dường nào.

Ngay cả một người cố vấn Mỹ, chỉ có vài dịp đi theo đơn vị thám kích hành quân, chưa bao giờ chia nhau miếng cơm sống, hay chuyền nhau điều thuốc, hay một cốc rượu đế cay nồng sau khi hết hành quân, vậy mà cũng có những câu thơ đầy cảm động như thế này:

Charles Schwiderski

Cho những người bạn thám kích của tôi

Tôi xây trong tim tôi
ngôi nhà cho những người bạn thám kích
Mỗi người một căn phòng cố định
Dù tất cả cửa sổ
Đều phủ màn đen
Và chủ phòng không bao giờ trở lại
Nỗi đau là của tôi ... và tôi là một người ích kỷ

Tôi say sưa gom góp kỷ niệm về các bạn
Mỗi phòng chất chứa tinh hoa của chủ phòng
... của những chuỗi ngày vui buồn hay may rủi
của tất cả mọi điều từ trước đến nay
Khi cô đơn tôi có thể vén màn
và các bạn sống lại cười vui trở lại
Nhiều bạn thám kích của tôi đã sống trong ngôi nhà này
rất lâu ... với hình con Báo Đen
sơn trên cửa phòng của họ
Bên trong tôi vẫn nghe giọng cười
và nước mắt tôi sa xuống trên nền nhà.
(THT phỏng dịch)

Vì vậy, anh bạn độc giả của TQBT xin đừng buồn giận làm
gì. Ít ra anh cũng có Thế Vũ hay nhà thơ nguyên là cựu
cố vấn Mỹ kia nói hộ dùm anh rồi.

Và bây giờ chúng tôi nói hộ dùm anh.

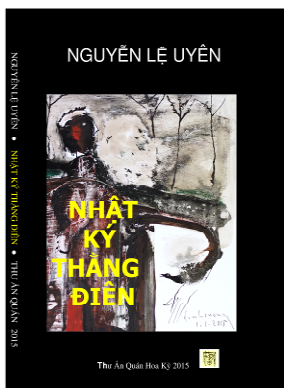


THĂNG ĐIÊN **nguyễn lệ uyên**

Thăng Diên về Sài Gòn nhanh và nhẹ tựa như những sải
cánh của bầy thiên nga xuôi về phương Nam với nắng ấm,
với gió, với thảm thực động vật mượt xanh... Và, mặc dù
anh N. đã khuyến cáo rằng chớ nên tổ chức gặp mặt, phát
hành âm ỉ ở thời điểm nhạy cảm này... nguy hiểm! Cái đầu
tôi biết vậy, rất rõ nhưng trái tim thì luôn đập đúng nhịp,
nên cuối cùng tôi vẫn cứ lon ton xuôi ngược trên đường

phố Sài Gòn, thành phố đã dung nạp tôi nhiều năm tháng thời sinh viên. Tôi háo hức như chàng trai tuổi hai mươi, bởi quá lâu, tôi chưa hề gặp mặt những người bạn thân thiết một thời, chưa từng mở nụ cười, hay meo mào với họ. Và, trái tim đã thắng cái đầu.

6 giờ sáng, SG đã nhộn nhịp muôn ngàn tiếng động để tôi hít thở thứ không khí bụi bặm oi nồng của Sài Gòn từ đêm qua còn văng vất đâu đây.



Mở thùng sách và ký vội đề tặng và bỏ vào bì thư phát nhanh EMS xin từ BĐ, gọi là ngụy trang. Đến lúc cầm từng cuốn sách bỏ vào bì thư dán kín, tôi mới phát hiện trên bìa từng cuốn NKTĐ có những vết keo dán gấy dầy ra, bám trên bìa. Đột nhiên lòng tôi nặng trĩu, bởi tôi đã hành khổ bạn tôi một ông bạn già xa xứ, cô đơn giữa một khu rừng cây dày bịt, hoặc tuyết phủ trắng màu đông. Bạn tôi chỉ được vẽ nguyệt xích ngoạc có mấy từ mà sao nhói đau trong tôi, nói lên được tất cả: *lão ngồi khâu di sản/ kim đâm mà không hay...* Đúng tôi là thằng điên mới dám làm một việc điên rồ, khi biết bạn tôi đã già, mệt mỏi vì chị tôi, mệt mỏi vì cố gắng phục hồi những trang sách, báo bị bức tử một cách oan uổng không thương xót, khi nào còn có thể.

Hết nhìn nhân dạng qua tấm ảnh bạn trên blog, lại tình cờ đọc mấy dòng: trong Ba cận thị vẫn có mặt: “...Ông bạn già xứ Xương Rồng, rõ ràng ông chơi ngược đời. Tôi vừa layout, vừa in, vừa đọc, thấy nhân vật điên này giống tôi

quá đi. Tôi cũng điên đây. Điên khi làm Thư Quán Bản Thảo, nhất là 5 số vừa qua, thấy thiên hạ mũi lòng ví tấm hình của tôi, bèn nổi khùng tăng trang từ 250 trang lên 350-360 trang. Mà tặng không. Điên khi chọn những chủ đề gai góc nhất như Phùng Thăng. Khởi Hành và tôi. Sáng Tạo. Văn chương nữ giới. 20 năm văn học miền Nam, mà ông bạn đã chơi một màn rất đẹp, lần đầu tiên qui tụ hầu hết những người viết cùng thế hệ chúng ta, để nói cho đã...”.

Đã biết, trên đời này lắm kẻ điên. Có những người điên đẹp như thiên sứ và cũng có những thằng điên xấu xí như ngạ quỷ súc sinh. Tôi không xấu không đẹp khi điên để hành bạn tôi, chỉ lung chừng, nhưng lòng rất xót xa khi những tập truyện cuối cùng nằm lọt trong bì thư xin từ BD, như nhét Thăng Điên vào chuồng cũi nhà thương điên.

Trên đường, từ Thủ Đức vào trung tâm SG, lòng tôi lại hoang mang dữ dội, nhớ lại cú nhấn nhe của anh N. email của Q. điện thoại của NM, THD và cả NQT (gọi lúc nửa đêm), người từng đương đầu với sở cảnh sát Đô thành vì những số TB bị tịch thu hay bị đe dọa tịch thu. Họ lo sợ cho tôi, chỉ vì trước đó không lâu, trong khuôn viên hội nhà văn SG, một nhóm anh em văn nghệ và nhóm Mở Miệng cũng đã tổ chức phát hành quyển Lịch sử Cao nguyên của Quận công Nguyễn Thân viết bằng tiếng Hán-Nôm, do Nguyễn Đức Cung dịch sang tiếng Việt và quyển luận văn Tiến sĩ ở Viện ĐH Huế, cũng của Nguyễn Đức Cung về Quận công Nguyễn Thân. Cả hai đều không có giấy phép XB và đã bị nhà cầm quyền bắt quả tang, lập biên bản, thu giữ giấy tờ tùy thân tất cả những người tham gia buổi phát hành bỏ túi đó! Nhiều bạn tôi dính vào vụ này và đang viết bản tường trình, đang bị hạnh học! Không biết sẽ kết thúc như thế nào? Mà dẫu cho thế nào thì sự vụ kia vẫn là “những tội” rành rành, hoặc lớn hoặc nhỏ!

Hai quyển lịch sử không giấy phép in lậu bị dính ngay ngọn độc cước khiến tôi nhớ hồi năm 1982 hay 1983 gì đó, nhà thơ Hoàng Hưng lon ton ôm tập bản thảo Về Kinh Bắc của Hoàng Cầm, bị phát hiện, bị bắt và bị nhốt vào nhà giam Hòa Lò mấy năm trời vì tội tàng trữ văn hóa phẩm độc hại của một nhà thơ bị kết án từ phong trào Nhân Văn

Giai Phẩm. Xem ra, nền văn nghệ nước nhà sẽ vẫn còn diễn ra những vụ án tương tự và dài dài... các bạn lo là phải!

Gạt tất mọi lo lắng sang bên, cái thằng nông dân mặt hạng ngoại hạng, thứ nông dân hạng tư chính hiệu từ xứ sở Xương Rồng cứ phom phom chạy xe trên con đường kênh Nhiêu Lộc quanh co uốn éo. Hồi thăm ba lần bảy lượt mới vượt lên cầu Trương Minh Giảng. Đại Học Vạn Hạnh thuở xưa nằm ngay trước mắt mà không nhận ra. Tất cả đều thay tên đổi họ khiến thằng nông dân nhà quê có dịp lên tỉnh cử lộn bặt lộn chảy trên đường đến nhà Dương Nghiễm Mậu.

Chỉ mới hơn 7g30, đã thấy anh mình trần quần cộc hí hoáy vẽ nháp cho bức tranh sơn mài. Nhác nhìn thấy, anh mở miệng cười thật rộng, bắt tay nhau, xỏ cái áo màu sậm, nói năm ba câu và mời đi cà phê. Tôi mở túi, lôi Thằng Điên bị nhốt trong chuồng ra tặng. Anh mở, ngắm nghía nói in đẹp, khen tranh Đinh Cường và thêm không biết tình trạng sức khỏe của ĐC nay ra sao? Tôi mù tịt. Chỉ biết tháng trước ảnh còn vẽ được bìa sách tôi nhờ, thì có thể sức khỏe được phục hồi dần. Hai anh em lon ton ra quá đầu ngõ. Ảnh lại hỏi ngòai với tôi được mấy tiếng? Tôi nói ba mươi phút trở lại. Gì mà nôn nóng thế? Còn nhiều bạn bè khác, tranh thủ, chiều phải ra... Anh hỏi thăm Lê Văn Thiện, Khuất Đầu. Anh hỏi về xứ Xương Rồng Cà Lon Ton của tôi, hỏi số 64 đã phát hành chưa, rồi quay sang nói chuyện văn nghệ, về thái độ của người cầm bút và giải thích tại sao anh chỉ viết truyện mà không làm báo khi Hội VNS Quân đội mời anh về giữ tờ Khởi Hành. Anh nói tôi luôn là người tự do, không muốn bị ràng buộc... Bây giờ vẫn thế. Quá nửa tiếng, tôi bắt tay anh. Cả hai ra khỏi quán. Ngoái nhìn, thấy anh đi chậm nhưng còn chắc và khỏe. Vẫn là Dương Nghiễm Mậu ngày xưa, rất chừng mực, tự trọng và tránh mọi sự kết đám hội hè ồn ào không cần thiết cho văn chương...

Đến chỗ hẹn là quán cà phê xinh xắn mang một cái tên rất chi là Mari Sên: Cối Xay Gió, không gian rộng, thoáng. Vừa bước vào đã thấy tranh trưng bày của Rừng. Vẫn là sắc màu của riêng Rừng, một style rất riêng với những gam

màu nóng, cháy cả mắt cả tâm can mà sâu lắng, ẩn chứa những rung động dữ dội bên trong những tầng màu quện chặt lấy nhau. Rừng đã ngồi trước từ lâu với Phạm Chu Sa, với vợ chồng Elena & Trương Văn Dân. Lại bắt tay. Lại ngó trước dòm sau, len lén mở dây rút lỏi Thăng Điền bị nhốt chuồng dúi vào tay từng bạn văn, y như thằng nông dân tỉnh nhỏ đang phạm tội ăn trộm gà nhà lý trưởng chánh tổng thời xưa, hay sắp có một hành động gì đó kinh thiên động địa!

Một vài bạn văn khác đến và đi vội vã vì những lý do rất chính đáng mà họ đưa ra. Sao trách được? Họ đến bắt được cái bắt tay, lắc lắc; nhìn mặt nhau, cười; nói vài câu rồi lại bắt tay bye bye... đã là niềm an ủi lớn. Trong đời sống hôm nay, nỗi sợ hãi luôn thường trực trong mỗi con người. Thật khốn nạn!

Thăng Điền vẫn tiếp tục sổ phận dấm dúi như tên trộm!

Tội nghiệp. Tại sao chúng tôi lại sinh ra ở một đất nước khốn nạn đến thế? Phải chịu khuất phục để làm một lũ người khiếp nhược và chịu nhục đến thế? Tôi nghe cơ chừng như máu sôi xèo xèo trên đỉnh đầu, bốc lửa, tỏa khói như bức tranh nằm trong góc khuất của Rừng, đỏ hoét những lửa quanh cô gái lưng trần.

Làm người đã là điều quá kinh khủng trong thời buổi này, mà mỗi chúng ta không có quyền chọn lựa được hay không được làm người. Nhưng càng kinh khủng hơn là phải làm người trên xứ sở rất kinh khủng này. Và lại kinh khủng khinh khiếp hơn là lũ làm người đó lại có trái tim và cái đầu lớn hơn thiên hạ đôi chút, đèo bồng thêm mớ chữ nghĩa nặng vai nên luôn mang mặc cảm phạm tội với tổ tiên, với các bậc đàn anh đi trước. Lũ người đó, nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy... đủ cả các thấy các cảm các thứ và luôn cam chịu thân phận một thằng người hèn mọn trong mớ lũng nhùng không thể nào gỡ ra nổi.

Lịch sử thời đại này đã chơi trò xỏ lá với chúng tôi, đã hủy hoại chúng tôi đến chỗ tận cùng, cả tâm hồn lẫn thể xác; đã lột truồng chúng tôi và ném vãi tứ phía, tan tác, chia lìa. Cái lịch sử khốn nạn đó bị gắn chặt vào sự túm tóc lỏi xềnh xệch của những thằng nhà giàu buôn bán súng đạn, chủ thuyết vô cảm vô đạo đức làm người các loại. Chúng

là lũ buôn người thượng đẳng cô hồn các đẳng, rồi nặn ra một lũ vô hồn, không tim không đầu. Chúng đặt văn hóa dân tộc xuống đất và ỉa đái lên đó, mang tổ tiên ra đá lẫn lóc và tẩm thuốc độc, thắt cổ treo lên ngọn cây, xóa sạch vết tích... và lần lượt tới trăm dân trăm họ, theo ngày tháng chúng biến tất cả thành bầy cừ... cho bằng được.

Ngồi nhìn những bức tranh của Rừng.; bỗng nhớ lại những truyện ngắn truyện vời của anh trên Văn thuở nọ, ký tên Kinh Dương Vương: *Bí Đái, Nhà Cầu, Đường Kiến...* mà cảm thấy xót xa cho những ngày anh ở Kontum, xót xa với những bạn bè cầm súng ngoài mặt trận. Chiến đấu cho ai và vì cái gì? Xổ toet tất.

Ngày trước nghe mấy chữ cà chớn: *thân phận nhược tiểu, nỗi buồn nhược tiểu...* thằng tôi này muốn lộn mưa, bởi nghe sên sến mấy nước phong tên. Nhưng nay, khi nước mất, khi bạn bè và người thân chết trên cạn, chết dưới đại dương không toàn thây, tôi mới thấm thía cái *nhược tiểu* kia. Tôi không phải thằng điên mà là thằng ngu nhất thế gian này bởi cả tin vào tình thân gọi là friendship! Mụ nội nó thằng điếm lác H. Kissinger khôn nạn dám mở miệng xin lỗi quân đội VNCH trong một văn bản đọc được trên mạng.

Phạm Chu Sa kêu: ê mày mệt hả? Tôi mở mắt. Hấn gào lên: mặt mày tái thế, thằng Viện bạn mày tới kia. Tôi mở mắt ôm lấy Viện: a, thằng *Đĩ thúi*. Tôi ôm hấn: *Nhảy múa để chết*. Cảm ơn mày nghe Viện, mày đã giải oan thanh tẩy cho nàng Kiều từ con cháu thằng nhà trời trời đánh thành một con đĩ thuần Việt, thơm tho. Kiều của mày làm đĩ cho chục thằng ở một xứ sở hồ lớn, hỗn man, nhưng nàng luôn trinh tiết, trắng trong ngọc ngà, sạch sẽ đến tận cũng những sợi lông trong háng nàng. Chỉ tội cái đám *Rồng và Rắn* cứ lôi nàng tuồn tuột lên giường hãm hiếp. Nàng Kiều của mày chính là bà mẹ Việt Nam xuyên suốt lịch sử Việt trần trường máu me này.

Đầu óc tôi phập phùng lóc cóc như tiếng gõ móng con ngựa già Chúa Trịnh thì đúng lúc đó chàng trai trẻ ở tuổi 80 xuất hiện.



Cung Tích Biền & thàng nông dân hạng tư

Chàng như một nghệ sĩ chơi piano, không còn dấu vết gì của một sĩ quan ở SĐ 21BB hơn 40 năm về trước, cái vẻ hào hoa phong nhã ấy ẩn vào từng bước nhảy tài hoa với những Tango, Valse, merengu, salsa, rumba... đã cuốn hút biết bao cô gái trẻ. Dám chắc đến tuổi 90, Cung Tích Biền sẽ vẫn là chàng trai trẻ đôi mươi, khi mà những truyện ngắn đầu tay: *Bố mẹ da đen da vàng*, *Dĩ An linh hồn tôi...* đã gây chú ý cho độc giả thuở ấy. Nay, anh vẫn chơi và vẫn viết, đều đặn. Cả ngàn trang viết của anh lần lượt được công bố và tự in với cái tên NXB Một Mình.

Khi trả lời phỏng vấn của Lý Đợi, anh đã bày tỏ thái độ cảm bút của mình: *“Một đại bộ phận quần chúng hôm nay thực sự không cần đến những gì cao siêu của văn chương học thuật. Không cần nâng cao não trạng. Không có tự do, tư tưởng, vẫn sống phây phây. Đây là một quần chúng tồn tại bằng thịt khối. Được ru ngủ bởi một đời sống kinh tế tương đối êm ấm trong thời buổi chỉ mở cửa cho “Miếng Ăn”. Họ bỗng dưng khá xa lạ với những cụm từ ngôn luận, nhân quyền. Với đại bộ phận nhưng nhúc này, đòi hỏi dân chủ, tự do, nhân quyền, quá là điên.*

...Với một người cầm bút, phải hiểu chỗ thực tại hiểm nghèo. Phải ẩn mình, dành thời gian để làm công việc lâu dài của một nghệ sĩ sáng tác. Trong thâm lặng vẫn có điều kiện để đóng góp cho cộng đồng” (Phỏng vấn nhà văn Cung Tích Biền, Lý Đợi thực hiện, Trang văn học Talawas – tháng 2-2007).

Đó là những gì tôi thay thế cuộc chuyện trò giữa anh và

tôi và Nguyễn Viện, Phạm Chu Sa xoay quanh bàn rượu chỉ có 4 thằng, đều bước vào *tuổi dậy thì*, ở quán Phương Nam sát bên Ngã Tư Hàng Xanh. Chúng tôi uống và nói và nổi giận và cười như mèo về thái độ người cầm bút trong tình thế hiện tại. Vâng, thà cầm con chủy thủ qua đất Tần với Kinh Kha của Dương Nghiễm Mậu còn hơn là làm kẻ chịu nắm chéo áo cùng Hàn Tín lòn qua, lộn lại; thà bám theo chị đi quốc tế Kiều nương trinh tiết thơm tho của Nguyễn Viện hơn là van vỉ núp gấu vấy cô nương có đôi mắt dao cau, ông ẹo, phải vừa gọi bằng mẹ vừa là vợ!

Anh Biên ơi, Viện ơi! Bia thì còn đầy trong ly, buổi gặp nhau sao chan cả niềm vui và nỗi u uất dày cả đất trời vào chén, trào ra lai láng trên bàn? Mà sao đã tự dừng liền một mối mà vẫn có đầy *một quần chúng tồn tại bằng thịt khối*, hờ Sa?

Vậy thì tại sao các người cứ bắt ta phải ca tụng trắng sao, hoa lá và khối thịt thối tha kia, cái bóng ma vô hình cứ lơ lửng treo trên đầu nhân dân?

A, ta chứng ngộ rồi: tất cả bị biến thành đồng thịt khối như một lũ cừu.

Hoan hô merde!

(tháng 4/2015)



Như Thương HƯƠNG ÁO MẸ

(Kính tặng Mẹ)

Kể từ mốc thời gian của Tháng Ba năm 1975, phần son “mệnh phụ” của Mẹ đã không còn nữa... Dầm ba chiếc áo cũ lượm lại của Ngoại đắp thêm vài miếng “vá chằng vá đụp” cho những buổi chợ sớm trưa, những ngày đầm mình dưới ruộng, dưới nương.

Bất chợt một hôm Mẹ nhận được tin báo “Sẽ có đợt thả tù trong Tết này” từ những bà bạn đi thăm nuôi chồng trong trại tù “cải tạo” ngoài Bắc. Tin ấy đã vực Mẹ tôi dậy như một phép mầu. Không biết Ba tôi bao giờ về. Không biết từ trại nào về. Không biết sẽ về bằng phương tiện gì... thế nhưng lời báo tin ấy như chiếc đũa thần gõ lên định mệnh của Mẹ. Để rồi Ngoại Năm bảo Mẹ tôi: *“Đi may một chiếc áo dài đi con!”*.

Đó là chiếc áo dài màu lam của Phật có thêu những cành hoa lan. Chiếc áo được Mẹ chọn màu hiền hòa, nhu mì của Phật để tạ Ôn Trên cứu mạng chồng bao lần nơi rừng sâu nước độc, được những đứa con gái của Mẹ cặm cùi, tỉ mỉ thêu từng đường kim mũi chỉ. Người thợ may trên mảnh ruộng quê nghĩ tình hàng xóm đã lấy tiền công tượng trưng, như thể là góp chút công cho người đàn bà đợi chồng về được mặc một tấm áo thơm mát mà đón chồng.... sau đặng đặng 13 năm trời xa cách trong vòng tù ngục.

Lúc ra chợ chọn vải, Mẹ lại đắn đo: Nên mua hay là để dành tiền nuôi con, đừng mua áo nữa, dầu tiền vải và tiền công may áo do Ngoại Năm cho Mẹ cả. Chắc là vì lòng kính Phật, thương Ngoại Năm, mà Mẹ tôi đã vâng lời hơn là nghĩ đến tấm áo mới, khi biết chắc rằng ngày Ba tôi về sẽ gây guộc, hốc hác như bộ xương ma ở dương gian. Chứ nếu Mẹ ngần ngừ, có lẽ chẳng có chiếc áo nào “cho ra hồn” để lên chùa lễ Phật trong ngày Ba tôi về đoàn tụ gia

đình cả!

Rồi đêm ngày Mẹ thôn thức theo từng đường kim khâu của con gái Mẹ. Bốn cô con gái ngọc ngà, tiểu thư, ngày xưa chỉ biết “chân chỉ hạt bột” với sách vở học trò, nay đã ngồi đêm ngày làm thợ khâu. Khâu áo cho người bao nhiêu năm và lần này là lần đầu tiên khâu áo cho Mẹ.

Mẹ đã cùng các con chọn mẫu khâu cho chiếc áo dài màu lam ấy, chọn hoa lan cho áo Mẹ vì đó là loài hoa mà Ba thích. Ba tôi đã hãnh diện vì công chăm sóc một giàn hoa lan đặc sản của núi rừng Banmê. Công xin với núi rừng những cảnh phong lan trên đường hành quân của Ba và các chú lính, công khó leo lên hái lan- gỡ sao cho khéo, lấy cả rễ già, rễ non... Rồi chúng theo nhau về phố trên những chiếc ba lô, chiếc xe GMC vương đầy bụi đỏ đường xa. Phong Lan Rừng về đến phố thị thì trở thành những đóa lan vương giả với những cái tên thật dài các như Hoàng thảo, Ngọc Điểm, Nghinh Xuân, Bạch Hạc, Chu Đình, Giáng Hương, Bạch Câu, Dã Hạc, Phi Diệp, Hoàng Phi, Hoàng Lạp... Gửi lại cho rừng đại ngàn tên gọi "Phong Lan Rừng" thân thương của thuở hồng hoang bạt ngàn.

Mẹ đã mất hết tất cả những chiếc áo dài ngày xưa Ba sắm cho Mẹ sau trận giặc năm 1975, nhưng hơn 10 năm sau, khi may chiếc áo dài lam Phật, Mẹ vẫn chọn chiều cao của cổ áo... như thuở xưa, thuở Ba còn bên cạnh Mẹ, không hề thay đổi cổ áo cho hợp thời điểm ấy. Có ai thấu hiểu được chiếc cổ áo dài 3 phân ấy là một phần cuộc đời của Ba Mẹ không? Sự chung thủy quả thật đã thử thách một người phụ nữ, để chẳng đơn giản cho con thuyền của một người đàn bà có chồng trong ngục tù Cộng sản, chiếc thuyền ấy trôi trên biển đêm tối mênh mông bao tổ của vận nước đến lúc cạn cùng trong uất hận và oan khiên.

Ngày Mẹ đi may chiếc áo dài, tóc người vẫn còn lộn dài, lộn ngắn - trắng nhiều hơn đen pha lẫn nhau - búi vội vàng sau gáy người phụ nữ độ tứ tuần. Mái tóc uốn quăn ngắn ngắn cho gọn kể từ khi Mẹ lấy chồng đã dài theo năm tháng ở ruộng và ngâm nước phèn chua mặn mòi, nên đã quên mất hương bồ kết với chanh, quên hết sợi mềm, quên cả gương lược thời Mẹ nhan sắc khi về với Ba, để rồi mái tóc khô khốc ấy trộn lẫn màu đất nâu, vàng hoe của những

cơn nắng đỏ lửa, lẫn màu trắng bạc của thời gian.

Mái tóc chải chuốt ngày xưa giờ đã lệch ngôi rẽ, khi Ba tôi đi biệt biệt qua những trại tù... Gió bụi đường xa của những lần thăm nuôi năm bờ năm bụi, nắng mưa cuộc đời đổi thay, của thương hải tang điền. Những vất vả, bươn chải của tay nách một bấy con thơ tám đứa, còn có tâm trí và thời gian đâu để mà nhớ đến mái tóc.

Tất cả đã làm tôi có cảm tưởng như Mẹ chỉ còn cái xác, còn phần hồn đã gởi đi mãi tận những nơi mang danh địa ngục xa lạ nghìn trùng: Trại 3, trại 7 Hoàng Liên Sơn, trại Vĩnh Quang (Vĩnh Phú), Trại Hàm Tân Z 30 D ...v...v..., nên từ đầu đến chân Mẹ là một “mớ” khổ trần ai rắp nối nhau để đi, để đứng, để nằm ngời, chứ không còn là một con người với tâm thân nhất quán nữa!

Cô thợ may đo ni áo cho Mẹ xong nhìn lại khuôn mặt Mẹ sạm vì nắng và những vết hằn ngang trên trán, chợt nhìn mái tóc Mẹ rồi buột miệng hỏi: *"Dì Tư muốn cắt tóc lại cho gọn để mặc áo dài đón dựng Tư về không, con cắt cho!"*. Cuối cùng Mẹ tôi đã uốn tóc lại như ngày xưa trước khi chồng đi tù và lòng thì ghen ngào xen lẫn nỗi mừng vui đợi chồng về - hay nói đúng hơn là *"... sống sót trở về từ lao tù Cộng sản..."*.

Thời con gái eo thon của Mẹ đã qua trong chén tình bén duyên, đến thời gian hạnh phúc được làm Mẹ, sinh nở từ vòng eo nhiệm màu mà Thượng đế ban cho người phụ nữ. Vòng eo ấy đã có lúc từng nách con chạy giặc, từng khệ nệ thúng lúa, thúng khoai nuôi con nên người, nay trải qua vòng eo của người vợ đợi chồng qua tấm áo lam. Mẹ trong chiếc áo dài màu lam ẩn dấu chữ Tình, chữ Nghĩa, chữ Thương... mà quên đi chữ Riêng Mình!

Khi chiếc áo thêu và may xong, Mẹ ướm thử một lần ở tiệm may, rồi giặt và xếp lại cẩn thận, bỏ trong bao nylon... chờ đợi người về! Kể từ đây Mẹ lại càng đi hỏi han tin tức nhiều hơn, làm quen với tất cả những người đi thăm nuôi tù "cải tạo", bởi cái tin đạo nọ đã như ngọn lửa âm ỉ trong lòng Mẹ từng giây, từng phút... Ngày qua ngày, tuần qua tuần và tháng này qua tháng nọ, Mẹ tôi vẫn không nản lòng đi tìm kiếm, nghe ngóng, chờ đợi tin tức người cha ở trong rừng. Tìm qua lời kể, tìm qua linh tính rằng chuyện

chồng về sẽ có thật! Chiếc áo màu lam như một lá bùa thiêng mà Ông Trên ban cho Mẹ "*Áo của Phật*", nên Mẹ tin rằng sẽ còn gặp Ba như một sự đền bù khổ nạn 13 năm trời của hai người.

Và cũng từ đây, những buổi chợ của Mẹ là những buổi chiều về muộn màng hơn để kiếm thêm vài đồng lẻ, lời nài nỉ mua hàng ế đã lay động lòng người, để rồi về nhà dầm dúi cát để dành... đợi chồng về! Chiếc áo dài mới may được xếp vuông vắn bên cạnh chiếc túi nhỏ cất những đồng tiền lẻ ấy như một hình ảnh hồi sinh của Mẹ. Còn những chiếc áo Mẹ mặc thường ngày khô ướm với bùn sinh đồng ruộng, mủ chuối, mủ cau hay những vết máu khô của con cá lóc, cá trê của những buổi chợ, những con cá từ mẻ chài lưới, tát đĩa, tát mương của con, thì Mẹ lại dùng dụng phơi nó dưới những ngày nắng khô hạn hay lúc mưa dầm dề trên sân phơi lúa. Có ai biết những chiếc áo ấy cũng mặn dòng nước mắt khóc thầm khi ngóng chồng, nhìn đàn con đại ngủ chen chúc nhau trên chiếc giường ọp ẹp trong một mái nhà tranh giữa đồng không mông quạnh?

Không còn gần nhau để Ba thấy Mẹ vai gầy theo năm tháng. Không còn gần nhau để Mẹ săn sóc Ba qua chiếc nút đơm tươm tất cho chiếc áo lính trận sau mỗi lần Ba đi hành quân về, thế nhưng cả Ba và Mẹ đều có nhau... Để có lần Mẹ ra thăm nuôi Ba ở rừng núi Việt Bắc, Mẹ đã thúc hối Ba: "*Anh mặc hai chiếc áo em may vô người đi, kéo chúng nó thấy anh có nhiều áo quá thì lấy bớt, rồi làm sao anh đủ áo mặc trong bao nhiêu năm sau nữa. Em không biết năm sau có ra thăm anh được nữa không... bỏ đàn con ở nhà em sợ điều may rủi, còn để anh một mình ngoài chốn rừng sâu núi thẳm này thì em lo!*".

Trái tim Mẹ đã đợi "chồng về" từ "*Mười- Ba-Năm*" trước - trong một lần Ba dặn: "Anh đi 1 tháng rồi về, em ở nhà trông con và giữ gìn sức khỏe, anh sẽ về!..."

"*Mười-Ba-Năm*" mà tôi viết trong dấu ngoặc kép là nỗi đoạn trường của một "người vợ tù cải tạo" là khúc đời gãy đôi của hai người bạn lòng đang độ xuân sắc, mặn nồng, là đôi bờ cách ngăn và vọng tưởng, là chữ "Sống" và chữ "Chết" về trong ý nghĩ của đôi vợ chồng trong từng ngày dài, từng đêm trắng...

"*Mười-Ba-Năm*" phụ vẫn một lòng bên nhau, dầu áo Ba mặc trên người hay đem theo đã mòn, đã sờn, đã rách và cả những chiếc áo Mẹ may thế mạng Ba giữa rừng đã không còn nữa; dầu biết bao nhiêu chiếc áo của Mẹ đã trôi theo dòng đời bươn bả nuôi con, duy chỉ có chiếc áo dài màu lam Phật này là linh thiêng nhất, bởi nó đã vượt qua biết bao khúc khủy cuộc đời để sống còn.

Ngày Ba về - trong hương áo Mẹ, vai áo dài lam không là vai thuần mà là vai gầy, vai áo của Ba lại nhô lên đáng xương xẩu như chứng tích của những năm tháng lưu đầy, tù tội. Ba Mẹ đã ôm vai nhau khóc thật lâu trước những đôi mắt ngây thơ của ... "đàn con tám đứa" và khóc trong hương tình chung thủy của đôi vợ chồng từ thuở tấm chăn đến hồi gian nan, đoàn tụ.

Tôi quay lại, chợt thấy Ngoại Năm đứng đó tự lúc nào, đang kéo vạt áo lên, lau đôi mắt già nua ...

Như Thương



MẸ VÀ CON VÀ TẢN MẠN KÝ ỨC

Tùy bút của **Ngọc Bút**

Chiều chủ nhật con trai chở mẹ lên phố. Phố đã lên đèn. Những ngọn đèn tròn như những cái tô đầy ánh sáng vàng úp ngược. Qua cầu Chữ Y mát rượi. Người qua cầu đông đúc. Mình đi người ta cũng đi mà. Con trai cực kỳ lịch sự. Thứ bảy hoặc chủ nhật nào cũng một lần chở mẹ lòng vòng lên phố, kể từ ngày mẹ không còn tự chạy xe được như xưa vì cơn đột quỵ. Đi thư giãn thôi. Chẳng có việc gì quá cần

thiết hay gấp gáp. Ngang qua trụ sở của nhóm P. ngày xưa, mẹ đột ngột kêu lên:

- Dừng lại, con.

Con trai ngỡ ngác, nhưng cũng dừng.

- Má kêu dừng ở đây làm gì?

- Má nhìn cái này một chút.

Thực ra là nhìn-lại-nơi-này một chút. Hoài đã đi ngang đây biết bao nhiêu lần. Những lần vội vàng và những lần thông thả. Biết bao nhiêu lần trong bốn mươi năm chia lìa. Những lần đầu ngay sau ngày vật-đổi-sao-dời, đau đớn, tiếc nhớ quặn thắt một nơi chốn đi về bề bạn có nhau. Những lần càng về sau lòng lắng đọng hơn, chỉ mông lung nỗi nhớ. Nhưng dạo gần đây thì bỗng da diết nhớ nhiều thứ trong đời. Có lẽ tuổi về hưu cho người ta có nhiều thời gian hồi tưởng hơn. Cơm áo gạo tiền cũng không còn là một bức bách thúc giục.

Ngày 2 tháng 4 năm 1975. Chuyển cứu trợ ở trại tạm cư Cát Lái đã không còn tiếp tục. Hoài quẹo xe vô trụ sở nhóm P. Gần 9g. Cứ tưởng rằng giờ này nếu không đủ mặt thì cũng có ít nhất vài ba mạng. Nhưng buồn thay... Và hạnh phúc thay, ở P. chỉ còn một mình Hoài!

Ở đây sâu cũng tan tành

Người đi chưa đủ về quanh chiếu ngồi. (VL)

Không phải là “chưa đủ”, phải nói là “không còn ai”. Hoài với lá vàng khô. Hoài với tiếng chim hót trên ngọn cây si. Hoài với không gian không bao la nhưng riêng tư thân thiết. Có phải là đã đến lúc phải ly tán rồi không? Hoài ngậm ngùi với riêng Hoài, với những điều đẹp để còn giữ gìn trong lòng. Hai câu thơ của Viên Linh cứ mơ hồ âm vang trong đầu Hoài. Có lẽ gần 10 giờ. Một số bạn đến. Nhưng vẫn cứ là chưa đủ. Làm sao đủ mặt được trong những ngày thấp thỏm này? Một tuần lễ trôi qua. Những buổi học cứu thương ở cư xá sinh viên Phục Hưng. Những hình ảnh, tin tức trên báo, đài phát thanh, đài truyền hình. Những lời đồn đãi truyền miệng. Hoài chóng mặt với mọi thứ vây quanh đời sống. Sách vở có những hôm đành để

mốc meo. Sách vở có những lúc trở thành vô nghĩa, dù không thừa thãi. Cổ nhân ba ngày không đọc sách soi gương thấy mặt mũi khó coi. Hoài có khi cả tuần vẫn lật đi lật lại những quyển sách mà không thấy gì ngoài tấm tối. Sách vở thì ích gì cho buổi ấy? Hoài hỏi Hoài hàng chục hàng trăm lần như vậy mỗi lần ngồi trước sách. Hoài vẫn sống từ lâu coi đời như ảnh ảo, như cơn mộng du dài với cảm giác mọi sự của đời, dù khổ đau hay hạnh phúc, rồi chỉ là “rác rến nổi lều bều” trên mặt nổi của đời sống. Vậy mà có sao, lúc này đây, lòng Hoài cứ quất quay một sự gì không tả được! Hoài vẫn ngồi đây, dựa lưng vào bờ tường vàng óng trong sân P. Bạn bè mấy người ngồi hát trong phòng. “Người sẽ thấy Việt nam bình minh. Người sẽ thấy Việt nam hòa bình”.

Buổi chiều chập choạng. Cây si cổ thụ cao ngất ở sân sau vẫn còn, in một khối đen kỳ bí lên nền trời mờ tối lộ nhô những mái nhà xung quanh. Đứng ngoài bức tường cao vẫn thấy nó vươn lên trời bên trong. Thuở Hoài sinh hoạt ở nhóm P., nó chưa cao như vậy. Ôi cây si của bọn Hoài, bốn mươi năm nó vẫn đứng trầm mặc nhìn thế sự bể dâu. Người ta đã biến toàn bộ Viện KHGD ngày xưa, nơi có trụ sở sinh hoạt của bọn Hoài, thành một nơi kinh doanh. Khoảng sân rộng trong viện bị tận dụng tối đa, xây nhà ngang dãy dọc làm kho chứa, làm cửa hàng. Và tất nhiên người ta đã đốn ngã gốc trạng nguyên lá hai màu xanh đỏ và những hoa lá khác trong sân trước. Cây si còn đó có lẽ vì nó đứng khiêm tốn một góc ở sân sau. Sư huynh giám đốc viện đã đi xa ở phương trời khác. Các frère trợ lý cũng tản mác về đâu đó. Với tuổi tác ấy, có lẽ ít người còn lại với đời. Hoài chưa bao giờ trở lại bước vào nơi này, kể từ biến cố bốn mươi năm trước. Hoài không còn tư cách gì để trở lại nơi này khi chủ nhân là những người xa lạ và nó không còn là một cơ sở giáo dục nữa. Và những thành viên của nhóm P. đã tan tác muôn phương. Con trai nói, má ơi, đứng hoài ở đây sao? Hoài nói, ừ, thôi mình đi, con. Con trai lại nhẩn nại chờ mẹ lòng vòng lang thang.

Những ngày tháng xa trước tháng 4 năm 1975. 8 giờ là

thời điểm tất cả mọi thành viên của nhóm P. phải có mặt. Những buổi đầu có các frère hướng dẫn. Về sau sư huynh giám đốc để cả nhóm tự sinh hoạt tự đề ra chương trình hoạt động. Đôi khi là một buổi học tu thân với các frère hoặc một nhân vật uy tín tiếng tăm nào đó. Đôi khi là một ngày cắm trại ở đâu đó. Đôi khi là một ngày đi công tác xã hội ở một viện cô nhi. Đôi khi chỉ là gặp nhau hát hò chơi đùa và “trình làng” cho nhau các bài thơ bài văn bài nhạc mới sáng tác. Có khi chia nhóm nhỏ tổ chức thi nấu ăn. Mùa hè tổ chức chương trình “Đường Vào Đại Học”, nhiều buổi hướng dẫn và cung cấp thông tin về từng trường đại học cho các cô cậu Tú mới toanh sắp vào đại học. Mùa Tết làm báo quay ronéo. Trời ơi, nhớ quá những mùa Tết quây quần bên nhau làm báo. Năm nào nhóm cũng ra một tờ báo đầy đủ thơ văn nhạc họa. Chỉ là cây nhà lá vườn, đánh máy và vẽ và trình bày trên những tờ stencil rồi quay ronéo và đóng thành tập, bài vở đủ thể loại đủ giọng điệu vì các tác giả, thành viên của nhóm, là sinh viên từ nhiều trường đại học khác nhau. Như Đạt học Toán Sư Phạm và Trần học Y nhưng sáng tác nhạc rất cừ. Như Nghiệm học Triết Vạn Hạnh và Vũ học Toán Sư Phạm nhưng vẽ và trình bày không thua kém ai. Như Chi xuất thân trường Tây nhưng dàn dựng kịch rất có nghề. Như Tuyết học Văn Khoa, Xuân học Khoa Học, Dung và Anh học Kỹ Thuật Phú Thọ nhưng múa rất dẻo. Chỉ có Hoài là không có khả năng gì đặc biệt nên, như một sự tất nhiên, học Văn Khoa thì chỉ biết tập tành viết tùy bút và thơ thôi. Và làm diễn viên quần chúng làm khán giả độc giả làm bụng bê phục vụ bữa ăn thì tất cả mấy mươi thành viên của nhóm đều làm rất tuyệt.

Đường phố chiều cuối tuần rất đông xe đông người. Con trai nói, má ơi đi ăn chưa, con đói bụng rồi đây. Đi ăn, có nghĩa là trạm cuối của cuộc rong chơi trước khi về nhà. Đôi khi là quán bánh cuốn. Đôi khi tiệm mì Quảng. Đôi khi quán món Huế. Đôi khi tiệm mì Tàu. Đôi khi quán bánh xèo. Đôi khi nhà hàng Tây. Có khi quây com tấm lê đường. Không nhớ hết những nơi nào hai mẹ con đã đến ăn sau những chiều rong chơi. Con trai đã đi làm và luôn

luôn hào phóng với mẹ, cho đến khi cháy túi vào cuối tháng lại mượn tiền của mẹ. Mẹ cho mượn và không bao giờ đòi lại. Trong tiệm ăn, mẹ con thường nói-chuyện-tâm-tình không đầu không đuôi với nhau. Như có một lần:

- Con có bạn gái chưa? Sao không thấy dẫn về giới thiệu?

- Bạn gái con toàn là “chiến hữu” má ơi. Má đừng nóng ruột. Từ từ sẽ có.

- Má sợ con ngốc nghếch, bị con gái “xỏ mũi”? Mấy đứa con gái quá quắt ấy.

- Vậy ngày xưa má có “xỏ mũi” ai không?

- ...

Có phải làm mẹ thì lòng vẫn luôn muốn bảo bọc con dù con bao nhiêu tuổi! Con luôn hồn nhiên dù biết đủ chuyện đông tây kim cổ vì dành nhiều thời gian lướt web và là chuyên viên phần cứng máy tính. Con theo dõi thời sự và bày tỏ chính kiến nhưng không đầy trăn trở như mẹ ngày xưa. Có thể vì con sinh ra trong thời bình, không hề biết thế nào là chiến tranh là sống giữa hai làn đạn như mẹ đã biết.

Ngày y tháng 4 năm 1975. Lúc này tôi thềm được nói chuyện với một ai đó vô cùng. Nhưng còn ai, như cô dạy Triết ngày nào nói chuyện yêu thương, chuyện tình người dưới mái trường trung học thân yêu xưa? Còn ai như cô để nói chuyện giọt nước nhỏ nhoi muốn thấm nhuần một đại dương lửa đỏ hận thù của quê hương? Còn ai như cậu Trường và bài học làm người đứng thẳng như thông khi sống khi chết? Còn ai như thầy Đỗ, biểu tượng cho sĩ khí một thời thầy trò chung vai làm việc? Tôi nhớ đến anh Ngô, mắt sáng quắc cương nghị ghé thăm tôi tuần trước. Anh mất biệt ở đâu đó trên rừng trong một thời gian dài. Tôi nhớ những điều chúng tôi nói với nhau, chuyện xưa, chuyện hôm nay, chuyện ngày mai. Người anh cả của những ngày tranh đấu đòi lẽ phải cho kẻ thế cô của thời trung học ấy, anh cũng còn nhiều lý tưởng như tôi như bạn bè tôi vậy. Nhưng còn biết phải làm sao? Sáng nay Trần đi công tác cứu trợ ở Long thành. Tuần trước Lan đã đi quyền tiền cứu trợ. Ít nhất bạn bè nhóm P. của tôi cũng

không đến nỗi ngoảnh mặt làm ngơ trước những đau khổ quanh mình, dù ít dù nhiều. Tôi ao ước bạn bè tôi và tôi làm hết sức mình những gì còn có thể làm được. Tôi cũng đã cố gắng ở riêng phần tôi. Như những ngày xa xưa đã nói chuyện với cô dạy triết, nếu mình có làm được gì cho người khác, thực ra tự bản chất cũng chỉ là làm cho mình – cho sự lớn lên của giọt nước yêu thương trong lòng mình. Tôi cảm thấy tuyệt vọng và vô dụng. Tôi cảm thấy cần có ai đó bên cạnh hiểu mình.

Khi về con chờ mẹ đi ngang nơi ngày xưa là Bánh Mì Nguyễn Ngọc trên đường Trần Hưng Đạo. Có phải ngày xưa Vũ hay chờ Hoài đến đây mua cả bao bánh mì gà cho nhóm P. ăn trưa không? Vũ là người đầu tiên giới thiệu bánh mì gà Nguyễn Ngọc với con bé nhà quê là Hoài, bằng cách mua cho Hoài một ổ khi hai đứa bắt đầu thân thiết nhau. Vũ nói Vũ thích chè Hoài nấu. Ừ, món-ruột Hoài hay nấu cho nhóm P. là chè bánh lọt Bà Ba rất miền Nam mà. Ngày xưa Hoài đi học đi sinh hoạt bằng xe đạp, chiếc xe đạp mini hiệu Lucia của Pháp bé xíu như Hoài. Mỗi lần nấu nướng Vũ phải chạy Honda tới nhà chờ Hoài và cái nồi chè to dùng vào trụ sở nhóm. Sau đó lại chờ Hoài và cái nồi không về nhà. Rồi có khi không nấu nướng gì Vũ cũng hay đưa đón để Hoài không phải cực nhọc đạp xe. Những xế chiều, Hoài đứng trên lan can lầu hai Văn Khoa sau buổi học ở giảng đường II, nhìn xuống đường thấy Vũ ngồi trên xe đợi ở cổng trường. Trong giỏ xe có một ổ bánh mì gà cho Hoài. Cho đến ngày Vũ ra trường nhận nhiệm sở phương xa... Đã bốn mươi hai năm. Bánh mì Nguyễn Ngọc cũng không còn sau ngày bãi-biến-hóa-nương-dâu ấy. Con trai không hiểu gì cả khi mẹ nhắc bánh mì gà Nguyễn Ngọc. Nhưng mẹ thì cứ nhìn mãi nơi ấy ngày xưa...

Ngày x tháng 4 năm 1975. Tôi đã cùng người bạn thiết bao lần mơ những chuyến tàu xuyên Việt về thăm Hà nội, quê hương của bạn, một ngày đất nước thanh bình. Những giấc mơ của thời nhỏ dại đẹp và thánh thiện vô cùng. Nhưng bây giờ đây, ước mơ ấy cũng quá xa vời vợi, trở thành

không tưởng. Huế, Đà Nẵng, Nha trang... rồi đã trở thành chỉ những tên gọi suông quá xa vời. Thì sá chi Hà nội, cũng đã là một nơi chốn mơ hồ! Mừng 8 tết, sinh nhật bạn 23 tuổi, tôi nói tháng 6 thì xong sẽ lên Đà Lạt thăm bạn. Đà Lạt của bạn, của “những buổi sáng trời lạnh đi lên sân cù nhìn xuống hồ Xuân Hương để thấy nhớ trà cúc vô cùng”, của những chiều mưa bạn nhìn lên đồi thông “có cảm tưởng mình như một nắm mỏ”. Một buổi mai thức dậy, biết mình không còn dịp nào tháng 6 lên đồi rong chơi cùng Vũ, tôi ngỡ ngàng biết mấy! Hà nội đã không, rồi Đà Lạt cũng không. Năm kia, 1973, bữa cơm tiễn Thủy vào Trung Tâm 3, hứa với nhau sẽ có ngày ra Đại lãn. Một lũ bạn bè. Một đoàn du mục. Ba lô trên lưng đàn trên vai. Tiếng hát sẽ hòa cùng tiếng biển. Cho hết những ngày hè mơ ước. Nhưng đã không bao giờ nữa rồi, Đại lãn. Và cũng sẽ không bao giờ còn nữa, Nha trang, với biển xanh thang cho một mùa hè 72 ra chơi của cô học trò vừa rời trung học...

Hai mẹ còn về nhà đã là đêm. Ánh đèn vàng dọc những con đường trên phố luôn luôn làm Hoài buồn dù có bao nhiêu ngọn chiếu rực rỡ đến đâu. Hay vì bản tính Hoài hay buồn hay nhớ! Cảnh vật Saigon thay đổi từng ngày, nhưng cảm giác trong Hoài những ngày sắp Tết chớm lạnh hình như bao năm vẫn vậy. Đã nhiều năm Hoài không uống cà phê vì trái tim loạn nhịp của mình. Nhưng đêm nay bỗngưng Hoài muốn rủ rê con trai cùng thức khuya một chút, bày cà phê ra hiên nhà uống một chút. Và lại cùng con nói chuyện tâm tình. Cũng một chút thôi.

Saigon, 11/2014

NGỌC BÚT

Cái Trọng Ty

Chiến trường mê sáng



buồn mà chi liên ơi
mai người về bên kia biên giới
thấy bóng phù dung nở giữa đường
chiến trường mê sáng mùa tao loạn
áo bạc màu
giày trận rách bươm

anh là ai
người lính bộ binh
buổi sáng tháng ba
đau lòng xót dạ
tôi đứng nơi bìa rừng
quốc lộ một về phan lý chàm
em chạy từ đầu đà lạt vỡ
dấu chân trần những vạt máu khô
đèo đũa con thơ giữa ngày nắng rộ
chạy về đơn dương
chạy về phan thiết
trong áo trận còn nhúm tiền lương
vừa mới lãnh
trao hết cho em
cho người lính chiến
phòng tuyến vỡ mặt trận tây nguyên
ôi thân thể đoàn hùng binh phá sản

đơn vị tôi còn bám trụ quận hòa đa
ngờ ngác thơ ngây cuộc chiến chết chùng
ngày tháng tư đen
đánh đoạn bỏ chiến hào

phần nộ làm sao
chưa chạm mặt quân thù
mà hậu phương đã đám
sếp lớn ăn trộm
chiến trường cuốn chiếu
cuốn tròn canh bạc chẳng lối ra
bỏ súng ném gươm
tàn mộng vô thường
anh hùng cơn lốc qua cửa sổ
chinh chiến bao năm bị gây ra đường

Cái trọng Ty
Tháng Tư 2015

Chủ đề

Một Nơi Nào Để Nhớ



tranh Thân Trọng Minh

HUỲNH PHAN ANH

cho một thành phố riêng tư

...Những con đường có thể mất đi những bóng mát. Thành phố có thể mất đi những con đường. Và thành phố cũng có thể mất đi chính tâm hồn của nó. Nhưng đó cũng là lúc mà hình ảnh của thành phố không còn dang dở trong ta nữa. Thành phố nẩy dàu cho có biến mất đi ấy là chỉ để hoàn thành và hiện diện trọn vẹn trong ta. Kỳ lạ thay, chỉ lúc đó nó mới thật sự là của ta.

(HPA, Vấn đề số 28 tháng 11-1969)

Là người của thành phố yêu dấu này, bạn nghĩ gì mỗi khi đang đếm bước, tâm hồn thư thả trong cuộc chiếm hữu êm đềm bởi vì đi trong thành phố tức là chiếm hữu một niềm vui đơn sơ nhất là chiếm hữu chính thành phố đó, bỗng dưng phải dừng lại, chợt nghe một cành cây . Tôi đoán bạn có thể lạnh lùng tiếp tục cất bước. Vâng, liệu bạn có thể nào thần nhiên trước một cành cây gãy, một gốc cây bị đốn ngã. Một hình ảnh hủy hoại. Một viễn tượng tiêu điều. Bởi mai đây trên con đường bạn vẫn đi, không còn nữa những thân cây cao ngất, không còn nữa những bóng mát, không còn nữa bầu không khí êm đềm thân mật có thể đã gắn liền vào tâm hồn bạn trong suốt một khoảng thời gian nào đó. Nếu bạn đã lớn lên trong thành phố này chắc hẳn bạn đã thấy đâu là giá trị của những bóng mát trên các con đường rợp bóng cây... Tôi gọi đó là những con đường xanh. Tôi tưởng tượng đó là những giòng sông xanh biếc không

ngừng tìm kiếm nhau trong thành phố. Vâng, những con sông êm đềm đó đã ru tôi trong suốt một thời thơ ấu, với chúng, nhờ có chúng, tôi không còn thấy mình là một tâm hồn lưu lạc, một mảnh đời bị đẩy . Tôi đã làm quen với thành phố bắt đầu từ những con đường, Những con đường chân đi không mỏi. Mỗi bước là một khám phá. Mỗi bước đồng thời là một reo vang của kỷ niệm. Và tôi đã yêu thành phố bắt đầu từ những bóng cây. Những bóng cây hay những vòng tay bao dung, áp . Ôi những con đường rợp bóng cây xanh của Sài Gòn giờ đây xưa cũ biết bao nhiêu với chú bé đã nhìn nó lớn lên và đã lớn lên trong nó. Những con đường trù mẫn. Chúng vẫn không ngừng trò chuyện với tôi, tâm sự với tôi và kêu gọi ở tôi những ân tình, những kỷ niệm, Bao nhiêu lần tôi đã rời bỏ thành phố như người ta tìm cách dứt bỏ một căn bệnh thân yêu, một người tình đau khổ, đuổi theo những hư tưởng rồ dại của tuổi trẻ ngông cuồng, Và cũng bao nhiêu lần tôi đã trở về, tìm lại những tiếng thổn thức trên từng bước chân đi trong bóng mát của những hàng cây cành lá giao nhau, phủ kín lấy bầu trời thành phố. Tôi đã lưu luyến và nhớ nhung thành phố kể từ những con đường đó một thời gắn liền với tuổi thơ tôi. Tuổi thơ là tuổi của những bước chân con đi mãi không ngừng, mắt láo liên và tai nghe ngóng. Vâng, thời nhỏ tuổi tôi đã bỏ khá nhiều thì giờ trong những chuyến phiêu lưu kỳ thú trên những con đường chạy ngang qua từng khu phố, trên những con đường mà từng bước nhắc lên mang theo sức nặng của một vũ trụ rộn ràng âm điệu và lung linh ánh sáng. Tôi vẫn muốn một ngày nào đẹp trời được thăm viếng, nhìn lại từng khung cửa sổ, từng mái ngói, từng viên gạch, từng gốc cây... tất cả quen thuộc một thời, tất cả vẫn còn đó không hay đã biến mất theo ngày tháng và nhịp điệu văn minh của con người. Tôi vẫn muốn đóng vai trò người bộ hành trên các con đường nhỏ nhỏ rợp bóng mát, với bầu không khí trầm lặng, thanh bình như ru ngủ, như vỗ về mộng tưởng chực chờ chấp cánh. Tôi vẫn muốn tìm lại, sống trọn, một lần nữa và luôn luôn một lần nào khác nữa, những buổi sáng Chợ Đũi, những buổi chiều Đa Kao... Ôi những tên gọi chỉ cần đọc lên đã nghe tâm hồn mình run rẩy trước những ngọn phong ba

của trí nhớ. Hồi những khu phố, những con đường ta chỉ là mảnh lính hồn yếu đuối, những kỷ niệm một lần tới đó để không bao giờ nữa buông tha. Ta vẫn là đứa bé của một hôm nào tròn học, lạc bước qua những phố phường xa lạ, tâm hồn nô nức rộn lên bao niềm rung động kỳ thú. Cũng như ta vẫn là cậu con trai vụng về của lần đầu tiên biết yêu đương, chỉ dám mong được điếm phúc đi bên cạnh người yêu qua các con đường đêm vàng vọt ánh điện mờ, nói rất ít hoặc không nói gì lắng nghe tiếng động thì thầm của bóng tối, của cây lá, của thỉnh thoảng, của thành phố, tất cả gần gũi và thân mến bao nhiêu. Ôi những tâm hồn bạn đầy bao dung hơn một lần toa rập với kẻ si tình nhút nhát và run sợ. Với tôi thành phố làm nên từ những con đường và những con đường từ những bóng cây. Những hàng cây ngày ngày hắt xuống lộ những bóng mát yêu thương. Như những con đường vẫn làm đẹp thành phố, vẫn âm thầm thương yêu nó trong tấm tình chung thủy, keo sơn. Tôi vẫn tưởng tượng điên rồ như vậy. Bạn biết không mỗi con đường là một nhan sắc, một linh hồn, một định mệnh. Nó biết quyến rũ. Nó biết buồn vui. Nó biết hờn dỗi. Và rồi theo ngày tháng nó cũng già đi như một đời người khôn nặn. Thành phố. Ôi Thành phố vẫn không ngừng thay đổi trở nên xa lạ hơn trong mỗi lần ta trở về, nhìn lại nó, tìm kiếm những khuôn mặt. Những đường nét, những bóng ảnh, những động tĩnh... đã vùi sâu trong trí nhớ. Thành phố có còn là thành phố của riêng ta của một thời nào tóc mịn, chân non và linh hồn trong suốt. Ta đã yêu thành phố như yêu một đoạn đời đã đi qua và hãy còn vang vọng trong ta không ngớt. Ta đã yêu thành phố như đó chính là một phần da thịt của chính ta. Hồi thành phố thân yêu, ta vẫn là đứa bé ngày nào nâng niu từng kỷ niệm; ta vẫn là chàng trai trung thành với từng buổi hẹn đầu tiên. Bao nhiêu lần ta đã run lên tưởng đã bật thành tiếng khóc, khóc như chưa từng hân hoan, khóc như chưa từng hờn tủi. Một lần nào đó dưới bóng cây thì thầm trong thành phố thiu ngủ ta chợt nghe bàng hoàng một bước chân nhấc lên, một bước chân thôi đã đủ gọi về một thế giới, làm sống một đoạn đời. Một thế giới và một đoạn đời đã lụi sâu trong trí nhớ, đã bỏ ta đi mất biệt, mang theo một phần da thịt ta. Thành phố. Đó

là nơi ta vẫn mong mỗi trở về. Thật sự là ta đã nhiều lần bỏ nó ra đi, lòng hăm hở bao nhiêu, chỉ để sau đó trở về, như những đứa con hoang sau cùng vẫn phải lần bước trở về. Bạn biết không có những tâm hồn lang bạt ngày ngày nhớ nhung về thành phố, lòng nhớ nhung dần dà sẽ trở thành một căn bệnh. Tâm hồn con người có khác chi tâm hồn thảo mộc, đã trót làm quen với một khí hậu, một vùng trời, một miền nắng mưa quen thuộc. Nó tưởng chừng không chịu đựng nổi những nhớ nhung. Nó luôn luôn tìm cách để hối hả trở về. Để một lần nữa được nhìn lại thành phố, chuyện trò với nó, thú thật với nó. Vâng thành phố vẫn không ngừng nhắc nhở ta, thì thầm với ta, lắng nghe ta. Thành phố bao giờ cũng dang tay chào đón khi ta trở bước quay về. Thành phố bao giờ cũng, đẹp nào nùng mỗi lần tái ngộ, như một người tình sau những ngày tháng cách xa, thất lạc. Tôi biết có bao người luôn sống trong ám ảnh của một thành phố, với một thành đời hiện diện trong trí nhớ. Cũng có những kẻ chỉ yêu một người đàn bà qua hình ảnh của một thành phố, ôi còn có niềm hãnh diện nào lớn lao cho người đàn bà đó hơn nữa. Thành phố. Từ lâu ta vẫn muốn viết về nó. Nhưng dường như lần lựa mãi rồi ta vẫn không thực hiện được ý định tâm thường đó. Ta vẫn muốn viết về nó, nói một cách nào đó, cho chính ta, như thể đó là một món nợ phải trả. Món nợ thành phố, cũng là món nợ đối với chính ta. Vâng, đối với ta, thành phố này không chỉ đáng yêu hay đáng ghét, không chỉ gần gũi hay xa lạ, không chỉ đẹp đẽ hay xấu xa. Thành phố này không chỉ để biện minh hay kết tội, dù là biện minh những điều đáng biện minh nhất, dù là kết tội những điều đáng kết tội nhất, than ôi, những ngôn ngữ mà hơn một lần ta đã khổ sở lắng nghe. Ta muốn viết về thành phố bằng những lời lẽ vô cùng mộc mạc, thơ ngây, trung thật, nghĩa là vượt ra ngoài những ngôn ngữ, những hạng từ quen thuộc của một nhà báo hay một người làm chính trị, chỉ nhìn nó từ một khung cửa sổ trên một building vời vọi, hay qua những ánh đèn mờ tỏ của sân nhảy hay từ dưới một gầm cầu tanh tưởi.. Ta muốn vẽ lại một thành phố bằng những đường nét đơn sơ, sung sướng nhất như thành phố vẫn hiện diện trong ta, đơn sơ và sung sướng. Đó là thành phố của tuổi thơ ta. Đó là

thành phố của kỷ niệm ta. Đó là thành phố của trí nhớ ta. Đó là thành phố đời đời trung thật trong mộng tưởng ta, không phản bội bao giờ. Đó là thành phố của riêng ta, không của một ai khác. Đó, ta vẫn tham lam như một người tình vụng dại, Bởi vì thật sự, đi trong thành phố ta vẫn là cậu học trò e ấp. Ta vẫn muốn làm cậu học trò nhỏ cất bước đi mãi trong lòng thành phố như ngày nào ta vẫn đi dưới tàng cây bao dung, qua những con đường tìm về từng khu phố, thăm hỏi từng từng mảnh trời, đi như vậy, đi mãi mãi mà chân không thấm mệt.

Những con đường có thể mất đi những bóng mát. **Thành phố có thể mất đi những con đường. Và thành phố cũng có thể mất đi chính tâm hồn của nó. Nhưng đó cũng là lúc mà hình ảnh của thành phố không còn đang dờ trong ta nữa. Thành phố này dần cho có biến mất đi ấy là chỉ để hoàn thành và hiện diện trọn vẹn trong ta. Kỳ lạ thay, chỉ lúc đó nó mới thật sự là của ta. Một buổi sáng đẹp trời nào đó, có lẽ ta sẽ nghĩ rằng đã đến lúc phải dựng lại từng viên gạch cho thành phố và hoàn thành nó trong tư tưởng ta, một lần cho mãi mãi, vâng, có lẽ ta sẽ nghĩ như vậy khi tình cờ lạc bước trên một con đường không còn chỗ cho người đi bộ, không còn những hàng cây có cành lá giao nhau che phủ bầu trời, không còn những bóng mát. Thành phố phải mờ nhạt đi để nhường chỗ cho một hình ảnh. Và chính trong giây phút truy niệm đó có lẽ ta chưa bao giờ chiếm hữu thành phố một cách trọn vẹn như vậy. -**

huỳnh phan anh

(Văn Đề số 28 tháng 11-1969)

Saigon bây giờ...

Đỗ Hồng Ngọc

Saigon bây giờ không thấy có người đẹp nữa! Xưa ra đường cứ thấy người ta vừa chạy xe vừa... ngoái đầu lại nhìn. Bây giờ ra đường người con gái nào cũng trùm kín mặt, mang vớ dài tay, găng tay kín mít, áo khoác sùm sụp, đầu đội mũ bảo hiểm, chỉ chừa hai con mắt lom lom qua kính bảo hộ... !

Ở trên cao nhìn xuống người người dày đặc, từng luồng từng luồng cuộn cuộn trôi đi, lâu lâu cụng mũ bảo hiểm một cái rồi mạnh ai nấy đi, cứ như đàn kiến. Đi bộ trên đường nhiều khi gặp người chào hỏi thân thiện mà chẳng biết ai là ai, đến lúc như chợt nhớ ra họ mới gỡ khẩu trang cười lỏn lẻn. May thay, con gái Saigon bây giờ tuy che mặt mà lại hở đuôi! Họ mặc quần short thật ngắn ra đường bất kể sáng trưa chiều tối. Nhờ đó mà cũng có thể nhìn ra người đẹp! Có điều hơi nguy hiểm cho giao thông công cộng vì đường sá không thông thoáng như xưa. Áo dài thì khó mà tìm thấy nữa rồi- trừ trên sân khấu và sàn diễn thời trang. Con gái vì thế mà không còn yếu điệu, dịu dàng, tha thướt nữa. Ngay cả những ngày lễ tết, ở đường hoa Nguyễn Huệ rực rỡ vậy mà cũng khó tìm thấy một tà áo dài. Mọi người trở nên hấp tấp, vụt chặc, căng thẳng hơn bao giờ hết. Cái lý do vì sao mất áo dài rồi phải trùm kín mít cả người như vậy thì ai cũng biết. Bụi khói mù trời. Không khí hùng hực. Môi trường đô thị ngày càng xấu đi. Cây xanh tàn rụi. Cao ốc vùn vụt bốc lên!

Saigon bây giờ béo phì ngày càng tăng! Một sự phồn vinh thực chứ không phải giả tạo. Béo phì nhanh nhất ở phụ nữ và trẻ con. Các chuyên gia dinh dưỡng la ối ối,

báo động hoài mà chẳng ai thèm nghe. Nghe chi cho mệt. Các cửa hàng fastfood cứ mọc ra như nấm. Ai cũng biết fastfood tới đâu, béo phì, tim mạch, tiểu đường, huyết áp... theo tới đó. Mà bệnh tật càng tăng thì... càng tốt chớ sao. Thuốc men, thực phẩm chức năng, quảng cáo...ồn ào thì kinh tế càng phát triển. Thức ăn thức uống toàn hương liệu, hoá chất, bột nêm các thứ làm cho chuyện bếp núc trở nên đơn giản. Cứ xem TV thì biết. Người nào người nấy già trẻ lớn bé mặt mũi bóng lưỡng, hí hửng chụp giựt nước uống thức ăn, nhảy nhót mừng vui tung bừng mọi nơi mọi lúc!

Saigon bây giờ cận thị quá trời! Trẻ con nức mắt đã cận thị. Mẫu giáo tiểu học cận thị tùm lum. Tiệm kiếng mở ra tràn ngập, góc nào cũng có. “Chỗ nào rẻ hơn trả lại tiền!”. Ấy cũng nhờ vi tính, game online, TV... các thứ ngày càng hấp dẫn. Thế giới nhỏ trong lòng bàn tay. Trẻ con sướng như tiên. Đồ chơi trên trời dưới biển khắp hang cùng ngõ hẹp. Lâu lâu kêu có hóa chất độc hại. Khi biết thì mọi thứ đã muộn rồi. Kể cả thuốc “cam” nổi tiếng một thời nay gây ngộ độc chỉ không thuốc chữa. Lạ là người ta vẫn cứ tin và vẫn cứ nhắm mắt uống càng! Các loại sữa “thông minh” dành cho trẻ con ngày càng nhiều, khiến các bà mẹ không muốn cho con bú sữa mình nữa. Rõ ràng các thế hệ trước đây không được uống sữa thông minh nên có vẻ kém... thông minh!

Saigon bây giờ loãng xương hơi nhiều. Đi ngoài đường thấy người ta lổ nhổ, tụ tập, tưởng gì, hóa ra đang túm tụm đo xương! Có người tử tế, vì sức khỏe cộng đồng, đem máy đo mật độ xương ra ngoài đường đo cho ông đi qua bà đi lại. Ai cũng loãng xương kể ít người nhiều! Sau đó ai cũng mua một vài hộp sữa, một vài loại thuốc chống loãng xương là xong.

Saigon bây giờ đua nhau sửa sắc đẹp. Ai cũng sửa được, không cần phải học. Ai cũng nên sửa, từ cô hoa hậu đến ca sĩ, người mẫu, cô hàng xén, anh doanh nhân. Bơm vú bơm hông, cắt mắt, xẻ mũi, chẻ cằm rào rào. Ai cũng thành người mẫu ca sĩ Hàn quốc. Nhan sắc rộ lên khiến

các nhà thơ... bí không còn làm thơ được nữa!
Saigon bây giờ trẻ con bỗng dậy thì sớm. Không dậy thì sớm cũng uống! Mọi thứ kích thích cứ rần rật chung quanh. Phim ảnh, internet, sách báo... các thứ. Thức ăn thức uống béo bổ các thứ. Khí hậu nóng lên. Tỷ lệ phá thai vị thành niên tăng một cách đáng ngại. Tình trạng vô sinh cũng nhiều. Ly dị cũng mau. Người ta đua nhau mổ đẻ cho đúng giờ hoàng đạo. Trẻ sanh non, suy hô hấp, thiếu dưỡng khí não, lớn lên tâm thần cũng bộn!
Tóm lại, sức khỏe cộng đồng ở Saigon bây giờ có nhiều điều đáng suy gẫm.

.....

.....

Bỗng dưng nhớ gió...

Đỗ Hồng Ngọc

Đường Nguyễn Huệ xưa là một con kênh đổ vào sông Saigon. Tập nập trên bến dưới thuyền. Gió thốc từ mặt sông mon man những buồm những lái của một vùng đất phương Nam nắng vàng rực rỡ. Khi dòng kênh xanh đã trở thành con đường hoa – đường Charner, Nguyễn Huệ – thì vẫn còn đó nắng vàng và gió mênh mang của mùa giáp Tết, giữa muôn hồng ngàn tía từ khắp chốn đưa về. Gió lướt thướt qua những rặng cây, rì rào phố thị, tung bay các tà áo thiếu nữ Sài gòn, yêu điệu thướt tha. Đường hoa không chỉ có hương và sắc, đường hoa có hồn:

Có phải em mang trên áo bay
Hai phần gió thổi một phần mây
Hay là em gói mây trong áo
Rồi thở cho làn áo trắng bay...

(Nguyễn Sa)

Đi giữa chợ hoa Tết Nguyễn Huệ những ngày xưa mà tưởng như đang ngồi trên chiếc thuyền lác lác giữa dòng kênh, tuần tuốt trôi đi chẳng biết bến bờ.

Bây giờ thì hết. Đường hoa nay đã khắc chạm, đã chăm xén, đã lối phẳng cây trồng, cứng đơ và ngơ ngác.

Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Giải nước đen giả suối chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém
Dẫm vùng lá hiến lành không bí hiểm...

(Thế Lữ)

Nhưng đáng tiếc nhất là đã từ mấy năm nay thiếu vắng những tà áo dài mang hồn gió giữa đường hoa. Thắng hoặc một đôi tà áo lẻ loi lạc lõng của vài chị Việt kiều có tuổi tiếc chút hương xưa hay của đôi cô gái Hàn quốc, Nhật bản khoe tà áo mới ngai ngùng.

Một nhà văn xưa đã viết: “Áo dài Việt Nam thắng lớn trong nước và ngoài nước, do đâu mà được vậy? Do nó cho thấy gió!”. – “Mặc áo dài mà đứng yên chưa chắc đã ăn đứt nổi những cô gái Âu Á khác mặc y phục dân tộc của họ. Nhưng mặc áo dài mà đi, mà múa v.v.. thì người con gái VN linh động hẳn lên. Áo dài VN vừa theo sát những nét tuyệt mỹ của thân người, lại vừa trao cho tấm thân ấy sự linh động phơ phới mà nó không có. Những tà áo nhẹ ve vẩy phất phơ trong gió làm cho một thân hình nặng nề nhất, cục mịch nhất, cũng hóa ra thanh thoát. Thân người là đẹp, nhưng thứ y phục chỉ nhằm khai thác cái đẹp của thân người thì rõ ràng là tục. Trang phục là văn hóa. Văn hóa là một cố gắng cải biến thiên nhiên (...). Chiếc áo dài VN là một sự dung hòa giữa tự nhiên và văn hóa. Phần trên của nó đề cao thân người, đã có phần dưới rất thanh, thoát hẳn thân người. Nhìn vào người nữ mặc áo dài, sau khi bị lôi cuốn vì cái phần trên, mắt lần dò nhìn xuống, thì ở phần dưới lại chỉ thấy...gió! Vâng, ở đây mắt chỉ thấy có gió, có cái thướt tha, cái bay bướm mà thôi”. (Võ Phiến, *Đất nước quê hương*, 1973).

Học giả Cao Huy Thuần, giáo sư đại học Picardie, người đã sống ở Paris gần 40 năm, khẳng định rằng chỉ có 2 món “văn hóa” thực sự là bản sắc của ta, không sợ lẫn vào đâu giữa thời đại toàn cầu hóa- không những không sợ toàn cầu hóa tấn công mà còn tấn công ngược

lại – đó là ...nước mắm và áo dài!

Ông viết “Bản sắc được định nghĩa là cái gì khác, cái gì đặc biệt. “Hãy nói cho tôi biết anh ăn thứ gì, tôi sẽ nói cho anh biết anh là ai?”. Thế giới mê chả giò Việt Nam, mà chả giò là phải chấm nước mắm chứ không thể chấm... xì dầu, dù có thể được cuốn bằng bánh tráng Thái lan!

Còn chiếc áo dài Việt Nam? “Áo dài thành công bao nhiêu, thân thương bao nhiêu, yêu kiều bao nhiêu, thích hợp bao nhiêu! Nó đi vào lòng dân tộc như thể nó đã được khai sinh từ thuở dân tộc còn nằm nôi! Và nó hãnh diện phát phới trên thế giới; thế giới thán phục nó. Ngày nay, thời trang tha hồ vẽ vời, thêm bớt; nó nhàn lên nhiều kiểu mới, nhưng nó vẫn là nó, vẫn là nhan sắc vô địch”. Rồi ông kết luận: “Cái gì hợp với dân tộc qua bao nhiêu thử thách, cái ấy là bản sắc, cái ấy không sợ ma nào ám, kẻ cướp nào lấy”! (Cao Huy Thuần, *Bản sắc và toàn cầu hóa*).

Nếu tôi là nhà thiết kế, năm nay tôi sẽ rải trên đường hoa Nguyễn Huệ những tà áo dài để không phải chạnh lòng nhớ gió giữa mùa Xuân nay!

PHẠM VĂN NHÀN

Xóm Tinh Cũ của Tôi.

Tôi sinh ra và lớn lên tại một thành phố biển. Thành phố rất nhỏ và ngập tràn ánh nắng. Nắng và biển như quện vào tuổi thơ của tôi. Thành phố Phan Thiết. Lớn lên trong thời chiến tranh Pháp Việt. Thế rồi, theo cha mẹ tản cư về miền quê. Hết Đại Năm. Phú Hội, Bàu Xê. Những lần nghe tin Tây đi càn, người dân chúng tôi phải tản mát trốn dưới nương, dưới suối.

Rồi Tây rút đi. Hòa bình lập lại. Tôi về sống nơi Tinh Cũ, hay còn gọi là khu nhà máy nước.

Rồi cuộc chiến tranh tương tàn lại thêm một lần bùng nổ. Lần này chính tôi thật sự khoác trên người bộ áo lính. Tôi đi qua nhiều địa danh, nhiều thôn xóm tan hoang vì đạn bom như quận Hoài Ân gồm An Thượng, Kim Sơn, Nghĩa Điền, rồi qua An Lão, Đồi Thánh Giá, ngược về Tam Quan...v.v.. Nhưng Qui Nhơn vẫn là nơi tôi còn giữ mãi những kỷ niệm; vì chính nơi thành phố này tôi đã có những người bạn văn rất chân tình, còn giữ mãi tình cảm cho đến ngày hôm nay. Đó là Trần Hoài Thư. Đó là Lữ Quỳnh. Đó là Phạm Cao Hoàng. Đó là Lê văn Trung. Đó là Hoàng Ngọc Châu. Đó là Lê văn Ngăn, Đó là Nguyễn Thị Thùy My...Thành phố đầu tiên tôi đến sau mấy năm làm lính ở cái Tinh mà "chiến tranh" thấy rõ như ban ngày, không xa thành phố với những chiếc xe nhà binh có ngôi sao trắng, và những người lính Mỹ, lính Đại Hàn .

Nhưng với tôi cho dù đi đâu, ở đâu, cái Xóm Tinh Cũ vẫn là nơi tôi nhớ cho đến ngày hôm nay. Cái xóm nhà máy nước này nhỏ lắm. Một bên là ruộng bỏ hoang, vì quanh năm ngập nước phèn. Một bên là hồ chứa nước và những đám ruộng và những ngôi mã, Một khu nhà mới cất lên vội vã từ làng Đại Năm vì chiến tranh, bom đạn. Những ngôi

nhà tạm vách đất mái tranh. Ngoài trừ khu xóm nhà máy nước của tôi, có từ đời nào.

Nói đến khu nhà máy nước, nhỏ lắm, nhưng rất nhiều kỷ niệm của một thời thơ ấu. Xóm không có những nhà giàu. Không buôn bán. Hầu hết là những gia đình lao động chân tay: đập xích lô, kéo xe lôi, đập xe ba gác, thợ hồ, thợ mộc, buôn đầu chợ bán cuối chợ. Có một điều là nhà nhà biết nhau, người người biết nhau. Thương yêu.

Mỗi lần về thăm quê, là mỗi lần tôi đi tìm lại những nơi tôi đến ngày còn thơ ấu, Ngôi đình của những người Thừa Thiên, bỏ xứ vào Phan Thiết, quần tụ lại lập cư trên vùng đất mới. Ngôi đình: Quảng Điền Tương Tế Hội. Nơi đây ngày xưa, tôi và những bạn bè trong xóm còn chơi đá banh găng quả banh gỗ (loại banh đánh tennis) trước cổng hai ngôi nhà của Bác Năm Lâu và của Chú Hai Giắc. Để rồi hè đến, bọn trẻ chúng tôi gồm trai có, gái có lại đến ngôi đình Quảng Điền Tương Tế Hội này để học thêm toán với anh thầy giáo (trong xóm đứa nào cũng là em của anh) *Nguyễn Đình Tư (tức nhà thơ Từ Thế Mộng)*. Cái dáng anh đi rất nhanh, lúc nào cũng bộ áo quần trắng, và lúc nào cũng cười rất dễ thương mà đám trẻ chúng tôi ai cũng yêu mến anh thầy giáo Tư này, có lối viết chữ rất bay bướm này. Bây giờ anh đã nằm xuống sâu ba tấc đất. Còn bạn bè mỗi đứa mỗi nơi. Có đứa ở bên Pháp. Có những đứa sinh sống ở Cali. Cái xóm Nhà máy nước càng ngày càng xa lạ với những thế hệ thứ ba, thứ tư. Tôi về như một ông già, ngồi trước ngôi đình, vắng lặng một cách chi lạ. Bóng dáng của nhà thơ Từ Thế Mộng ngày nào không còn nữa. Và, bạn bè tôi mỗi đứa mỗi nơi cũng không còn như ngày nào.

Thế rồi , tôi lại đi tìm đến vợ chồng người bạn cũ đang sinh sống nơi xóm Tỉnh Cũ, Anh chị Lê Ngọc Vinh . Xóm Tỉnh Cũ của tôi ngày nào nhà cửa đã được xây cất lại. Đường xá không còn là những con hẻm đất bùn mỗi lần trời mưa. Cô em đang trụ trì một ngôi chùa trong Đồng Nai, nói với tôi, anh về Xóm Tỉnh Cũ để em về dẫn anh đi,

kéo lạc. Tôi tìm đến ngôi nhà mái tôn bên đường rầy xe lửa. Tôi nhớ ngôi nhà của anh chị Vinh ở đây. Người trong xóm nhìn tôi thấy lạ. Có người hàng xóm của anh nói nhà anh đã bán rồi. Tôi đứng bên này đường rầy xe lửa, nhìn qua bên kia. Ngày xưa là những đám ruộng. Một ngôi nhà nhỏ cất lên giữa những đám ruộng mênh mông và một miếng đất như cái gò nổi lên giữa những đám ruộng ấy, Những gò mả của xóm Tinh Cũ. Ngôi nhà ấy giờ cũng không còn. Nhưng hình ảnh của bạn bè tôi ngày nào, cuối tuần cũng về ngôi nhà này với những tiếng cười vui đầy ắp. Ngôi nhà của bà ngoại anh Vinh, mà cũng là ngôi nhà của bà ngoại *anh Nguyễn Văn Hải (nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn)*. Tụ tập lại để học võ trên sân đất nện sau nhà. Với một người bạn giỏi võ truyền lại, đó là anh Sáu Lựu (Tên thật Nguyên). Anh vừa là bạn vừa là người thầy, giỏi võ. Sáu Lựu định cư ở Cali và cũng mới mất năm ngoái. Ngày Sáu Lựu còn sống, hai chúng tôi thường liên lạc với nhau, nhắc đến bạn bè cũ Trong đó có Nguyễn Văn Hải, Huỳnh Tấn Ngọc. Tôi nhớ trong số bạn bè học võ ngày nào, có cô em của anh Vinh là cô Ngọc Hiền, người con gái mảnh khảnh, nhưng võ cũng giỏi lắm, nay định cư ở Cali. Ngoài ra trong số bạn bè, có Nguyễn Văn Hải (nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn). Anh ốm lắm, nhưng phải nói nhờ học võ anh rất khỏe và võ rất "cừ". Những cú đá song phi của anh chẳng khác nào Lý Tiểu Long trong phim. Ngày đó, tôi chỉ là một người ham vui trong nhóm học võ. Đáng vào hạn chỉ xách dép, hay gom dép của bạn bè lại mỗi khi có trận hẹn hò đi đấu trên một khoảng đất nào đó. (làm gì có giấy mà mang)

Nhà anh Vinh đã bán, Ngôi nhà của bà ngoại anh Vinh và cũng là bà ngoại anh Nguyễn Bắc Sơn nay cũng không còn . Tôi đứng bên đường rầy xe lửa mà hình bóng của những bạn bè ngày xưa đâu? Sau, tôi mới biết là vợ chồng anh Vinh về mua nhà gần nhà tôi, cách khoảng 5 ngôi nhà, thế mà tôi không hay biết. Tôi tìm anh chị Vinh. Đứng trước cổng hỏi thăm. Chị Vinh ra mở cổng. Chị không khác là bao. Tôi nhìn ra ngay. Tôi hỏi: Chị có phải là chị Cúc, vợ anh Lê Ngọc Vinh không? Chị dạ, và hỏi lại: Anh là ai mà

biết vợ chồng tôi ? Tôi hỏi: Chị thật sự không biết tôi. Không. Chị đáp. Trời đất, xóm Tỉnh Cũ có bao nhiêu bạn bè ngày xưa, cái xóm nhỏ tí tẹo, chỉ độc nhất một con đường , mà hôm nay bạn bè đã không còn sống trong cái xóm nhà máy nước này. Tôi nói với chị, tôi là Phạm Văn Nhân đây. Chị ôm lấy vai tôi chị mừng. Sao mà khác quá vậy. Ngày xưa ốm và cao. Ngày nay sao to con thế? Cũng đúng thôi, mấy mươi năm rồi, bạn bè không gặp, làm sao nhớ mặt? Như nhà thơ Huỳnh HữuVõ. Nhà thơ Tô Duy Thạch. Tôi đứng trước mặt cũng không nhìn ra tôi. Chị nhìn ra vợ tôi, mới biết là tôi. Thời gian làm con người thay đổi đến thế sao?

Vào nhà, anh Vinh chạy xe gắn máy về, khi nghe tôi về thăm. Mừng quá đổi. Mới hay, cái xóm rất thân thương này của chúng tôi, thế hệ cha chú đã mất hết rồi, còn thế hệ thứ hai như chúng tôi thì mỗi người đi mỗi ngã sau tháng 4-1975, chỉ còn có vợ chồng anh Vinh là bám trụ trong cái xóm nhỏ ngày nào, nhưng bộ mặt xóm cũ ngày xưa đã thay đổi. Thế hệ thứ ba đã làm thay đổi bộ mặt của cái xóm lao động này; mặc dù hôm nay, tôi thả bộ đi trên con đường trong xóm, lũ trẻ không biết "lão già" này là ai. Chiều nào tôi cũng đứng trước nhà bên đường nhìn băng quơ. Xóm cũ còn đó mà bạn bè xưa nay đâu.

Trong chiến tranh, tôi là người lính. Đi đến nhiều thành phố lớn, như Nha Trang, Qui Nhơn. Phan Rang, Tháp Chàm, Dục Mỹ. Cũng đã đến nhiều địa danh: "buồn muôn thuở" của Bắc Bình Định trong cuộc chiến nhiều đau thương và bất trắc này. Nhưng, với tôi, cái xóm nhỏ lao động ngày nào mà tôi lớn lên cùng với những người bạn rất dễ thương ấy, vẫn là " nỗi nhớ" ghê gớm, mỗi khi ngời nhắc đến cái xóm Tỉnh Cũ, nhà máy nước xưa.

Trần Hoài Thư

Saigon và tôi

I

Ngày đầu ở SG

Năm 1965. Những ngày đầu ở Sài Gòn của một chàng sinh viên đến từ xứ Huế, tôi lang thang lếch thếch trên các vỉa hè, đôi chân mang đôi dép Nhật, tóc tai để dài...Tôi đã làm đủ nghề để kiếm sống. Có chiếc áo Nil France đẹp nhất cũng phải cảm thê mấy lần. Đêm nằm trên mui xe đồ, nhìn lên bầu trời đêm của Sài Gòn, trên những hàng lầu cao, để mà nhớ Huế, nhớ quay quắt. Và đôi lúc không cầm được nổi chán chường, tôi vét hết tiền, chui vào động giang hồ rẻ tiền gần đây. Con nhỏ thấy tôi ngượng ngập thì cười lớn: "Cung ơi, về học bài đi, mai thi hông đi lính thì đời tàn đó cung..." Nhiều đêm không có chỗ ngủ, tôi phải lợi bộ về trụ sở Tổng Hội Sinh viên ở đường Duy Tân cạnh nhà thờ Đức Bà, để qua đêm. Lúc bấy giờ, trụ sở mở cửa suốt ngày đêm, và tôi đã lợi dụng những chiếc bàn dài để trống, để làm giường tạm sau khi tắt cả các sinh viên rời khỏi trụ sở. Và cuối cùng, cũng nhờ những lần ngủ lại đêm như thế tôi mới khám phá căn phòng bỏ hoang ngay hông của trụ sở tổng hội. Và như vậy, lần đầu tiên tôi có một mái nhà, dù mái nhà dột nát, dù không có điện nước, dù cửa sổ lúc nào cũng đóng kín mít. Tôi chẳng khác một bóng ma. Tôi nhảy ra cửa sổ. Nhảy vào cửa sổ. Bóng tôi biến mất rồi xuất hiện. Tôi nằm lắng nghe tiếng chuông nhà thờ, và tiếng ve sầu rộn ràng cả một bầu trời Duy Tân. Tôi nằm trong bóng tối nhìn những vì sao qua những mảng trời trống trơn trên mái.

. Căn phòng thật thảm hại. Nó đã bị những người thân chính quyền giận dữ đốt phá sau những lần biểu tình của sinh viên. Những cột kèo bị cháy đen, vách tường ám khói, nền nhà đầy tro, và mái nhà dột nát nhiều mảng. Khi trời mưa lớn, thì nền gạch ngập nước. Khi trời nắng, nền đầy những tia nắng dội vào, chiếu trên những chiếc ghế chiếc bàn xiêu đổ hay bị cháy xém. Cảm ơn hai phe biểu tình. Cảm ơn những con tim sôi sục phấn khích, những cặp mắt giận dữ điên cuồng. Cảm ơn lựu đạn cay, những ngọn lửa cuồng mê, những chiếc xe bị đốt, những vòng dây kẽm chận ở đầu đường, cuối đường, để tôi có một nơi tá túc, để tôi kéo dài cuộc sống của một thằng con xứ Huế giữa một Sài Gòn xa lạ và vô tâm. Phải, thưa ba. Con đang sống giữa Sài Gòn này, bình an lắm, giàu sang hoa lệ lắm, bạn bè nhiều lắm, học hành cũng tấn tới lắm. Tôi đã gửi lá thư về Huế để kể với ba tôi như thế. Phải, tôi chẳng còn bao lâu nữa thì tốt nghiệp kỹ sư, giáo sư, bác sĩ, để mạ ba em phải ân hận, để em phải chặc lưỡi tiếc thắm...Cảm ơn đời. Cảm ơn tất cả. Cảm ơn Dostoievki. Cảm ơn người thanh niên trong Tội Ác và Hình Phạt. Tôi nghe hồi chuông từ nhà thờ Đức Bà, mà mắt mờ lệ. Rõ ràng, tôi đã đỡ dành tôi, an ủi tôi, nhưng đôi lúc tôi không thể kiềm chế được nỗi mềm yếu trong cõi tận cùng cô độc này, tôi hành hạ tôi đến mệt lã.

Nhưng rõ ràng, càng đói rách, lắm than, văn chương càng thêm nương tựa. Sách vở thì cũng phải vất đi, khi cứ đọc những trang báo ngày đầy những tin chiến sự. Những giờ tại giảng đường khoa học dài và buồn đến muốn khóc, khi cứ nghĩ đến tương lai. Và những buổi chiều mưa giông, mưa dầm dề cả quần áo, tóc tai, đi bộ từ trường về trụ sở Tổng hội. Đôi chân mỏi nhừ. Qua bao nhiêu trạm cảnh sát quân cảnh, chạm trán với bao nhiêu toán tuần tra. Rõ ràng, tuổi trẻ của chúng tôi bấy giờ như những con mồi. Những con mồi ngon của những tay thợ săn từ hậu phương ra tiền tuyến. Trong vòng đai, những chiếc xe GMC chở đám người bị thộp cổ về trại nhập ngũ. Bên ngoài vòng đai, những họng súng của kẻ thù chờ chực sẵn... Thế hệ của

chúng tôi là vậy.

Cũng nhờ ở trụ sở tổng hội sinh viên mà tôi có cơ hội tìm được một chân dạy kèm trẻ tại tư gia. Số là ở đây có một bộ phận phụ trách kiếm việc làm cho sinh viên. Tôi được người phụ trách cho biết có một gia đình cần tìm một người dạy kèm trẻ, ăn ở luôn tại nhà, để kèm một bé trai 8 tuổi. Mừng quá, tôi tìm đến nơi, và càng mừng hơn nữa là bà chủ ngôi biệt thự lại là người Huế. Chỉ có cảm tình ngay với tôi khi tôi giới thiệu tôi là sinh viên đến từ Huế, vì hoàn cảnh phải vào Saigon học tiếp. Tôi đã dấu lai lịch của tôi. Tôi đã dấu những ngày tháng mà tôi nổi loạn, thề bỏ Huế mà đi. Tôi đã dấu trong đầu óc tôi, ngay giờ phút đầu tiên, vẽ ra một người đàn bà quyền quý đầy quyến rũ khiến tim tôi rung động lạ thường. Tôi nhớ đến những nụ hoa hồng thắm đỏ bên ngoài khung cửa phòng, khi chị hướng dẫn tôi chỉ căn phòng tôi sắp tạm trú. Những bông rực rỡ như niềm vui của tôi khi nghe chị chấp nhận tôi làm gia sư.

Trong thời gian này, tôi đã viết được một truyện ngắn kể lại thời gian tôi giữ chức gia sư. Nhan truyện là *Đêm Sao Mùa Hạ*. Truyện có nghĩa là bịa. Bởi vì tôi bất lực, nên tôi phải bịa. Bởi vì tôi thèm khát nên tôi phải mơ tưởng. Ít ra để ru tôi cùng nỗi cô đơn tận cùng này.

II Em Saigon

Saigon năm 1967

Phải cảm ơn em. Em của Saigon. Em của loài hoa ngọc lan thơm ngát. Ông Trên chắc đã động lòng mưa ngâu tháng bảy nên cho một người nữ xuống giữa cõi nhọc nhằn. Nói gì để tạ tình em. Nói gì để em hiểu là giọt lệ của em ngày xưa vẫn còn như thấm và ẩm trên má anh hôm nay.

Nhớ em, phải nhớ Sài Gòn. Phải nhớ chiếc áo dài trắng, và mái tóc cắt demi garçon mà em mang đến. Nhớ em, nhớ hơi hờm như còn vương lại trăm năm. Nhớ em, đôi vai nào nhỏ bé mềm mại, hàm răng nào trắng như hạt lựu, đôi

mắt nào lung linh dưới nắng, đôi môi nào như mềm ướt và thân thể nào nóng bỏng thịt da. Nhớ em, em Sài Gòn, hôm nào, tên anh được gọi. Trời ơi, ai đó cà. Ai như từ tiền thân vì ta phải đọa. Ai lựa tên ta mà bốc nhằm. Ai đến với ta khi thiên hạ bỏ ta mà chạy mà xa. Ai thả chiếc cầu để ta được cơ duyên mà chụp. Cảm ơn em. Cảm ơn Tăng Nhơn Phú. Nhờ Tăng Nhơn Phú ta mới được gặp Sài Gòn. Cảm ơn trong địa ngục ta vẫn còn thấy được thiên đàng. Trong lò luyện thép ta còn hứng được một cơn mưa ân sủng. Ôi trái tim Sài Gòn, giọng nói Sài Gòn, mái tóc Sài Gòn, má lúm đồng tiền Sài Gòn, mềm mại mà nồng cháy, yếu đuối mà cuồng nộ đam mê... Bởi rõ ràng như hôm qua, em ngồi đây, trên tấm vải nhựa ở khu thăm nuôi. Nắng Tăng Nhơn Phú đẹp nào nùng bởi vì có nắng Sài Gòn em mang đến. Em gấp cho ta thức ăn như người vợ chiều chồng. Trời ơi, từ khi sinh ra đến giờ, ta có bao giờ được ai chiều chuộng như em. Số ta là số du thủ cô hồn, hoang đàng phóng đảng. Số ta lê la đầu đường xó chợ, số ngủ bờ ngủ bụi mà. Số ta, sinh ra đã nghe tiếng hí kinh hoàng của con ngựa chửi. Số ta, số luôn luôn bom đạn, thù hận, tai ách do từ những thằng già ngồi trong tháp ngà mơ tưởng đến thiên đường và bọn thực dân phát xít luôn luôn rình mò tìm cách xâm lược. Số ta, cha mẹ chia lìa, cha con một người một ngã, nhìn đâu cũng thấy máu, máu, và máu. Số ta, đêm trốn chui trốn nhủi dưới gầm bàn, xó nhà để tránh đạn, tránh bom rập... Số ta, tiếng khóc đầu tiên không phải là khóc cho một kiếp người mà là tiếng khóc của một thể hệ sinh ra trong thời ta bà mạt kiếp. Số ta, cái số thể hệ chiến tranh, số rút tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con... Số ta, không tình nhân, không bằng hữu. Ngày thứ bảy không có một người đến thăm. Không ai dư bỏ thí cho giọt lệ thừa. Như vậy mà em đến với ta, thì quả tim em là tim bỏ tát rồi.

Ta đã nói trăm lần, ta phải cảm tạ Tăng Nhơn Phú. Bởi vì nhờ Tăng Nhơn Phú mà ta được yêu Sài Gòn và được yêu em. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà bỗng dưng Sài Gòn trở nên gần gũi. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà trước lạ sau quen con gái Sài Gòn qua thơ Nguyên Sa, qua văn Duyên

Anh. Ôi Tăng Nhơn Phú, đôi gian khổ mồ hôi, may mà trên bầu trời vẫn còn có những vì tinh tú sáng để ta còn nhìn về phía Sài Gòn, mà mong mà nhớ. Nhờ có Tăng Nhơn Phú, mà ta mới đổ mồ hôi để còn có em đem cho ta cơn gió mát. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà em đã tìm đến ta, vào ngày cuối tuần, mang theo những món đồ thắm nuôi rải theo nước thánh. Ta ăn dù chua, cũng thành ngọt, dù cứng cũng thành mềm... Em hỏi ta có cực không, khiến lòng ta tỏ mở: Thăm thắp gì. Ta bị phạt 50 lần hít đất nhảy xồm vì tội để giày bẩn, nhưng ta phóng đại bị phạt cả trăm lần... Làm như Thủ đức như một lò luyện thép... Rồi em cứ bắt ta kể chuyện quân trường. Em nói em thương các anh sinh viên sĩ quan Thủ Đức quá. Em càng làm ta kiêu hãnh.

Cám ơn em. Em đã làm đời ta thôi buồn thảm như con bò trong đàn bò về thành phố từ bài hát của Trịnh Công Sơn mà Khánh Ly đã rên rỉ đến đứt đoạn: Đàn bò về thành phố đêm buồn vắng buồn hơn... Bởi vì nếu không có em, chắc bước chân ta sẽ phải thất thểu trên những vỉa hè Sài Gòn để mà tủi thân. Bởi vì không có em làm sao ta hiểu được một Sài Gòn độ lượng bao dung, con gái từ tâm cho mà không cần đặt câu hỏi. Ôi Sài Gòn, ta tự hào hãnh diện có bộ ngực mềm mại, có bờ vai nhỏ bé, có con tim như vang những tiếng chuông chùa nhà thờ... Cần gì sắc đẹp nghiêng ngửa não nùng. Các em ấy đã có phần hết rồi. Bởi Sài Gòn nhiều tướng tá lãnh tụ, chính trị gia, nhà văn nhà thơ tài hoa, tài tử đóng phim đẹp trai, những chàng trai mặc đồ bay, súng ruleau hoa mai trắng... Còn ta chỉ là thằng đang chuẩn bị trở thành một trung đội trưởng bộ binh, chẳng biết nhảy đầm, hay biết lái xe để đưa em dạo phố. Ta chỉ có đôi chân. Đôi chân sẽ lội bộ, sẽ treò dèo vượt suối, sẽ chạy sẽ ngập sinh sẽ dẫm trên từng tấc đất đầy tai họa. Đôi chân sẽ dẫm trên từng tấc đất của quê hương, cho dù một ngày nào đó, sẽ bị què bị cưa bị cụt. Đôi chân chống lấy thân người nhưng cũng chống đỡ những hòn đá nặng của lịch sử.

Và con tim. Con tim đang thì thầm, em có nghe không đấy. Nó đang nói về một niềm hạnh phúc. Bởi vì tuy gia tài của một tên thanh niên không có gì hết, nhưng em có nghe tiếng còi tàu từ hướng sông Sài Gòn đang vọng về như

chúc mừng chúng ta, và trên bầu trời, muôn vàn tinh tú, sáng lung linh, gần nhau, sát nhau, như anh và em. Như buổi chiều Sài Gòn trời đổ cơn giông, ôi cơn mưa ân sủng không ngờ một ngày chúng trở thành những cơn mưa vĩnh cửu.

oOo

Ngày cuối cùng, anh và em theo xe lam ra xa lộ. Em cũng chẳng hỏi anh một nơi anh sẽ đến. Anh cũng chẳng cần bận tâm nơi anh sẽ về. Trời xám màu chì. Vách lầu dựng hai bên. Chúng ta đi. Đi đâu cho hai kẻ sắp chia tay. Chỉ biết hiện tại. Chỉ bầu vú vào giờ khắc hiện hữu. Đi đâu. Đến một nơi không có bóng người. Một nơi, mà trắng sao rất gần, rất sáng. Một nơi không còn nhớ đến chiến tranh, thù hận truyền kiếp. Một nơi không đọc, không nghe những tin tức chiến sự. Sẽ gạt phăng luân lý đạo đức. Sẽ chẳng còn trách nhiệm, bổn phận, danh dự, anh hùng, công dân, những mỹ từ nhân danh suốt ngày trên đài, trên những biểu ngữ, tám bích chương truyền đơn Trong bóng đêm, anh ôm xiết em, hôn ràn rụa khắp thân thể em. Mặc mưa. Thân thể chúng ta lấm đầy bùn đất, Chúng ta lăn tròn bầu vú như cố giữ chút hơi hướm còn lại trước khi từ ly. Mưa rót vào mắt em. Anh hôn lên đôi mắt. Mưa thấm vào bờ ngực em. Anh úp mặt vào ngực em, áp miệng môi anh lên hai vùng đồi căng cứng. Thịnh thoảng những trái sáng òa vỡ trong đêm, xa xa. Vài ánh đèn pha soi thủng cõi lòng mưa tối. Một đoàn xe đang chuyên quân. Đừng sợ khi nghe tiếng trọng pháo ở căn cứ nào đó trong vùng vang vọng lại âm âm. Cám ơn em. Em làm anh cảm kích. Em đã cho mà không cần đòi hỏi. Em đã hiểu thế nào là tâm trạng của một kẻ sắp sửa đối diện với chiến tranh.

Và chúng ta đã bầu vú, lăn lộn, quằn quại như hai con thú. Chúng ta không còn hiện hữu nữa. Mặc cõi đêm tai hoạ này. Mặc những âm thanh buồn bã từ một mặt trận nào đó vọng về. Mặc mưa. Mặc bùn đất nhão nhẹt. Hơi nóng như ngùn ngụt cháy. Lưỡi miệng ngốn ngáo. Tiếng la rên kích ngất như niềm hoan lạc tận cùng được kết tinh từ sự sợ hãi, mất mát, ngăn cách chia lìa, và sự thềm sống mãi

liệt của một thể hệ đã bị trù dập quá nhiều.

III

Đứng giữa Sài Gòn

Trước năm 1975, tôi đã nhìn Sài Gòn bằng cái nhìn của một kẻ lạ. Tôi chưa bắt gặp cái rung động của một đứa con trở về, bởi nơi nào là quê hương tôi, nơi nào chôn giữ kỷ niệm ngọc ngà của tôi, nơi nào, người mẹ chờ con bên khung cửa, nơi nào có bát cơm nóng sốt, nơi nào có bản tình ca, có giàn hoa giấy? Tôi chưa bắt gặp cái nao nức của một người viễn khách được thấy lại quê hương. Thay vào đó, là những cánh cửa sắt đóng kín, là những xóm chơi bời bẩn thỉu, là chỗ để tôi đến và lại đi trong quãng đời làm tên lính trận, là đêm la cà cùng rượu, đàn bà, là ngày hỏi hã, gấp rút bên những chai bia tại đường Phan Thanh Giản hay Phạm Ngũ Lão mỗi lần tôi từ cao nguyên về phép tại Sài Gòn. Sài Gòn không hề biết những đêm tôi và đồng đội thức trắng trên các gò mả, hay bãi tha ma. Sài Gòn không hề biết đại đội tôi, tám mươi người, chết và bị thương hơn một nửa chỉ trong một trận. Sài Gòn không hề biết chúng tôi đổ máu và nước mắt để Sài Gòn ăn chơi phè phỡn, để một lũ tai to mặt lớn vinh thân phì gia... Sài Gòn không hề bận tâm, thắc mắc. Sài Gòn vẫn kín cổng cao tường, đêm nồng nặc á phiện và đô la. Sài Gòn đôi khi muốn lấy súng bắn lên cao cho hả giận.

oOo

Nhưng có kẻ đã lấy súng để bắn thay tôi. Bằng hỏa tiễn, đại bác và đâm tim Sài Gòn bằng lưỡi lê. Trong trại khổ sai, ngày ngày chúng tôi nghe hoài cái điệp khúc: *"Từ thành phố này, bác đã ra đi ..."*, vọng từ các loa trong trại, cái điệp khúc ấy càng giúp tôi thấm thía được hai chữ Sài Gòn mà từ lâu tôi vô tâm, phẫn nộ. Cái mất mát ghê rợn khiến tôi phải giật mình, muốn đập đầu cho phun máu. Tại sao mình lại ước mơ hai miền Nam Bắc thống nhất, con

tàu suốt một ngày hú còi chạy băng băng từ Sài Gòn ra Hà Nội, và mọi người ôm nhau mừng mừng tủi tủi vì hết chiến tranh, hết hận thù. Sự thật bây giờ là đây: Kẻ thống trị, đang chửi rủa, đang đào mả tổ tiên ông bà, đang cáo buộc Sài Gòn là một ổ điểm không lồ, con gái mất trinh từ năm 13 tuổi.

oOo

Sau tháng 4-1975, tôi chỉ còn một lần về lại Sài Gòn. Lần này, trở về trong tâm trạng rối bời của một đứa con sắp rời xa tổ quốc, trong cái tang thương của một kẻ tù hàng binh, và trong nỗi lo âu của một tên đang bị kiểm tỏa ...Tôi về để nhìn lại nó một lần cuối. Và Sài Gòn bây giờ, dù thật như tiếng nói đầu môi, thật như sợi tóc, gương mặt của người con gái giang hồ, gần gũi như một điều hết sức bình thường, nhưng nghe như chừng trăm đau ngàn đón như một thí nghiệm tàn bạo về sinh vật học.. Sài Gòn, bây giờ, ứa nước mắt như câu thơ:

*Tôi bước đi, không thấy phố thấy nhà,
chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ ...*

Sài gòn bây giờ mất rồi. Mất hết. Mất một Sài Gòn mà hôm nào, tôi còn trở về từ một chuyến bay quân sự từ Ban Mê Thuột, ra cổng phi trường Tân Sơn Nhất, đón chiếc xe lam, trốn Quân Cảnh, qua Viện đại Học Vạn Hạnh, nhảy xuống, ghé quán Năng Mới, chẳng vì cô hàng quán có mái tóc dài mun làm cảnh, mà vì chẳng có nơi nào để mà trở về. Mất một Sài Gòn ngày nào, tôi còn trở về, đêm chạy Honda, nghe gió Bạch Đằng lồng lộng trong ngực, trong phổi, nghe mùi bánh cuốn từ góc hẻm Phan đình Phùng, Cao Thắng. Mất một Sài Gòn hôm nào, tôi còn đứng ngã năm ngã bảy, còn buồn tình để tóc dài, chui vào Vĩnh Lợi gặm ổ bánh mì, còn thất tình đến cột đèn mà nghe âm hưởng bản nhạc Aimez vous Brahms từ rạp Lê Lợi vọng lại. Đó, Sài Gòn, hôm qua, mới là của tôi, của da thịt tôi, của hai chân, hai tay tôi. Để tôi được đi đứng thong thả, ung dung, mắt nhìn ngang nhìn dọc, gặp bè bạn xa cách,

ôm nhau mừng mừng tủi tủi, tưởng mây chết từ lâu, tưởng mây cụt giò, cưa tay, hay nằm trong xó rừng, xó núi nào đó. Sài Gòn, hôm qua, là của tôi, dù một hai đêm ngủ trại Lê Văn Duyệt, mùi rệp, mùi nước tiểu và mười ngày trọng cảm...

Nhưng giờ đây rõ ràng, nó không còn là của tôi nữa. Mắt tôi không còn nhìn ngang dọc nữa. Bạn bè tôi không còn gặp để mà ôm nhau mừng mừng tủi tủi nữa. Ngã năm ngã bảy tôi không còn đứng đợi nữa. Trại Lê Văn Duyệt tôi không còn tạm trú nữa...

Nổi mắt mắt đến độ ngẩn ngơ bàng hoàng. Từ miệng câm, tai điếc, mắt mù, từ hai chân đứng giữa một nơi quen thuộc mà cứ ngỡ như đang đứng giữa một cõi nào quá xa lạ. Từ vỉa hè, đến mái ngói, vách lầu, con đường, người phố.

Rõ ràng, Sài Gòn không còn là Sài Gòn của tôi nữa. Dù tôi đang đứng giữa Sài Gòn.

IV

Tôi vẫn chưa mất Saigon

Bạn bè trách tôi mấy mươi năm chưa một lần trở lại Saigon. Họ làm sao biết là tôi đã có một Saigon của riêng tôi, tôi cất giữ nó làm của riêng rồi.

Ví dụ một hiên tình:

Hồn tôi trăm ngả Bàn Cờ

Cám ơn em

mái hiên nhờ đụt mưa

Bây giờ hạt nặng hạt thưa

Tôi mang nỗi nhớ

đụt nhờ ai đây ?

Ví dụ, một chuyến xe lam Saigon-Gia Định chẳng hạn:

Gặp em trong chuyến xe về muộn
Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh
Đường qua Gia Định chia trăm ngã
Có ngã nào em hiểu tình anh ?

Có phải anh ngồi không nói năng
Lòng anh như đã nói trăm lần
Mắt em như cả trời Lê Lợi
Mái tóc em thoảng gió Bạch Đằng

Có phải em là Gia Long
Để anh về không ngủ
Cho lòng anh hạ đỏ
Sân trường thêm băng khuâng

Có phải em là Trưng Vương
Để anh về trước cổng
Thềm màn mưa rất mỏng
Mềm sợi tóc nhớ nhung

Có phải em Saigon
Kiêu sa và hoa lệ
Hồn nhiên và tươi trẻ
Rộn ràng như chim non

Gặp em trong chuyến xe về muộn
Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh
Sài Gòn Tân Định trăm ngàn ngã
Có ngã nào em hiểu tình anh ?

QUÉBEC, JE ME SOUVIENS

Hồ Đình Nghiêm

Ngày 13 tháng 9 năm 1759, dưới quyền chỉ huy của James Wolfe, đạo quân Anh đã đánh bại Louis Montcalm ở Québec và nước Pháp chịu mất Canada.

Tôi đến thành phố Québec vào lúc giao mùa, hè vừa già biệt mà hơi lạnh từ chốn nào sớm thôi ngang. Chuyến bay dài cho mắc nợ tiền vé, chính phủ nói cứ thông thả từ từ trả sau chẳng tính tiền lời. Hong-kong Tokyo Vancouver Montréal rồi lên xe đò ngược về hướng Bắc, nhân viên thiện nguyện tình bang chu đáo chuyện bao đồng, trao hai chục bạc mỗi đầu người, lặn lưng chút bồi đắp ư mua đồ lưu niệm cho có mà tiêu pha. Đôi khi lì xì không cứ phải đợi ngày đầu năm, cầm tờ bạc mà ngỡ như vừa trẻ lại một tuổi.

Tựa trang sách thần thoại lật vội ngó không kịp mọi ảo ảnh đổi thay. Người bồi hồi chỉ thiếu đôi hàng nước mắt, sao thời buổi này còn dễ sinh lắm kẻ giàu lòng từ bi hỉ xả? Á khẩu là hệ lụy của xúc động, đành nhủ thâm bầu luôn thương lấy bí dù rằng khác giống chẳng chung một giàn. Xa lộ êm ái trải rộng, chân trời phía trước là tấm màn nhung buông rủ, khép đóng vờ bi kịch người bóc lột người tùy tiện không chương hồi.

Québec nhỏ, buồn, luôn u hoài mộng quạnh. Nhốt khu biệt thứ gì tựa như “chiều chiều ra đứng ngõ sau”. Cổ thành gạch đá uốn lượn mấp mô với những khẩu thần công đồng lạnh. Di vật tắc tiếng nhuộm rêu xanh trầm mặc, lịch sử trôi cùng làn sóng di dân bên ngoài sông Saint Laurent chẳng thấy neo thuyền buồn.

Tôi tị nạn cộng sản nên hưởng trọn vòng tay che chở, học Pháp văn ba tháng hàng tuần được “bồi trơn” gần hai trăm. Những tờ bạc thơm như trang giấy trắng, tiếng chuông reo

giữa hành lang bóng lộn là giọng ai chát ngắt hát bài ca ngợi tự do. Thầy cô gần gũi không khoảng cách, lẫn lộn tận tụy khi giảng bài, nói khô hơi rất cổ mà toa có thấu hiểu chút chi? Cái ấy nên gọi là động từ bất quy tắc, chia ở thì hiện tại, số ít hay nhiều? Hãy dong tay phát biểu ý kiến, mạnh dạn lên bởi chân bạn đang đứng trên bề dày bộ luật: Tất cả chúng ta đều bình đẳng y trang nhau.

Như đàn con nít ở nhà giữ trẻ, dắt díu nhau hơn hờ được chở đi mua sắm thả giàn. Áo ngực hàn cùng nôi niêu soong chảo, bát nước đầy ơn mưa móc tràn ly. Những tay bắt những mặt mừng với lòng chân thật, ôm siết thân chúc bạn cuộc đời. Vụng về đứng chẳng nói ra điều mình nghĩ, tình yêu là gì, đôi khi chẳng lập ngôn được: *Je t'aime. Beaucoup. Absolument.*

Đêm nằm ngủ ác mộng không từ bỏ, tiếng súng AK biển xô xác giạt bành bồng. Mở mắt ra phải nhắm thăm A di Đà Phật. Áo đầm lụng nhưng gió hiền Québec đã vỗ về. Cuốn từ điển dày chẳng giúp tôi đọc thông một đoạn văn lằng mạn, nhưng anh quebecois chị quebecoise làm tôi hiểu thấu chữ thân tình. Ở quê cũ chân luôn đi cầu tre lắc lẻo, sang tới đây họ chữa lành tất cả mọi quàng xiên.

Việc làm chồn ni chẳng phải chuyện dễ kiếm, tôi đi lau chùi dọn dẹp trong những cao ốc cũng không được lâu. Khuya khoắt nhìn xuống phố thấp đang say ngủ, những ngọn đèn cam nín thức cùng tôi nổi lẻ loi.

Rửa chén bát ở nhà hàng hơi vất vả, may có liều thuốc bổ: mấy em tiếp viên thương như ông anh gặp vận xui. Thấy học xong *Beaux-Arts* là đã choáng, lại nghe “lũy” mon men trùng giỡn thơ văn thì khủng vô vãn. Đón đi đưa về giữa những đêm bão tuyết, xe lão đảo ử hương mùi rất dễ xúi ngủ hoang. Tên sếp bếp nói năng lỗ mãng, chửi thề luôn miệng đại khái như đù má cuộc đời. Chơi được ở chỗ cặm cụi nấu cho những món đặc sản. Tay thoăn thoắt tựa như thủ thuật chia bài cào. Toa đớp nổi cục thịt bò hơn cả ký? Nói moa nghe ư ứa máu chút đỉnh hay sống nhăn

răng? Không, ngọn lửa gaz phải vẫn lớn như vậy nè, mẶn mà cháy xém thu bé lại ngó không phải mình là bá tước Dracula. Để moa chỉ vẽ cho toa căn bản việc bếp núc, bờ đường sửa tha hồ vọc quậy chớ chùn tay, một ngày kia con Christine vú to sẽ bấm tiếng Anh thô thể: Oh Sir, Sir Hồ cần em đứng sát một bên lưng? Hề hề hề nụ cười rộng miệng, râu quai nón phồng thịnh mọc quanh mồm trông như bản mặt đồng chí Fidel. Người sở hữu quả tuyết lê ẩn tượng cũng cười nắc nẻ: Nè, nghe giảng hồ đồn người Á đông thấy đều bé bỏng cái vật cà chớn kia, đồng cỏ khô hạn quá thì phải tưởng tới một nhát cày bừa, bất luận sự nhớn bé của thứ lưỡi hái khi nhu khi cương kia.

Tôi cày chăm chỉ ở phố cổ trong ba năm với bốn nghề trật chìa trăm trảy trăm trật (trăm trọng). Đất ấy lành nhưng vì cọng rơm miêng mồi tha nhặt con chim đành phải thôi đậu. Lỡ mang phận di tản thì làm thêm cuộc phiêu bạt e cũng khớp với bênh bồng. Chim quyen ăn trái nhãn lồng, lia thìa quen chậu mà tôi nở lạc loài Montréal.

Tạ ơn Québec nhiều thứ, trong đó có những bận lao đao mà cái trăm mặc của thổ ngời kia vô tình gieo vào lòng tôi, nẩy mầm hạt hoang tưởng. Tập tành múa may ba đường quyền với hư danh là nhà văn, tôi chăm chỉ trút xuống đất vỡ những luống cày mộng muội. Những vui buồn ra hoa, lay lắt vườn khuya sương dăng.

Hương dật dờ trôi, xuôi nam và bất ngờ thay, Montréal đã dang rộng những đón chào. Xa xứ mà gặp đồng hương an ủi không cách nào tả xiết, nhất là đồng hương Bắc Trung Nam ấy cũng sinh hoạt trong cùng một “mặt trận”. Những đứa con lần lượt ra đời, ấm lòng chuyện tay nhau, dung dị giữ với riêng nhau một đốm lửa. Đơn giản hơn, chỉ nuôi nấng, bảo bọc một tiếng cười cho thật tròn đầy.

Cười được không, môi kia tròn nụ? Một dứt rời nào cũng thậm thụt xiêu thân. Québec nói tiếng Pháp, còn dùng cổ ngữ cách phát âm nặng. Phố xưa cũ lắm tường thành vây bọc rêu bám này xui nhớ Huế ngày cũ vẫn mãi ngời ngợp

trong tà dương. Bỏ Huế này lại tới rời Huế kia. Đi biệt biệt chẳng ai đưa tiễn để giận hờn cất vắn “Chớ tại vì rằng làm kẻ bạc tình?” Vì có những nguồn cơn không tiện thổ lộ, khi đau vô hạn e chữ nghĩa sẽ chẳng đong đầy.

Thôi đành cầm tiếng đeo trữu vai hành lý, cúi mặt ra bến xe đồ ập úng ngôn ngữ lạ: Một vé đi Montreal, không khứ hồi, xin vui lòng. Ngoài sân xi-măng kẻ nhiều đường sơn vàng trông như có trên một bàn cờ. Cô quạnh, không một ai “chiếu tướng” tôi. Trong gió cờ hoa huệ nở bông trắng run rẩy hát thầm. “Que né sous le lys. Je crois sous la rose”. Giã biệt.

Hồ Đình Nghiêm

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

NHỮNG THÀNH PHỐ VĂN NGHỆ

1. Đường như mỗi nhà văn nhà thơ đều có mô tả lui tới một nơi chốn mà họ yêu mến nhất trong nhiều tác phẩm quan trọng của họ.

Không hẳn nơi đó là chỗ quê hương, (chỗ quê hương đẹp hơn cả?) mà có thể đó là nơi của người tình, của một biến cố quan trọng trong đời họ, có khi chẳng là gì cả, họ đi qua, yêu mến và dừng chân...

2. Hà Nội của Thạch Lam! Đồ Sơn của Khái Hưng? Huế của Xuân Diệu? Qui Nhơn (hay Phan Thiết?) của Hàn Mặc Tử? Saigon của Hồ Biểu Chánh? ...

Cũng những thành phố đó, bây giờ đây Mai Thảo ưa viết về Hà Nội như một bóng mộng thiếu thời, Nhã Ca viết về Huế như một cõi ám đờng ngày về của đứa con tội nghiệp, Nguyễn thị Hoàng ưa viết về Nha Trang (giữa Qui Nhơn, Phan thiết) như một kỷ niệm gói nỗi buồn của ngày hoang dại.

Riêng Saigon dường như đã trở thành... xin lỗi... con điểm chung chạ cho bao nhà văn lớn... kể cả lớn tưởng tượng.

3. Tôi ví von Saigon như con điểm, tình thực vì tôi thấy nó đẹp.

Saigon của các nhà văn miền Nam, cũng tựa như Ba Lê của các nhà văn Âu châu. Họ không ngớt gọi nó là con điểm, là ổ điểm, whore, bordel.

Tôi lấy làm lạ nhà văn Mỹ Hemingway sao ưa Madrid của Tây Ban Nha? Arthur Schmitzen Do Thái ưa Vienna của

Áo đã đành, vì sống gần trọn đời ở đây, còn Henry Miller tại sao ưa Ba Lê, khi vẫn sống nhiều ở Big Sur tại Mỹ? Có lẽ tại đi qua, yêu mến và dùng chân...

4. Tôi không là nhà văn. Ước gì tôi là nhà văn để qua đâu thấy yêu mến là dùng chân...

Tôi là lính. Nhận tự sự vụ lệnh đến đóng đồn tại nơi ngày xưa Hàn Mặc Tử đã nằm quần quai và chết.

Tôi đóng đồn tại ngoại ô để bảo vệ cho thành phố. Tỉ dụ rằng tôi không muốn ở đây, muốn đến nơi khác đẹp hơn, như Đà Lạt chẳng hạn, có được không? –Không! Phải ít nhất hai năm tại đơn vị.

5. Thành thử tôi đang ở đây, tại Qui Nhơn này, tôi viết về Qui Nhơn ít giòng vậy.

Các bạn ở đây như Trần Hoài Thư, Lữ Quỳnh, Doãn Dân, và dường như thỉnh thoảng Võ Phiến có về... Họ có thể viết thật hay... Nhưng đó là chuyện khác, con đường họ dài, muốn vào tận trong Văn Học Sử. Còn tôi chỉ viết ghi một lần dùng chân nơi đây thôi. Đời lính sẽ đi hoài cho đến khi quy xuống, bọc poncho mới nghỉ hẳn.

6. Ngày mới đến Qui Nhơn tôi hỏi thăm Trần Hoài Thư. Qua Thư tôi quen thêm Lữ Quỳnh và Doãn Dân.

Lúc sau này nghe Thư nói có các bạn làm văn nghệ ra tờ Nhìn Mặt. Nhưng tôi không gặp họ. Làm văn nghệ kiểu gì lời ăn lỗ bắt anh em chịu? Yếu quá! Vả lại làm văn nghệ mà lời tôi đã không ưa. Dù nhiều khi tôi cần quay quắt vài trăm bạc!

Trần Hoài Thư tính trẻ như... đứa trẻ. Ưa gì nói nấy. Nhiều khi tôi có cảm tưởng như Thư mang một ảo tưởng về anh. Không sao. Một ngày kia ảo tưởng sẽ hết...

Doãn Dân ưa xì phé. Anh bảo: mỗi người có một đam mê, đã sao đâu! Tuy nhiên dường như điều thiết thời không chỉ riêng cho anh và cho nhiều độc giả Bách Khoa vốn mến anh không mấy khi được đọc bài anh nữa. thì giờ đâu, ai rút xì cho...

Lữ Quỳnh của những bài thơ hiền hậu trên Bách Khoa khoảng 1963, 64 nay ưa viết truyện hơn làm thơ. Quỳnh có

tính hiếu khách và hiền gần như Phật vậy...

7. Lại, tôi cho rằng Qui Nhơn là mấy người bạn văn nghệ đó. Cũng như khi tôi đóng ở Tuy Hòa, tôi cho Tuy Hoà là Trần Huyền Ân, Phan Việt Thủy và Y Uyên...

Xét ra là vị có mỗi lần nhắc đến một thành phố là anh em chúng tôi nhắc đến một số khuôn mặt ở đấy.

Một đứa trong bọn nhắc đến Quảng Ngãi chẳng hạn, là y như rằng cả bọn nghĩ đến Hà Nguyên Thạch, Đĩnh Hoàng Sa. Đến Đà Nẵng là Luân Hoán, Vương Thanh. Huế là Tần Hoài Dạ Vũ, Mùng Mán. Trờ vào: Phan thiết là Sương Biên Thùy, Nguyễn Bắc Sơn, Phan Rang là Tô Đình Sự, Duy Năng vân vân...

Đã chẳng có người cho rằng Tàu là Lý Bạch, Đỗ Phủ; Ấn Độ là Tagore; Pháp là Rimbaud; Mỹ là Whitman; Anh là Shakespeare; Ý là Boccaccio; Đức là Hodderlin; Nga là Dostoievsky, Chekov; Tây Ban Nha là Bazin, Unamuno; Thụy sĩ là Krag, Largelef... đấy sao.

Vậy có lẽ tôi không quá đáng...

8. Thành thực, thành phố thì bây giờ same same với nhau cả: nhà lầu hộp, sì nách ba, xe Honda, rác rến. Dân thì chú mục làm tiền hơn làn nghệ thuật (nhiều nơi làm nghệ thuật để có tiền, tuy nhiều hiểm), sống ăn sồi ở thì, tầm bậy tầm bạ, đụng đâu xâu đó chả có cái lễ lối gì.

Một excuse: chiến tranh mà !

Chán cái mớ đời, nên tôi nghĩ cách hay nhất để sống bây giờ là tự tìm một giá trị tự tại, tự mình biết mình, tự mình nghĩ là mình xứng đáng... Nên Qui Nhơn hay đâu tôi cũng nhìn thấy cả văn nghệ.

nguồn: Khởi Hành số 61 (trước 1975)

THẾ VŨ

THƯ VỀ NHA TRANG

...Sự sống, lý ra nó phải là một cánh cửa mở ra hân hoan chờ đón ngày mai, chẳng nầy nó luôn luôn là một cánh cửa khép kín để con người cố thủ trước sự hung hãn của bạo lực...

Th. yêu dấu,

Nha trang, bây giờ ở xa nhìn ngắm lại, quả đó là một thành phố tuyệt vời. Nó đã trải rộng ra dưới mắt anh ngày anh vừa lớn, nó đã lại bao dung anh ngày anh trở về từ chiến trường. Nó là nơi anh và bè bạn đã kết hợp, ly tán và đoàn tụ. Nó là nơi anh và bè bạn thân yêu nhau, xung đột nhau và từ biệt nhau. Trước anh một ngày, H. dắt vợ về sống ở một tỉnh ly phương nam. Sau anh một ngày, G. đưa vợ con đến một thành phố xa xôi phương bắc. Những người ở lại, may mắn hay bị bắt buộc, đều đang mơ tưởng đến một ngày nào đó sẽ bỏ thành phố mà đi. T. đang trôi nổi ở một nơi nào không ai còn biết đến nữa. Còn lại một A. một Q., một Th, một Tr. ở lại không biết có phải là để níu giữ những liên hệ giữa những người đã ra đi và thành phố, hay họ cũng chỉ là những tàn tích cuối cùng chưa bị xóa đi hết sau những mùa hè hân hoan dắt tay nhau trên bãi cát đông người. Những căn phòng chật anh và bè bạn đã nằm sát bên nhau, đốt thuốc lá suốt sáng, ồn ào bàn cãi về những vấn đề to tát như cách mạng, đấu tranh ... , giờ hẳn đã im lìm buồn rầu khép kín lấy một mình A. đi về thất thường và mệt mỏi. Những buổi tối khê khà bên những ly rượu ngoài bến xe liên tỉnh, bên lề đường phố chính, trên bãi biển mát rượi về khuya, giờ hẳn đã bay theo cùng H. về thị

trần phương nam, hoặc ở lại trong trí nhớ đầy ắp của Tr. và Q..

Những tách cà phê nóng , những ca khúc tuyệt vời giờ hẳn đã theo

T. lãng đãng một phố thị lẻ loi nào đó. Và anh còn tưởng như thấy được cả G. nghiêng nghiêng đứng trên một bến tàu nơi thành phố phương

bắc, lập đi lập lại mãi như một kẻ thất chí những chữ dấu tranh, cách mạng như nổi ám ảnh không thể nào dứt bỏ được.

Nha trang đã bao dung các anh hơn bất cứ một nơi nào khác. Ngày từ chiến trận trở về, gặp lại bè bạn sau nhiều năm thất tán, quả thật anh như bắt được niềm vui sướng lớn lao chưa từng có trong đời. Nhưng bao giờ cũng vậy, những hôm co mình nằm buồn trên căn gác gỗ lộng gió cất đằng sau hiệu sách thân quen, anh vẫn yêu chuộng sự cô độc của mình đến nỗi G, và những người khác tỏ vẻ bất bình. Sự cô độc quyến rũ anh kỳ lạ; chính những lúc như thế, anh hiểu được chính mình và mỗi người quanh mình nhiều hơn. Những buổi tối trên gác gỗ lộng gió đó không có T, anh đã nghe tiếng khẩu cầm của bọn trẻ con vô gia cư từ một góc phố cất lên, tiếng khẩu cầm không diễn tả được một điều gì, không theo một nhịp điệu nào, nhưng những âm thanh rời rạc đó cất lên với cái lý do của nó khiến anh thấy mình gần gũi với chúng hơn. Phải nghe thứ âm thanh đó cất lên hồi hai ba giờ sáng, với tiếng nói lí nhí của chúng từ một sạp hàng đã dọn trống nơi hè phố, xen kẽ là tiếng những con chó cất giọng tru tréo từ một cao ốc tám tầng hay tiếng động cơ của những chiếc Xe tuần tiểu chạy qua, anh mới hiểu được nhiều hơn về những đứa trẻ sống bên lề xã hội. Hoặc giả là những buổi chiều, sau khi từ chối bạn một vài ly rượu trên bãi, bên đường, trong bến xe hay một nơi khác, anh đã bắt ghế ngồi một mình trước cửa hiệu sách, dưới ánh sáng đầy ắp của những ngọn đèn ống chiếu xuống từ những cao ốc phía trước, với những cơn gió lộng thổi từ biển vào thốc tung bụi trên mặt phố, anh đã dõi mắt nhìn những người lướt qua trước mắt và hiểu,

càng lúc càng rõ ràng, tại sao nhiều lúc chúng ta cần phải từ chối những cuộc vui mở ra sẵn sàng chờ đón chúng ta đến. G. và H. nhất định không chịu hiểu cho anh điều đó,

Anh, và cả bạn bè anh, mỗi người không thể nào quên ôm ấp những kỷ niệm cũ từng mỗi giây phút, trong những kỷ niệm đó, có những ngày mùa hè bọn anh nằm dài trên mặt cát nóng chờ tối, có những đêm nóng bức và trống rỗng bọn anh ngồi kề nhau trong một căn phòng trong khu hỏa xa hoặc nơi trụ sở hướng đạo, hay có khi là một căn nhà tôn cất trong khu lao động bên sông, ngoài ngoài ô buồn tẻ, thao thức chờ sáng. Đó là những ngày anh chưa bị đẩy ra chiến trường Bình Phú, A. chưa bị đưa về mặt trận Nam Ngãi, N. chưa trốn vào tu viện, L. chưa nghĩ đến một ngày mình có thể trôi giạt về Đồng Tháp. Rừng dừa trên cồn cát giữa sông thời đó có bọn anh thơ thẩn đi trong những đêm trăng sáng. Mùa hè có những chiếc xe đạp quanh quẩn trên đường quê. Những buổi sáng

đạp xe qua cầu vào thành phố. Thời đó bọn anh chưa ai nghĩ đến một ngày như bây giờ, trôi giạt về những miền sinh tử, khốn đốn với áo cơm, nhục nhằn đối phó với những sự thật nguy trá. Sự sống, lý ra nó phải là một cánh cửa mở ra hân hoan chờ đón ngày mai, đằng này nó luôn luôn là một cánh cửa khép kín để con người cố thủ trước sự hung hãn của bạo lực.

Th. yêu dấu,

Anh chắc sẽ không quên được Nha trang, đặc biệt là những ngày cuối ở đó, với em. Dù có lúc một trong hai chúng ta trôi giạt về những bờ bến khác của sự sống, rẽ về những con đường hoàn toàn xa cách nhau, anh nghĩ sẽ rất khó để anh quên được, dù muốn. Làm sao anh quên được những buổi tối chúng ta ngồi trên bãi cát, mùa đông và sự xúc động khiến đôi tay anh lạnh buốt, run run trên những sợi tóc mịn ướt trên vai em. Làm sao anh quên được những buổi chiều đứng đợi em tan học ngoài xé cổng trường, lằng lằng cảm giác như mình trẻ lại mười năm, sự háo hức và niềm vui sướng kỳ lạ của tuổi mười

bảy mươi tám đứng tựa cột đèn thành phố chờ đợi người yêu. Trên những con đường rợp lá xanh chúng ta đi về mỗi buổi chiều, anh biết mình ở một khoảng cách khá tàn bạo với tình yêu tuổi trẻ anh không còn nữa. Nhưng cũng chính điều đó sẽ khiến anh nhớ mãi niềm tin yêu em dành cho anh, nhớ như một nỗi thất bại. Bây giờ những buổi chiều tan học về không còn anh, mùa hè cũng đang bắt đầu, nhưng anh chắc cái khoảng cách giữa chúng ta không biến đổi. Mùa đông tới chắc hẳn em sẽ ngồi những nơi chón cũ một mình, từng đợt sóng tràn lên bờ cát thăm, ánh trăng lấp lánh soi chiếu lên nửa khuôn mặt tóc, nhưng không bao giờ còn có anh ngồi che gió tạt vào tà áo mỏng như mùa đông đã qua. Lúc đó, hãy nghĩ đến anh cô độc nằm vui trong căn gác gỗ bạc màu sơn, nép mình dưới những cao ốc của đô thị này, già cỗi thêm một ít nữa sau một thời kỳ phấn đấu cùng áo cơm và tự do cho chính mình giữa một hoàn cảnh nghiệt ngã mà em khó có thể nghĩ ra ngày nào còn quần quanh ở nơi chón cũ.

Nhưng anh còn hy vọng ở ngày trở lại. Chắc Nha trang sẽ còn bao dung anh ngày về, dù lúc đó bè bạn đã giạt về những phương khác. Anh tưởng như ngày đó em vẫn sẽ còn ngồi nguyên vẹn như ngày nào trên bãi, trong những đêm trăng, tóc rối phủ lên má tàn phai, vẫn những đợt sóng hân hoan tràn lên bờ cát thăm. Ngày về, đứng bên ảnh tượng yêu dấu đó, dĩ nhiên dù già cỗi đến cách nào đi nữa, anh vẫn sẽ nhìn ra những chân trời khác, mơ hồ nghĩ đến hôm nay, hôm qua, để chuẩn bị du nhập vào một nơi khác, tiếp tục phấn đấu trong những hoàn cảnh nghiệt ngã khác, bởi vì, Th. yêu dấu, sự sống sẽ thu nhỏ lại từ hai tay anh khi nào anh tìm thấy sự yên bình trong miền đất ly tán đó.

(03-1972)

Trình Bày số 5 ngày 27-5-72

BIỂN CỦA TÔI

LÊ KÝ THƯƠNG

Tôi về Nha Trang gặp lại cơn gió biển mùa hè. Gió không hào phóng nhưng cũng đoán được lòng người khát gió, chừng mực thoảng qua vừa đủ mát, đủ thương. Ngồi dưới gốc dừa nhìn suốt biển đêm, hàng đèn câu ngoài khơi sáng trưng như thành phố nổi.

Tôi nhặt chiếc vỏ sò nhẵn nhụi, ném xuống mặt biển dát vàng trắng mười sáu Kiều xinh. Biển như tắm thắm nhiệm màu trong thần thoại Ba Tư. Thắm đưa tôi bênh bồng bay về chốn thần tiên tuổi học trò trốn học cùng bạn đi hái trái mai dương dọc bờ biển vắng, gai đâm ứa máu bàn tay, bị phạt cấm túc làm vệ sinh sân trường ngày chủ nhật, dấu cha dấu mẹ vì sợ đồn rui. Những giờ nghỉ học, bốn năm bạn rủ nhau xuống biển ôn bài rồi cời hết áo quần tòng ngồng tắm. Mười hai, mười ba tuổi đầu vẫn hồn nhiên như trẻ lên ba không hề mắc cỡ. Tha hồ bơi, tha hồ đùa với sóng, tha hồ vo tròn viên cát chia phe ném nhau chí tử. Khi nư với biển lại chạy lên bờ ăn đĩa bò khô cay ứa nước mắt rồi uống ly sữa đậu nành mát rượi.

Đến mùa thi trung học, tú tài, buổi tối chín giờ phố đã vắng người, đưa ra phố, đưa lên Nhà thờ đá, đưa xuống biển tìm riêng cho mình một ánh đèn đường đủ sáng học bài thi. (Lâu rồi ánh đèn điện bóng tròn trên đường phố Nha Trang như người tình đã vĩnh biệt ra đi). Học là học thật tình chứ không phải đợi một bóng hồng qua. Nửa đêm đối bụng ăn bánh ú hay hột vịt lộn của người bán hàng rong bận áo dài đen đi dọc bờ biển rao giọng Huế mùi tai. Vẫn nhớ như in ngọn đèn hột vịt, sáng lập lờ trong đôi mắt các chị, các o và câu hò chạy suốt những đêm hè dài

theo đường biển: "Học trò sắp sửa đi thi. Không ăn bánh ú chắc gì đậu cao". Cảm nhận câu hò đêm khuya mà gắng công học. Ai lỡ có người yêu cũng hạn chế hẹn hò. Thi xong tha hồ dung dăng dung dẻ. Giỏi dỡ cũng phải ôn thi đến sổi đầu mờ mắt. Không có chuyện học trước những đề thi ôn tập. Lòng tự tin được học từ lớp vỡ lòng. Nhưng năm nào cũng có chuyện "học tài thi phận", cũng nghe câu thơ "thi không ăn ớt thể mà cay", cũng có người tự tử vì hỏng làm cô tú cậu tú chứ không phải vì người tình phụ rẫy!

Biển Nha Trang tắm được bốn mùa, ngày đêm bất kể. Chỉ có một năm mùa đông sóng dữ. Chín mươi giờ đêm rữ bạn bè đi coi sóng đánh. Đã nghe từ khơi xa tiếng sóng vọng vào, những âm thanh dòn dã như tiếng pháo giao thừa, khi đến bờ sóng chồm lên trắng bồm ngựa chứng. Một tiếng nổ vang rền tưởng sét đánh mưa giông, nước vượt qua kè chắn sóng ào lên đường liếm ướt gót chân. Một hai tảng đá to bằng chiếc bàn ăn bị sóng thần ném vào sân Bưu Điện tỉnh, ai thấy cũng lạnh người. Những quán nước dọc theo bờ biển nát tan... Huyền thoại Ông Năm Yersin dùng súng thần công bắn chết sóng thần cứu dân được nhắc lại.

Qua khỏi mùa đông, biển lại hiền hòa, nhu mì như thôn nữ tròn trăng.

Biển Nha Trang cru mang những mối tình lãng mạn. Đôi tình nhân nào cũng có một chỗ ngồi riêng, một góc dừa, một cụm dương mái ẩm, một bãi tắm riêng... - một thế giới thơ mộng riêng trên bờ biển bao dung. Ngày, đêm, sóng, gió và cát đều thuận lòng với lời tỏ tình ngây ngô, với nụ hôn tình yêu đầu đời vụng dại. Có ai muôm tìm lại chính xác chỗ ngồi xưa để hồi tưởng một tình yêu sâu đậm cũng hoài công đã trảng se cát. Nhưng cần gì tìm chính xác chỗ ngồi xưa, tiếng sóng rì rào kia sẽ kể lại hết những kỷ niệm ngày nào nếu ai biết lắng lòng nghe tiếng sóng...

Biển bây giờ đã đổi khác cảnh quang, nhưng với tôi vẫn là nàng La Joconde quyến rũ với nụ cười bí ẩn.

MAI THẢO

hà nội, một ánh lửa đã tắt

Thời kỳ tản cư ra khỏi thủ đô Hà nội, bấy giờ là 46, toàn quốc kháng chiến, trôi dạt suốt ba bốn năm liền ở mấy tỉnh phụ cận với năm cửa ô và ba mươi sáu phố phường là Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý, tối nào với tôi cũng có một khoảng thời gian nhỏ dành cho nhìn về Hà nội. Đứng dưới một gốc cây, tôi trèo lên cành. Ở giữa một cánh đồng, tôi lên mặt đê. Một bụi tre làm cho khuất lấp ? Tôi lặn ra khỏi ngõ. Và như thế, đứng cái thế đứng chênh vênh trên một ụ đất, một gò đồng, tôi mê mải ném tầm mắt vào một khoảng trống trải rộng, nhìn về cái phía có một vùng ánh sáng lung linh hư ảo bốc lên. Trời của chiến thời mới khởi dấy hồi đó, đêm nào cũng tối đặc như trời ba mươi tết. Tiêu thổ lướt qua như một bóng rợp khổng lồ, tất cả những thị trấn đã san thành bình địa. Duy Hà nội còn đứng vững với những kiến trúc tiền chiến và tiền khởi nghĩa, duy Hà nội còn ánh sáng cộn mại ngói, còn cửa sổ, hàng hiên và những ngọn điện đường.

Cho nên, giữa một địa hình làng xóm tối đen hoa mắt, bên này một vòng đai trắng, mà đứng ở đâu, tôi cũng quy định phương hướng Hà nội thật dễ dàng, bằng vùng hào quang của Hà nội ở xa xa, vùng hào quang chập chờn, nghi ngút, như dấy bốc lên từ một miệng lò vĩ đại. Màu hồng của lửa ném lên khoảng không mịt mù ở một góc trời, đó là cái ấn tượng, cái hình ảnh cuối cùng Hà nội còn gửi đến cho tôi, tôi đã ở xa rồi, đêm tối vây quanh, nhưng tôi còn nhìn thấy lửa của Hà nội, và lửa ấy đã cháy sáng trong hồn tôi thành một tình yêu lớn. Kể thức với đêm giải đến chán ngấy, đợi chờ một ánh nắng bình minh, thấy cái đĩa mặt trời đỏ lửa hiển hiện, niềm vui có lẽ cũng chỉ ngang bằng với niềm vui mừng đầy xúc động của tôi, khi nhìn thấy vùng lửa xa của Hà nội trong đêm. Suốt mấy năm đầu của một lưu động trường kỳ, tôi không rời được mấy khu vực kế cận với Hà nội, tôi quần quanh với những làng xóm Hồng Hà, tôi lưu luyến với những bãi bờ sông Đáy, nguyên nhân tình cảm sâu nặng kín thẳm là ở đó, nơi tôi không rời xa được một ánh lửa đêm, ánh lửa tạo cho tôi cái ảo giác Hà nội còn gần, và phía lửa Hà nội còn kia, tôi còn thể một ngày trở về Hà nội. Lửa của trời Hà nội. Lửa hồng bên trên, Hà nội dưới lửa. Lửa cháy thành năm ngọn, mỗi ngọn một cửa ô. Lửa đỏ ba mươi sáu tầng. Mỗi tầng một phường cũ. Nhìn thấy lửa Hà nội xa xa chập chờn dấy bốc với tưởng tượng dẫn đường và hình dung phóng lớn, kết tụ từ một tổng hợp của ánh sáng muôn nghìn thành một vùng lửa lớn, tôi đã thấy được Hà nội, qua từng khu phố, từng con đường. Lửa kia là của những ánh điện thấp thoáng tơ liễu buông rủ bên bờ Hoàn Kiếm, phản chiếu lên từ mặt nước Hồ Gươm. Chỗ sáng rõ nhất của hào quang ném thẳng lên trời kia, không thể khác hơn là khu trung tâm đông chật của Hà Nội, lửa nhiều như vậy là lửa của Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào. Những đường viền mờ nhạt hơn, lúc có, lúc không, lúc ngời lúc tắt kia là lửa ngoại ô, với những ngọn đèn cao trên đê Yên Phụ, những chụp bóng thấp lổ vào Cổ Ngư, và cái hàng dài như một cánh tay, lan xa thành một mũi tên vàng trong bóng tối kia, là dẫn lửa hai hàng lấp lánh chạy từ phố Huế chạy tới Bạch Mai, giữa leng keng tàu điện Kim Liên rong chuyển cuối cùng về Ô Đống Mác. Lửa Hà Nội nhìn xa như

thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà Nội nhìn lần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà Nội sáng.

Nhiều đêm, tôi không nhìn thấy vùng lửa ấy của Hà Nội. Đó là những buổi tối có sương mù, có mưa dăng, và trời hậu phương những đêm đó, đã không còn một quê hương nào cho tầm mắt nữa.

Rời xa Hà Nội thêm, thêm những cây số đường vào miền trong, thêm những cây số đường lên miền ngược, lửa Hà Nội bỏ lại bên kia những triền núi, và những cánh rừng, tôi không còn nhìn thấy. Nhưng đi xa thuở đó, tôi đã mang lửa Hà Nội lên đường trong, mắt đã nhạt nhòa, mà đêm đêm nhớ về Hà Nội, lửa ba mươi sáu phố phường vẫn cháy sáng, rực rỡ, một vùng trời trí tưởng. Hội lửa trong tôi về Hà Nội những năm đó chưa tắt. Còn bập bùng. Còn sáng rỡ. Những đêm đứng ở một đầu núi Thanh Hóa, những buổi tối đứng ở một lưng đèo Phú Thọ, xa cách với Hà Nội đã bằng một xa cách nghìn trùng, mà tầm mắt lữ thứ của tôi vẫn còn như sáng mãi vùng lửa ấy của địa hình Hà Nội trên trời Việt Nam đêm. Nói một cách khác, có thể là hết thấy, nhưng tôi vẫn nhìn về, nên Hà Nội vẫn sáng. Nói cho đúng hơn, lửa của Hà Nội đã có thể chỉ còn là thuần túy một ánh sáng tưởng tượng, nhưng tình yêu cũng lửa đỏ mà, tôi còn yêu, tôi còn lưu luyến, tôi còn gắn bó, nên giữa tối đen nào, Hà Nội vẫn sáng ngời, vẫn lấp lánh trong tôi. Rồi tôi trở về Hà Nội. Rồi tôi vào Nam. Và một đêm, lửa Hà Nội không còn cháy nữa. Bấy giờ là vào khoảng bốn giờ sáng. Bốn giờ sáng của một ngày tháng bảy của năm Việt Nam mang tên là rời đứt hai miền. Chiếc máy bay bốn động cơ vừa cất cánh từ phi trường Gia Lâm. Nửa đêm về sáng của khối hành kin đặc sương mù. Phi cơ vừa rời khỏi phi đạo, lữ cô bãi nơi phi trường đã nhạt nhòa thành một biển sương đặc quánh. Chiếc phi cơ lượn vượt qua Hồng Hà, nghiêng cánh từ bên này Gia Lâm hướng về bên kia Ga Nứa, lượn một vòng trên Hà Nội. Trên máy bay ngó xuống, chưa từng bao giờ tôi thấy được lửa Hà Nội dày đặc, trập trùng, muôn vạn như vậy.

Chưa từng bay trên Hà nội ban đêm bao giờ dưới biển sao tháng bảy hằng hà lấp lánh, chưa từng bao giờ cái hội đèn hội lửa của Hà nội lại hiện ra trước mắt tôi lung linh trập trùng

như vậy. Mỗi ánh đèn của Hà nội đêm đó là một điểm lân tinh. Muôn vàn lân tinh của Hà nội đã hóa thân thành biển. Có điều là, cùng với cháy sáng đồng loạt của lửa, mà từ trên cái đường kính của một nghiêng cánh vĩnh biệt, tôi đã đồng thời nhìn thấy trong cái cõi ba mươi sáu phố phường lấp lánh động ảnh phía dưới, từng ánh lân tinh của Hà nội tàn dần. Đêm lên đường, cái hệ thống đèn lửa lơ đồ của Hà nội đang dần dần khép mắt. Từng ngọn một. Từng ngọn một. Từ Yên Phụ tới Kim Liên. Từ Quan Chương tới Cầu Rèn. Từ Mã Mây tới Bảy Mẫu. Bay lên khỏi địa hình Hà nội, mỗi đò lửa Hà nội, trong tâm tưởng đã rời đứt vĩnh viễn với đò cũ ở nơi tôi, là một ánh tinh thể xuất thoát khỏi một tử thi đã lâm chung, đã ngừng thở. Khi người nữ chiều dài viễn bảo tôi là máy bay đã lên cao, đã bay vào một đường thẳng, đang hướng về những vì sao phương Nam, tôi nhắm mắt lại. Đầu óc tôi phút đó tối đen. Với tôi, đêm đó lửa Hà nội đã tắt. Tắt tới cái điểm le lói cuối cùng của lửa.

mai thảo

(Văn đề số 31)

LÝ HOÀNG PHONG

Huế, thành phố của bí ẩn

MỖI lần về thăm rồi từ già Huế, tôi vẫn từ già thành phố ấy như một kẻ trốn chạy, Huế, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Thật ra, tôi không bao giờ quên được thành phố đó, thành phố của một quê hương như đã mất nhưng bao giờ cũng có mặt. Nhưng nhớ đến nó, tôi vẫn nhớ như người ta nhớ đến một ngôi chùa, một giòng sông hay một đêm trăng. Hình ảnh Huế gọi lên trong trí tưởng vẫn cho tôi cảm giác đứng trước một cái gì vĩnh viễn không đổi thay, vĩnh viễn im lặng, nhưng vẫn luôn luôn khuấy động đời sống con người như một bí ẩn. Tôi nghĩ : Huế là thành phố của hư vô. Nó xô đẩy và cuốn hút con người như hư vô.

Đà Lạt cũng cho người ta cảm giác đó. Với bầu trời mênh mông trên đầu, những núi đồi trùng điệp, những con đường vắng xuôi đi mất hút, những mặt hồ im lìm, những đêm sương sa mù mịt ánh đèn nhoe ra lung linh ở xa như những ánh sáng của một thế giới nào khác. Nhưng Đà-lạt chưa phải là một thành phố. Nó còn quá trẻ. Nó chưa có đủ một lịch sử, một cuộc đời để cho những cảm giác siêu hình đè nặng trên chúng ta. Huế có đủ dĩ vãng để cho hư vô vây quanh con người.

Bước xuống phi trường Phú-Bài, anh đã gặp phải một

cảm giác ngây ngây lạc loài. Con tàu chở anh vừa bay men theo một miền biển xanh nhấp nháy ánh nắng, nó vừa vượt qua một ngọn núi thấp, lướt trên một vùng cát trắng với những bãi đất nhấp nhô, lổm chổm những bụi cỏ khô cháy, nó hạ thấp xuống trên một khóm tre trước khi đáp xuống phi đạo. Đứng trên sân bay mắt chim giữa vùng sa mạc đỏ, anh thở một thứ không khí nóng hổi, một thứ gió nồng nàn tấp vào người làm anh say say. Những hành khách mang giỏ, mang va ly chậm chạp rời sân bay. Một người con gái mặc áo trắng chạy ra đón người thân. Một thân hình và một khuôn mặt đều đặn, một mái tóc đen chải sát trên đầu với một đường rẽ giữa và thả xuống ngang vai. Người con gái có thấy anh, có nhìn anh, anh không biết, nhưng anh cứ tưởng đôi mắt đen lần quát chung quanh, như một ảo ảnh.

Chiếc xe lam chở anh rời phi trường ra đến quốc lộ và chạy về thành phố. Qua những đám ruộng, những khóm tre, những mái nhà tranh, chiếc xe chạy bên cạnh một con đường sắt, anh nhìn thấy những dãy núi xám ở gần trước mặt và gần hơn, những ngọn đồi trần trụi. Bây giờ đã thấy hiện ra những xóm nhà chen chúc, những mái ngói, những khu vườn, chiếc xe bẻ quanh, chạy thẳng qua một chiếc cầu ngắn, một mái chợ và một khu phố nhỏ rồi đổ xuống trên một mảnh sân, nơi một ngã tư. Anh đã đến Huế giữa một trưa hè. Anh thả mình trên một chiếc xích lô, hai chiếc bánh thông thả lăn trên một con đường vắng lấp loáng bóng cây, anh nghe một im lặng mênh mông dâng lên từ cảnh vật và ở chính trong anh. Anh đang đi vào thành phố của hư vô.

Anh về đến gia đình và biết rằng sắp có một ngày giỗ lớn và ngày mai, trước ngày giỗ, anh đi tảo mộ với người cha. Anh trở lại nơi những ngọn đồi trần trụi và những con đường cát trắng với một ngọn suối nhỏ. Anh leo lên những ngọn đồi, đi từ ngôi mộ này đến ngôi mộ khác, anh thấp những cây hương cầm trước những tấm bia, anh vái lạy những người đã chết, ông

cổ, bà cổ, ông nội, bà nội, những anh em đã mất. Đứng nơi ngôi mộ của người cổ nằm khoanh giữa một nắm đồi dưới chân một ngọn núi thấp, nhìn xuống ngôi nhà thờ nhỏ sơn trắng nằm giữa bãi thung lũng bên cạnh một khóm thông già, anh sống lại với dĩ vãng, anh đắm chìm trong thế giới vô hình giữa cảnh vắng lặng của núi đồi. Và ngày giỗ đến với mùi hương trầm lan tỏa trong nhà, bàn thờ sáng choang đèn nến và những hình ảnh người chết hiện lại với mọi người, những anh em, bà con, chú bác, cô, dì tụ họp, những người chết luôn luôn có mặt trong đời sống của thành phố.

Những ngày hôm sau, anh đi thăm bà con, những bạn bè quen thuộc cũ. Anh đi vào Thành-Nội với điện đài cổ kính, với những căn nhà vuông vắn giữa một mảnh vườn nhỏ có hàng dâu xanh, trước sân có cây kiến, có vồn hoa, có cây ăn trái mỗi khu nhà là mỗi vũ trụ riêng biệt. Anh đi qua Ao-Hồ, nơi những khu vườn rộng, những kiểu nhà quan cách, có bình phong đằng trước, cửa nhà kiểu cổ ẩn dấu bên trong. Anh đi qua Vĩ-Dạ, về An-Cự, lên Bến-Ngự, Phú - Cam rồi đến Nam-Giao. Ở đâu, trong mỗi nơi anh đi qua, trong mỗi gia đình anh ghé thăm cũng có một phần hư vô bao bọc, nơi những bàn thờ khuất kia sau những tấm màn, nơi những khoảng trống vắng lẽ giữa đồ vật, nơi khu vườn đầy cây lá, nơi màu trắng những tà áo con gái, rơi con mắt một người gặp trên đường, trên giòng sông, trong ánh trăng.

Huế có lẽ là thành phố độc nhất trên thế giới mà những nữ sinh gặp nhau buổi sáng ở nhà trường với câu nói đầu tiên «đêm qua trăng đẹp quá». Về với Huế là về với những đêm trăng, một thứ trăng của Hàn-mặc-Tử, trăng của tôn giáo, của Đông phương, của một thiên nhiên đầy tình cảm. Đêm, nằm trước sân nhà hay nằm trên gác, trăng chơi với trước mắt anh. Đêm, anh đi trên những con đường đầy trăng ra đến ngoài bờ sông và anh nhìn trăng tràn ngập trên giòng nước

anh nhớ đến bao nhiêu đêm trăng của tuổi thơ và của những ngày niên thiếu đầy ảo mộng. Về với Huế là về với con sông anh không bao giờ quên, con sông đã trở thành một vơi thành phố, gắn liền với đời sống con người chung quanh, con sông mờ sương buổi sáng, con sông rực rỡ buổi trưa, con sông êm đềm buổi chiều, con sông man mác buổi đêm. Một buổi chiều anh xuống bến đò Thừa phủ và anh thấy cả một giòng nước màu xanh lá cây óng ả, một hoàng hôn, anh qua bến đò Vĩ-Dạ và mặt sông là cả một màu huyết dụ lấp lánh mệnh mang; cũng một buổi chiều, anh lên đồi Vọng-Cảnh, trên đường đi, anh thấy con sông lấp loáng dưới xa như một giải lụa huyền, không như chảy về mà như xuôi lên một miền Thiên-Thai xa vơi, một đêm nào, đứng trên cầu Tráng-Tiền, anh nhìn xuống mặt nước đen in bóng những bông mây trắng nổi, một mảnh trăng và những vì sao, và ngày lại ngày, con sông im lìm chảy mãi như giòng thời gian đi vào bất tận. Và tất cả, ánh trăng và giòng sông, tất cả mang lời mời gọi của một hư vô đầy huyền nhiệm, tràn ngập, xâm chiếm lấy anh.

Huế có phải là thế, là thành phố của im lặng, của ánh trăng và của giòng sông. Nếu vậy làm sao giải nghĩa được sự vùng dậy của thành phố đó những năm qua. Hay là sự vùng dậy cũng chỉ là một tác động của hư vô. Và đó là điều bí ẩn của một thành phố trong lịch sử. Một buổi sáng, anh đến nhà thờ Phú-Cam, anh bước lên những hàng tầng cấp cao và những mặt sân rộng, nơi đây những toán học sinh nhỏ đang chơi đùa, múa hát, anh lên đến hành lang của nhà thờ, vào bên trong, những ông già bà già quì đọc kinh giữa những cây cột lớn và trong một thứ ánh sáng nửa chừng, vơi một giọng ngân nga anh chưa từng nghe, nhắc anh nhớ đến những điệu đàn độc thoại tây-ban-nha. Anh đi qua chùa Từ-Đàm cách đây không xa, cũng bước lên những tầng cấp cao và đi vào trong kiến trúc của một thứ chùa Trung-hoa, khép kín, cao lớn và uy nghi,

khác hẳn với vẻ trang nhã đơn sơ của một chùa Bảo-Quốc. Anh nhớ rằng vùng Phú-Cam là nơi nuôi dưỡng tinh thần một gia đình đã làm cuộc cách mạng nhân-vị và chùa Từ-Đàm là nơi phát xuất một cuộc cách mạng khác mà chung cục đang còn là một dấu hỏi. Anh tiếp tục cuộc hành trình về phía Nam-Giao, rẽ vào một cánh đồng thông, bước đi trên con đường lặng lẽ. Anh lên đến đỉnh đồi và thành phố hiện ra trước mắt anh, dưới xa; con sông lấp lánh, ẩn hiện giữa những vùng xanh cây lá, và 2 bên bờ, cột cờ Thành-Nội, góc chợ Đông-ba, mái trường Đại-học, tòa nhà Hành-Chánh... Anh đang ở thành phố trên cao nhìn xuống thành phố dưới thấp.

Một thành phố cũng như một con người. 'Nó có một đời sống của thể xác, một đời sống của trí thức và một đời sống của tâm linh. Đặc biệt của Huế là ba khu vực đó của đời sống được phân ra trong ba khu vực của thành phố, với những giới hạn, những tầng cao thấp rõ rệt. Khu tả-ngạn là khu vực của đời sống kinh tế với phố xá buôn bán dọc theo con đường ven sông từ Ba-Vinh đến chợ Đông-ba. Khu hữu ngạn là khu vực của đời sống chính trị và văn-hóa với công sở hành chánh, các trường đại học và trung học. Và khu vực thứ ba là của đời sống tâm linh ở một tầng cao hơn là Bến ngự, là Phú Cam, là Nam Giao, với những con dốc đưa lên những vùng đồi núi cao lên mãi là núi Ngự, là Thiên Thai, nơi đây là miền ngự trị của tôn giáo, với nhà thờ Phú-Cam và những ngôi chùa đầy dẫy khắp nơi.

Trước khi có mặt người Tây phương thì ba khu vực này của đời sống đều ở về phía tả ngạn: khu vực Đông ba, khu vực Thành nội và khu vực chùa Thiên mụ. Nhưng người Tây phương đã đến, tạo ra một thành phố hữu ngạn của văn minh phương Tây đối chiếu với thành phố cũ của phương Đông.

Trong những trang cuối của tác phẩm *Le Zéro et l'Infini*, hình như Koestler đã tưởng tượng đến một cuộc cách mạng của những tu-sĩ, tiếp theo cuộc cách mạng của những ủy viên chính trị. Nếu Huế, nơi mà hư vô đang còn bao trùm đời sống, nơi mà những lực lượng kinh tế chưa đè bẹp con người như Sài-gòn và Hà-nội, đã là nơi phát sinh cuộc cách mạng như Koestler đã từng tưởng tượng, thì đấy không là một sự kiện khó hiểu.

Đã có một thời kỳ con người đắm chìm trong hư vô và đã có một thời kỳ con người muốn hoàn toàn chối bỏ hư vô, coi nó như một sức mạnh ma chiết con người. Marx đã nói đến tình trạng vong thân trong đời sống tôn giáo, trong chế độ tư bản, đến nay người ta đang nói đến một tình trạng vong thân khác trong đời sống kinh tế, trong chế độ cộng sản. Nhưng hư vô là sự sống, là sức mạnh kết hợp và giải phóng hay trái lại. Đó là câu hỏi một thành phố có thể trả lời trong lúc dân tộc đang trên đường đi tìm sự hợp nhất để trở thành một thực thể toàn diện.

Nghĩ về Huế với bao nhiêu kỷ ức và ý tưởng, có lẽ tôi đã hiểu được một phần nào tại sao Huế vẫn đem đến cho tôi những cảm giác đầy mâu thuẫn. Tôi mơ ước một ngày trở về thành phố đó mà không còn thấy bị xô đẩy và phải trốn chạy. Đó là ngày tôi không còn thấy choáng ngợp trước sự im lặng, không còn thấy sa lầy trên những con đường không bóng người, không còn thấy chết đuối giữa đêm sâu trong một tiếng chuông chùa bỗng nhiên vang động. Ngày đó tôi cũng sẽ hiểu được điều bí ẩn của một thủ đô đã xuất hiện do lời phán từ khoảng không.

LÝ-HOANG-PHONG

(Vấn đề số 4)

VŨ KHẮC KHOAN

sài gòn huê hà nội và tôi

Một thoáng hiện hốt nhiên bất chợt nơi một lối ngoặt, một ngã tư, một hè đường, một chút nắng đan trên mặt lộ, một thoáng hiện như một sự kiện đã xảy ra, như rút về từ một dĩ vãng đâu đây, chỉ có thể, hơn nữa, khởi lên trong giây lát để rồi tan đi như bọt sà phòng, nhưng bởi đã thâm nhận diện là quen thuộc, nên người trong cuộc — đang sống vội trung tâm sinh hoạt phồn tạp một đô thị vô tình — chợt dừng người, chợt nhớ lại, chợt thấy dấy lên từ sâu thẳm kỷ ức, một vài nét kỷ hà đường ngang lối dọc, một vài khối hình lùm cây, nóc phố, đề, từng mảnh vụn chấp nối, một bối cảnh thành hình, một địa danh được gọi lên và một thành phố được khai quật. (Một thành phố rời bỏ đã từ lâu, đã tưởng trọn vẹn vùi lấp trong lòng đất và đá của một vụ chấn động tâm tư nào đó mà sức tàn phá tưởng có ngang sức tàn phá một cơn địa chấn thời hoang vu, cả một lục địa một sớm vụt trở thành rốn bề.)

Cái hiện tượng bất giác bị đẩy lùi về dĩ vãng đó, tôi vẫn cứ thấy giống như một khai quật nhớ thương hướng về một người. Một người đàn bà.

Một thành phố như vóc dáng một người đàn bà. Cũng thờ ơ, lãnh đạm, vô tình, vô duyên, cũng quyến rũ, yêu, nhớ, dứt

áo ra đi, trở về đột ngột. Sống ở đó, trong đó, là thôi suy nghĩ về đó, là với một người đàn bà, dẫn thân vào hành trình một cơn đam mê, là dọn mình để chấp nhận tất cả : tiếng động của xe cộ, phiên toái của luật lưu thông đèn xanh đèn đỏ, bụi bặm của một khung trời chật hẹp, rác rưởi của đầu đường xó tu chợ, sinh lây của ngõ hẻm, bất ngờ của điện và nước, và thỉnh thoảng, những buổi sáng sinh động, những buổi trưa tĩnh vật, những buổi chiều tay muốn nắm tay, những đêm xuống thân xác tìm thân xác. Sống ở đó là... sống ở đó. Không đặt vấn đề. Không thăm định giá trị. Cho nên... *Saigon đẹp lắm Saigon ơi* là ngớ ngẩn, là sai lầm. Vì Saigon không thể đẹp, không thể xấu đối với người Saigon. Trước khi yêu, người ta có thể bình tĩnh phân tích, ngẫm nghĩa, so sánh. Yêu rồi là thôi tính toán, là chẳng thấy gì, là chuỗi theo, là hết. Hình như tòa building Caravelle có xây nghiêng mấy độ, người Saigon vẫn thản nhiên tản bộ đường Tự do. Saigon bị pháo kích, người Saigon lắm lần lo sợ nhưng nếu có chạy thì cũng vẫn quanh quần đường nọ tản cư sang đường kia, khu phố này xê dịch sang khu phố khác. Rút cuộc người Saigon vẫn ở lại Saigon. « Saigon là đất bồi, là bến nước, là bốn mùa luân chuyển trong một ngày, là mưa là nắng dứt khoát hai vụ gió mùa, là đam mê, là sống vội hôm nay, không có hôm qua, bất chấp ngày mai». Có thể là như vậy. Nhưng đó là Huế, là Cần Thơ, Sóc Trăng, Hà Nội, Phú Lý, đó là những người làm văn làm thơ, những người nghiên cứu địa lý, xã hội... đó là *những người khác* luận về, ca tụng, viết về, bàn tới Saigon. Người Saigon gắn liền định mệnh của riêng mình vào định mệnh chung của Saigon và không có ý kiến về Saigon.

Không biết xa Saigon, người ta có nhớ Saigon, nhưng có những nơi người ta đang định cư, đang lạc nghiệp, chưa hề rời nửa bước ra khỏi đường ranh, mà nhớ nhung vẫn hiện hữu, vẫn giăng mắc đầu dây — ở mọi ngã đường, đầu phố, ngã ba, ngã tư — ngay trong sinh hoạt hàng ngày. Hầu như nhớ nhung ở những nơi đó đã trở thành một thứ hạ tầng cơ sở mà lâu ngang phố dọc, chợ búa, bát úp nhà phường, tàn cây, lối cổ xây

dựng lên trên chỉ là những kiến thiết thượng tầng. Huế chẳng hạn, Huế là dĩ vãng, luôn luôn là cái đã qua đè nặng lên cái bây giờ và dội bóng âm thầm lên dự phóng những buổi sáng ngày mai. Huế là mối tình phẳng phất màu bệnh tật, người đàn bà thường kỵ ánh mặt trời. Huế là mờ mờ nhân ảnh dọc một dãy hành lang Đại Nội, là tinh tú chất đen láy của một ánh mắt có đuôi chộn với chút lệ ma Hời, là lẳng đặng khói sương bên kia bờ con Hương giang có hoa bắp lay lắt từng đợt gió Lào, là thấp thoáng vô tình mà hữu ý bóng ai qua những xen kẽ thưa mau, một bức dậu tre ngăn đôi hai căn nhà cổ rêu mát leo chân tường miền Vĩ dạ. Tự lòng kiến trúc, Huế ôm chặt lấy dĩ vãng của mình bởi những con đường thương mại chạy dọc Hương giang không làm tròn nhiệm vụ hòa giải giữa cung miền triều xưa và những xây dựng nắm mang ý hướng noi theo tiến hóa Tự chất liệu hình thành, tự đất, nước và đá, Huế thỏa mãn, tự kiêu với niềm hoài cổ, nước sông Hương đầy hiện tại ra bề Thái bình, đá núi Ngự sừng sững bề quan tỏa cảng. Huế là trắng, sinh hoạt ban đêm, là mối tình ê chề, luôn luôn chờ đợi tiếng gà gáy lẻ để nhớ về một mối nhân duyên gần bó « vợ con chuyện nhà », muốn dứt đấy mà những buổi chiều « nắng chia nửa bãi », vẫn thấy ngậm ngùi, chân quen lối cũ, đường cỏ xuyên qua nương sắn mòn thêm một lần nữa, một lần nữa... (rời thôi hỉ !)

Tôi hiện đang sống giữa Saigon. Tôi đã hơn một lần dừng chân ở Huế. Nhưng tôi sinh trưởng ở xa hơn nữa, giữa lòng Hà nội. Và giữa lúc này, nghĩ về Hà nội, tôi không biết viết gì ngoài một lá thư. Một lá thư bình dị. Của một đứa con gửi một người mẹ. Một người mẹ đã mất. Và tôi nhận thấy ngay một cần thiết giải thích.

Số là... nghĩ về Hà nội thì trong cái mòng lung rối bời mờ mờ hiện hiện, tôi chỉ còn thấy hiện lên những con đường. Con đường rầy phanh xe lửa rít rợn thần kinh mỗi khi từ từ chuyển bánh để đi vào ga Hà nội. Và — chuyến xe cuối cùng Hải Phòng Hà Nội — đi vào giữa giấc ngủ của tôi tự tấm bé, mang theo tỏa ắp căn nhà tôi sinh trưởng, nằm sát một búp

ghi, hương vị của than tàu, tiếng gọi của còi tàu và ma lực quyền rũ của ý niệm mang mang một rời bỏ, một lên đường. Những lúc đó, sự tĩnh, tôi thường dời lòng ấm của mẹ tôi, để đi vào những giấc mơ đại dương trời xa và rộng chỉ còn là một con đường cong chấm dứt chân trời. Những giấc mơ đó thường kéo dài vào những giấc mơ lớn khác và thường kết liễu, đột ngột, khi mẹ tôi từ từ ngồi dậy, khí lạnh của đêm tàn lên nhẹ vào chiếc mền nệm, khi giờ tay ra ôm và yên trí là mẹ thì bỗng sững sờ bởi chỉ bất gặp một khoảng không buốt ngắt, một chiếc gối cứng nhắc đượm hơi sương sớm ngoài trời.

Con đường nào cũng đề xa nhà. Nghĩa là xa mẹ. Con đường chạy quanh bãi đá bóng Cột Cờ, đi tự sớm để tránh chỗ tốt, về thật chậm, chân dẫm trên sương của cỏ, bước chân ngăn ngừa trước ngưỡng cửa nhà, lòng hoang mang sửa soạn đối phó với ánh mắt đợi chờ bữa cơm chiều của mẹ. Con đường đôi dẫn lên Quan Thánh dẫn đến Trường Bưởi, chuông xe điện lạnh canh, bước chân rộn vội bước theo bước chân của bạn. Con đường Carreau, cây mọc vút lên cao như hi vọng sinh viên, cành cây nhung nhúc lộc non như lòng ngực sinh viên đầy dưỡng khí của những ngày mai. Con đường ngoằn ngoèo làng Láng, Voi Phục, Cỏ Ngur, nhịp bước dài và mạnh hơn bước của ai, tay nắm tay ai mà run rẩy như có ủ chiêm chớp chớp chim non. Con đường... còn rất nhiều con đường. 9-3-1945. 19-8-1945. 19-12-1945. Và... con đường xuyên Việt Hà Nội Huế Saigon 1954.

Con đường nào cũng đề dẫn đi xa. Xa lòng mẹ.

Nhưng tôi lại nghĩ thêm rằng con đường nào nếu đã dẫn được đi xa tất cũng có thể dẫn về, dẫn trở lại. Và cũng bằng những con đường cũ, tôi trở về để mong ước rất viễn vông, để giả tưởng rất hão huyền rằng... nếu mẹ tôi chưa chết... Để được viết một lá thư. Rất bình dị. Lá thư tất nhiên phải kết luận như sau :

Thưa mẹ... con, chúng con xin kính chúc mẹ đôi chữ bình an. Còn về phần con, còn về phần chúng con, thì nhờ Trời nhờ Phật... vẫn được như thường. Nay kính thư.

Và ở dưới, dĩ nhiên là phải ký tên. Rất rõ:

vũ khắc khoan

(Văn Đề số 30)

BÌNH NGUYÊN LỘC

saigon, thủ đô bách việt

Khi mà cái cơ quan tên là « Phủ Toàn Quyền Đông Pháp » được thành lập, thì ông Toàn Quyền đầu tiên, ông Paul Doumer, quyết định đặt trụ sở cho phủ ấy tại Hà Nội, vì lý do chiến lược chứ không phải vì đó là nơi nhau rún của dân tộc Việt Nam.

Người thời cổ luôn luôn hiểm cứ ở nơi xa địch thủ, còn người thời Paul Doumer có quan niệm chiến lược khác hơn, là nằm càng sát địch thủ càng hay. Địch thủ trong trường hợp đó là nước Trung Hoa khổng lồ.

Nhưng người của thời Apollo lại quan niệm khác hơn nữa. Khi mà phi cơ phản lực thấu gần không gian thì gần hay xa, không còn là một vấn đề then chốt.

Nếu ta dạo phố Sài Gòn mà hay nhìn những thứ khác hơn là những chiếc duýp ngắn, là sẽ quan niệm rằng thủ đô của nước Việt Nam phải là Saigon, cho dầu trong tương lai mà có thống nhứt Nam Bắc đi nữa.

Các bạn đi dọc theo tường thấp của nhà ga xe lửa, ngày xưa là Xuyên Việt đấy, nhưng ngày nay thì quá quạnh hiu, các bạn sẽ bị một bàn tay có vẻ anh hùng lắm, chặn các bạn lại thỉnh linh, rồi một giọng lơ lơ vang lên :

— Mời thầy Hai mua thuốc đau con mắt (Mời thầy Hai mua thuốc đau con mắt).

Các bạn nhìn lại thì thấy ba bốn đồng bào Chàm, có lẽ từ Ninh Thuận theo xe lửa vào, ngồi dựa vách để bán những dược thảo

gia truyền, những chiếc vòng đeo tay bằng mây đan nhuộm màu sắc sỡ xanh, đỏ, trắng, vàng.

Thường thì hai nam với một nữ ngồi giữa. Người nữ mặc áo dài lụa màu xanh đọt chuối, còn nam thì bà ba nâu sòng. Cảnh tượng giống hệt cảnh tảo quan của huyền thoại ta, hai ông một bà khiến ta không sao không thoáng nghĩ đến mẫu hệ Chăm. Đó chỉ là ý nghĩ thoáng qua mà thôi, vì tuy họ còn theo mẫu hệ, nhưng họ đã bỏ tục đa phu từ lâu rồi.

Là người thiểu số, đàn ông Chăm trông rất là hiền ngang và cánh tay của họ đưa ra, thật là hách khiến trẻ con yếu bóng vía phải hoảng hồn.

Chúng tôi nắm vững bằng chứng khoa học rằng người Chăm đồng chủng với ta, và cuộc sáp nhập nước Chiêm Thành vào nước Việt, không phải là một hành động xâm lăng, mà chỉ là một cuộc thống nhất hai tiểu bang đồng tông, công cuộc thống nhất đó vốn đã được vua Hùng Vương thực hiện một phần nhỏ, rồi thì ta bị trị nên phải bỏ dở hàng ngàn năm.

Trên kia, chúng tôi nói đến « đồng bào » Chăm, là nói lên một sự thật khoa học, chứ không phải là mị dân theo lối chính khách đầu. Như vậy người Lỗi, tức là người Hời, tức người Chiêm Thành chỉ là một chi của dòng Bách Việt to lớn xưa kia làm chủ đất Trung Hoa, đã được Tả Khâu Minh nói đến từ đời nhà Chu.

Rời nhà ga, ta bước sang chợ Bến Thành. Một màu vàng tươi kéo cái nhìn của chúng ta lại. Đó là một khất sĩ Cao Miên, ông lục ấy cầm bình bát đứng lặng thình trước một ngôi hàng, đợi cô bán hàng dâng thực phẩm.

Chỉ số sọ của người Cao Miên chỉ khác chỉ số sọ của người Việt Nam có một đơn vị. Đó cũng là một đứa con của Bách Việt nữa, có lẽ thuộc chi thứ; chứ không phải dòng chánh, nhưng y cứ mong trong huyết quản của y dòng máu Bách Việt như thường.

Rời chợ Bến thành, ta đi sâu vào đại lộ Lê Lợi, rẽ tay phải, ta đụng đầu với một ngôi đền nghèo mà bình dân Sài Gòn quen gọi là Chùa Chà Công Lý.

Ngôi đền này là bà con đói rách của những ngôi đền Ấn Độ Trương Công Định, Công Lý (đoạn trên cao) Thái Lập Thành Tôn Thất Thiệp.

Người ở trong chùa, không phải chỉ có tu sĩ như ở các đền khác, mà có cả dân nữa. Dân đó không vàng hăn, cũng không đen hăn, có vẻ rạch lăm. Có lẽ cộng đồng này nghèo nên đền thờ mở cửa cho tín đồ tạm trú.

Hỏi ra thì đó là đền thờ Hồi giáo của Mã kiều.

Chúng tôi lại nắm vững trong tay bằng chứng khoa học này là cái thứ dân Việt mà cổ thư Trung Hoa tả, thuộc chủng Mã Lai. Ta với Mã, không có xa nhau lắm đâu. Sở dĩ ta thấy Chàm và Mã khác ta vì họ theo văn hóa Ấn Độ, còn ta thì theo văn hóa Tàu. Văn hóa biến đổi con người rất là dị kỳ, người Pakistan tự thấy và có vẻ khác người Ấn Độ chỉ vì họ theo văn hóa và tôn giáo Ả Rập mà thôi.

Thế là có một nhóm Bách Việt nữa nằm trong thủ đô của ta. Trời đã sụp tối, đèn đường đã mở mắt ra.

Ta ngược trở lại đại lộ Lê Lợi.

Trên vỉa hè, ta thấy ngồi bày hàng, những con người lạ, da vàng, nhưng tóc quăn quít. Họ bán ngọc, ngọc hồng, ngọc bích, ngọc lưu ly, chắc là ngọc giả đấy, chứ ngọc thật mà ngồi vỉa hè thì nó sớm vào túi bọn cướp giựt đông đầy đường dạo này.

Họ biết Ảng Lê. Họ nói họ là dân nước Nê Ban. A! Đây lại là một nhóm Bách Việt nữa. Khoa chủng tộc học (cái khoa mà hồi tiền chiến ta gọi là nhân chủng học), cho biết rằng dân Nê Ban là dân Tây Tạng vượt Hy Mã Lạp Sơn để lập quốc trên vùng đất Ấn Độ.

Một thuyết mới nhứt của khoa đó cho biết rằng chủng Mã Lai Bách Việt và chủng Tây Tạng là đồng tông, chủng Mã Lai Bách Việt đã tách riêng ra, tràn vào làm chủ đất Trung Hoa cách đây sáu ngàn năm, trước cả Hoa chủng nữa.

Thế thì Nê Ban lại mang họ Việt nữa rồi.

Các bạn có biết cái « Vót » hay không? Đó là một dụng cụ của thợ kim khí mà hình như Trung Bắc không có tên vì không tìm thấy trong tự điển Đào Duy Anh.

Dụng cụ ấy bằng đất nung và người ta pha trộn kim khí ở trong đó để chế tạo hợp kim, Tây gọi là Creuset.

Sàigòn phải biến thành một cái vót để cho bao nhiêu nhóm Bách Việt đó trở thành đồng văn, đồng ngữ, mà muốn được thế, nó phải mang tánh cách thủ đô.

Nông thôn có khả năng bảo vệ biệt sắc địa phương rất mạnh, mà thành phố nhỏ cũng vậy. Chỉ có thủ đô là xáo trộn tất cả trong nhịp sống xô bồ của nó, chỉ có thủ đô mới ít thành kiến để một cộng đồng cũ mở cửa đón nhận một cộng đồng mới vào đời sống thân mật của nó.

Hà nội không thể làm cái sứ mạng đó được, vì Hà nội là thuần Việt.

Những nhóm Bách Việt lang thang chỉ có thể trôi dạt vào Sài Gòn mà thôi, một thành phố hỗn tạp, một cơ thể có sức khỏe vượt bậc chấp nhận sự len lỏi vào của cả những hòn sỏi cứng mà không chết, trái lại còn biến những ngoại tố khó tiêu đó thành tế bào của một tổ chức sinh lý mới.

Sài Gòn là một kẻ ăn sắt mà không đau dạ dày, nó đã ăn tạp như vậy từ năm 1658 đến nay là 311 năm rồi mà không hề phải rước thầy lang lần nào, mà xem ra càng ngày nó càng sồn sồn ra với một sinh lực mới cấu tạo bởi những thứ lảng nhảng như vậy, phương chi đã nói những thứ dân kể trên đều thuộc dòng máu Bách Việt thì họ không còn là món khó tiêu hóa nữa như Ăng Lê, Huê Kỳ, Pháp hay Ấn Độ.

Khoa học đã chứng minh rằng khi một dân tộc, một cộng đồng, một thành phố thuần chất quá lâu đời, nó sẽ mất sinh lực, già cỗi rồi bị hủy diệt. Nước Trung Hoa sở dĩ quá lâu đời mà cứ còn trẻ, nhờ họ được pha trộn với dòng máu Việt từ ngày con cháu của họ nam thiên, lập ra nước Sở, đất tổ của Việt chủng, cho tới năm 227 T.C. mà Tần Thủy Hoàng tiến chiếm xa hơn, tới một nơi mà Tư Mã Thiên khẳng định là Tropiques du Cancer, tức thành phố Quảng Đông ngày nay.

Đồng bào di cư đừng có mơ Bắc tiến vô ích. Ta lập thủ đô tại đây, và đây là nơi mà dòng Bách Việt oai hùng của thời Kinh Man được phục sinh với một sức sống mới, mãnh liệt hơn bao giờ cả.

bình nguyên lộc

(Văn Đề Xuân Canh Tuất)

TÚY HỒNG

nói với huế

Anh Đổ,

Tôi đã ở Huế từ trong bụng mẹ đến cuối năm thứ hai mươi tám của cuộc đời. Huế đã mang thai tôi, để ra tôi cho đến khi tôi đi lạc vào Sài-gòn. Từ hơn hai năm nay tôi ở nhà thuê, nói tiếng Bắc, ăn chả giò, ăn bún riêu, canh chua cá dầm, thịt bò vò viên, mía ghim... Hôm nào anh vào Sài-gòn tôi sẽ đãi anh ăn một bữa thịt bò bảy món (mọi lần gọi là «bò bụng» vì ăn vào đầy một bụng thì thôi). Đàn ông ở Sài-gòn ăn chua dữ lắm anh Đổ ạ! có nhiều ông vác cả trái cóc dầm cam thảo vừa đi vừa ăn lều nghêu dọc đường.

Tôi vào Sài-gòn đã hơn hai năm mà vẫn còn hột chân chưa đứng vững được, nghĩa là: tôi chưa hề viết được một chữ về cái Sài-gòn này. Khiếp quá! một lỗ hồng lớn... Còn nhớ thời gian ở Huế, khi tôi mang ý định bỏ Huế vào Sài-gòn ra nói với anh thì anh đã làm ra như cản như không: Chị chuồn há? mình ở Huế có ai làm gì mình được?

Mình ở Huế có ai làm gì mình được!... nghe thấm thía, thấm như nước mắm thấm vào cá nục kho khô trong trách đất. Tôi vào Sài-gòn đâu phải là một cuộc tháo thân, vì đâu có biết trước rằng trong tương lai Huế sẽ trải qua vụ đổ huyết rợn gáy lịch sử

là cái biển cổ Mậu-thân vừa rồi. Hồi đó chúng ta đã chẳng bàn với nhau : Cộng-sản chắc không chịu đánh Huế đâu ? chẳng ??? cho họ được chút gì cả. Cái gọi là quân sự đâu phải là đất thần kinh nhà mình. Rồi chúng ta nhìn Sài-gòn, nhìn Nha-trang, nhìn Đa-năng bằng cặp mắt lo ngại... Bây giờ mới biết Huế đã ??? thật gần lịch sử !

Tôi cam đoan không có người Huế nào yêu Huế bằng tôi mặc dầu tôi đã bỏ Huế mà đi gần ba năm nay. Tôi là một trong những người yêu Huế nhất với cái bằng chứng : tôi chỉ viết được lại vài ba tác phẩm thôi mà cuốn nào cũng nói về Huế. Huế ! Huế ! hễ cứ cầm cây bút lên là Huế ! Phải là một thứ tình đậm đặc, ??? xiết khối óc và cường bức thể nào tôi mới viết về Huế hết mình như vậy ! Mặc dầu có những người Huế không bằng lòng tôi viết ra một cái-Huế-như-vậy ! Nhưng văn chương là viết những điều mình nghĩ và không làm đáng. Tôi chỉ đặt vấn đề là tôi thương Huế mà thôi ! Bỏ Huế mà đi lòng nhớ trời, nhớ khoảng thiên nhiên Tôi không yêu một thứ vẻ đẹp cấm cung, một thứ vẻ đẹp hạn hẹp mà yêu bao la cả một khoảng thiên nhiên. Huế đẹp từ một vũng nước đọng bên đường đến lưng còng con Hương-giang, từ cọng rau muống bờ hồ đến cây phượng già xanh lục. Có nhiều hôm đi xe đạp lên cầu ga nhìn dãy núi lam phía sau cầu Bạch hỏm một mùng mùng mà tưởng cái phần hồn của từng kiếp người cũng có thể dăng dài keo kéo dây như vậy ! Những đêm mưa đông, những con « ặng oang » kê mồm khoắc khoải kêu khan^{lộn} những ao rau muống... Kêu chi mà khổ, mà trầm thống ! Thấy vào đó, tiếng rao hàng dài lê lết : mua trứng lộn ! mua trứng lộn ! Trời ơi ! tiếng kêu của miếng ăn sao mà buồn đến thế ! nhưc xương buốt tủy mất ! Tưởng tượng mở cửa kêu vào chắc mình phải ôm cô hàng trứng mà khóc ngất ! Rồi cái quán cơm, quán cơm cũng mang tên Âm-phủ ăn dưới ngọn đèn tù mù... và con đường Âm-hồn, tiếng chuông chùa Diệu-đế... Cực lòng quá Huế ơi ! Tôi đi ! Tôi đi... ở với Huế buồn lắm... Vào Sài-gòn hơ may có một nụ cười...

Buổi sáng tôi đi, tôi ôm gói áo quần xuống phi trường Phú Bài. Huế của tôi, tôi biết, không bao giờ khóc người đi và cũng chẳng bao giờ mừng người trở lại. Huế của tôi không yêu ai mà cũng chẳng phản bội ai.

Anh Đỗ, khi chân vừa chấm đất Sài-gòn, tôi nhìn lui chiếc tàu bay mà lòng có quắp đau đớn : thôi ! mất Huế hẳn rồi. Tôi hương con đường Phan Chu Trinh với ngôi nhà thềm trắng, bồn hoa violette, hai cây dừa xiêm giắt những gói muối, và bến sông thân yêu trước mặt. Tôi biết rằng rồi đây người Huế sẽ lần lần từng người từng người rủ nhau bỏ đi. Vì đó là mảnh đất tán chức không phải tù. Trời ơi ! ra đi như vậy thì còn để ai ở lại mà ngắm, còn để ai ở lại mà làm người mộng ảo trắng qua cầu, tóc thề vương vương con đò Thừa-phủ. Ngày chưa chia ly, ngày Huế chưa chia ly với tôi và với những người khác, dân cư cũng đã quá thừa thớt, nhà cửa cũng ít ỏi... Năm 1963, hai chiếc taxi Sài-gòn ra Huế chạy rước khách kiếm sống nhưng không kiếm được chút đỉnh gì đành phải quay lui lại Sài-gòn. Anh Đỗ, Huế thừa lẽ sống nhưng lại thiếu kẻ sống. Thành phố rất tinh thần, chỗ đất rất thần kinh. Những ai không được chịu nỗi buồn cưỡng bức, những ai giá áo túi cơm đều tìm không ra lẽ để sống với Huế. Tôi đã ra đi vì sợ nỗi buồn cưỡng bức, vì không nghĩ thấy nguồn hương tinh thần dành an ủi những tâm hồn không bao giờ chịu xa Huế. Chỉ có những người chung thủy với Huế nhất mới nghĩ thấy nguồn hương tinh thần đó. Vì rằng ngày xưa khi vua đầu triều nhà Nguyễn đang tâm niệm tìm một chỗ đóng đô thì thần linh hiện lên bảo : « hãy đứng bên trên đầu tổ quốc, hãy thắp một cây hương rồi lần theo phương Nam mà đi xuống, đến chỗ nào cây hương tắt thì hãy đóng đô. » Vì lẽ đó Huế là đất thần kinh. Kinh đô thần linh đối với những kẻ đeo chiếc mũi phàm tục chai sạn không nghĩ thấy nguồn hương tinh thần đầy an ủi là một giải đất buồn phải không anh Đỗ. Buồn quá mà tôi đi phải không anh Đỗ ? phải không Huế ?

Anh Đỗ ! chào anh.

túy hồng

NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG

Xác ve thềm được hồi sinh

Có phải vì ông cai trường Quốc Học
Thời thanh xuân không thương nhớ vu vơ
Nên bỗng dưng thay đổi giờ đánh trống
Khiến bầy chim rời mái ngói gần bờ.

Thật là lạ, hai ngôi trường ở Huế,
Thầy cô chưa già mà chẳng phải lòng nhau
Nên bỗng dưng thay đổi giờ bãi học,
Bắt học trò mình về trước, về sau.

Em về trước, nhà bên kia Thành Nội
Xe đạp qua cầu thiếu bóng chung đôi,
Anh, học trò đạp xe hoài không tới
Nên kiệu hoa, lọng đỏ rước em rồi.

Không phải lỗi cô nữ sinh Đồng Khánh
Mà em ơi vì tiếng trống đổi giờ,
Trống trường nữ bao giờ cũng đánh sớm
Vì sợ hoa đề rụng giữa chiều mưa.

Hai ngôi trường bên dòng sông chung bóng,
Hai trái tim vẫn thường gọi nhau thầm,
Anh xác ve vẫn chờ lời hát cũ
Hồi sinh em thời tuổi ngọc phượng hồng.

Ngày trở lại, hồn anh vang tiếng trống
Ông cai trường thưở trước chẳng còn đây,
Con sẽ nhỏ nhảy qua tường vô ô
Tìm đâu ra dấu vết củ của bầy!

(trích từ *Tháng Tư Lính Không Cần Hót Tóc*, 2009)

MUỜNG MẮN

Hỏi thăm Qui-nhơn

gửi lời thăm biển nghe lai
sáng lao xao cát chiếu vàng tóc non
chừ xa rồi vẫn thầy còn
dầu xưa sóng vỗ quanh hồn ngược xuôi
tháng ba — tháng bảy trông trời
mắt em còn có ướt ngời sao băng
bồn bàn chân dẫm đường trăng
và lời kinh nguyện đêm rằm có nhau
nhớ hàm răng trắng bóng lau
nhớ đôi bím tóc buông sau cửa chùng
hai bàn tay rất băng khuâng
đan nhau mười ngón son hồng quá thơm

đường lên Ghềnh Ráng chắc buồn
có con chim hót dưới nguồn lá vui
chuyền xe em một mình ngồi
chỗ anh bỏ trống lâu rồi phải không

gửi lời thăm phò nghe lan
hai hàng điện nôi hàng hàng giọt mưa
guốc mòn gõ lời huyền xưa
thuở tình chưa thốt lá chưa đầy cành
bây giờ buồn nhớ loanh quanh
ngày hiu hắt bụi xuống quanh chỗ ngồi
que diêm và điều thuốc rời
thấp không đủ sáng ngậm ngùi trong anh

gửi lời thăm núi nghe lan
mộ Hàn-mặc-Tử có còn lính canh
có qua chỗ ấy nhớ thăm
nhớ mang về chút nắng hanh cuối ghềnh
đời còn vạm dậm buồn tênh
có thương gắng đợi có trông gắng chờ
tóc râu anh buộc vào thơ
liều dlu nhau bước qua bờ tử sinh
giữa lòng trời đất mộng mênh
phận ta mộng tựa bóng chim lạc đàn
thôi thì ngoan ngủ nghe lan
lệ xanh sẽ rụng nhạc vàng rẽ rơi.

MUỜNG MÀN

tặng B.L. và T. Nghĩa

(nguồn: tạp chí Trình bày số 27 năm 1971)

NGUYỄN QUỐC THÁI

Đà lạt

gửi Quang

Đà lạt buồn ngủ
đà lạt chạy nhảy, đà lạt khóc, đà lạt cười đà lạt uống cà phê
. đà lạt mặc áo len
đà lạt núi
đà lạt rừng
đà lạt răng khênh
đà lạt rơi trên trái tim
trái tim thông nâu
rơi trên suối,
rơi trên đồi
rơi trên lá mục,
rơi trên cỏ xanh
rơi trên tóc đen,
rơi trên đường vòng
rơi trên couvent des oiseaux.

Mùa đông đắp chăn ngủ
đà lạt đắp chăn ngủ
couvent des oiseaux đắp chăn ngủ
em đắp chăn ngủ
hờ hững
mỉm cười.

Sớm mai cảnh thông xanh
mây đậu trên cảnh thông xanh
đà lạt thức dậy trên cửa kính
couvent des oiseaux thức dậy trên đồi
em thức dậy trên giường

sớm mai thức dậy trên chân em
trên ngực em
sớm mai thức dậy trên miệng em
hờ hững, mỉm cười
Sớm mai rừng mình.

Em mặc áo len xanh đến trường
đà lạt ngái ngủ trên mi
couvent des oiseaux xanh
tiếng chuông len lỏi trong vòm thông
bonjour ma soeur
bonjour cỏ, bonjour chim, bonjour nắng bonjour bàn ghế,
bonjour sách vở
bonjour hờ hững, mỉm cười.

Những núi đá nở nang dần chắc
những rừng thông mềm
đà lạt vuốt ve em
đà lạt vuốt ve trái tim mới lớn của em
đà lạt khôn ngoan
đà lạt sành sỏi
em hong nắng ven hồ xanh buốt
em nằm ngủ dưới chân thác kiêu căng
em dậy học trên đồi yersin
em tập trẻ thơ vui chơi ca hát
ngày chậm rãi rơi trên rừng thông
ngày chậm rãi rơi trên couvent des oiseaux.

Đà lạt dễ dàng em quên lãng
quên lãng xứ sở em lầm than
quên lãng bằng hữu em nghèo nàn
quên lãng Sài gòn
quên lãng phú thọ
quên lãng mồ hôi chói nắng
quên lãng ta yêu em tha thiết
rồi một đời người trái thông rơi lạnh lẽo,

đà lạt dậy bảo em yêu mến
những thìa, những đĩa, những dao những áo đầm

những ma soeur trắng
tính nhảm trong kinh nguyện
cộng, trừ, nhân, chia, bách phân, tạp số con chim sẻ già
nhặt lúa trên nương

Chào mừng đà lạt don quichotte
chào mừng ma Soeur don quichotte
chào mừng couvent des oiseaux don quichotte
chào mừng thác hung hăng
chào mừng núi cục cằn
chào mừng rừng nham hiểm
chào mừng chim muông
chào mừng em đi xa
những ngày
những tháng
những năm rụng dần mòn gập gờ.

Đà lạt buồn bã trong đời ta.

NGUYỄN QUỐC THÁI

VI. 1969

(Trình Bày số 1 ra ngày 1-8-1970)

TRẦN VẠN GIÃ

NHỚ MỘT SÂN GA THỜI CHIẾN TRANH

Tặng NẤH,NSM,T.HỒ và nhớ TV

1.

Ga hoang quanh quẻ ai ơi
Nghe buồn tiếng dế trong thời chiến tranh
Những toa tàu đứng:Lạnh tanh
Những đường ray sét: Cong quanh phận người
Nhà thờ chuông đổ nhịp暮
Hát hiu đáng mẹ.Tiếng cười héo khô
Dập bầm con sóng nhấp nhô
Về đây trong trận bão khô điều tàn

2.

Nha trang ơi Nha Trang
Bên em đếm những lá bàng rụng rơi
Bờ xa,biển cạn không lời
Nên thương tiếng dế một thời sân ga
Bữa cơm mắm mặn dầm cà
Tình ơi đọng lại ly trà. Chờ trăng...

TRẦN VẠN GIÃ

Vạn Giã ngày 9.9.2014

ĐÌNH THẮNG

DẤU XƯA

Ta mơ thấy em
Thấy một bờ vai nhỏ
Hóa lung linh mắt hút giữa Sài Gòn
Ta không giận cơn mưa này em không đón
Không đủ chan chứa tình ngập lối quen
Ôi Sài Gòn, Sài Gòn vừa chợt nắng
Đã vội mưa mau làm ướt áo tháng năm
Hãy đem áo ướt phơi hương sắc
Ta đốt hết tình hong áo em
Ta về thanh thản không chi nặng
Em cứ yên lòng nhan sắc xưa
Đường em đi chưa từng chọn lựa
Nỡ trách gì nhau khúc xa lòng
Ta về có ghé qua cầu Kiệu
Mơ em guốc mộc tới Văn Lang
Ta từ Yên Đỗ, em từ Cô Giang
Gặp nhau đầu đường Trần Quang Khải
Cùng bước đến trường lớp sớm mai
Dáng em đi hay đường xưa mềm mại?
Hai lối về: Trần quý Khoách, Lê Chân
Gió bay bay đường ngắn tàn ngắn
Bước chân nhỏ bên thềm Văn Hoa lá đổ
Ta cũng nhớ Đa Kao
Ngồi trời mưa Hiên Khánh
Đề theo em về đền thánh Hưng Đạo Vương
Em khói hương thành khăn
Ta mơ trận Bạch Đằng
Để đi về mưa lại giăng giăng
Áo em ướt trên đường Nguyễn phi Khanh nho nhỏ
Tân Định ơi, dấu xưa còn đó
Bận buộc bây giờ em có đi qua?

NGUYỄN DƯƠNG QUANG DRAN, NGÀY VỀ

Mây ngu ngơ theo gió về núi cũ
lòng ngổ như trôi lạc cõi xa xôi
cây đa xưa già chưa mà đã chết?
và người bên giếng hẹn cũng đi rồi

Xa lắc một thời chim quanh miệng tổ
lối mộng đầu còn lãng đãng chiêm bao
hồn hiu hắt bên sông buồn vắng nước
gió đã bạt đời lối đoạn ca dao

Tôi yêu Dran hơn yêu tôi, Dran làm sao biết được!
tôi là giọt sương Dran sớm, giọt sương Dran chiều
tôi yêu ai hơn yêu tôi, ai làm sao biết được!
ngày ai chưa biết làm duyên, tôi vừa biết yêu

Cô hàng bánh canh vui chiều cổ xứ
khóm quỳ xưa đáy mắt em long lanh
môi em hé ngày xưa dòng suối nhỏ
ôi, một chút gì thuở tóc tôi xanh

Đêm ngồi đợi sương mù buông hư ảo
chuyện xưa xui thác mộng đổ ngàn hàng
mai xa, hồn nhánh thông bên đèo vắng
một đời vì vu khúc nhạc tình Dran.

DUYÊN

Đà Nẵng. ước mơ, Em.

Đà Nẵng đẹp, có chín cây cầu, rất mới.
không xuề. lượng lưu thông. ngày Christmas Eve.
mưa lạnh!
người. sao mà đông quá?
có gia đình chở nhau. xe gắn máy, năm người.
em bé, nhỏ xíu, ép vào anh chị. cha mẹ,
chia nhau một chiếc poncho, trong veo, nghèo nàn,
mắt nhìn quanh, ngơ ngác...
Em về đâu, đêm mưa?

Có những chiếc xe gắn máy,
tấp vội bên quán hàng,
nhộn nhịp. không bàn trống.
gắng đợi phiên mình,
không hy vọng.
không tuyệt vọng...
chỉ, chờ...

Có những chiếc xe gắn máy
đi. đi. đi...
trong dòng xe cộ,
không định hướng.
theo dòng người.
đời, trôi...

Còn Em,
xuôi ngược đêm nay,
Đêm Chúa Giáng Sinh ra đời.
ban Phước Lành đến muôn người
Em ước mơ gì không?
bố mẹ ước mơ gì,

chỉ cầu cho Em,
một tương lai
thôi ngơ ngác?

Đà Nẵng đẹp, có chín cây cầu, rất mới.
Có nhà thờ Con Gà, cổ xưa, bên đường Trần Phú.
Nơi mọi người muốn về, xin lễ đêm nay.
Đêm Noel, Chúa sinh ra đời,
hãy cầu cho hoà bình nhân loại,
chắc hiển linh ?
Chưa bao giờ tôi có dịp, đến nhà thờ Con Gà,
vào một đêm Giáng Sinh,
sẽ huyền diệu lắm?

Từ nửa vòng trái đất, trở về.
trùng trùng duyên khởi,
cơ duyên nào, sao tôi lại gặp Em?

Đà Nẵng đẹp, chín cây cầu. nghèo.
lối nào, đến nhà thờ Con Gà?
và Cybèle?
đã không bao giờ nhận được món quà đêm Noel,
tội nghiệp, buồn...

Em,
trên đường phố đông người qua lại,
giữa dòng đời.
trong vòng tay gia đình.
sao em chờ vợ quá
Cybèle,
chỉ là huyền thoại,
trong một chuyện phim buồn.
còn Em.
Em, rất thật. đêm nay.

Đà Nẵng đẹp, có chín cây cầu, rất mới.
từ xa, thật xa...
cả trên màn ảnh ảo,
biểu tượng, văn minh. giàu có.

nơi Em sinh. sống.
nơi có nhà thờ Con Gà,
một cổ tích. xưa.
nơi mọi người mong ngóng.
đợi. chờ.
về, xin lễ,
đêm nay.

Em,
người em nhỏ,
hãy đừng là huyền thoại.
trong chuyện cổ tích buồn...
Em viết cho mình.
một đoạn kết thật hay:

"Đà Nẵng đẹp, có chín cây cầu, rất mới.
dẫn Em về. với những ước mơ, Em."

Duyên

██████████

TRẦN HUIỀN ÂN

Nha trang

Ngập ngừng nửa bước quay đi
Nửa bàn tay kéo nửa mi quay về
Phượng gầy đổ bóng lê thê
Tầm chân bước nhẹ cũng tê mặt đường
Em còn lối nhỏ chùng sương

Tà xanh áo quện niềm thương rạt rào
Nhịp còi Ngã Sáu xôn xao
Nghe chẳng Phước Hải lệ trào hồn ai
Con trăng mười chín chưa cài
Nẻo buồn Xóm Mới có dài không em ?
Anh từ quen giữa trời đen
Vẫn không tránh được phút mềm lòng xưa
Đỉnh sâu sao chấm lửa thừa
Mang mang gió gợi hương thừa người yêu
Dừng Hoàng tử Cảnh đắm chiêu
Lòng cho muôn đợt hải triều cuộn dâng

Trăng còn nấp bóng phù vân
Hồng mai đã đẩy ngày dần lên cao
Thoảng đùa nửa giấc chiêm bao
Đã nghe em cất tiếng chào ohim mai
Vàng trên tóc đỏ hoa cài

Vàng trên nét mắt cho dài chuỗi sao
Xin về tắm gội gian lao
Còn ơn em mãi thuở nào xa xôi
Con đường Phước Hải thương ôi
Ngàn sau đậm những bước đôi đưa mình
Đòi anh từ buổi đăng trình
Mới hôm nay biết chút tình tiễn đưa
Lạc đà đậm môi tầm xưa
Loài rêu ốc đảo chờ mưa cứ chờ
Trăng dù hạt vẫn còn tro
Lòng đau trông dáng em hờ hững đi
1963

*(trích Trần Huyền Ân: Năm năm giòng sông thơ Đồng
Dao xb tháng 3-1973)*

Mai Quang.

Rừng Chín Khúc*

*Mật mờ
Chín Khúc, rừng ơi!
Thương sao chín khúc đứt rời
ruột ai!*

**Tên dãy núi thuộc vùng Diên Khánh/ Khánh Hòa (Tây Nam Nha Trang).*

Cảnh Cũ – Người Xưa

(cho một đồng đội đã nằm xuống)

*Xưa Người chan máu đỏ
Nuôi lớn mầm cây tơ
Cây nay già, vẫn đó
Người xưa đâu bây giờ?*



Nguyễn Thị Liên Tâm

ĐÊM TRĂNG TĨNH LẶNG TRÊN TÀ CÚ SƠN

Hoàng hôn nhót nắng sau triền núi
Cây ngàn nghiêng mắt ngắm chiều hôm
Cabin ai vắt qua đồi, suối
N như lông chim nhỏ giữa trời thom

Thăm thẳm chiều đi vào đêm tĩnh
Chùng chình mây núi nứu chân người
Lưng trời, nghe tiếng chim gọi bạn
Ngẩn người, cứ ngỡ...giọt thơ rơi

Trăng vắt vẻo treo ngang đầu núi
Bàng bạc trắng, lấp lánh một vàng trắng
Đêm thanh mảnh, ngọt ngào mùi hoa sữa*
Tà Cú Sơn, thao thức với chị Hằng.

PHẠM CAO HOÀNG

cũng may còn có nơi này

rồi em và tôi đi xa
mang theo hình bóng quê nhà thân thương
bây giờ đời đã muộn màng
nửa vòng trái đất lang thang quê người
xa quê hương em và tôi
đã chia nhau những ngọt bùi đắng cay
cũng may còn có nơi này
có mây có khói có cây cỏ và
có rừng Scibilia
để tôi còn nhớ chút Đà Lạt xưa
để còn mơ một ngày về
đi về phía Ngã Ba Chùa cùng em
đi tìm lại chút êm đềm
đoạn serenade và đêm thơ tình
nụ cười em lúc bình minh
bàn tay rất ấm hôm mình quen nhau
và căn nhà thuở ban đầu
bức tranh và những gam màu tôi yêu
đi tìm lại những buổi chiều
qua cây cầu nhỏ tôi theo em về

đi tìm lại những đam mê
những hò hẹn những đợi chờ ngất ngây
cũng may còn có nơi này
để tôi còn có những ngày bên em

Phạm Cao Hoàng
Virginia, March 2015

THỊ TRẤN BIÊN MẬT

Huyền Chiêu

Thuở bé tôi vẫn nhìn về phía núi Vọng Phu để lòng bồi hồi thương cho hai bóng người hóa đá. Bà tôi cũng kể rằng vùng núi ấy có kẻ ngậm ngải tìm trầm, đi lạc trong rừng mấy mươi năm, khi tìm về được quê nhà thì đã hóa thành con vượn không còn nói được tiếng người. Thỉnh thoảng, ở chợ Ninh Hòa tôi rất sợ khi nhìn thấy có một vài người da đen thui, tóc quăn tít, đàn ông mặc khố, đàn bà điu con trên lưng. Chắc họ từ núi Vọng Phu xuống. Có người nói họ là người Thượng ở Buôn Sim.

Buôn Sim chỉ cách thị trấn Ninh Hòa khoảng 14 km theo hướng quốc lộ 21. Người dân quê tôi không gần gũi với vùng đất này bởi khí hậu nơi ấy vô cùng khắc nghiệt. Nằm trong lòng chảo của nhiều rừng núi, buôn Sim là một vùng khô cằn, sỏi đá, đêm quá lạnh, ngày quá nóng.

Sau hiệp định Genève vài năm, Buôn Sim bỗng biến thành một quân trường khổng lồ gồm ba trung tâm huấn luyện Pháo Binh, Biệt Động, Lam Sơn.

Và cái tên Dục Mỹ ra đời.

Khác với thời chống Pháp mà người lính là những “áo anh rách vai, quần tôi có hai miếng vá”, các quân nhân miền Nam được huấn luyện và trang bị rất quy củ với các doanh trại khang trang, bề thế.

Với số lượng quân nhân trong ba trung tâm huấn luyện kèm theo gia đình của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, thị trấn Dục Mỹ mọc lên giữa bốn bề núi non, tuy nhỏ bé nhưng vô cùng nhộn nhịp.

Cũng giống như những thị trấn mới toanh trong phim cowboy miền viễn tây, Dục Mỹ là nơi quy tụ của quá nhiều người tứ xứ về đây mang theo các giọng nói vùng miền.

Người có máu làm ăn cũng vội vàng tìm về đất hứa.
Chợ Dục Mỹ cung cấp đủ để nấu được các món ăn đặc
trung kiểu Sài Gòn, Bắc, Huế...

“Vợ Lính” thông dong chẳng cần làm việc, chỉ lo cơm
nước và nuôi con.

Những chuyến xe lam như con thoi nối liền Ninh Hòa -
Dục Mỹ. Người dân Ninh Hòa bây giờ hướng về thị trấn
mới như một thị trường hấp dẫn, nơi họ có thể làm giàu
nhờ nghề cung cấp thực phẩm.

Nhà thờ và nhà chùa đã được xây. Các xe schoolbus được
chế biến từ xe GMC của ba quân trường chở con quân
nhân xuống Ninh Hòa học ở các trường trung học. Những
cô cậu học trò đã từng ngồi trên những chiếc GMC cải
tiến này, nay đã trên dưới sáu mươi và tôi tin rằng dầu ở
chân trời góc bể nào họ không bao giờ quên những chuyến
xe chở học sinh kỳ lạ nhưng đầy ắp niềm vui một thuở.

Chủ nhật, con phố Dục Mỹ “Đi dăm phút trở về chốn cũ”
có bóng dáng của những “thiếu úy”, “trung úy” trẻ trung,
quân phục thẳng nếp, thông thả dạo gót rồi ghé vào một
tiệm sách có cô bán hàng xinh xinh.

Bên con suối Dục Mỹ vài quán cà phê ra đời có tiếng nhạc
hòa trong tiếng ầm ào thác đổ.

Người lính miền Nam thuở ấy vẫn còn mang về thư sinh
lãng mạn. Ra trận, thay vì nhìn tới trước “nhắm thẳng quân
thù mà bắn” (*), họ quay nhìn lại phía sau “Người đi khu
chiến, thương người hậu phương”(**)

Biến cố 1975 như một cơn động đất dữ dội làm sụp đổ
hoàn toàn trung tâm huấn luyện. Toàn bộ cư dân gồm quân
nhân từ ba trung tâm huấn luyện cùng gia đình họ đều chạy
khỏi Dục Mỹ, tan tác hải hùng như mảnh vỡ của một trái
phá.

Thị trấn bỗng chốc như bị thần đèn mang đi đâu mất.

Dục Mỹ trở lại là Buôn Sim hoang vắng thuở nào.

Cũng còn một số người ở lại vì họ không biết đi đâu về
đâu và họ trở thành dân của một vùng kinh tế mới mang
tên Ninh Sim.

Và người dân Ninh Sim đã phải làm gì để tồn tại khi 100%
mang trên đầu bản án lý lịch xấu, con cái chắc chắn không

được vào đại học, người thân không biết còn sống hay đã chết trong các trại cải tạo?

Nếu người Ninh Hòa khi ấy kiếm sống bằng cách bám vào bên xe đồ và ga xe lửa với các chuyến đi buôn lậu gạo, đường, thuốc lá, đập xe ba gác, làm phu khuân vác... thì người dân Ninh Sim Dục Mỹ kiếm sống bằng cách bám vào núi rừng. Họ lên núi đào khoai mài, cắt tranh, lấy đốt. Họ “ngâm ngải tìm trầm” và có người đã mất xác trong rừng sâu núi thẳm. Họ chặt củi, hái trái rừng, trồng khoai mì, trồng mía. Họ tìm cách sống trong im lặng, chịu đựng mặc cho loa phường ngày ngày vang lên giọng tự hào chiến thắng giặc Mỹ để toàn dân xây dựng “thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Và tượng đá bông con trên non cao kia chắc đã nhiều lần rơi lệ thương cho cảnh con người bức hại con người.

Năm ngoái, anh Phạm Văn Nhân trở về Ninh Hòa, rủ vợ chồng tôi đi thăm lại Dục Mỹ, nơi anh có thời gian rất lâu là sĩ quan của quân trường Lam Sơn.

Xe ghé lại núi Đeo, nơi vẫn còn tháp huấn luyện của quân trường Biệt Động nằm bên Khu Mưu Sinh.

Khu Mưu Sinh được dựng bên một dòng suối đã biến mất nhưng ngôi tháp vẫn còn.

Anh Nhân muốn chụp một tấm hình có người lính già trở về thăm ngọn đồi kỷ niệm.

Qua khỏi Dục Mỹ chúng tôi nhìn thấy những đồng mía bạt ngàn, những đàn bò gầy ốm đang gặm cỏ trên những cánh đồng nắng cháy.

Đến khoảng cây số 17 anh Nhân cho dừng xe.

“Hình như trung tâm Lam Sơn hồi trước ở đây mà sao tui không còn nhìn thấy gì hết?”

Rồi anh ghé vào hỏi thăm một cô hàng nước:

“Cô ơi, trung tâm Lam Sơn ở đâu hả cô?”

Cô hàng nước mỉm cười, chỉ tay xuống đất:

“Dạ, ở ngay đây này.”

Anh Nhân nhìn quanh. Chẳng còn gì là dấu vết của một địa danh lừng lẫy! Anh bước thêm vài bước, chẳng thấy phố, thấy người chỉ thấy toàn mía là mía.

Hơn mười năm tồn tại, Dục Mỹ của ba quân trường bây giờ chỉ là cát bụi thời gian.

(*) lời của một người lính miền bắc.

(**) Chiều Mưa Biên Giới - Nguyễn văn Đông

Huyền Chiêu

tháng 3-2015

MANG VIÊN LONG

TUY HÒA, MỘT NƠI THẦM LẶNG

Tôi không biết nói làm sao về Tuy Hòa với những người bạn ghé thăm Tuy Hòa, từ lúc gặp nhau, đến khi đưa nhau đi quanh quẩn trong một vài đường phố. Tuy Hòa bé quá. Ngoài sáu con đường dài song song được mang tên từ số 01 đến 06 (và mới được đặt tên sau này), những con đường ngang ngắn quá, quá buồn bã. Con đường lớn nhất, tấp nập nhất, chạy từ quốc lộ số 01 đến bờ biển là đường Trần Hưng Đạo – nhà cửa cũng sơ sài, tạm bợ, có nơi chưa được xây cất. Gần 10 giờ đêm, nếu không là người đi coi xuất phim cuối ở rạp Hưng Đạo trở về thì ít có ai ở ngoài đường phố này. Đường phố rộng, vắng, người đi như những chiếc bóng thấp thoáng vội vã. Tuy Hòa bé quá. Tôi thường không biết nói gì với bạn khi cùng đi với họ quanh những con đường. Trước mắt họ, Tuy Hòa đó, nghèo, có vẻ xơ xác, khép nép.

Tôi đã sống ở Tuy Hòa trên 8 năm, hiện giờ vẫn còn tiếp tục sống, nhưng chưa cảm thấy nản. Tôi còn yêu mến Tuy Hòa quá. Tuy Hòa vẫn còn quyến rũ tôi thực đậm đà như những ngày mới đến. Dường như, càng ở lâu với Tuy Hòa, người ta càng yêu quý, cảm thấy khó xa nó được? (ca dao có câu “*Phú Yên dễ ở, khó về/ Trai đi có vợ, gái về có con*”). Trong đầu tôi, Tuy Hòa không là Tuy Hòa của phố xá, cũng chẳng là những rộn rịp của những cuộc vui. Với tôi, Tuy Hòa đồng nghĩa với kỷ niệm, với tình nghĩa, với những réo gọi thầm lặng ám cúng. Ở Tuy Hòa đã có Y Uyên và Bùi Đăng, một thời sống lặng lẽ. Những gặp gỡ, cái nồng nàn hay an ủi, bây giờ chỉ là những buổi chiều ngồi hong nắng ở sân nhà, nói chuyện lẩn thẩn chờ tối. Những đêm áo quần lênh xênh đi long rong trong những con đường khuất vắng, những tách café Hoài Bắc, hay những tụ họp bất thường ở hiên nhà một người bạn đồng

nghiệp, hút thuốc, nói chuyện như chuyện đời xưa. Những câu chuyện phần nhiều là nhớ lại, kể lại, nghĩ lại, bởi thế cũng rất thâm lắng, và đứt quãng mơ hồ. Mỗi người một nhớ lại, một ước mơ, nói với nhau như để chỉ ấm lòng trong giây phút. Tuy Hòa có Trần Huiền Ân. Nhà ở sau một bức thành cao, trong hẻm, khuất vắng. Sân nhà nhỏ xíu của anh là những hội ngộ tha thiết. Khi thì uống trà, nhìn trăng. Khi thì rượu thịt, say khướt. Khi thì ôm nhau nằm kênh, ngủ mùi. Với Doãn Dân, với Thế Vũ. Với Nguyễn Việt Nam, Nguyễn Lê Tuấn, Nguyễn Lê Uyên, Phạm Cao Hoàng, Đỗ Chu Thăng. Lê Văn Thiện, Với ai nữa? Tôi không sao kể hết.

Những cuộc rượu, những bữa ăn, những café, bánh ngọt quây quần. Nhưng thu nhỏ. Đột ngột. Như những ra đi và trở về của anh. Tuy Hòa còn âm giọng ngâm thơ của Phạm Cao Hoàng những lần hội ngộ. Còn có cái nồng say đặc biệt của “Cỏ May Thần tử” của Nguyễn Lê Uyên. Có căn gác vắng vẻ thương xinh xắn của Khánh Linh cho khách lang bạt. Có giữa một con xóm lòng vòng những hàng rào kẽm gai và dâm bụi, người đi đến lần thứ ba (như tôi) vẫn còn ngại bị lạc, nhà của Đỗ Chu Thăng. Cửa Tuy Hòa, còn có những bước chân lưu lạc của Trần Hoài Thư, những đôi núi của Lê Văn Thiện. Tại Tuy Hòa, có in vết chân của Lữ Quỳnh, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Kim Phụng, Võ Tấn Khanh, Phạm Văn Nhân, Ngô Cang, Nguyễn Sa Mạc, Nguyên Minh, Miên Đức Thắng, Trần Hữu Lục, Nguyễn Âu Hồng, Trần Vạn Giả (...). Có ghé thăm của Toan Ánh, Tạ Chí Đại Trùng, Võ Phiến, Mai Thảo, Duyên Anh. Có ra đi tiếc nhớ mong mỗi trở lại của Phạm Ngọc Lư, và Phan Việt Thủy, Lê Công Minh. Có sự chọn lựa gửi lại quãng cuối đời của cụ Hoài Mai, Thanh Tùng Tử, Huỳnh Khinh, Phan Long Yên...

Tuy Hòa, cạnh những kỷ niệm, còn có những con đường làm tôi đi không hề biết mỗi chân: Con đường số 06 (Nguyễn Huệ), nhỏ, vắng, dương liễu hai hàng rợp mát. Nhà cửa nấp sau những khu vườn dày hoa lá, hoặc nhô ra trần trụi mộc mạc, một phần phía bên kia đường vẫn là ruộng. Là cỏ. Là làng xóm xa xa. Gió từ cuối đường (hướng biển) thổi ngược lên. Mát. Trong. Đi một mình

cũng tuyệt mà đi với một người nữ cũng tuyệt. Tuy Hoà có đường số 01 (Nguyễn Công Trứ) nghèo, xơ xác, quanh vắng, có chỗ lởm chởm đá. Nhà cửa lòa xòa, tạm bợ, thụt vào, nhô ra, cây lá bao bọc. Tre. Nhất là những hàng rào tre, những khóm tre ở mỗi đầu con hẻm, như những xóm nhà ở thôn quê. Ở đường đó còn có những quán bánh xèo nóng ngon. Bày trước hiên hoặc che lợp bằng vài tấm tranh. Có quán thịt đông, chả cá, canh bến ghe. Có những cặp tình nhân rụt rè, bỡ ngỡ, thấp thoáng trên đường hoặc ẩn nấp sau những bờ dậu. Ở Tuy Hoà còn có con đường rợp bóng áo trắng, áo xanh nữ sinh mỗi sáng mỗi chiều đường Hoàng Diệu. Trên đường, những cánh hoa hoàng điệp nằm rải rác, yên lặng và dễ thương. Tuy Hoà còn có biển trần trụi, vắng vẻ, hoang tàn. Tôi đã được cùng chị Minh Quân ngồi ở bãi cát vắng hoe ấy một buổi chiều khi chị ghé thăm Tuy Hòa như một miền đất nghĩa tình. Tuy Hòa còn có những con hẻm tối lù mù bán rượu đế, bán chè đậu đen, bán sò ốc...

Tuy Hòa còn có những cái tương tự như thế. Nghĩa là những cái nhỏ, vắng, nghèo, thâm lặng. Những cái đó, dường như ở nơi nào Tuy Hoà cũng có. Tôi chưa cảm thấy buồn chán Tuy Hòa, bởi vì những cái nhỏ nhặt đó nữa. Hình như, tại Tuy Hòa, tôi bị quyến rũ bởi sự nhỏ bé, lạc lõng, có chút xơ xác của phố xá, nhà cửa. Bước ra khỏi cửa, tôi cảm thấy như bước đi trong vườn nhà mình. Đi trên phố mà tưởng như đi trên lối vào một nơi thân tình, ấm áp nhất. Sống ở đây chung quanh đều quen. Làm việc ở đây chung quanh đều thân tình. Như một thôn xóm nhỏ. Tôi có được những thân tình gắn bó. Chuyện gì xảy ra cho mỗi người bạn buổi trưa, buổi xế chiều chúng tôi đều biết. Những lo lắng của nhau ngày hôm trước, tối hôm sau đã được tâm sự. Niềm vui của người này, là sự phấn khởi của người kia. Tuy Hòa rất gần gũi và chân tình.

Làm sao tôi nói hết những điều như thế với những người bạn khi ghé thăm Tuy Hòa trong một vài ngày? Tôi có thể chỉ một ô gạch vuông trên đường phố, hoặc một đoạn đường lởm chởm đá, dễ cắt nghĩa cái quyến rũ, ấm cúng, thân mật với họ? Tôi sẽ kể gì về cái “Thâm U Vân Trúc Cốc” của tôi khi họ chưa sống hết với tôi những ngày

tháng cơm rau như Vũ, những đêm ngồi ké trước hiên nhà một người hàng xóm để uống trà ngắm trăng như Thư, hoặc những hoang vắng bất thường mà Thiện hồi còn ở núi Sầm mỗi lần được về phố ghé lại nằm tòn teng trên văng trước cửa cốc chỉ cột một sợi dây vải? Tuy Hòa có những cái không thể nói hết, có những tình cảm không thể diễn tả. Chỉ có sống. Gần gũi. Rồi mới dần dà yêu mến Tuy Hòa.

Cho tới nay Tuy Hòa đã vắng nhiều. Thuở trước có Y Uyên, Phan Việt Thủy, Bùi Đăng, Phạm Ngọc Lư, bây giờ họ đã rời xa, không biết có còn dịp trở lại (riêng Y Uyên thì không trở lại nữa đâu anh đã hẹn)? Tuy Hòa là quê hương của Võ Hồng, Hoàng Đình Huy Quan, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Lệ Uyên, nhưng hiện nay họ cũng đang ở phương xa. Tuy Hòa còn lại Trần Huiễn Ân, Khánh Linh, Đỗ Chu Thăng, Hoài Mai, Triều Hạnh, Nguyễn Tường Văn, Thụy Khanh. Và tôi. Có ai mới đến ? Xin ghé lại .

Thư của anh chủ trương Thời Tập dặn : *“Viết cho một bài sinh hoạt (không khí) Tuy Hòa. Lối 03 trang đánh máy tối đa ...”*. Tôi đã cố gắng ghi lại cái *“không khí”* ở đây, nhưng vẫn chưa tới 03 trang giấy đánh máy. Bởi vì như đã nói, sự sinh hoạt ở Tuy Hòa nó rời rạc, nhỏ bé, thân mật, ấm cúng quá, không thể viết ra hết được. Chẳng hạn như đêm hôm kia (09-12-73), tại căn phòng quán Cây Phượng, chúng tôi đã dự buổi gặp mặt giới thiệu tập thơ đầu tay của Đỗ Chu Thăng - tập *“Chân Cầu Cũ”*: Đó là một cuộc gặp gỡ gia đình, cùng vui, cùng sướng với nhau, sau những lúc đã mệt nhọc. Chỉ có vậy.

(*Tạp chí THỜI TẬP* - 14 tháng 02 năm 1974)

TUY HÒA MÙA GIÓ NỒM

*Tặng Anh Trần Huiễn Ân, Đỗ Chu Thăng,
Khánh Linh, Nguyễn Lệ Uyên và Học trò cũ!*

Gió nồm ở Tuy Hòa khác lạ với những cơn gió nồm ở vài tỉnh duyên hải miền Trung. Có lẽ những cơn gió nhẹ, hây hây, mỗi sớm mai, hay buổi trưa oi nồng, bắt đầu xuất hiện từ tháng ba. Buổi sáng, ngủ dậy, bước ra hiên nhà, gió nhẹ nhàng mơn man trên cành cây sấu đông, trên vòm lá lim sét, phơn phớt phả vào mặt; tự nhiên ta thấy tươi tỉnh, sảng khoái. Hết cơn gió này, tới cơn gió khác, liên tục mà sẽ sảng; hơi gió mang cái trong lành của biển, cái mát rượi của đồng lúa Hòa Trị - Ngọc Lãng, cái xao xuyến của sông nước Sông Ba tràn về thị xã...

Những buổi sớm chủ nhật, sau một đêm cặm cùi bên bàn viết, hay ngồi ở một quán cà phê lề đường Số Sáu; tôi dậy muộn hơn mọi ngày. Gió nồm thổi dạt dào qua khung cửa sổ lớn mở rộng; khẽ đánh thức tôi... Tôi trở ra hiên sau đón gió như đón nhận lời chào thì thầm tự trời cao. Tôi kéo chiếc ghế dựa đặt dưới hàng tre, ngẩng nhìn từng cơn gió đi qua, mềm mại và kiên nhẫn, trên đầu những ngọn tre cao nổi lên giữa khoảng trời xanh ngắt. Không vội vã từ giã chúng, tôi ngồi thật lâu, với những điều thuốc và niềm khoái cảm mơ hồ trong sáng.

Vào đầu hè, gió nồm đến rõ ràng hơn, dạn dĩ và mạnh mẽ hơn, khiến cho người quên chúng, phải nhớ lại. Trong cái thị xã tương đối yên vắng, những cơn đường như rộng thêm ra; những cơn gió nồm đầu hè thổi miên man, thổi miết mài. Ngồi ở một quán cà phê nhỏ ở đầu cầu sông Chùa, để chờ Th.; tôi có đủ thời gian đón những cơn gió nồm từ Ngọc Lãng lồng lộng thổi tới. Lúc Th. óng ả, duyên dáng bước tới, tôi tưởng những cơn gió nồm đã đưa nàng đến đây. Tôi nghĩ: Nhờ em mà anh có được những buổi sáng Tuy Hòa tuyệt vời!

Giữa mùa hè, trong cái nóng oi bức của miền “*cát trắng, dừa xanh*”, nếu không có những cơn gió nồm bất chợt thổi tới, mang theo hơi nước của biển, của đồng ruộng, thì cái thị xã bé nhỏ này sẽ héo hon biết mấy! Gió nồm buổi trưa thấy rõ hơn giữa cái nóng ngày hè, gió đùa miết ngọn cây, gió lồng lộng mọi phía, gió mát đến nỗi làm người ta dễ buồn ngủ, hay phải nằm nhắm mắt lại, để tận

hường phút giây thật êm ái, bù lại lúc phải vật vã với cái nắng ngoài đường... Xách chiếc ghế bô ra vườn, đặt dưới bóng râm dày, tôi mở “*Năm năm dòng sông thơ*” ra đọc; để chờ giấc ngủ. Hết tập thơ này, tôi miên man đọc tới tập khác; tập “*Chân cầu cũ*” rồi “*Trên thảm xanh đời*” (1) – những tập thơ như lời tâm sự chân tình của những người bạn, của Tuy Hòa, của đời sống đầy ắp tình người và tình đất...

Nếu không có giờ dạy, buổi chiều tôi ra phố khi cái nắng đã bắt đầu dịu dần, và gió nồm lồng lộng thổi. Gió thổi tung những cánh dù hoa, những chiếc nón và những tà áo dài trắng nữ sinh Nguyễn Huệ, xa trông như những cánh bướm tinh khiết. Tôi thả bộ dọc đường Trần Hưng Đạo, rẽ vào Duy Tân, ghé lại quán chè Cây Phượng ở đầu đường Hoàng Diệu. Những ly chè được chăm chút bởi ông giáo già - đủ loại, ăn không biết chán. Ngồi ở một góc cây ngoài mảnh vườn rộng, chung với mấy cô mấy cậu học trò Nguyễn Huệ – cảm thấy Tuy Hòa thu nhỏ, dễ thương, “*dễ ở, khó về*”... (2).

Gió nồm buổi tối ở Tuy Hòa mới đặc biệt, khác lạ! Ngồi trên gác ván, gió cứ thổi lùa từng cơn, như mang hết thấy cái im vắng của biển, cái xanh mát của làng vườn Ngọc Lãng, cái thanh thang thơ mộng của sông Đà, cái trầm tư huyền bí của núi Nhạn; đem phủ lấp vào người, khiến ta không thể nào quên.

Những đêm có trăng, gió nồm thật bao la, diệu vợi. Tôi về nhà một nười bạn ở ngoại ô, sau bữa cơm chiều đạm bạc, bước ra sân, ra ngõ, đã thấy trăng với gió. Đứng ở cổng nhà nhìn ra đồng ruộng, vụ hè thu lúa đang màu vàng, tôi nhìn theo từng bước chân quê của những thiếu nữ đi làm đồng về muộn, tiếng nói cười rộn rã theo gió bay xa... Buổi tối, mẹ người bạn mang ra sân một rổ đậu phụng luộc; đưa em gái mang chiếu ra trải, có thêm vài người bạn láng giềng, tất cả cùng ngồi, vừa ăn đậu vừa chuyện trò... Gió nồm vẫn thổi dạt dào. Trăng về khuya càng sáng. Tôi cứ tưởng rổ đậu phụng to sẽ chẳng thể nào ăn hết được nhưng gió và trăng, và tiếng cười hồn nhiên của bao thôn nữ đã giúp cho rổ đậu cạn dần nhanh chóng. Rổ đậu phụng đã hết, nhưng M. Ng. còn ngồi lại bảo tôi

làm cho nàng một bài thơ. Ước muốn của M. Ng. thật đơn giản và trong sáng, nhưng với người làm thơ thì không đơn giản chút nào...

Xa Tuy Hòa, tôi còn “nợ” em một bài thơ. Mới đây mà đã hơn hai mươi năm. Trong hai mươi năm, biết bao điều đổi thay, cuộc sống luôn trôi chảy, biến động; nhưng có điều tôi tin chắc, là gió nồm ở Tuy Hòa vẫn thế. Vẫn êm đềm và mời gọi. Vẫn ấp ủ và thân tình với con người. Bởi thế, xa Tuy Hòa, tôi luôn tìm dịp trở lại – nhất là vào mùa gió nồm, không phải để sống, mà để tưởng nhớ... Nơi tôi đang sống cũng là một tỉnh duyên hải, cũng có gió nồm, nhưng sao những con gió ở đây trông vắng và vô tình quá...

(Tuy Hòa, những tháng năm lang bạt/, tháng 4/1999)

MANG VIÊN LONG



THÀNH PHỐ HỒM QUA... VÀ BÂY GIỜ

Nguyễn Lệ Uyên

Đầu những năm 1960, khi tạp chí Văn và tuần báo Nghệ Thuật thực hiện chủ đề về Hà Nội, nhìn hồ Gươm trên trang bìa, đọc những truyện ngắn, tùy bút, thơ trong đó... lòng bỗng rung gợn lên một nỗi niềm như chính bản thân mình là đứa con của Hà Nội mang hơi thở phong rêu phố cũ xa cách quá lâu ngày.

Bồi hồi và mơ ước, có lần nào đó được đặt chân lên đất Thăng Long để ngắm nhìn tháp Rùa, hồ Gươm trong làn sương mờ đục giữa sáng tinh mơ; đi trên Ba sáu phố phường của Thạch Lam để nhìn những mái ngói âm dương nằm yên trên những con đường vắng giảng, những cột đèn trơ vơ của danh họa Bùi Xuân Phái. Những mơ ước ấy sôi cháy, vỡ bùng như ngọn lửa xô qua một khoảnh khắc ngắn ngủi và kịp lắng xuống, tắt ngấm.

Hà Nội thật xa vời, như truyện cổ Trương Chi-Mỵ Nương, Tiên Dung-Chử Đồng Tử văng vẳng tiếng sáo réo rất xa gần, lan trên lớp sóng xô nhẹ trên bãi cát mịn, lộ nguyên hình khối của không gian và thời gian để yêu và để chết.

Rồi thì tháp Rùa và Hồ Gươm chìm lún trong chiến tranh. Nỗi chết chóc kinh hoàng như mụn nhọt có thật đeo bám trên mặt.

Mơ ước xa vời của cậu bé đang bước chân lên bậc trung học thật sự đã rụng dần cùng lúc với những tiếng đại bác nổ vang rền ngoài xa thành phố, những trận đánh lớn nhỏ, những đoàn người gồng gánh tản cư và cam chịu trong những trại tạm cư trên bãi cát nóng, mệnh mông.

Chiến tranh chấm dứt một cách tức tưởi cho một phía, và phía kia hất mặt lên trời cao. Số phận gồng gánh nhọc nhằn lại tiếp tục đeo nặng lên đôi vai của những người dân phía địch. Những ánh mắt thù nghịch, những đòn thù hắt hê. Cả triệu trái tim tan nát, khi trước mắt là những dối lừa, những hằn học trả thù kinh tởm. Nỗi sợ hãi biến thành cam chịu.

Sợ tiếng keng, sợ tiếng chó sủa rang trong đêm tối, phập phồng, sợ những bóng áo xanh áo vàng, nón cối, dép rọ... Những tờ tem phiếu, những tiếng keng báo lệnh ra đồng là hai cây roi đầy gai nhọn quất vào thân thể và tâm thể của mọi người dân, trở thành nỗi ám ảnh nặng nề của một bóng ma có thật, luôn sát bên cạnh, trong đời sống và giấc ngủ, hắt tung mọi giá trị đạo đức mà tổ tiên gây dựng bao đời, chỉ vì miếng ăn!

Và như vậy, Hà Nội trong tâm trí tôi cũng đã nhòa nhạt dần. Những tiếng leng keng tàu điện, những xóm làng Vòng, những rét nàng Bân... dần cùn mòn trong trí não đã từng thả dài nỗi háo hức trên những trang giấy của các nhà văn đã trải cả nỗi niềm thương nhớ, mong đợi ngày về.

Và rồi, tôi cũng tới được Hà Nội trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước. Cái đã nhanh chóng đập vào lỗ tai tôi là những chiếc loa mắc như mạng nhện trên các cột điện, thân cây phát suốt ngày đêm đài tiếng nói VN. Nó tự tiện vô lễ xộc thẳng vào hai màn nhĩ rất quái gở, mà lẽ ra, chỉ có thể xảy ra ở đầu thế kỷ XX ở những đất nước lạc hậu! Khốn thay đó là sự tự do mà họ đã công khai và thẳng thừng tuyên bố.

Tiếng động ấy như có tính dây chuyền ở các hàng quán, đặc biệt là quán ăn. Đã từng đọc Phở của Nguyễn Tuân và Món Ngon Hà Nội của Vũ Bằng. Phở bỗng sôi réo vẻ đẹp dân dã mà thanh tao, mộc mạc mà cao sang. Tôi và bạn đi ăn phở. Ăn cái hương vị mà Nguyễn Tuân đã mô tả còn đọng mãi trong tiềm thức. Tôi mò tới hàng phở Nam Đồng, nơi nổi tiếng là phở ngon nhất Hà Nội. Một dãy quán dài nối đuôi, đông khách, có cả mấy anh chị tây ba lô. Tôi phở bốc khói nghi ngút. Những cọng ngò gai xanh mát, những củ hành tươi vắt ngang trên sợi bún trắng và che một phần những miếng thịt thái mỏng phía dưới, như thể một chiếc khăn choàng quanh cổ thiếu nữ thanh tân trong cái rét nàng Bân. Ăn bát phở. Đúng là hương vị đặc trưng của miền Bắc, của Hà Nội. Nhưng liền theo đó, mọi cái đẹp đã bốc hơi và tan biến như chưa hề ăn bát phở ngon khi bạn đứng lên trả tiền. “Cho em xin, hai chục nghìn”. Bạn tôi há hốc “Tôi phở như nhau, mọi người vẫn bảy ngàn, sao chúng tôi...”. “Vâng, vì các bác là người miền Nam!”. Tôi nhăn

cả hàm răng ra cười một nụ cười mỉu máo với bạn mà như muốn bật khóc khi bước ra đường “ông thấy chưa, ý thức chính trị đã luồn sâu vào từng sợi chân lông của họ rồi. Vẫn còn nhân dân ta và nhân dân “ngụy” cho tới khi nào mà cái thiết chế hổ lốn, hoang tưởng kia tự tiêu vong”. “Nhưng cách hành xử của họ lại lộ ra rằng nhân dân “ngụy” do “ăn cướp” nên giàu có hơn nhân ta nên phải ra sức móc lại bằng mọi giá, mọi cách?”.

Hai thằng nhân dân “ngụy” miền Nam lê đôi chân mỗi một qua ngã tư có hàng sáu già ngồi uống “chè”. Một bình trà được ủ nóng trong lồng ấp, những gói đậu phộng rang, chai rượu làng Vân, những gói thuốc lá hiệu Thăng Long, một chiếc nỏ điều bằng tre lên nước lóng bóng. Nhiều người đã ngồi ở đó. Họ ăn mặc lịch sự. Hút thuốc lào và phun khói mù mịt. Họ nói chuyện thời sự đông tây, chuyện thâm cung bí sử... Nhưng luôn kèm theo những tiếng chửi thề như một thói quen văn hóa đường phố, cổ hữu.

Hai thằng tôi, những nhân dân “ngụy” xa lạ với xứ này, lạc lõng trong hơi thở ngập mùi phân biệt bắc nam, cứ như đám da đen và da trắng ở Hoa Kỳ! Đám đông ngồi uống “chè” bỗng ồn ào với hàng tràng tiếng chửi thề như bắn đại bác, Chúng tôi ngó về hướng họ đang nhóng ra phía ngã tư. Một thanh niên trẻ đi xe máy qua vòng xoay trái chiều và đâm vào cụ già đi xe đạp đúng luật. Ông cụ ngã lăn. Thay vì đỡ người bị nạn lên thì anh thanh niên dạng hai chân choài ra trên mặt đường và phun vào mặt ông cụ không biết cơ man nào là “địt mẹ”, “mày” và “ông”.

Thú thật lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh này. Mắt tôi hoa lên, tim bóp thắt. Tôi lôi thằng bạn đứng lên vừa móc bóp trả tiền nước nói cụ giữ tất số tiền lẻ còn lại. Cụ bà nhìn chúng tôi “cháu cảm ơn hai bác”. Lại một “cái tát” nữa ngoáy sâu vào tim.

Buổi trưa, hai thằng ra bờ hồ ngồi nhìn tháp xưa trên bãi cỏ đỏ bóng, nhìn nhà Bưu điện, nhà thủy tạ, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn; xa hơn cuối tầm mắt là đầu phố hàng Đào. Những tục tằn, ồn ào bị ném xa ngoài kia. Ngồi đây là ngồi trên chút bình yên lặng lẽ trôi qua. Các cụ già ngồi trên băng ghế đá lim dim, đọc báo, tán chuyện râm rì, cốt giữ sự tĩnh lặng ở không gian xanh mát này. Một cụ ngồi cạnh,

khoảng trên dưới tám mươi hồi hạn chúng tôi, than phiền về những trái khoáy của kinh tế, văn hóa... và mơ ước làm sao cả nước dễ thở hơn. Chữ “dễ thở” của cụ đa nghĩa, đa lãnh vực. Chúng tôi ậm ừ giữ đúng phép tắc con cháu, không dám lần sâu vào quá khứ ở đây, lần đời cụ.

Bên trái chỗ chúng tôi, khoảng năm thước, một toán học sinh đồng phục ngồi trên bãi cỏ mở sách học. Có đến ba cặp ngồi vào lòng nhau, một tay choàng qua người người, tay kia mở banh cuốn sách vẽ hình các loại thú móng guốc mà tôi đoán là sách sinh vật. Cảnh học hành và ôm nhau ở tuổi mười ba giữa nơi công cộng khiến tôi giật người choáng váng và nhớ tới phong trào hippy thuở trước, ở phương tây. Ông cụ nhìn thấy sự co giãn các cơ trên mặt chúng tôi, nói “tres faible”. Tôi không rõ nghĩa lắm cách cụ dùng từ trong ngữ cảnh này, nhưng chắc không có mấy thiện cảm với cảnh tượng đang phô bày trước mắt!

Trên đường ra hồ Tây, nhớ bài học thuộc lòng đoạn văn của cụ Phan Kế Bính thời đệ Thất, đệ Lục... tôi tự tha thứ đầu óc tôi, tha thứ những bệnh hoạn gắn vào phong cách và lối sống của những người tôi vừa giáp mặt, vừa chứng kiến. Họ cố bù lấp những thiếu hụt sau một thời gian dài bị giam hãm, sự trỗi dậy của con thú bị nhốt lồng quá lâu.

Hồ Tây mênh mông, sương phủ trắng mặt hồ buổi sáng sớm. Vài ba con chim từ mặt hồ bay lên, mà tôi đoán là sâm cầm, loài chim luôn gắn với cái hồ này. Trời se lạnh, nhưng tôi không mấy chú ý đến quang cảnh chung quanh, mà tự dẫn dắt lòng mình hồi tưởng về quá khứ xa.

Con dê Yên Phụ nhỏ hẹp vóc dáng nhưng lớn vô cùng trong các trang văn. Tôi tự hỏi thăm, chỗ nào là những hên hò của các nhân vật trong tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn? Khái Hưng đã để Mai và Lộc đi bên nhau ở đoạn nào, và những giằng xé giữa Loan và Dũng của Nhất Linh liệu khi đó Yên Phụ có chứng kiến và cảm thông trọn vẹn? Tôi tìm kiếm trong tiềm thức mơ hồ về một nơi chốn đã từng đọng lại trong trí nhớ qua từng trang sách của họ, những nhà văn tiên phong khai mở “sự trong sáng của tiếng Việt”, lần phong tục tập quán và quyền được làm người?

Xem ra, cả dân tộc này sẽ còn vất vả đi gom nhặt những

nét đẹp xa xưa và gồng hết sức đến gầy dựng lại, tạo nên bộ mặt mới mẻ, tươi tắn và vệ sinh hơn. Nhưng đến bao giờ? Bao giờ?

Nhưng háo hức, mơ mộng thời trai trẻ khép lại đột ngột trong chuyến đi bất ngờ và ngắn ngủi. Hà Nội khép lại và sụp xuống vắng vất những mệt mỏi chán chường dâng đầy thất vọng.

Vậy đó. Có những thứ treó ngoe, xấu xí của miền đất luôn đi vào văn chương mọi thời đại, luôn được tô vẽ bằng màu sắc, âm thanh, ngôn ngữ làm lay động lòng người. Và cũng chính từ nó, những con người làm nên vóc dáng chói lòa kia lại nhanh chóng giết chết vẻ đẹp trầm mặc của Hà Nội thuở nào. Những lịch lãm, văn vật đã bốc khói bay tận trời cao.

Trên con tàu đưa chúng tôi quay về với ruộng nương, bạn tôi nhả ra những lời ai oán: “Một thiết chế ừ lì, còi cọc, mông muội... đã giết chết Hà Nội và tất cả”.

NƠI CẤT GIỮ TUỔI THƠ TÔI

NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

Không có địa danh nào đáng nhớ, với tôi, cho bằng Tân Qui Đông. Có xa xôi gì cho cam, cách Sài Gòn chỉ có một con sông vậy mà nó quê rích quê rang, quê hơn Thủ Thiêm nhiều dù Thủ Thiêm thì cũng cách Sài Gòn một con sông. Ra khỏi bến đò là gặp đường Trần Xuân Soạn. Con đường tráng nhựa này chạy dọc theo bờ sông từ Tân Thuận Đông đến cầu Rạch Ông rồi dẫn đến Cầu chữ Y. Qua khỏi bến đò hướng về phía cầu Rạch Ông đi một quãng ngắn là thấy trường Tiểu học Tân Qui Đông ở bên tay trái. Qua khỏi trường tiểu học là đến ngã ba, quẹo tay trái là đường vào khu định cư mới cho người dân khu Vĩnh Hội, Hăng Phôn bị cháy nhà cuối năm 1963 (hay đầu năm 64 tôi không nhớ chắc). Con đường này bây giờ hình như tên là Nguyễn văn Lương, hồi đó có tên hay không tôi không để ý. Từ ngã ba vào khu định cư, độ nửa đường bên tay trái có nhà máy xay lúa, đi thêm một đôi nữa có hàng bán nước đá đậu đỏ bánh lọt nước dừa. Trong trí nhớ của con bé tám hay chín tuổi con đường rất dài cho đôi chân bé con hằng ngày đi bộ. Hồi đó đi bộ thấy xa lắc xa lơ nhưng bây giờ tôi dùng Google để đo thấy chưa đầy hai cây số. Con đường này nếu có tráng nhựa thì chỉ một đoạn ngắn đến nhà máy xay lúa thì ngừng. Chỗ nhà máy xay lúa là nơi má tôi bị rắn cắn lần đầu tiên tôi có kể trong một chuyện ngắn nào đó. Đi thêm một đôi nữa là quẹo trái vào khu nhà mới định cư, nhà tôi ở trong đó. Đừng quẹo vào đó mà đi thêm một đoạn đường ngắn chừng một hai trăm mét là khu nghĩa địa Tân Qui Đông. Trong nghĩa địa này có xác của một phụ nữ người Công giáo chôn nhiều năm nhưng thân xác không tan, nó khô quắt lại như một cái xác ướp. Người ta tôn thờ thăm viếng một đạo. Gần nhà máy xay lúa có một ngôi đình. Tôi đi xem cải lương, hát bội mỗi khi có gánh hát

đạo về trình diễn ở ngôi đình này. Cảnh đình dĩ nhiên là có một cây đa rất lớn rất đáng sợ vì người ta bảo có thần hay có ma. Xéo xéo với ngôi đình là một ngôi nhà to có vườn tược chung quanh. Từ ngoài nhìn vào thấy mấy cây cau, cây dừa, nhà ở tuốt bên trong, hàng rào là cây dạ lý hương cao khỏi đầu tôi. Buổi tối đi xem hát về ngang qua khu vườn này ngửi hương dạ lý thoang thoảng và bóng trắng lấp loáng trên lá dừa lá cau. Dọc đường làng là nhà của dân sống địa phương có vài sập bán trầu cau rau cải trái cây. Nhà nhỏ thấp, vách gỗ, mái lá dừa hoặc mái tôn. Sau nhà là vườn tược cây ăn trái. Càng đi sâu vào con đường càng ít đá nhiều bụi. Lốp bụi đỏ này, sau một trận mưa là biến thành đất đỏ nhão nhoẹt và trơn trượt.

Thăm căn nhà mới cất bằng những miếng gỗ đầu thừa đuôi thẹo xong, ra về, trên con đường làng bụi đỏ má tôi thách.

- Chạy đua không?

Tôi khoái chí gật đầu.

- Má đếm một hai ba, chấp con chạy trước đó.

Tôi chạy trước, má tôi rượt theo bắt kịp tôi, tôi cố gắng vượt lên, qua mặt má tôi và chạy song song với má tôi một hồi. Rồi thì má tôi chịu thua vì mệt quá, tôi còn nhỏ, tuy chân ngắn hơn nhưng dai sức hơn. Năm đó má tôi đã mập mé năm mươi lăm. Năm mươi lăm tuổi ở thời đại 2015 thì vẫn mới nửa chừng xuân, nhưng vào năm 1965 với suốt một đời nghèo nàn vất vả thì má tôi đã mỏi mệt lắm rồi. Lần chạy đó là một trong những kỷ niệm vui vẻ hiếm hoi của tôi với má tôi.

Là một quận ven đô, Tân Qui Đông vẫn còn bát ngát những cánh đồng. Nhà lâu hai tầng chỉ có dăm ba căn. Người lớn than chỗ này buồn còn trẻ nhỏ như tôi thì chẳng có gì vui. Chiều chiều trạm phát thanh cho hát trên loa những bài hát thời thượng. Tôi nghe đến thuộc lòng Kiếp Nghèo, Nỗi Buồn Gác Trọ, Hoa Nở Về Đêm, Tàu Đêm Năm Cũ qua những chiếc loa này. Đồng ruộng mênh mông nên tôi có thể nhìn thấy mưa giông chạy chậm chậm, rào rào từ hướng bờ sông hay rừng Sát vào khu định cư. Nắng rơi giữa những đám mây im lặng liếm dần trên từng thửa ruộng. Có những buổi chiều trời trong tôi nhìn thấy thật xa, cửa biển có những luồng xoáy của những cơn bão lốc mà

tuổi nhỏ của tôi tin rằng đó là những cái vòi rồng hút nước. Ban đêm nếu trời không mây tôi thấy một bầu trời đầy sao. Nếu sống ở thành phố người ta sẽ không bao giờ thấy được cái đẹp tuyệt vời của một bầu trời đầy sao. Đôi khi tôi thấy ngợp, có cái cảm tưởng mình là một con kiến nằm ngó lên cái đáy tô màu đen và những vì sao lóng lánh kia là những viên đường dính ở đáy tô. Ngày ấy tôi còn bé quá và ở chốn quê mùa nên không biết truyện Hoàng Tử Bé hay truyện Những Vì Sao, bây giờ nghĩ lại tuổi thơ của tôi cũng thơ mộng chẳng kém, ít nhất là trong mắt của tôi. Rất nhiều lần tôi được nhìn thấy sao chổi. Vệt sao băng là chuyện thường, nhìn thấy hằng đêm. Có lần tôi thấy một sao chổi, liên tiếp nhiều đêm, nó có cái đuôi dài sáng đục như một dải lụa màu hồng nhạt.

Có lẽ bản chất của tôi không phải là một đứa ngỗ nghịch nhưng tôi trở thành lỏng vì thiếu người dạy dỗ. Tôi ăn cắp tiền, phá cửa, đánh bài, nói dối, và đánh nhau. Mấy tội kia thì tôi không chối cãi, nhưng tôi đánh nhau thì hơi oan, vì thật sự tôi bị người ta bắt nạt, kiếm có đánh tôi chứ tôi không bao giờ gây chuyện. Tôi nhỏ bé như một trái khế qua đèo. Cháy nhà, dời sang chỗ ở lạ, trường Tân Qui Đông nhỏ bé, lớp học đông đúc, và tôi chẳng quen ai. Mỗi ngày tôi đi bộ đến trường rồi đi bộ về nhà. Lướt về có khi có cô giáo đi cùng đường. Một đám học sinh đi chung với cô, nắm tay cô rất thân mật nhưng tôi không thuộc về nhóm ấy. Tôi lủi thủi một mình, luôn luôn là kẻ đứng ngoài, ngó vào, ước ao và ghen tị với những tình thân. Trời nắng chang chang, tan học tôi đội cái nón xếp. Loại nón vải có vòng kẽm, có thể bẻ lại và xếp gọn vào cặp. Tôi ra khỏi trường. Có một nhóm con gái ở phía sau hắt cái nón che mắt tôi. Xong rồi tụi nó hắt cái nón ra khỏi đầu tôi. Tôi xếp cái nón cất vào trong cặp lủi thủi đi tiếp, vừa đi vừa lăm lét ngó phía sau sợ bị đánh. Chỉ một vài bước có đứa nào đó ụp cái nón lá lên đầu tôi. Một đứa lớn đè cái nón xuống, rồi ghé mặt dưới vành nón lá chọc tôi:

- Ê! con nhỏ lùn. Cái nón che khuất cả người mày.

Tôi hắt cái nón ra, trên tay thủ sẵn cây thước kẻ. Tôi lăn xả vào, đâm và chém, bằng cây thước gỗ, túi bụi vào đám

đồng cao lớn trước mặt. Tôi chẳng biết ai là ai, có khi trúng người tội nó, có khi rơi vào khoảng không. Được vài ba nhát kiếm có tên tặc nào đó nhào vào phía sau tôi tước đoạt cây kiếm của tôi. Tôi vùng vẫy tung cước vùng chưởng loạn xạ. Ngay cả khi bị nhấc bổng lên khóa chặt tay tôi vẫn cố đá vào mặt đứa đứng trước tôi. Dĩ nhiên là tôi khóc. Bị đánh chắc cũng nhiều nhưng tôi lúc ấy tôi không biết đau, chỉ thấy người mình có nhiều chỗ nóng rát. Ấu đả một hồi có đứa can, thôi bỏ đi. Hôm sau tôi không dám đi học nữa. Má tôi hỏi tại sao tôi không nói. Tôi không hiểu tại sao tôi không nói là tôi bị tội học trò cũ bắt nạt. Hình như tôi xấu hổ là mình bị người ta đánh, vì mình không dễ thương nên bạn không thương. Má tôi đưa tôi ra trường học và đón tôi về hôm ấy. Hôm sau tôi đi học như thường, nhưng không bị chận đánh nữa.

Có một buổi tối có chiếu phim trong nhà lồng chợ. Buổi chiếu phim này do nhóm thanh niên áo nâu Bảo Vệ Nông Thôn tổ chức. Màn ảnh là một tấm vải trắng được căng ra ở bốn góc. Phim trắng đen tựa đề Chúng Tôi Muốn Sống nói về phong trào đấu tố địa chủ ở miền Bắc. Tôi xem đến đoạn người đàn ông bị chôn sống chỉ chừa có cái đầu rồi bị mấy cây cán lên tôi sợ quá nên bỏ ra về. Tôi len lỏi giữa đám đông chui được ra đến cuối chợ thì đụng phải một con nhỏ mặt quen quen nhưng không biết gặp ở đâu. Nó vớ lấy tôi rồi chọc.

- Nhỏ lùn. Nhỏ lùn bán bún. Ở chốn chợ quê. Có đám gà què. Xúm lại xin ăn. Đây là một bài học thuộc lòng của lớp mẫu giáo. Nó đổi chữ chú lùn thành nhỏ lùn.

Tôi né qua một bên đi chỗ khác, nhưng nó đưa chân ra ngáng tôi ngã nhào.

- Ê, chạy đi đâu. Mày đánh lộn hay lắm mà. Đâu có sợ tao. Thì ra đây là con nhỏ ở trong đám học trò đánh tôi lúc trước. Tôi ngó dáo dác xem có ai quen để cầu cứu nhưng mọi người mãi xem phim đến lúc gay cần và tôi ở xa đám xem phim. Không xa lắm nhưng đủ để tiếng kêu của tôi bị nhận chìm trong tiếng rào rào của mấy chiếu phim và tiếng xì xào của người xem phim. Con nhỏ cao hơn tôi chừng cái đầu, mặc áo sơ mi kiểu con trai. Tôi không nhớ nó mặc quần gì, nhưng nhớ là nó đi chân không vì cái chân của nó

đá vào chân tôi nhám xì. Tôi mặc cái quần xà lỏn, cắt từ cái quần dài bị rách lại.

Nó hất hàm hỏi tôi:

- Tại sao mày đụng tao? Mày đụng tao lần nữa là tao ỳnh à.

Tôi còn lớ ngớ chưa biết phản ứng ra sao thì nó đưa chân ra đá vào chân tôi lần nữa. Tôi ngã xuống nền chợ đánh ạch một tiếng. Cùi chỏ chạm vào nền xi măng rất rạt. Tôi đứng dậy đưa tay nhìn cùi chỏ rất rạt. Trong ánh sáng chập choạng của màn ảnh chiếu phim vết thương của tôi màu đậm chắc là chảy máu. Nó cung tay đưa năm tay dứ dứ trước mặt tôi. Tôi nghĩ bụng nếu tôi đâm thật mạnh vào đôi mắt nó cho nó nổ đom đóm hết thấy đường rồi chạy. Tôi tưởng tượng đến một thể võ tôi xem trong rạp chiếu bóng Kim Đô ở chợ Cầu Ông Lãnh. Nếu tôi phóng cao lên tung mình phóng song cước, một cước vào cằm và cổ của nó, còn cước kia thì tấn công vào hạ bộ của nó. Mới nghĩ thể nhưng chưa kịp nhúc nhích thì nó đã nắm áo tôi ghệt mạnh làm tôi ngã xuống. Rồi nó đè lấy tôi nện lấy nện đề. Nó to lớn khỏe mạnh hơn nên tôi không đánh trả được. Khi nó đè tôi, tình cờ cườm tay của nó ấn vào miệng tôi, nên tôi không kêu cứu được, và cũng không thở được. Túng thế tôi không biết làm gì hơn là cắn. Tôi cắn thật mạnh, thật sâu, thật lâu, cái kiểu “cắn trời gầm không nhả.” Chẳng biết bao lâu, tay của nó lơi dần, tôi nghe tiếng nó khóc rung rức bị nhận chìm trong tiếng hỗn động của buổi chiếu phim và trong sự khoái trá hả hê của tôi. Khi tôi nhả tay nó ra, mồm tôi đầy vị mặn của máu. Chẳng biết đó là máu răng của tôi hay máu từ tay của nó. Tôi tưởng nó sẽ đánh tôi tiếp nhưng nó lảng lạng bỏ đi. Về sau mỗi lần gặp tôi ở đâu đó trong chợ, nó lảng đi hướng khác. Nhiều khi ở đời lấy yếu đánh mạnh, gặp may cũng có thể trở ngược thế cờ. Nếu nó đừng đánh tôi trước và đừng chệch mồm tôi bằng bàn tay của nó thì không phải xấu hổ vì tôi đánh nhau. Tôi nghiệp con nhỏ lớn con khỏe mạnh hơn tôi lại trở thành nạn nhân của chính sự hung hăng của nó.

Tôi tiếp tục sống cái tuổi thơ đầy cô độc của mình ở vùng đất Tân Qui Đông hẻo lánh. Tầm sông, ngù ngoài đồng, la cà chơi với đám con trai tùy theo trò chơi nào mà tụi nó

thiếu người để chia phe như đánh trống, đánh đáo, tạt lon. Có lần tôi ăn cắp cả mấy con heo sữa mới sanh của má tôi nuôi đem cho một thằng bé đẹp trai hàng xóm để mẹ nó làm heo quay ăn Tết. Má tôi kêu trời và ai cũng biết bắt thang lên hỏi ông trời, bắt heo nhà đem cho trai thì có bao giờ đòi được không. Chuyện này để mai mốt tôi kể, chớ giấy mực nào có đủ, thời gian nào có thừa, cho cái chuyện dang dai này.

Một buổi sáng đến trường, ngay ngã ba đường Trần Xuân Soạn và đường vào khu định cư, người ta tụ tập đứng lố nhố rất đông. Tôi học sinh trong lớp bàn tán xì xào với nhau rồi len lén tùm năm tùm ba ra khỏi lớp mặc cho lớp học sắp bắt đầu. Ngó trước ngó sau chẳng thấy thầy cô hay hiệu trưởng, chẳng hiểu vì sao cùng một lúc bao nhiêu thầy cô đều vắng mặt hay đi trễ. Tôi cũng rón rén ra khỏi cổng trường hướng về phía đám đông đang tụ tập ở bờ sông.

Năm bảy người nằm la liệt dưới đất. Việt Cộng đó. Họ là những người còn rất trẻ, mười lăm hay mười sáu, cao tay lắm chỉ độ hai mươi. Có người mặc quần dài, loại quần vải mềm, gọi là quần bà ba. Có người mặc quần đùi. Người họ dính đầy bùn đất hay cát. Có người bị cột cứng cả hai chân. Có người mặc áo sơ mi, có người mặc áo bà ba, hay ở trần. Có người đội nón lá, vì cái nón lá còn ở gần bên. Tất cả đều có màu vàng tai tái nhợt nhạt. Chẳng biết họ nằm đấy bao lâu rồi. Quần áo của họ vẫn còn ướt dù gió thổi hiu hiu. Có một anh rất trẻ không quá mười sáu, mặt mũi khôi ngô, mắt nhắm hờ như giả vờ ngủ. Tôi tò mò đánh một vòng qua hướng khác để xem mặt từng người. Việt Cộng là ai và vì sao họ nằm gần cổng trường của tôi. Có người đứng gần nói:

- Họ trả thù vụ tấn công đồn Cảnh sát mấy bữa trước. Ông đồn trưởng bị mất tích rồi sau đó người ta thấy nằm úp mặt trong ruộng.

Từ khi tôi theo má dọn về cuộc sống khá yên lặng. Tôi đi học về suốt ngày thờ thẩn chơi một mình trong đồng cỏ u ru. Anh tôi đưa vợ mới cưới về ở chung một thời gian rất ngắn rồi trở lại Sài Gòn sau khi đồn cảnh sát bị tấn công. Đồn Cảnh sát cách nhà tôi chỉ mấy trăm thước. Đứng ở cửa có thể nhìn thấy phía sau đồn Cảnh sát. Gọi là đồn

nhưng nó chẳng phải là một cơ sở kiên cố qui mô, chỉ là nơi cho dân định cư đến làm giấy tờ lặt vặt. Ban ngày có dưới chục người ra vào làm việc, buổi tối đèn tắt tối thui hình như chẳng có lính gác.

Nửa đêm tôi nghe tiếng đạn bắn lộp bộp. Má tôi kéo tôi xuống đất. Anh tôi mở hé cửa nhìn về hướng đồn cảnh sát. Anh ngồi chồm hổm, chị dâu tôi đứng sau lưng anh. Chập sau anh quay lại thấy chị, anh giật khê:

- Sao em lại đứng xồng như thế, lỡ đạn lạc thì sao.

Chị dâu tôi rất trẻ, chừng mười tám, phụng phịu ngồi xuống sau lưng anh. Má tôi nói thì thào:

- Tụi bây đóng cửa lại đi. Nhìn cái gì mà nhìn.

Anh tôi nói:

- Để coi, hễ họ đến nhà thì con sẽ tìm đường chạy. Con sợ họ kiếm chuyện vì con làm sở Mỹ. Lúc đó tôi thấy anh tôi oai quá, về sau lớn lên tôi biết anh chẳng có chức vụ gì quan trọng, anh chỉ là họa viên vẽ kỹ thuật.

Má tôi trấn an:

- Dâu có ai biết con về ở đây.

Hôm sau má tôi nói chuyện với mấy bà Hai Lê Thọ. Rễ của bà Hai là Cảnh sát của quận Tám nói với bà Hai là Việt Cộng vào bót nhưng không có ai ở trong đồn nên họ chẳng bắt được ai. Nhưng vài hôm sau họ trở lại và lần này thì bắt được anh đồn trưởng tên Phụng.

Họ nằm lẩn lóc, dường như bị lôi xệch và xô đẩy xuống đất chẳng nương tay. Tôi thiệt. Tôi giật thót cả người khi thấy nửa đầu bên kia của anh đẹp trai là một cái lỗ thật to gần màng tang đến gần lỗ tai. Miếng da che trên cái lỗ phát phơ theo gió thoát nhìn tôi tưởng nó rung rinh theo nhịp thở. Tôi chóng mặt muốn ói. Nắng lên cao nóng hổi. Đám cỏ cú cỏ u ru dọc bờ sông lung lay theo gió, vui vẻ một cách vô tình. Tôi muốn biết trong cái lỗ to sâu hoắm ấy có gì. Trong ánh nắng nó đen ngòm, tôi nghĩ lẽ ra nó phải màu đỏ hay màu trắng. Trong đầu có tiếng ngân vang âm u như tiếng gió rít qua mái tôn những đêm bão lớn. Nét mặt của những người đang nằm trên mặt đất, ngoài cái màu vàng nhợt nhạt, dường như họ đang ngủ say không biết lạnh hay nóng là gì. Trông họ giống như những con búp bê làm bằng cao su trẻ con chơi mạnh tay một vài nơi bị rách

nát.

Có người hỏi bông lông:

- Mấy người này ở đâu ra đây?

Có người trả lời vu vơ:

- Toàn là du kích địa phương không à.

Xong, người ấy quay sang nạt tôi và mấy đứa nhỏ khác.

- Tụi bây sao không trở vào lớp học đi? Giờ này mà còn đứng đây làm gì? Đâu có phải xiệc mà coi.

@ @ @

Ở Tân Qui Đông, tôi nhìn thấy mưa chạy thành luồng bốc khói trên sông, nắng soi từng luồng, cầu vòng rực rỡ vắt ngang bầu trời, còn rất nhiều cái tôi thấy mà dân thành phố không thấy. Thí dụ như tôi có thể nhìn thấy máy bay trực thăng bay thành hàng bốn năm cái. Máy bay trực thăng thì có hai loại, có loại giống như con chuồn chuồn, và có loại giống như con sâu róm mập ú với mấy cọng râu quay tít trên đầu. Có những chiếc máy bay có thể bay đảo lên đảo xuống thật nhanh, mỗi lần nó chúi xuống chap sau tôi nghe tiếng nổ khói đen bốc lên. Có những chiếc máy bay, bay chậm thật đầm rồi từ bụng nó thả xuống những khối đen ngòm, có lẽ là hàng hóa vì không nghe tiếng nổ. Năm 68, anh tôi chết sau cuộc tổng tấn công ở phi trường Tân Sơn Nhất. Vào ngày tôi và má tôi sang Sài Gòn làm đám tang cho anh tôi, Tân Qui Đông bị dội bom. Nhà anh tôi ở gần Cầu Dừa, có thể nghe được tiếng rung của bom nổ. Cả nhà tôi chạy nạn sang chợ Cầu Ông Lãnh. Tối hôm đó tôi ngủ trên thớt thịt hàng thịt bò, suốt đêm ngủ thấy mùi thịt bò không ngủ được. Tuy ngủ thớt thịt nhưng tôi rất vui, như đi chơi vậy. Má tôi chỉ cái sập, của ba mấy đó. Tôi gặp ba tôi và hai đứa em cùng cha khác mẹ. Chúng tôi chơi, chạy nhảy trên những cái sập kê sát vào nhau, rất vui. Sau đám tang tôi trở lại Tân Qui Đông, Nhiều người dân bị chết vì bom. Người ta đánh bom vào chỗ có dân vì cho là Việt Cộng lẫn trốn theo họ. Nhà tôi bị miếng bom lung vài chỗ lớn trên mái tôn. Tôi không biết có phải do ảnh hưởng chiến tranh hay không mà suốt đời tôi luôn có một nỗi sợ hãi vô lý. Tôi sợ bị chết và tỉnh dậy trong một cái hòm đã

đóng kín, tôi kêu gào nhưng chẳng ai nghe. Tôi bị bệnh mất ngủ suốt đời, luôn sợ những bất trắc sẽ đến và tôi không chống đỡ được. Lớn lên, lang bạt nhiều nơi, thậm chí ra đến nước ngoài, tôi vẫn nhớ những lần bơi ngang sông, long rong trong đồng cỏ một mình, chạy đua với má tôi, nhìn thấy con rắn nước cắn vào chân má tôi chảy máu, v.v... Trong những kỷ niệm vui có chen lẫn những hình ảnh đau buồn và đầy sợ hãi như lần nhìn thấy những cái xác chết trước trường Tiểu học. Tôi cầu mong sao trẻ em ở Việt Nam hay ở trên thế giới chỉ nhìn thấy những cánh điều màu sắc sặc sỡ bay trên bầu trời, hay những đóa hoa nở thơm lừng trên mặt đất và đừng bao giờ bị chứng kiến nhiều thứ kém may mắn như trẻ em của thế hệ tôi.

KHUẤT ĐẦU

I

QUI NHON, NGÀY ẤY

Ngày ấy, là ngày đình chiến. Tôi 14 tuổi, theo dân làng đi bộ xuống Qui Nhơn để lần đầu tiên được nhìn thấy máy bay. Suốt chín năm kháng chiến nó nhào lộn trên trời cứ như chim chèo bẻo, ai cũng vừa sợ vừa tò mò muốn biết nó bay ra làm sao. Đó là chiếc máy bay một cánh quạt của ủy hội quốc tế gìn giữ hòa bình. Vì thế nó không mang bom đạn, nằm hiền khô trên một đường băng ngắn ngủn cạnh một cây cờ ông trắng đỏ. Cũng lần đầu tiên tôi được thấy tây Ba Lan, Canada mắt xanh mũi lõ và một ông Ấn Độ râu quai nón dày và đen như râu của Bồ Đề Đạt Ma.

Chờ mãi không thấy nó bay lên, chúng tôi đi xuống biển, cũng là để lần đầu nhìn thấy biển nó to rộng ra sao. Chúng tôi đi qua những con phố không người, chỉ toàn gạch ngói bị đập vỡ từ chín năm trước. Nhiều viên ngói đã xanh rêu và trên những đồng gạch đổ nát, cỏ dại mọc lên phơ phất.

Ngoại trừ một vài chùa Tàu và nhà thờ với tháp chuông vĩnh cửu vươn lên cao vút, cả thành phố đều bị san bằng. Không phải do bom đạn mà do dân công của các làng lân cận được huy động đến đập phá để tiêu thổ kháng chiến.

Một năm sau, tôi đi học lại ở trường Cường Để. Một ngôi trường lợp tranh trên nền trường college Qui Nhơn cũ. Không như một vài học sinh di cư mặc quần xanh áo trắng, chúng tôi mặc bà ba đen và đội nón lá. Hiệu trưởng là thầy Đình Thành Chương, một trí thức có lý lịch xấu bị bỏ lại không cho đi tập kết. Thầy ghét cộng sản ra mặt, đứa nào học dốt đều bị thầy mắng là đồ nông hội, tức là những người nông dân ngu dốt đã từng là cán bộ trong suốt chín

năm.

Thành phố sống lại với những ngôi nhà tạm bợ mái lợp bằng tranh và vách bằng cót hay cà tăng. Cũng vẫn những con người lam lũ, mặt tái mét vì sốt rét, tóc xơ xơ, vận trên người những bộ đồ mà ngày nay nếu lau xe cũng không ai muốn dùng, đang âm thầm xây dựng lại thành phố.

Có chợ, có bến xe. Rồi các kho xăng mọc lên. Nhà bà con bên ngoại của ông nội tôi ở khu Năm, trước mặt là núi bà Hỏa, có những đàn dê thả rông từ những gộp đá cao, thỉnh thoảng cất tiếng kêu be be gọi bầy. Khoảng ruộng trước nhà ngập mặn, rất nhiều rạm. Có mấy cặp vợ chồng lính Thượng chiều nào cũng xuống bắt rạm đập nát để làm mắm bồ hóc cùng với nhái và cóc coọc. Họ cũng thích mua thịt vắt lên mái tranh, khi thành dòi mới đem ra ăn.

Hai năm sau khi tôi vào học ở Võ Tánh, Nha Trang, khoảnh ruộng ấy được san lấp để dựng cây xăng. Chủ là một ông nào đó tên Tề, nên chết tên cây xăng ông Tề. Đây là cửa ngõ vào Qui Nhơn, vì vậy tết Mậu Thân trận chiến diễn ra ác liệt. Người lính viết văn Trần Hoài Thư, bị thương ở nơi này. Cũng may, chỉ bị thương nhẹ chứ nếu không đã không có Thư Quán Bản Thảo và một ông già ngồi khâu lại những vết thương của nền văn học miền Nam.

Dù là thành phố của quê hương, nhưng tôi chỉ sống trong lòng nó có hai năm khi học đệ ngũ và đệ tứ. Dấu ấn nó để lại trong tôi là một thành phố nghèo không điện không nước, những cây cà rem lạt nhách và những ô bánh mì vừa nhỏ vừa cứng, chỉ thua đá. Điều tôi nhớ nhất là những buổi trưa mượn xe đạp tập đi lạng quạng, té lên té xuống, bị bàn đạp va vào ống quyển sưng tấy. Nhưng khi thành thạo, lần đầu đạp đến hơn 20 cây số về thăm nhà thấy sướng, cứ như được lái máy bay. Tôi cùng với một anh bạn di cư tên Trần Văn Tường, đạp xe vào tận làng cù Qui Hòa, cảm nhận nỗi đau lặng lẽ của những con người bị xã hội xa lánh. Rồi thăm mộ Hàn Mặc Tử do Quách Tấn cải táng ở ghềnh Ráng. Giờ ngôi mộ ấy được nằm trong bản đồ du lịch của thành phố, chỉ để cho những kẻ tò mò chứ không phải yêu thơ đến mua một vài câu thơ khắc bằng bút lửa trên gỗ ngo để làm dáng và thất vọng ra về sau khi nhìn thấy Mộng

Cầm chỉ là hình ảnh một bà già nhăn nheo như bao nhiêu bà già khác. Phải chi, Quách Tấn cứ để thi sĩ nằm dưới rặng dương bên cạnh những ngôi mộ của các bà sơ đã gấn chặt đời mình với các bệnh nhân cùi hủi thì hay hơn nhiều. Một ngôi mộ đơn sơ như thế sẽ chỉ có những người thực sự yêu thơ tìm đến mà thôi. Và giả dụ không có được một nắm đất thì trong lòng những người yêu thơ Hàn vẫn có một nắm mồ cho thi sĩ.

Giờ Qui Nhơn, cũng như bao nhiêu thành phố khác, với những cao ốc, khách sạn rất hoành tráng nhưng không có nét gì riêng, nếu không muốn nói là vô hồn. Tôi nói ra điều này thế nào cũng bị những người Bình Định tập kết trở về mắng cho là đồ già nua lắm cảm, nhưng thực sự tôi lại thấy quý và thấy nhớ Qui Nhơn ngày ấy, ngày mà những người cộng sản bắt buộc phải rút đi để Qui Nhơn tự do sống theo cách của riêng mình. Nhờ vậy mới có được câu hát buồn và đẹp, *mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ...* của Trịnh Công Sơn.

Qui Nhơn cũng là nơi bạn tôi rời đất Bắc tiếp tục học, rồi đi quân dịch, đi Thủ Đức, sau cùng tan xác ở kho đạn Quảng Ngãi. Qui Nhơn cũng còn là nơi, một người bạn di cư khác làm chủ đến những hai cái bar, một trắng ở đường Võ Tánh, một đen ở Tầng Bạt Hồ. Tôi có dịp sống ở đó vài tháng và nhờ vậy viết được tiểu đoạn lính Mỹ và gái bán bar trong Những Tháng Năm Cuồng Nộ.

Qui Nhơn, khi những người xứ khác qui tụ lại thì tôi lại bỏ nó mà đi, những tôi vẫn nhớ cái thuở ban đầu quê mùa và khờ dại ấy.

Đầu xuân Quý Mùi
Khuất Đầu

II

CHUYỆN MỘT NGƯỜI CON GÁI, TÊN...

Dù đã gần tám bó, mắt mờ, gối mỏi, tôi vẫn không quên được người con gái ấy. Phải nói là không thể. Nàng đẹp, đương nhiên, mà giá như không đẹp, tôi cũng vẫn cứ yêu nàng.

Nàng sinh ra là để được yêu.

Một người con gái có mái tóc phương đông dài đuột, có đôi mắt ướt át như cánh đồng sau cơn mưa, có giọng nói nũng nịu ngọt ngào, cứ mở miệng ra là “Xời ơi, anh Hai, anh Hai” ngọt xớt như đường phèn, bảo sao mà không yêu cho được.

Nàng là hiện thân của tuổi trẻ yêu đời, lúc nào cũng vui tươi nhí nhảnh. Nàng có một sức hút kỳ diệu, trông thấy là không thể không yêu.

Đã có những ngày chúng tôi tay trong tay cùng nhau đi dạo dưới ánh nắng phương nam rực rỡ. Đã có những đêm, say khướt nằm kề bên nhau chỉ để chờ sáng, đi tiếp. Nàng mạnh mẽ nhưng dịu dàng. Nàng âu yếm nhưng không lơ là. Lúc nào nàng cũng hào sảng ban cho tôi một nụ cười. Chỉ có thể thôi và tôi cũng cần chỉ có bấy nhiêu, là đủ.

Nàng quá đẹp, mỗi ngày một đẹp hơn, nên lượng sức mình, tôi không dám và cũng không thể chiếm đoạt nàng làm của riêng. Nàng cũng vậy, không muốn mình là của riêng ai. Nàng nói: “Xời ơi, lấy chồng sớm làm gì, em mới có hai mươi tuổi thôi mà!”

Hai mươi tuổi hay bóng bảy là hai mươi mùa xuân. Ở tuổi này, nhịp đời đi rất chậm. Nàng vẫn cứ đứng đỉnh dạo bước bên bờ kênh tương lai.

Có ngờ đâu, khi nàng kiêu sa bước vào mùa xuân thứ hai mươi một, đất trời bỗng một phen mù mịt. Và trong cảnh “trong thành ngoài lũy tan hoang”, nàng bị ép buộc phải lấy một ông chồng già, đúng hơn là một cái xác chưa chôn, giống như nàng Kiều bị Hồ Tôn Hiến ép gả cho thổ quan.

Có chuyện quái dị như thế vì người ta nghĩ rằng, không thể để một người đàn ông sống cả một đời dài lừng lẫy mà không kiếm nổi một cô vợ. Cho dù là một cuộc hôn nhân giả chỉ để làm ra vẻ nghĩa tình với người đã khuất, người

ta vẫn nổi trống, dựng cờ, ca nhạc rình rang suốt cả ngày lẫn đêm. Rồi một sáng tháng năm, nàng bị áp giải lên xe hoa, từ đó bị thay tên đổi họ.

Và thế là hết, đã hết, một đời người con gái.

Vì cho rằng nàng đã có một thời ăn chơi sa đọa, có hàng tá tình nhân, nên nhà chồng cư xử rất cay nghiệt. Trước hết, họ xõn cái mái tóc dài đuột của nàng, đốt bỏ hết áo quần là lượt xưa cũ, cấm nàng hát ca, nhất là những bản nhạc mà họ cho là ủy mị. Rồi họ bắt nàng phải xắn quần lội xuống bùn để vớt bèo nuôi heo, tới đến còn phải ngồi bó gối để nghe giảng dạy về nghĩa vụ làm vợ, dù là vợ góa.

Nàng khổ, chưa bao giờ khổ như thế. Nàng nhục, cũng chưa bao giờ nhục như thế. Nhưng nàng không gieo mình xuống sông Đồng Nai như nàng Kiều. Nàng cố nhẫn nhục chịu đựng để mà sống.

Trông thấy nàng tóc tai bơ phờ, xanh xao đói khát, tôi xót xa lắm. Nhưng cũng chẳng biết làm cách nào để cứu giúp nàng, vì tôi cũng đang đói rách, còn hơn cả nàng.

Thế rồi, tôi bị cấm tới gần vì cái tội đã có một thời dám yêu nàng. Tôi bị quăng vào rừng núi để sống đời hoang dã. Để chừng từ đó đến nay, đã bốn mươi năm. Tôi thì tóc đã bạc, nàng cũng chẳng còn trẻ trung gì.

Hôm vừa rồi, nhân sự cấm cản lời lỏng, tôi đánh bạo xuống núi tìm gặp lại nàng. Tôi không tin vào mắt mình nữa. Nàng quá khác xa ngày ấy. Không còn là một người con gái phương Nam thon thả, đôn hậu, mà là gì nhỉ, khó nói quá. Nửa giống như bà phán Cảnh của Vũ Trọng Phụng, nửa giống như Tú Bà của Nguyễn Du.

Thật đấy, bây giờ nàng ô dề, lưng to như cánh phan và đúng là nhờn nhọt màu da, cao lớn rất đầy đặn. Tóc nàng nhuộm đủ màu kiểu Đại Hàn, mũi đương nhiên là gọt sửa. Nhưng cái điều kinh khủng nhất khiến tôi phải ngộp thở là nàng bơm ngực và bơm hông, trông cứ như con voi bằng cao su trong truyện của nhà văn khôi hài đen người Balan.

Thì thôi, cũng đành một nhẽ, đàn bà ai chẳng muốn nhờ dao kéo làm đẹp. Cái thay đổi về thể xác tuy vậy cũng không đáng buồn bằng thay đổi của tâm hồn. Hóa ra là, sau một cơn bàng hoàng đến điên đảo vì lấy phải một ông chồng già đã chết, nàng bỗng nhận ra trong cái rủi lại có

cái may: vì trong đêm động phòng hoa chúc nàng ngủ thẳng một mạch tới sáng, chẳng một ai động đến cái ngàn vàng của riêng nàng. Lấy chồng mà vẫn còn “gin”, lại thêm nhờ tai tiếng, à không, nhờ danh tiếng của chồng, nàng đủ thông minh để bước lên ngôi vị của một bậc phu nhân mệnh phụ. Giờ đây, tuy xộc xệch xấu xí, nhưng miệng nàng là miệng nhà quan có gang có thép, hô một tiếng có cả trăm đứa dạ rân.

Đương nhiên, nàng chẳng thèm nhìn mặt tôi. Nàng chỉ tiếp những khách đã được chọn lọc và lên lịch trước cả tuần. Ưu tiên số một là khách ngoại quốc, những Mỹ, Nhật, Pháp, Anh... những kẻ chẳng những vào *trong phong nhã* ra ngoài hào hoa mà còn *quen thói bốc rờ*, *trăm nghìn đổ một trận cười như không*. Những lúc ấy, ngộ nghĩnh thay mà cũng đau đón thay, nàng ỡng ẹo như một mụ dĩ già để... xin tiền!

Tiền! Tiền!, giờ nàng chỉ biết có tiền!

Ngày xưa, bạn cũng đâu có ngờ phải không, nàng chính là người con gái đã nhiều phen làm bạn chết mê chết mệt đấy, có tên gọi dễ thương, là ...!

Khuất Đầu

** những chữ in nghiêng, mượn tạm của Nguyễn Du, ai cũng biết.*

Một Thoáng Hương xưa

Trần Thị Nguyệt Mai

Nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa

Cho tôi về đường cũ nên thơ...

(Nửa hồn thương đau - Nhạc: Phạm Đình Chương - Ý thơ: Thanh Tâm Tuyền)

Vâng, tôi đang nhắm mắt thả hồn mình về ngày xưa yêu dấu ở Sài Gòn... Thuở mắt tôi còn nồng hương sách vở. Thuở còn là cô bé nhỏ tóc bím-bê hạnh phúc bên gia đình và bạn bè yêu dấu. Làm sao mà quên được những ngày ấy... Đây là khu Đa Kao, nơi nhà và trường tôi ở đó. Nơi đó, tôi có Kim Phụng, cô bạn cùng lớp, ngồi cạnh nhau, rất xinh. Hai mắt to và đen láy. Tóc dài, thắt bím. Giờ ra chơi nào chúng tôi cũng vào quán bán bánh kẹo trong trường để mua quà ăn với nhau. Phụng nói hai đứa mình thân nhau như vậy hoài ghen. Tôi sung sướng gật đầu. Giờ tan học, Phụng có mẹ đến đón về. Còn tôi, vì nhà gần nên đi bộ. (Thời đó xe cộ rất ít chứ không như bây giờ, nên học sinh tiểu học tự đi và về một mình chứ không cần có người lớn đưa đón). Từ trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng (nhìn sang bên kia đường là quán “Mì Cây Nhãn” nổi tiếng một thời) ra, tôi sẽ rẽ trái đi về hướng đường Nguyễn Phi Khanh. Đến ngã tư Đinh Tiên Hoàng – Phan Thanh Giản thì rẽ phải vì có đèn giao thông. Tôi sẽ đi ngang qua rạp hát Asam, tiệm thuốc tây của dược sĩ Tống Lịch Cường, tiệm tạp hóa Mai Loan mà người chủ là bạn của bà ngoại tôi, nhà sách Chí Công. Ngang qua con đường nhỏ Huỳnh Khương Ninh, sẽ đến tiệm bánh ngọt Thanh Hương, rồi đến tiệm vàng Kim Phát, tiệm tạp hóa Chánh Long, tiệm bánh Thuận Xương... Thỉnh thoảng gặp bác Quý, bạn của mẹ tôi, đi công việc về, thế nào bác cũng bảo chú xích lô dừng lại cho tôi lên xe về nhà. Còn như không gặp bác, tôi sẽ

phải băng qua ngã ba Đình Tiên Hoàng - Hiền Vương - Nguyễn Phi Khanh. Sẽ đi ngang qua quán cà phê của cô Chi mà giờ đây tôi mới biết là một quán nổi tiếng có nhiều văn nghệ sĩ hay đến. Gần đó là văn phòng bói toán của cụ Ba La. Đi một chút nữa là đến con hẻm có hai dãy nhà độ mười - mười hai căn, mà nhà tôi ở căn cuối dãy bên phải. Đó là một cái xóm mà tình bạn bè và láng giềng rất thân thiện, hòa hợp, chẳng bao giờ nghe tiếng chửi lộn hay cãi vã. Tôi hay chơi banh dĩa, nhảy dây hay nhảy cò cò với Marie, Nicole – hai chị em lai Pháp, chị Loan và Liên – con thầy Hiệu trưởng Lương Lê Đồng của trường Huỳnh Khương Ninh. Còn như chơi u và chơi trốn tìm thì có thêm hai anh em Sáng và Lợi, con của thầy cảnh sát ở xéo bên nhà. Trong xóm còn có nhà của cầu thủ Tam Lang thời còn độc thân – chú mướn nhà ở chung với ba người bạn. Cùng xóm, có một bác là bố của các anh Thụy và Tước (tôi đã quên tên bác), là họ hàng với gia đình nữ nghệ sĩ Kim Chung, nên người trong xóm thường nhờ bác mua vé giùm khi muốn đi xem cải lương. Tôi yêu những buổi trưa với những gánh hàng rong rao tiếng ngân nga: “Ai... chè đậu xanh đường cát nước dừa... hôn?”, “Ai... hột ‘dzit’ lộn... hôn?”... Buổi tối thì có hàng mía “glassée” và mía hấp, nhưng tôi yêu thích nhất là món chè mè đen của bà Tàu già thường rao với giọng lơ lớ: “Chí... mà... phừ”. Thịnh thoảng ba chở hai chị em tôi bằng chiếc Vespa ra Sài Gòn ghé bến Bạch Đằng hóng mát, nhìn những con tàu lênh đênh trên sóng nước, rồi ghé tiệm Viễn Đông uống nước mía và ăn món phá lấu ghim tẩm của ông Tàu gần đó. Còn mẹ thì cho tôi đi chợ Sài Gòn những khi cần mua sắm thêm. Thế nào mẹ cũng dắt đi ăn món suông hoặc bún thịt nướng, rồi ăn chè đậu ngự, chè khoai,... món nào cũng hấp dẫn. Tôi còn nhớ những dịp gần Tết, thường có những gian hàng khuyến mại, mà lớn và vẫn còn ăn sâu trong đầu óc của tôi hiện nay là gian hàng kem đánh răng của “anh Bảy chà” Hynos với hình ảnh của một người da đen cùng nụ cười tươi tắn khoe hàm răng trắng bóc.

Lớn lên, tôi đã biết yêu những con đường “cây dài bóng mát”, có lá me bay thơ mộng như đường Phùng Khắc

Khoan, Gia Long, Nguyễn Du, Duy Tân... Những buổi cuối tuần ra Lê Lợi, áo dài tung bay trên phố, nắng vàng đượm nồng trên môi, vào nhà sách Khai Trí rất lớn với biết bao nhiêu sách vở. Bên kia đường là những quán bán sách, nhạc... mà mọi người cũng thường ghé đến. Nhớ ngôi trường Luật đường Duy Tân. Nhớ những ngày ôn bài ở nhà Lương Hương, hai đứa đối bụng xuống lục cơm nguội ăn mà vẫn thấy rất ngon. Nhớ thời gian học lớp “Trung Tâm Huấn Luyện Chuyên Môn Ngân Hàng” trong trường Lê Quý Đôn, sân trường đẹp tuyệt vời với những hàng cây xanh cao. Cũng chính nơi đây, những ngày cuối cùng của tháng 4 năm 1975, bạn bè đã gặp nhau và chia sẻ về vận nước. Rồi ly tán và chẳng bao giờ còn gặp lại...

Sài Gòn của tôi êm ả và thanh bình quá. Tuy nó không có núi đồi trùng điệp lãng đãng khói sương thơ mộng như Đà Lạt, hay những bãi biển dài ngút mắt mà nước màu trong xanh như ngọc thạch quyến rũ hồn người như Phan Thiết, Nha Trang,... mà sao đối với tôi Sài Gòn vẫn tuyệt đẹp. Hình ảnh của một cô thiếu nữ đầy sức sống. Nó là thủ đô văn hóa của Việt Nam như nhà văn Mai Thảo đã khẳng định một cách trang trọng trên tạp chí Sáng Tạo trong số đầu tiên, tháng 10 năm 1956. Và nó là chứng nhân của buổi sáng ngày 30-4-75 Trung-Tá Cảnh-Sát Nguyễn-Văn-Long đã uy dũng tuần tiết dưới chân tượng đài Thủy quân lục chiến. Cũng như, sau lệnh đầu hàng của tướng Dương văn Minh, một tiểu đội nhảy dù “vẫn trật tự làm lùi theo hàng một tiến về hướng Dinh Độc Lập... Có điều gì đó rất thiết thân và thiêng liêng ràng buộc giúp họ thắng mọi sợ hãi trong nỗi sống chết không rời” mà nhà văn Ngô Thế Vinh đã kể lại trong cuốn *Mặt Trận Ở Sài Gòn* (Nxb Văn Nghệ 1996).

Tôi đã sống trong một cái tháp ngà. Tôi đã quá ích kỷ, không để ý gì đến chung quanh, đến những người lính. Nên tôi đã cảm thấy tim tôi như thắt lại, khi có dịp đọc những truyện ngắn, những bút ký... của các nhà văn Trần Hoài Thư, Phan Nhật Nam, ... Những người lính phải dầm mình dưới cơn mưa lạnh đêm vọng Giáng Sinh trong

truyện Nay Lát của THT, cái chết của Trung tá Nguyễn Đình Bảo – Người Ở Lại Charlie – trong “Mùa Hè Đỏ Lửa” của PNN hay anh khinh binh Võ Hồng Nga, biệt danh “Trâu Diên” trong truyện Ngày Thanh Xuân của THT, và những trận đánh khốc liệt ở An Lộc, Bình Long, Cổ Thành Quảng Trị, Kỳ Sơn... đầm biết bao nhiêu xương máu, mồ hôi, nước mắt của các anh để giữ cho Sài Gòn được bình yên.

*Kỳ Sơn đôi trọc chim không đậu
Đại đội đi, một nửa không về
Lớp lớp người nhào lên, ngã gục
Đạn sủi bờ sủi đá, u mê*
(Kỳ Sơn - Trần Hoài Thu)

Cám ơn các anh đã cho em có dịp biết được những hy sinh gian khổ của cha anh mình trên những chiến trường miền Nam. Để chúng em và người dân miền Nam có được những ngày hạnh phúc mà mỗi lần nhớ lại ai cũng phải ngậm ngùi thương tiếc. Một chế độ tự do để sách báo và văn học nghệ thuật phát triển, người cày có ruộng, người dân có nhà. Một chế độ không đi cướp bóc nhà dân để làm tài sản của riêng cho cán bộ lãnh đạo. Không lấy phần đất ruộng thượng đẳng điền để xây dựng nhà máy. Không phá bỏ những cánh rừng bạt ngàn ở Tây Nguyên có nhiệm vụ ngăn giữ đất đai và bảo vệ môi trường. Không đem đất đai của ông cha đi bán cho “người anh em môi hở răng lạnh”. Không xóa đi những di tích lịch sử quý báu như Lăng Cha Cả (Sài Gòn) một biểu tượng của kiến trúc Á Đông xưa, hay tuyến đường xe lửa rừng cưa quý hiếm đoạn Sông Pha - Đà Lạt do Công ty hỏa xa Pháp xây dựng với đầu máy mua của Thụy Sĩ và của Đức. Và còn nhiều cái *không* khác nữa...

Em xin được tỏ bày lòng biết ơn, dù đã rất muộn màng, đến tất cả Các Anh, những người Chiến Sĩ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa kính yêu.

Trần Thị Nguyệt Mai
tháng 4 năm 2015

Chưa Một Lần Trở Lại

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Năm 1972.

Không phải đây là lần đầu tiên mình được thấy cảnh đồng quê. Đồng quê miền Nam hầu như đâu đâu cũng giống nhau. Nhưng có đi nhiều mới thấy mỗi nơi có một chút khác. Phải thế không? Hay chính là cảm giác của mình mỗi lần một khác?

Trên đường đi, hầu như ở đâu cũng thấy ruộng. Đến những xóm nhà dân thì ruộng được thay thế bằng những sân phơi thóc. Thóc phơi trước nhà, nhiều đến nỗi phơi lẫn lên mặt đường. Thóc phơi ở sân bên hông nhà. Và chắc chắn là có cả ở sân sau. Con gái thị thành, về quê thấy cái gì cũng lạ, lạ từ cây cầu tre lắt lẻo cho đến vườn chuối, ao bèo. Nhưng rồi thấy quen thuộc. Tất cả ẩn hiện trên đường đi. Và khi xe dừng trước ngõ xóm, đi vào khu dân cư, thì quang cảnh lạ hơn một chút.

Đến Gò Công rồi đi xe lam vào Đồng Nguơn. Áp Đồng Nguơn.

Lính đóng trước nhà dân. Anh tôi đó!

Buổi chiều. Chúng tôi ra xem sân phơi thóc. Đó là một khoảng sân rất rộng trắng xi-măng sạch sẽ. Có mùi thơm thoảng nhẹ. Tôi nghĩ “mùi thóc lúa”, rồi thầm chế nhạo mình dân thị thành ít biết về chuyện thôn quê. Kể từ khi anh ra trường Thủ Đức, chị thỉnh thoảng đi thăm anh như thế. Lần này tôi xin tháp tùng đi theo. Anh đi nhiều nơi ở miền Nam. Có lúc chị thăm anh tận tiền đồn, nhưng cũng có lúc thăm tại nhà dân, nơi đoàn quân trú đóng chờ di chuyển. Lần này là Đồng Nguơn, một cái tên tôi chưa một lần nghe đến, dù là trong bài học Sử Địa. Lệnh cấp trên cho phép người nhà đến thăm. Và thế là tôi đã biết Đồng Nguơn.

Trời gần tối. Bà chủ nhà đang lui cui sau chái bếp chuẩn bị đãi chúng tôi bữa cơm chiều. Tôi trở mắt ngạc nhiên, khi nhìn thấy bên trong nhà là nền đất, trái ngược hẳn với sân xi-măng láng bóng sạch sẽ phơi thóc ngoài kia. Anh hiểu ý, giải thích:

- Ở đây nhà nào cũng vậy, họ coi trọng cái sân phơi thóc, nên tráng xi-măng kỹ lắm! Còn trong nhà thì đa số rất đơn sơ.

Hai chị em được bà chủ nhà cho ngủ trên bộ ván cao. Anh và những người lính giăng lều ngủ ngoài sân.

Đèn dầu thấp tù mù. Muối bay vo ve bên tai. Mọi người vào mừng sớm.

Mới đâu khoảng bốn giờ sáng. Chúng tôi bị đánh thức bởi tiếng lao xao người ta nói chuyện bên ngoài. Bà chủ nhà cũng thức giấc, lắng tai nghe.

Anh đến bên bộ ván, nói khẽ:

- Anh phải đi.

Chị ngồi ngay dậy:

- Anh đi sao?

- Có lệnh hành quân.

...Toán quân đã đi. Nhanh gọn như khi họ đến. Bà chủ nhà không ngủ lại được, ra sau bếp nhóm lửa. Chúng tôi cũng thức luôn. Gian nhà trở nên thênh thang.

Trời sáng tỏ. Chúng tôi lại ra sân sau. Đứng trong sân phơi thóc, mới thấy rõ tấm lòng trân trọng của người dân thôn quê đối với “hạt ngọc trời cho”. Họ đã dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho việc trồng, gặt, phơi lúa. Cảnh yên bình là thế. Bỗng đâu có vài tiếng nổ vang lên rì rạc. Chúng tôi lắng nghe, nhìn nhau, ngậm nói qua ánh mắt: không phải pháo, mà là tiếng súng.

Tôi như người ngủ chưa đủ giấc, cùng chị ra phố chợ. Kịp thấy các bạn học sinh áo trắng tinh, chân còn ướt vì vừa băng qua ruộng. Băng qua ruộng, rửa chân trong mương nước, buông ống quần xuống, thế là tươm tất ngay.

Vào “pharmacie” ở phố chợ mua vỉ thuốc nhức đầu cho chị uống trước khi về. Chúng tôi ngồi nơi băng ghế chờ để

nghe một chút trước khi ra bến phà Mỹ Lợi. Một người phụ nữ đến trước cửa tiệm, bỏ đôi dép lấm đầy bùn đất trước thềm, đi chân không vào mua thuốc. Tôi chột nhìn xuống thấy mình còn mang giày, phản xạ tự nhiên thôi, và nghe một cảm giác lạ kỳ. Người phụ nữ lấy thuốc xong, đi ra tỉnh bơ, bỏ đôi dép lại đó. Đi được dăm bước, chị ấy quay vòng lại, xỏ chân vào đôi dép, cười lỏn lén. Mọi người cười với chị. Chị đã quen đi chân không.

**

Từ đó tôi chưa một lần về thăm lại Đồng Nguơn. Tôi nhớ Đồng Nguơn và có đem địa danh này vào một trong những truyện dài của mình: “Người Khắc Bia Mộ” (1). Chiến tranh đã lan nhanh khắp nơi. Tuổi sinh viên, viết văn, văn cũng nhuộm màu chiến tranh trong đó.

Và tôi cũng không có dịp về lại Đồng Nguơn. Cũng như anh. Bởi ba năm sau anh phải vào “trại tù cải tạo”. Ra tù, anh về cao nguyên, quê nhà của anh. Nơi đó, anh đau lòng vì thấy cha mẹ bị đọa đày.

Anh cũng oán hận Sài Gòn vì đó là nơi lần đầu tiên anh thấy màu cờ xanh đỏ nghênh ngang bay lượn. Màu cờ làm anh muốn chết ngất. Anh đâm mạnh nắm tay vào cột gỗ. Máu chảy. Anh để dòng nước mắt uất hận chảy tuôn. Anh ước gì mình đã ở lại chốn ruộng đồng, chết theo chiến hữu. Anh vẫn hoài mơ về miền đồng ruộng. Vì đời lính của anh gắn liền với miền đồng ruộng.

**

Sống và đi nhiều nơi. Nơi đâu có tình là tôi có nhớ. Nhưng cái nơi mình biết về nó ít nhất, mình lại nhớ một cách ray rứt, như đứa bé sớm xa mẹ chưa biết thế nào là tận hưởng bầu sữa thơm.

Sau này tôi vẫn luôn tự hỏi Đồng Nguơn bây giờ ra sao. Tôi như kẻ ngơ ngê tìm trên internet để biết thêm về nó đôi điều... Không có. Cái tên không có. Ngay cả khi tôi đánh máy “Nguơn” thành “Nguơn” cho giống cách viết sai của nhiều người, cũng không có.

Nước cũng mất, hướng gì một cái tên ấp, xã, huyện. Tôi tự

an ủi. Đôi khi cũng gặp trong vài bài thơ bạn bè chuyển cho nhau. Nhưng Đồng Nguơn đó không giống như Đồng Nguơn mà tôi đã biết, đã sống một đêm trong hơi thở của chiến tranh.

**

Anh tôi vẫn hoài mơ về miền đồng ruộng. Vì đời lính của anh gắn liền với miền đồng ruộng.

Tôi viết truyện ngắn “Cây Mai Của Đồng Nguơn” (2). Tôi mong muốn anh chị sống cuộc đời sau chiến tranh an bình và hạnh phúc.

Cây mai Đồng Nguơn của Cam Li nở hoa vì Cam Li muốn nó nở hoa.

Nhưng sự việc đã xảy ra trong đời thực nhiều khi xót xa hơn trong tiểu thuyết.

Anh chết cô đơn nơi rẫy dưới chân đèo. Trái tim của anh tự vò xé rồi ngừng đập.

**

Tôi vẫn đi tìm quê hương trong trí nhớ mù khơi.

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh
2015

(1) “Người Khắc Bia Mộ”, Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Tủ Sách Tuổi Hoa xuất bản năm 1973

(2) “Cây Mai Của Đồng Nguơn”, Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Thư Quán Bản Thảo số 50, Xuân Nhâm Thìn 2012

Hành trình của tạp chí Trình Bày



Trình Bày là bán nguyệt san văn hóa chính trị xã hội ra ngày 1 và 15 mỗi tháng. Số 1 ra ngày 1 tháng 8 năm 1970. Số cuối cùng là số 42 ra ngày 2-9-1972.

Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Thế Nguyên

Tổng Thư ký: Diễm Châu

Biên tập: Lý Chánh Trung, Thanh Lăng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn Nhậm, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên, Du Tử Lê, Nguyễn Tử Lộc.
Tòa soạn: 291 - Lý Thái Tổ Saigon.

Qua những bài vở, người đọc có thể liên tưởng ngay nó thuộc thành phần thứ ba.

Số 1, với Con đường đi tới, TB đã nói lên chủ trương của họ:

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua trên cuộc cách mạng mùa

Thu. Và ngoại trừ một vài năm hiếm hoi ngay sau ngày ký kết hiệp định Genève, người Việtnam đã phải chiến đấu không ngừng. Tuy vậy những hy sinh ròng rã suốt 25 năm trời ấy dường như vẫn chưa đủ để cho một dân tộc yêu chuộng hòa bình như dân tộc Việtnam có thể buông súng xuống vui hưởng Tự do.

Bây giờ, vẫn còn những cụ già tóc bạc bị trói tay, bịt miệng, những em bé bắt lực quần quai trên vũng máu, những thanh niên bị đánh đập dã man, những thiếu nữ bị hãm hại. Bây giờ, vẫn còn những cảnh tra hỏi, bắt bớ ở mỗi nẻo đường, những tiếng hét rừng rợn của những nạn nhân trong những phòng tra tấn cả một miền đất nước biến thành một cái chuồng thú vĩ đại. Máu hòa nước mắt. Roi da và thép gai, thép gai, thép gai trùng trùng điệp điệp. - - v. Bây giờ những người Việtnam hèn mọn bị nhục mạ, bị xúc phạm, bị tước đoạt hết mọi lẽ sống như vậy vẫn phải kéo dài một cuộc đời Súc vật, không chút nhân phẩm, lang thang vất vưởng, như những người Do thái, ngay trên chính quê hương mình. - Trong lịch sử của dân tộc đã có bao giờ như bây giờ ? Bây giờ...

Con đường đi tới, số 1 (1-8-1970)

Số 1 đã nói lên một chủ trương khuynh tả, chống đối chánh quyền một cách công khai. Tuy nhiên, chính quyền vẫn cho dễ yên, không làm khó dễ.

Mãi đến số 2, TB đăng bài thơ của Thái Ngọc San: “Máu chúng ta một rừng biểu ngữ” với những câu xách động, đầy màu đỏ như:

*“ Máu của tôi sẽ đập mộ bạo tàn
Máu các anh dựng cờ khởi nghĩa
Ta đứng lên cùng với muôn người
Hôm nay ngày điều tàn quyền thế
Tôi mở cửa ngục tù các anh phá rào nô lệ*

Bài thơ này nằm bên cạnh bài thơ lục bát của Du Tử Lê:
Bài lục bát sau tám năm cho người về.

Số 2 là số khởi đầu cho một chuỗi dài tịch thu mà chính quyền chiếu cố rất tận tình xuống Trình Bày. Trong 42 số, thì có 16 số bị tịch thu:

Đó là số 2, 4, 17, 21, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 35, 36 & 37 (số Xuân Nhâm Tý), 38, 39, 41

Chủ nhiệm Thẻ Nguyên liên tiếp bị trát ra tòa, để nhận dài dài án lệnh tuyên phạt có khi 100.000đ có khi 150.000đ, cùng bồi thường cho bộ nội vụ 1 đồng danh dự.



(Bìa của 16 số Trình Bày bị tịch thu)

● **Trình Bày số 41 cũng bị tịch thu.**

Trình Bày số 41 ra ngày 22 tháng Bảy vừa qua lại tiếp tục bị Nhà Nước tịch thu. Lệnh tịch thu lần này nhằm vào các bài: « *Bóng ngày tàn phai* », tùy bút của Nguyễn như Mây; « *Những viên gạch đã nảy mầm loài nấm hương* », thơ của Nguyễn miên Thảo; « *Những Tanya Việt-nam* », nhật ký của Hồ dự Nhượng. *Trình Bày* hy vọng đây sẽ là lần tịch thu cuối cùng trước khi tờ báo phải tạm biệt bạn đọc vì sự thay đổi của Luật Báo chí. Và, một lần nữa, chúng tôi dành chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến nếu số báo trên đã không thể tới tay quý bạn được.

● **Thêm những bản án mới cho Trình Bày.**

Vụ *Trình Bày* số 36-37 bị tịch thu, trong phiên xử ngày 10-8-1972, Tòa Sơ-thẩm Tiểu hình Saigon đã tuyên phạt nhà văn Thế Nguyên, chủ nhiệm tạp chí *Trình Bày* 100.000 đồng và, bồi thường cho Bộ Nội vụ 1 đồng danh dự và truyền tịch thu *Trình Bày* số 36-37. Hai tác giả bị coi là tòng phạm và xử khuyết tịch

trong vụ này là Nguyễn Sa với bài thơ « *Ba mươi sáu số Trình Bày* » và Lê văn Ngần với bài thơ « *Chẳng phải là điều nhục nhã* ». Mỗi nhà thơ nói trên đều bị phạt 100.000 đồng và.

Vụ *Trình Bày* số 38 bị tịch thu, trong phiên xử ngày 20-7-1972, Tòa Sơ thẩm Tiểu hình Saigon đã tuyên phạt chủ nhiệm tạp chí *Trình Bày* 150.000 đồng và, bồi thường cho

tịch thu *Trình Bày* số 38. Tác giả truyện ngắn « *Người vồ* » đăng trong số báo bị tịch thu nói trên là nhà văn Thế Vũ, bị coi là tòng phạm và xử khuyến tịch 150.000 đồng và.

Trước đó, vụ *Trình Bày* số 34 bị tịch thu, trong phiên xử ngày 18-5-1972, Tòa Sơ thẩm Tiểu hình Saigon đã tuyên phạt nhà văn Thế Nguyên, chủ nhiệm tạp chí *Trình Bày*, với tư cách chánh phạm, 100.000 đồng và, bồi thường cho Bộ Nội vụ 1 đồng danh dự, truyền tịch thu *Trình Bày* số 34. Hai tác giả bị coi là tòng phạm trong vụ này là nhà văn Ngô thế Vinh bị phạt 100.000 đồng và treo với truyện ngắn « *Mặt trận ở Saigon* », và ký giả Thuận Giao bị phạt khuyết tịch 100 000 đồng và vì bài « *Những biện pháp kinh tế mới : một cuộc cách mạng đi ngược đường* ».

- Việc tịch thu này không hiệu quả. Ngược lại, TB như thể được một thế lực nào tiếp sức (thì ai đó mà vào), càng thừa thắng xông lên, xuất bản thêm nhật báo Làm Dân.

- Không những chủ nhiệm bị kêu ra hầu tòa, mà cả tác giả nữa. Đó là trường hợp của nhà văn Ngô Thế Vinh với truyện “Mặt trận ở SG”. Riêng việc tịch thu, chẳng những TB bị hốt ngoài sạp báo, còn bị hốt ngay trong tòa soạn.

- Riêng về lãnh vực văn nghệ, những tác giả sau đây có văn hoặc thơ đăng trên TB: Nguyễn Sa, Du Tử Lê, Thế

Vũ, Lê văn Thiện, Ngô Thế Vinh, Hoài Ziang Duy, Hồ Minh Dũng, Trần Hoài Thu, Ngụy Ngừ, Diễm Châu, Dương Uẩn, Hà Anh Tuấn, Hoàng Ngọc Biên, Hồ Dạ Thoại, Hồ Dư Nhượng, Hồ Triều, Lê Miên Tường, Lê văn Ngăn, Mang Viên Long, Mường Mán, Nguyễn Âu Hồng, Nguyễn Bạch Dương, Nguyễn Đăng Thường, Nguyễn Đức Nhân, , Nguyễn Mai, Nguyễn Miên Thảo, Nguyễn Nguyên, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Như Mây, Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Sa Mạc, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Tường Vân, Phạm Cao Hoàng, Phạm Ngọc Lư, Thái Phương, Thanh Hiện, Thế Nguyên, Thủy Triều, Tiêu Dao, Tô Hưng Ba, Trần Duy Phiên, Trần Huiên Ân, Trần THoại. Trần Vạn Giả, Trần Viết Tuấn, Từ Hoài Tấn, Văn Eng, Viêm Tịnh....

Cây bút cọng tác mạnh nhất, đặc lực nhất là Nguyễn Sa có bài từ số đầu đến số cuối.

- Trái với những bài viết về chính trị, xã hội có tính cách chống Mỹ, chống chế độ, rắc mùi đỏ, như Chuồng cọp Côn đảo, rải chất độc da cam, cuộc thảm sát ở Sơn Mỹ, những tội ác của Mỹ trong chiến tranh Đông Dương, thì về mặt văn học, phần lớn trong các truyện ngắn các tác giả chỉ đưa ra sự thật đau lòng mà họ là nhân chứng, về số phận bi đát của những người lính bị bỏ rơi hay bị thí quân cũng như sự ngu dốt bất tài của cấp chỉ huy hay thái độ khinh thường của đồng minh trong những cuộc hành quân hỗn hợp. Các tác giả có truyện bị kết án, dẫn đến việc tịch thu: Ngô Thế Vinh, Thế Vũ, Lê văn Thiện, Nguyễn Sa Mạc v.v... thơ thì có thơ Nguyễn Sa, Nguyễn Miên Thảo, Lê văn Ngăn, Thái Ngọc San... (1)

- Số cuối cùng của Trình Bày được kết thúc không phải vì tài chánh như tuần báo Khởi Hành, hay vì một lý do không rõ như Vấn Đề... mà vì quan niệm về “cái đẹp” của văn chương mà Trình Bày đã dùng để giải thích tại sao họ tự đình bản..

(Xin mời đọc bài của Trần văn Nam chúng tôi đánh máy đăng lại ở những trang sau)

(1)

- Điều này không xảy ra cho tạp chí Khởi Hành - tờ báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội hay Vấn Đề chủ trương bởi Mai Thảo và Vũ Khắc Khoan. Mặc dù KH đăng nhiều bài văn bài thơ phản chiến “nặng ký” chẳng hạn như những bài thơ trong thi tập “Chiến Tranh VN và tôi” của Nguyễn Bắc Sơn.

Riêng tạp chí Vấn Đề với những truyện ngắn của Ngụy Ngữ mà ly mật sát thậm tệ quân đội miền Nam, công khai đề cao phe giải phóng, chửi rủa lính đồng minh còn hơn cả những truyện đăng trên Trình Bày gấp trăm lần, vậy mà suốt 56 số chỉ có một lần bị tịch thu (số 52) !

Bằng chứng ?

Xin so sánh 2 đoạn sau đây. Một của một truyện của NN trên Vấn Đề 46 và một của Lê văn Thiện trên Trình Bày để biết thế nào là chửi giả và chửi thiệt, chửi theo lối VC hay chửi theo lối quốc gia, và bài nào đáng bị “chiếu cố” hơn :

Ngụy Ngữ (Vấn Đề):

...Những thằng Đại Hàn man rợ cầm cái đầu người trợn mắt trước xe jeep, những xâu chuỗi kết bằng tai khô queo, những họng súng bắn xối xả vào dân tị nạn... (Ngụy Ngữ. VD số 46)

Lê văn Thiện (Trình Bày):

không ngờ gặp thứ chó lát... cha bọn mọi đồ đều cẳng ...

- sao chửi mạnh vậy ?

- Chúng nó chịu đổi hai hộp thịt và hai gói cơm lấy cái biđông Việt cộng của tao. Nhưng khi lấy cái bi đông rồi nó chỉ đưa tao một gói cơm. Tao vừa đứng nói mấy tiếng, nói nhỏ, phân trần, chúng nó đã la ó lên, trở mặt, định vu tao ăn cắp... chạy muốn sút quần bà nó...

(Lê văn Thiện: Nước mắt ghen trong cổ, đăng trong số này)

(thú thật tôi ở Bình Định 4 năm. từng hành quân chung với Sư đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn, nhưng nào có nghe cái vụ đại hàn cầm cái đầu người như NN đã tả đâu. Câu chuyện tả in hết đoạn Chế Lan Viên tả lại cảnh lính đồng minh cầm đầu xác VC chạy vòng vòng trong phố)

Viết về tạp chí TRÌNH BÀY

Nguyễn văn Lục

Tờ Trình Bày xuất hiện vào tháng 08-1970, cũng lại do Thế Nguyên làm chủ bút và chủ nhiệm. (Thế Nguyên sau 1975 không được trọng dụng, chết lãng xẹt, rất sớm vì bị nhiễm trùng sỏi uồn ván). Ở giai đoạn chót của miền Nam, Trình Bày ngang nhiên xuất hiện, in ấn đàng hoàng, bắt chấp kiểm duyệt, bắt chấp tịch thu báo. Ai tài trợ cho tờ báo? Còn ai vào đây nữa.

Đã đến lúc gạt Nguyễn Văn Trung ra ngoài khi thấy không cần thiết nữa. Chủ nhiệm kiêm chủ bút nay là Thế Nguyên (Bút hiệu khác là Trần Trọng Phủ). Tổng thư ký là Diễm Châu. Còn lại biên tập là: Lý Chánh Trung, Thanh Lăng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyên Sa, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Khắc Ngũ, Trần Tuấn Nhậm, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên, Du Tử Lê, Cao Thanh Tùng, Thuận Giao.

Có một điều đặc biệt, tôi không còn thấy bài nào của Nguyễn Trọng Văn nữa

Lần này nó lại được tăng cường thêm những cây viết của người quốc gia chính hiệu như Phạm Cao Dương, Trần Tuấn Nhậm, Trùng Dương, Nguyễn Đa, Nguyễn Đồng, Chu Vương Miện, Hoàng Ngọc Nguyên, Trần Hoài Thư, Trần Đỗ Dũng, Thanh Lăng, Nguyễn Đăng Thường, Lê Văn Thiện, Trần Huyền Ân, Đoàn Luân, Thuận Giao.

Và làm sao thiếu được Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, những người đứng làm bảng hiệu chính danh và hợp pháp.

Nhất là nay có thêm sự có mặt của Nguyễn Nguyên –tay trùm cộng sản– núp bóng trong tờ Tin Văn với Vũ Hạnh, Lữ Phương.

Nào ta đếm thử coi, còn thiếu ai nữa, những nhà văn, nhà thơ của miền Nam xem ai là người vắng mặt?

Ở trong tình trạng này, thật khó xếp hạng, thật khó biết ai là người quốc gia, ai là người bị cộng sản lợi dụng và ai là người cộng sản thứ thiệt?

Đã nhiều lần *Trình Bầy* phải vác chiếu ra hầu tòa. Thì đã có các luật sư danh tiếng của VNCH như các luật sư Bùi Chánh Thời, Vũ Văn Huyền, Trần Văn Tuyên tình nguyện cãi chùa cho tờ báo. Cãi cho tờ báo là cãi cho chủ bút, chủ nhiệm Thế Nguyên và đằng sau Thế Nguyên là Nguyễn Ngọc Lương (còn gọi là Lương trố), một cán bộ cộng sản nằm vùng!

Chúng ta trách ai bây giờ?

Nếu cần tố cáo thì tố cáo ai nhỉ? Ai là người anh em của ta, ai là kẻ thù? Và hôm nay, nhiều người còn sống sờ sờ trong các cơ quan truyền thông, trong các tờ báo ở Mỹ, ở mọi nơi?

Trong số đầu, thơ Nguyên Sa cặp với Ngô Kha. Nguyễn Khắc Ngữ sánh đôi Nguyễn Quốc Thái, rồi lại Nguyên Sa với Ngụy Ngữ. Bài viết của Phạm Cao Dương đi kèm với bài của Trần Tuấn Nhậm. Rồi Ngô Thế Vinh, Mai Trung Tĩnh, Huỳnh Ngọc Sơn, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Anh Tuấn, Thanh Lãng, Trùng Dương, Chu Vương Miện, Nguyễn Tường Vân, Lê Văn Ngàn, Hồ Dạ Thoại, Nguyễn Như Mây, Võ Quê, Mùng Mán, Tiêu Dao, Trần Huệ Ân, bà Phạm Cao Dương. Đủ mặt anh hào.

Ngay trong lời mở đầu với nhan đề: “*Con đường đi tới*”, người đọc hiểu thế nào cũng được với thứ ngôn ngữ tuyên truyền bi thảm hóa cuộc chiến như sau:

– *Một phần tư thế kỷ đã trôi qua trên cuộc cách mạng mùa thu.. Tuy vậy, những hy sinh ròng rã suốt 25 năm trời ấy dường như chưa đủ để cho một dân tộc yêu chuộng hòa bình như dân tộc Việt Nam có thể buông súng xuống vui hưởng*
tự do.

– *Bây giờ vẫn còn những cụ già tóc bạc bị trói tay, bị miện, những em bé bắt lực quần quai trên vũng máu, những thanh niên bị đánh đập dã man, những thiếu nữ bị*
hãm hại.

– *Bây giờ vẫn còn những cảnh tra hỏi, bắt bớ ở mỗi ngõ đường, những tiếng hét rừng rợn của những nạn nhân*

trong những phòng tra tấn, cả một miền Đất Nước biến thành một cái chuồng thú vĩ đại. Máu hòa nước mắt. Roi da và thép gai, thép gai trùng trùng, điệp điệp... – Con đường đi tới là con đường giải phóng: giải phóng Đất Nước và giải phóng con người Việt Nam toàn diện(8).

Những người quốc gia ở đâu, những chiến sĩ VNCH ở đâu để cho tờ báo thỏa mạ VNCH.. Những tác giả cộng tác với *Trình Bầy* nay còn sống ở hải ngoại nay họ nghĩ gì?

Sau 42 số, tờ *Trình Bầy* nghĩ đã đến lúc phải đình bản, lúc đó là tháng 9 năm 1972 rồi. Thế Nguyên viết chia tay bạn đọc như sau:

‘Nhìn lại những số báo đã xuất bản trong hai năm qua, chúng tôi rất vui mừng khi thấy tờ báo đã có được tính cách như là một diễn đàn chung của anh em văn nghệ, trí thức tiến bộ trong cũng như ngoài nước. Ở đó, không có chỗ cho bè phái địa phương, văn nghệ thù tạc. Nhưng đây chính là nơi dây tụ họp của những con người tin rằng ngày mai nhất định sẽ phải tốt đẹp hơn ngày hôm nay. Phụng sự cho ngày mai, chúng ta đã sống và đã viết.’

Đây là những lời nịnh nọt và hứa hão. Ai tin thì tin. Sau 1975, Thế Nguyên chẳng được dùng vào việc gì cho ra việc. Lang thang cò bơ cò bắt, và anh đã chết lãng xẹt chỉ vì một vết thương ở tay. Anh bị nhiễm trùng sài uồn vẩn và ngày sau qua đời. Anh để lại một tiểu truyện nhỏ đáng giá: *Hồi Chuông tắt lửa*.

Phần những người cộng tác với *Trình Bầy* ở trên, một số lớn nay định cư ở Mỹ, chẳng biết họ nghĩ gì về giai đoạn làm báo này.

Tôi có nhận được một tuyển tập Văn khoa, *Một thời sống đẹp*. Tên tuổi những sinh viên văn Khoa này như Cao Thị Quế Hương, Nguyễn Tuấn Kiệt, Huỳnh Thị Kim Tuyền, Đoàn Khắc Xuyên cũng gắn liền với tên tuổi các giáo sư của họ như Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, v.v. *Sống Đẹp!* Tôi chỉ hỏi họ, thế thì từ sau 1975 đến nay họ sống thế nào? Có còn sống đẹp không? Câu trả lời xem ra không dễ.

Tôi viết phần bài này nhân sắp đến dịp kỷ niệm 50 năm của nền *Đệ Nhất Cộng Hòa*.

Sau 1963, Hồ Chí Minh nói với nhà báo thân cộng Wilfrid Burchett:

“Tôi không thể ngờ tại Mỹ nó ngu như thế.”

Nguyễn Hữu Thọ của MTGPMN phát biểu:

“Sự lật đổ Diệm là một món quà Trời ban cho chúng ta...”

Trách ai và trách cái gì bây giờ?

Hay nói như Pascal, người quốc gia và người cộng sản ở vào một thời điểm nào đó đã cùng xuống thuyền mà vận mệnh dân tộc đã đẩy họ xuống? Vấn đề là ngày hôm nay, chúng ta phải làm gì? Và đã làm gì?

(Nguồn DCVONLINE.COM)

TRÍCH TỪ TRÌNH BÀY

Nguyễn Quốc Thái

Mưa nở trắng rừng lá phong hồng

Trong vườn cây, đêm khuya, mưa đã đến
run những bước chân chim
trong vườn cây chiều đêm ta đi qua
gió rét run trong những tàn cây
ta rét run trong tiếng động của những trái bóng bay hồng
vờ vẩn ngoài cửa sổ một ngày lửa chột bùng lạc lỏng
trong mơ
ôi nỗi buồn như những trái vú sữa

**

Thôi đi, thôi đi
ngưng một lát cho ta thở ngưng một chút cho ta nuốt
ta nuốt mắt mẹ sảo sặc lá rơi
ta nuốt tay chị áo ấm

ta nuốt lưng anh cơm ngon
ta nuốt tình bạn
ta nuốt tên em chiếc gai hoa hồng phớt tím thôi đi, thôi đi

nước mắt thân thiết

**

Như những cánh bướm trắng trên đời ta như trẻ thơ rơi
trong rừng lá phong hồng như những hạt cơm nguội yêu ta
vồn vã mỗi ngày chiều chạy mất hút trong sân bay
bạn bè nhấp nhô trong trí nhớ
mưa xanh tưới những tấm biểu ngữ xác trong thành phố
vội vàng

**

Ở nơi xa xôi em có hay ta yêu em đau đớn ở nơi xa xôi trí
tưởng ta bay chuyền qua những cảnh nhớ nhung
ở nơi xa xôi bạn bè bay chuyền trên những tiếng máy in
hốt hoảng
ở nơi xa xôi mưa buồn trên ta tiếng sóng vỗ rì rào
sóng trên lá cây, sóng trên bữa cơm, sóng trên mắt đắm
đắm

**

Em đã biết như đã biết những sợi tóc mai đầy ấp mùa thu
nắng thổi vàng những ánh mắt thả chạy thiết tha
và gió rét băng quơ lửa qua mơ tưởng buồn và em vương
ưa những buổi chiều
ta ngồi trông những hạt nắng rụng đọng đưa
tiếng suối gọi, rừng thông vậy, núi nhìn sao như có gì mặn
ở trên môi
mặn như hôm nào ta thấy mẹ nhai lại miếng bã trà
tay cổ gờ khô mòm hời những sợi khói bếp hư
mặn như hôm nào saigon run lên
nổi cơm trắng đã bắt đầu chớm đỏ

**

Trong vườn cây, đêm khuya, mùi mưa thơm ngát
mùi mẹ mênh mang mùi em xa xăm
mùi chiếu tat lênh láng câu chuyện tình ta vụng về nâng
niu

mùi đêm lên, mùi mái nhà xốt xa, mùi quê
hương dĩ vãng
ta khóc rồi mưa ời.

NGUYỄN QUỐC THÁI

4-71

(TB số 20)

SALUS INFIRMORUM

thơ Bùi Khải Nguyên

Gửi: Lam Giang, Thế Phong, Lô Răng

Khi hoa mẫu đơn, ngọc lan, mai vàng hàm tiếu trước thềm
nhà Chúa
Bông huệ màu cam, bông sứ cười nụ trước sân nhà Chùa
Khi bông ngải, bông tím, bông huỳnh nghiêng ngả cười
với bông phù du
Không cần xem sao,
Không cần bấm tay tính giờ, chọn ngày lành tháng tốt
Không cần bay sang Nhật dự hội hoa anh đào
Trong khu vườn Thần kinh
Tôi linh cảm mùa Giáng sinh sắp đến.

§

Sau bữa cơm thân mật bốn người
Địa điểm: tọa độ hai mẫu tự và sáu số
Tôi ngất ngưỡng ra về
Yên tâm chu toàn nhiệm vụ
Hả hê gặp lại bạn bè thân cũ

Đang chuẩn bị hành trang già từ
Bà xã giáo viên tiểu học cộng đồng
Năm con gái tinh ranh như chuột nhắt
Thì lù lù
Hai ông Q. C. + hai ông C.S. gõ cửa nhà tôi
Rất lịch sự dần chào mời đi trình diện
Thượng cấp X. Y. Z.
Bà chị - chứng nhân duy nhất – muốn xỉu như coi phim
Hitchcock
Trẻ em lối xóm bàn tán xầm xì
Thanh niên nam nữ nhìn tôi bằng ánh mắt Technicolor.

§

Cứ tưởng bỏ, thăm chưa, quan
Đùa dai lọt ổ kích ngày!

§

Salus Infirmorum!
Tôi trở về đây sống giữa bầy thú người cuồng tâm loạn trí
Ru khổ đau bằng thuốc ngủ thần kỳ
Đo thời gian bằng trăng sao, bóng nắng, bữa cơm
Bằng chuông sáng, trưa, chiều nhà Chùa, nhà Chúa.
Salus Infirmorum!
Tôi trở về đây nhàn du giữa hàng me, hàng dừa, hàng
trứng cá
Những con đường quân y viện sâu hút cô đơn

Những bóng gầy thương bệnh binh chơi với chập chờn
Những nặng gối, những tảng băng, những bộ đồ xanh nước
biển!

Salus Infirmorum!
tôi vẫy tay chào cây măng cầu, cây ổi, bụi chuối, bụi môn
Tôi tiêu dao cùng hoa phù du, bông tím, bông huỳnh, bông
sứ, bông mẫu đơn
Ngày tâm sự với chú ruồi, bác kiến, anh sâu đo, chị sên
Đêm ngủ chung với muỗi, nàng thần lằn, em chuột chù,
cóc, nhái...

Cám ơn những vòng xiềng còn chân tay chúng tôi mỗi đêm dài khắc khoải mộng du, mộng mị gào thét hải hùng
Cám ơn những chuồng cọp biệt danh Salem mỗi cơn điên loạn chủi thề, văng tục tùm lum tà la được các hiệp sĩ áo trắng chích một liều thuốc ngủ li bì một hai ngày quên cơm quên nước lừ đừ ngơ ngẩn như cừu!

Cám ơn những cao thủ múa dao, kéo, tông-đơ tỉn tóc chúng tôi thành bươm ngựa, biến dạng chúng tôi thành huề-thượng diệt trừ chí rận khỏi mắt công xách bình vịt thuốc D.D.T. như ngày nào con cháu chú Sam tận tình giúp đỡ đồng bào tôi đi tìm đất hứa.

Cám ơn những ông lính B.K.T.Đ. thức canh thâm đêm bên kia hàng rào kẽm gai chẳng chịt bít bùng tôle viện trợ Đại-hàn, với đèn pha quay bốn hướng sáng hơn trăng rình rập bọn lính điên, lính khùng, quân phạm xé rào, giỡn ngời, leo tường bỏ trốn nhọc công các ông xử dụng M.16 bắn què giò hay bắn ngã gục tại chỗ trường hợp quả tang phạm pháp, quả tang đào thoát...

Cám ơn những chai nước biển, protéine đã cứu sống chúng tôi đồng thời cung cấp phương tiện cho chúng tôi đựng nước uống, những ống nylon, kim chích giải trí chúng tôi biến cải thành con mèo, con chó, con hươu, chiếc Jet, chiếc Skyraider, ống điều những giờ nhàn rảnh.

Cám ơn cái loa Hi-Fi sáng chiều oang oang giọng xướng ngôn viên ngọt ngào mĩa đường thông báo chúng tôi biết có thân nhân đến thăm, đơn vị đến phát lương hoặc ân cần phổ biến vệ sinh thường thức, trình bày đủ loại nhạc thời trang, tiền chiến, trầm hùng, thánh phòng, tân cổ giao duyên qua làn hơi truyền cảm những danh ca phòng trà, night club, vô tuyến truyền thanh, truyền hình... nhưng không quên nhắc nhở ý tá điều dưỡng mời quý vị thân nhân ra về chấm dứt giờ thăm viếng xin hẹn gặp lại quý vị ngày mai...

Cám ơn những nàng tiên môn đệ Dunant đã băng bó những vết thương thể xác chúng tôi bằng tình thương, bằng ánh mắt, bàn tay mẹ hiền, chị thảo, em ngoan, những nữ thần xã hội đích thân vô chuồng cọp, tới giường bệnh phát mỗi người hai bì thư in sẵn tem quân bưu tiện việc liên lạc thân nhân đôi khi kèm theo tờ báo, bàn chải, kem đánh răng

Hynos, xà phòng, dầu cù là với tiếng cười hồn nhiên trong mát rất khan hiếm trong thời buổi lạm phát phi mã, kiệm ước, hồi suất song hành...

Cám ơn những tu sĩ áo chùng thâm, đà, trắng, cám, xi-vin, thường ân cần vấn an, chúc lành, không quên trao tặng mỗi chúng tôi một số sách báo tôn giáo hướng dẫn chúng tôi tìm về nguồn bình an, hy vọng...

§

Lạy Trái Tim Cực Thánh Đức Chúa Giê-su, tôi nhờ trái tim cực sạch Đức Bà Maria mà dâng cho Trái Tim Chúa mọi lời tôi cầu xin, mọi việc tôi làm, mọi sự khó tôi chịu trong ngày hôm nay cho được đền vì tội lỗi tôi. Và cầu nguyện theo ý ấy khi dâng mình tế lễ trên bàn thờ, tôi cũng dâng các sự ấy cho Trái Tim Chúa, có ý cầu nguyện theo cách riêng theo ý Đức Giáo Hoàng. Amen (làm dấu)

Phải lấy hoạn nạn làm thú tiêu dao, lấy chướng ngại làm môi trường giải thoát, lấy quần ma làm bạn lũ, lấy khổ hoạn làm ý hướng thành tựu, dẹp nổi uất ức để vào cửa đức hạnh....

Nam mô Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm Bạch Y Quan Thế Âm Bồ Tát (đọc 3 lần)

Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng, nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, đất chỉ đá, ám dà la phạt đá, dà la phạt đá dà ha phạt đá, la dà phạt đá, là dà phạt đá thiên la thần, địa la thần, nhân ly nạn, nạn ly thân, nhất thiết tai ương hóa vì trần (chắp tay vái)

... Đức Giê-hô-va là Đấng chặn giữ tôi: tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì

Ngài khiến tôi an nghỉ nơi đồng cỏ xanh tươi, dẫn tôi đến mé nước bình tịnh

Ngài bổ lại linh hồn tôi, dẫn tôi vào các lối công bình vì có danh Ngài

Dầu khi tôi đi trong trũng bóng chết

Tôi chẳng sợ tai họa nào vì Chúa ở cùng tôi

Cây trượng và cây gậy của Chúa an ủi tôi

Chúa dọn bàn cho tôi

Trước mặt kẻ thù nghịch tôi

Chén tôi đầy tràn
Quả thật trọn đời tôi
Phước hạnh và sự thương xót sẽ theo tôi
Tôi sẽ ở trong nhà Đức Giê-hô-va cho đến lâu dài. (làm
đầu)

§

Salus Infirmorum!
Những chiến hữu thân sơ Quân y viện!
Tạm biệt các bạn,
Những kẻ mặc đồ xanh, chân đất, đi dép cao-su, giày ủng
Kẻ cởi trần, bận quần xà lỏn phơi tay cụt chân què
Kẻ mặt kín băng chữa cặp mắt huyết thắm
Kẻ mặt nám, mặt cháy, đui mù, câm điếc
Kẻ chống nạng, lăn xe, kẻ lang thang những nẻo đường sâu
hút
Những anh hùng thắm mệt!
Tạm biệt các bạn,
- Bò về đâu?
Giữa làn khói Bastos – Ara – Lucky:
- Xuất viện?
- Ra Hội đồng giám định?
- Giải ngũ?
Tôi băng khuâng nhìn bầu trời tím ngát.

§

Tôi không quên những điều thuộc huynh đệ chi binh phi
phà nửa đêm trông trời chóng sáng
Tôi không quên những đốm đèn xanh đỏ rượt bắt những vì
sao, tiếng động cơ xé vùng trời êm ả giang sau những cảnh
tre, cảnh trúng cá khấn cầu những A. 37 – A.I – F.5
Freedom fighter, những shadow gunships, những C.119 –
C. 130 – C. 123 chở quân vũ trang 7.62 mm miniguns,
những chopper H.34, UH.I – U.T.T., Chinook, những trực
thăng thám sát, liên lạc, tản thương...
Tôi không quên những anh em quân phạm, thác loạn trong
các Salem, các hành lang Trại thần kinh

Xin gửi lời tạm biệt!

Những anh hùng tứ xứ không phân biệt quân binh chủng,
những tín đồ, tín hữu hàm bà lằng tôn giáo, từ Công giáo,
Phật giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo, đến đạo Ngôi, đạo
Nằm, đạo Rờ, đạo Liếm, đạo ù ù...

Các anh hãy buồn một phút... hai phút... năm phút...x
phút

Cho mặt trời, mặt trăng, các vì sao vùng trời thế giới chúng
ta.

Cho Đại bàng, Diều hâu, Bồ câu, Bạch tượng, Khủng long,
Hắc báo, Rồng biển, Kinh ngư, Cọp rằn, Mãng xà vương,
Dơi đen khắp năm châu bốn biển trái đất chúng ta!

Cho các giáo lệnh, giáo điều, tâm niệm, tín niệm quân lực
chúng ta!

Vì tất cả, tất cả

Đều bất lực trước hung thần Chiến tranh

Đều đầu hàng sự Chết.

§

Gió hãy thổi cho nhịp đời may mắn

Cho chuông ngân vang vọng tới sa trường.

§

Khi hoa mẫu đơn, ngọc lan, mai vàng hàm tiếu trước thềm
nhà Chúa

Bông huệ màu cam, bông sứ cười nụ trước sân nhà Chùa

Khi bông ngải, bông tím, bông huỳnh nghiêng ngả cười
với bông phù du

Không cần chiêm tinh

Không cần bói toán

Không cần bay sang Nhật dự hội nghị vận động Hòa bình

Trong khu vườn Thân kinh

Tôi linh cảm Xuân Thái hòa sắp đến

BÙI KHẢI NGUYỄN

(TB số 16)

ĐI CHỢ CHO EM

thơ NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Sáng nay anh đi chợ
mua cho em
những trái bom, những vỏ đạn
những viên kẹo đồng mới ra lò
còn nóng hổi
đó em

mua cho em
cây súng nhỏ
em cất vào xắc tay
em đi chơi
chiều chủ nhật vui
chiều chủ nhật buồn
ngõ vắng
xa lộ, bờ sông
bắt kẻ chặn đường em
cướp giật
hiếp dâm
đề khi nào em muốn tự tử
thì sẵn có
chỉ việc lấy cò
anh mua cho em
những trái hỏa châu
em cắm lên bầu trời
những đêm buồn hiu hắt
em ngồi ngoài sân
ngồi một mình
ngoài sân
ngậm ngùi, tiếc thương
đời con gái lỡ thời
ba má, anh chị
bạn bè
người yêu em
đang sống yên vui

ngoài nghĩa trang
anh trèo lên ngọn đồi
giành giựt mưa cho em
một lỗ huyết
thật là xinh
đã đào sẵn
cho em
mai sau

sợ lúc em nằm xuống
không chỗ chôn
người chết mỗi ngày một nhiều
một nhiều thêm

mua cho em
một con heo để em dành dụm bỏ ống
những đau buồn tủi hổ hận thù
chật ních trái tim
trái tim em mỗi ngày một già
khi nào thật già
thật chín muồi
em đập ra
đếm lại
anh mua cho em những cuộn thép gai
đặng em rào cho thật kín
nổi cô đơn
trong mắt
trên răng
trên vú
trên đầu lưỡi
trên tờ báo em lật đi lật lại
trên đôi guốc em mang
trên khăn choàng
dưới tấm chăn em đắp đêm qua
trên khúc bánh mì, trên ấm nước đang sôi
trong thau em rửa mặt
sáng nay
khi em thức dậy
anh đã đi chợ

đã mua cho em
những thức ăn thường ngày đó
của dân ta
bây giờ
anh đã mua hết cho em
mua cho em thật nhiều
thật là nhiều
chất đầy một giỏ
chở xe xích lô về nhà
còn gạo, cá, thịt, rau, nước mắm
anh mua đâu nổi
anh để một mình em lo liệu
em ngoan

sáng nay anh đi chợ mua đồ cho em
có còn thiếu món nào
không em?

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

(TB số 16)

NGUYỄN SA

Ba mươi sáu số Trình bày (*)

Ở tạp chí Trình bày có chiếc máy in
Có chồng giấy cao
Có mực đen
Thinh thoảng có những cô gái tên là Vân
Mỗi ngày có chàng làm thơ tên là Thái

Ở đó có cặp kính cận của Diễm Châu
Có ông Nguyễn trường Tộ của Ngữ
Có chiếc xe cũ của Nhậm
Có khói thuốc lá đen
Chiều buồn có lade sỏi bọt

Có thằng ốm nhom
Có thằng nông phu
Thằng cài thánh giá trên ngực áo
Thằng lạc lõng giữa miền đất hung bạo của Mỹ châu

Thằng hội họa
Thằng râu ria
Thằng hiền lành như Phật Thích ca
Mỗi ngày chúng tới đó
Đứng ở chỗ đó
Mỗi ngày chuyển xe chạy
Một lần

Xe lửa kỳ lạ
Giống y như chiếc xe lửa của cháu nhỏ của Dũng
Động vật cơ giới tuyệt diệu
Biết đứng
Biết đi
Biết phẫn nộ
Biết hân hoan

Biết tựa vai
Cúi đầu
Nghiêng môi
Biết dừng lại buông lời tình tự

Xe lửa biết khóc
Như trẻ con trong chiến tranh
Biết đói
Biết no

Biết ngẩn ngơ
Như đồng bào trong hiện tại
Xe lửa biết khát khao
Biết nói lên niềm khát khao
Như cây mọc
Mặc kệ mưa
Như núi đứng ngang nhiên
Mặc dù gió

-

Xe lửa khi chạy khi bay
Có cánh có chân
Như chim hồng chim nhạn

Chuyến xe có lúc bước qua bình nguyên
Quê hương ta đó em
Cỏ cây xanh tốt
Chuyến xe có ngày chạy qua núi non
Quê hương ta đó em
Núi đá già cỗi

Trong chiêm bao
Em nghe tiếng hát tiếng reo vui
Đó là bình nguyên rực rỡ
Em thấy chói sáng mặt trời
Đó là tuổi trẻ vô cùng
Đó là quê hương vô cùng bát ngát.

Chiều nay ngồi làm thơ cho em
Chuyến xe vẫn còn chạy

Bạn bè vẫn còn đi
Chỗ kế bên ông khói chiếc máy in vẫn còn đứng
Ở trong mỗi toa những tờ bản thảo vẫn đầy tay
Không chừng chuyến xe đã tới chân trời Không chừng anh
em đã ngồi bên cửa biển
Cửa biển, em biết không
Chỗ giòng sông hẹn hò mặt biển
Sông có chỗ đã lẫn lộn từng mảng nước mặn
Như ngày tháng lẫn lộn sự sông và sự chết
Có tình yêu và con phụ rẫy
Có hy vọng và thông khổ
Có thần thánh có thợ thuyền
Có báo chí như tỉnh như say
Như thơ hiện ra
Như đời hiện ra
Có khói có sương
Có thiên đàng và địa ngục

Anh vẫn thích đi chuyên xe
Như chuyên xe đó
Từ ngày còn trẻ
Em đã giận rồi
Đã khóc
Đã thề thốt đoạn tuyệt
Đã xếp quần áo vào rương
Đã bỏ nhà ra đi -

Này em
Anh vẫn đi chuyên xe đó
Chuyên xe có bằng hữu
Có văn nghệ
Có thơ
Thơ ngất ngư
Như anh
Như quần áo xếp vào rương
Hãy khóc
Hãy giận rồi
Hãy thề thốt đoạn tuyệt
Hãy bỏ nhà ra đi

Như tình yêu thức dậy

Chuyến xe đầy nhóc những người

Anh là đứa lãng mạn

Anh thích xương thịt

Thích hơi thở

Thích cầm tay . . .

Thích tóc

Thích vai

Thích tim đập

Thích mặt người

Làm sao anh nằm ngủ trong lâu đài kia

Làm sao anh ôm trong tay những khuôn mặt bằng chất dẻo

Khuôn mặt vênh váo lỗ bịch đê tiện

Khuôn mặt khi thẳng khi cong

Khuôn mặt đội trên đạp dưới

Khuôn mặt vô luân cất lời đạo đức

Ôi bọn quái đản

Khi đọc diễn văn

Khi đi máy bay

Khi đóng dấu

Khi ký tên

Khi chuột khi dơi

Khi trở móng hung hăng

Khi rắn cuộn tròn gian xảo

Anh thích chuyến xe đầy nhóc người

Anh thích nhiều thứ

Tỷ như ái tình

Tỷ như rượu

Ôi rượu

Chắc rồi

Giông như chữ in

Giống như bản vẽ

Dù những ngày tháng như lúc này

Những ngày tháng viết văn thật khó

Những ngày tháng làm báo thật khó

Những ngày tháng làm người thật khó

Anh đang kể chuyện tạp chí Trình bày cho em nghe đó
Tờ báo, tính đến nay, ra được ba mươi sáu Ba mươi sáu lần
sắp chữ
Ba mươi sáu lần vẽ bản
Ba mươi sáu lần sửa bài
Ba mươi sáu lần Thế Nguyên chạy tiền trả thợ
Ba mươi sáu lần những thằng viết bài tự tay đóng báo
Ba mươi sáu lần những thằng viết báo tự tay phát hành
Ba mươi sáu lần
Những thằng phát hành
Trở về nhà
Chờ đợi
Tịch thu.

Em đừng buồn
Đừng thương xót
Đất nước ta có gì không bị tịch thu
Em nghĩ coi
Này gạo này sữa
Này đêm này ngày
Này giờ giới nghiêm
Này khu quân sự
Này tuổi trẻ
Này tình yêu
Này động viên
Này kiểm duyệt
Đời sống còn bị tịch thu
Huống hồ trí óc

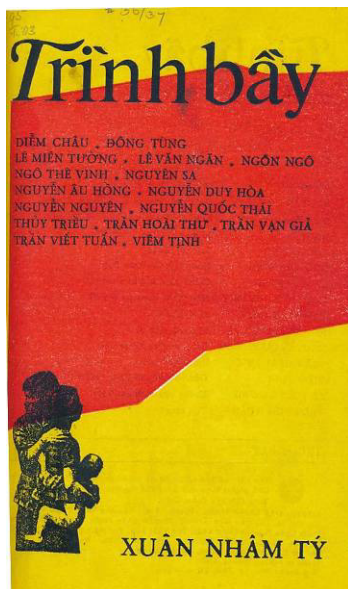
Em đừng buồn
Đừng thương xót
Đừng xúc động
Mọi sự xúc động lúc này đều thừa thãi Em hãy thay quần
áo
Hãy nằm lên giường
Hãy ngủ
Anh sẽ trở về từ chuyến xe đó
Sẽ nghiêng đầu

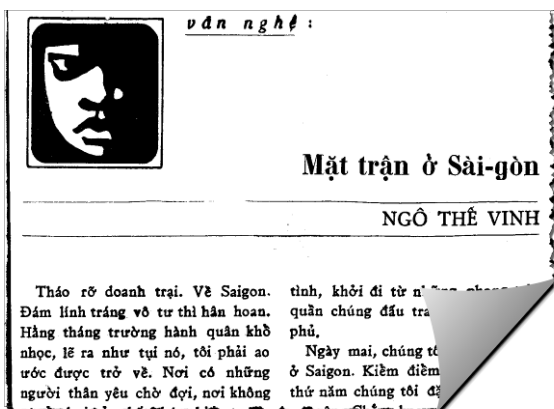
Với khói
Với than
Với mồ hôi có vị mặn của muối
Hôn lên môi em
Em thấy không
Chuyến xe lửa vẫn chạy rất đều
Qua bình nguyên
Qua cửa biển
Chuyến xe vẫn chạy rất đều
Anh vẫn hôn em

NGUYỄN SA

(TB xuân Nhâm Tý)

* TB số này bị tịch thu, vì bài thơ này (chú thích của TQBT)





Tháo dỡ doanh trại. Về Sài gòn. Đám lính tráng vô tư thì hân hoan. Hàng tháng trường hành quân khổ nhọc, lẽ ra như tụi nó, tôi phải ao ước được trở về. Nơi có những người thân yêu chờ đợi, nơi không có vẩn bụi của chét chóc chiến tranh. Vậy mà tôi vẫn cảm thấy mệt nản. Chán nản với mọi sự đổi thay và cả những khúc mắc ở vai trò nhiệm vụ mới.

Những phỏng đoán mơ hồ đã trở thành đã trở thành sự thực -rằng chiến trường sắp tới của chúng tôi sẽ chẳng phải là núi rừng Tây nguyên, mà đích thực là một cuộc chiến tranh trong thành phố. Ở kỳ về Sài gòn lần đầu tiên trong dịp Tết Mậu thân, chính chúng tôi đã ra tay thanh toán chớp nhoáng những cường diêm của địch quân. Những địa danh Cây Thị, Cây Quéo thân thuộc, đã đưa đơn vị Mũ Xanh tới những huyền thoại, biến chúng tôi trở thành những chuyên viên du kích trong thành phố. Có lẽ đó là lý do đáng tin cậy để Trung ương quyết định đưa chúng tôi trở về thủ đô, giữa một không khí rục rịch biểu tình khởi đi từ những phong trào quần chúng đấu tranh chống chánh phủ.

Ngày mai chúng tôi lại có mặt ở Sài gòn. Kiểm điểm lại đây là lần thứ năm chúng tôi đặt chân lên cao nguyên. Chẳng bao giờ sai hẹn, như một chu kỳ hàng năm, cứ vào

đầu mùa mưa, chúng tôi cùng những đơn vị bạn từ vùng đồng bằng châu thổ, ùn ùn kéo lên cao nguyên để tao ngộ với những đại đơn vị địch quân - để tranh nhau một vài ngọn đồi trọc hay giành giật một khúc lộ trống.

Cao nguyên, từ cái vùng Đất Khô với những người dân thiểu số bị bỏ quên ấy, nhờ chiến trận mỗi năm, những địa danh xa lạ như Dakto, Chuprong, Pleime, Đức Cơ... bỗng dựng trở thành nổi tiếng vì khói lửa bom đạn và chồng chất những xác chết. Và năm nay, riêng chiến dịch Đông Xuân, với cao điểm Mùa Mưa -theo phát ngôn viên chánh phủ, đã kết thúc bi thảm cho phía những người chiến sĩ Giải phóng. Nhưng thực ra cái giá tổn thất mà đôi bên phải trả đã lên tới mức độ được coi là khủng khiếp nhất kể từ ngày có chiến trận Đông dương khai diễn... Chỉ riêng vùng Ngok Tobas, hàng tiểu đoàn quân chánh phủ đã bị xóa tên. Và riêng phía địch quân, mới chỉ ở ngọn đồi 1007 -tức là căn cứ hỏa lực số 7, con số ba ngàn xác phan thây cũng chẳng phải là một ước tính lạc quan quá đáng như truyền thống của đài phát thanh chánh phủ. Đó là chưa kể mức sát hại của hàng trăm ngàn tấn bom do B52 đêm ngày đổ dọc theo các ngã đường mòn xâm nhập. Và ở Mùa Mưa năm nay, cũng là lần đầu tiên trong chiến cuộc của Việt nam - và của cả thế giới, không lực Mỹ đã phải sử dụng thứ bom “Demolition Mark” khổng lồ mười lăm ngàn cân Anh với sức tàn phá của một trái bom nguyên tử cỡ nhỏ, để hư-vô-hóa hy vọng chiến thắng của địch quân. Để chẳng còn lại gì ở giữa những hố bom lớn hơn sân banh đó. Và ngay giữa địa thế khó khăn của rừng già hàng phi đoàn trực thăng chở quân có thể đáp xuống một lúc, để mở những đường máu, tạo mũi dùi chọc thủng vòng vây đối phương. Ít ra phải nhiều tháng nữa, vào mùa mưa năm sau chúng tôi mới lại dám đặt chân xuống đó: rừng rú của cạm bẫy, đầy đặc những hơi ngạt và đầy rẫy bom bi CBU.

Rồi Mùa Mưa cũng phải qua đi, không hẹn mà định, chiến cuộc điên cuồng lại tạm ngưng nghỉ khi thời tiết bắt đầu mùa khô ráo. Và từ những ngã tận cùng của biên giới, men dần ra quốc lộ, đoàn xe lại lũ lượt nối đuôi nhau đưa chúng

tôi trở về đồng bằng với những chiếc xe trống trải hơn, cùng những người lính mỗi một xác xơ hơn nhưng may mắn còn được sống sót.

Như đã có kinh nghiệm từ những năm trước, ở chặng dừng nghỉ đầu tiên, cái thành phố phải tiếp nhận họ như được báo động trước. Nhiều nhà hàng quán ăn tự động đóng cửa để tránh bất trắc. nhất là khi có tin đồn rằng ngay cả ông Tướng cũng đã cho lệnh xuống tiểu đoàn quân cảnh địa phương làm mọi chuyện với lính tráng trở về từ cõi chết này nếu như phá phách không tới mức độ được coi là quá đáng.

Và ở buổi tối đầu tiên, tại hội quán Phụng Hoàng, đích danh ông Tướng mở tiệc khoản đãi những người hùng trở về sau chiến thắng rực rỡ mùa mưa. Không kể những người đã chết, chỉ riêng trong đám sống sót trở về -có thể nói họ xứng đáng mang danh anh hùng bằng chính những chiến tích lẫy lừng đi vào huyền thoại.

Thử điểm sơ qua những cái đỉnh của buổi liên hoan hôm nay. Người đầu tiên phải được kể tới là đại úy Thoả, người chỉ huy trực tiếp ngọn đồi 1007: vóc người nhỏ nhắn, da đen sạm với vẻ mặt rắn đanh lại, đầy nét phong sương gian khổ. Ông và một tiểu đoàn Biệt kích quân phải chịu đựng suốt ba mươi ngày dưới hầm sâu, trong những công sự phòng thủ, dưới những cơn mưa pháo kích và nhiều đợt tấn công biến người của địch quân. Rồi đến vị thiếu tá Tiểu đoàn trưởng TD 93 Biệt động quân và bộ Tham mưu đã có công lớn nhất trong việc giải tỏa áp lực vòng vây địch mà tài điều quân thần tình đã được đám cổ văn Mỹ mô tả là hay-nhất-thế-giới, trong một cuộc phản phục kích chớp nhoáng, gây tổn thất nặng nề cho địch quân ba ngày trước khi trận chiến kết thúc. Kế đến cũng không thể không nhắc tới thiếu tá Bính, một phi công trẻ tuổi hào hoa nhưng vô cùng gan dạ. Trong suốt cuộc hành quân, ông đích thân chỉ huy phi đoàn 215 trực thăng, đã yểm trợ hữu hiệu các đơn vị Biệt động quân và Nhảy dù trong các giai đoạn phản công và tái chiếm căn cứ ở Hòa lực 7. Mặc dù lưới đạn

phòng không của địch dày đặc từ dưới đất, ông và các chiến hữu vẫn thực hiện ngày đêm hàng trăm phi xuất tải quân và tiếp tế, đáp cả trên những hố bom mới thả ngay giữa lòng địch quân còn nóng hổi. Kiểm điểm lại đã không còn một phi cơ nào nguyên vẹn: riêng trên thân tàu CNC chỉ huy, người ta đã đếm được trên hai mươi lỗ đạn. Và ở lần nguy kịch, ông đã phải đáp khẩn cấp ngay trên đỉnh đồi 1007, may mắn thoát hiểm dưới hỏa lực pháo kích không ngớt của đối phương. Và cũng thật là thiếu sót nếu không kể ra đây tên của bác sĩ Bảo: ông là vị y sĩ duy nhất tình nguyện nhảy xuống căn cứ 3 Hòa lực giữa tình trạng còn bị địch quân vây khốn. Ông đã ở lại đó trong suốt 15 ngày, săn sóc giải phẫu cấp thời cho vô số những thương bệnh binh mắc kẹt trong các địa đạo cho tới khi căn cứ được giải tỏa. Sự kiện làm thế nào để ông có thể đặt chân lên đỉnh căn cứ 3 lúc đó là cả một ước tính mạo hiểm, vô cùng táo bạo và kỳ thú. Sau nhiều vụ phi cơ bị bắn rơi vì lưới đạn phòng không dày đặc của địch quân từ trong những hốc đá dưới thung lũng, lệnh của ông Tướng là phải tạm thời cắt đứt cầu không vận cho tới khi áp lực địch được thanh toán. Lương thực và đạn dược thì còn đủ để kéo dài cuộc chiến đấu trong nhiều ngày, nhưng vấn đề là tình cảnh mắc kẹt bị thảm của những thương bệnh binh ngày một gia tăng, thiếu săn sóc thuốc men và không được di tản. Đó là lý do tình nguyện của vị y sĩ Trung đoàn, cộng thêm hai phi công trực thăng Hoa kỳ. Vào buổi sáng tinh sương ngày N, khi sương mù còn bao phủ mờ mịt núi rừng quanh ngọn đồi 1003, từ trên cao trên cả những đám mây, trong sự hồi hộp của mọi người, chiếc trực thăng cán gáo như một chiếc lá, đã bất chợt rơi nhẹ nhàng xuống căn cứ an toàn, đem theo vị bác sĩ và cả những dụng cụ thuốc men. Chiếc phi cơ bị trúng đạn trên bãi đáp và bị hủy hoại ngay sau đó. Ở lại với hai viên phi công, với những trận đánh kinh hoàng; vị y sĩ đã phải ngày đêm đích thân làm việc dưới những con đường hầm, săn sóc cấp cứu cho hàng loạt thương bệnh binh. Sự xuất hiện can đảm của ông lúc đó đã gây phần chấn không ít cho những người lính còn cầm súng tiếp tục cuộc chiến đấu. Dù là một tay phẫu thuật tài hoa, khi gặp lại, ông đã tỏ ý chán nản về sự kiện đã chẳng làm được gì

nhieu giữa một trận địa thiếu tất cả những phương tiện. Và ông cũng tỏ vẻ khó chịu thành thực với những xưng tụng anh hùng qua hành vi tự nguyện của mình. Ông bảo, tôi chỉ làm bổn phận của một y sĩ tiền tuyến. Ông còn nói thêm là chỉ xứng đáng được xưng tụng như vậy là những người lính vô danh vừa chết đi, (dẫu sao đó cũng chỉ là quan điểm của riêng ông). Liệu tôi còn phải kể thêm bao nhiêu tên nữa, thuộc các binh chủng khác, mới gọi là điểm đủ mặt anh hùng tụ hội ở hội quán Phụng hoàng đêm nay. Và cũng có lẽ vì khiêm tốn, tôi đã không nhắc tới công lao của đồng bạn và đơn vị mình: những đại đội xung kích Mũ Xanh và các toán Thám sát. Họ đã hoạt động một cách xuất thần ngay giữa lòng địch quân, tạo được những nút chặn hữu hiệu và gây rối loạn ở khắp các ngã đường giao liên của địch quân.

Oâng Tướng Biên cương tối nay đã thôi treo tay. Như nhịp độ những trận đánh trên cao nguyên, chứng tê thấp khớp xương của ông cũng trở lại với chu kỳ của mùa mưa và bệnh tình cũng bắt đầu thuyên giảm khi bước sang thời tiết khô ráo. Ở buổi dạ hội hôm nay, ông Tướng mặc thường phục và khoác thêm một chiếc áo rực rỡ cổ truyền của người Thượng. Dưới mắt thuộc cấp, ông Tướng là hình ảnh của hào hùng và là sự cần thiết cho sự ổn định của vùng địa đầu cao nguyên. Sau nghi thức đơn giản với đôi lời chào mừng, ông Tướng đã cùng mọi người hân hoan nâng ly rượu mừng cho chiến thắng rực rỡ của Mùa Mưa. Tiếp đó ông cũng là người đầu tiên bước ra sàn nhảy, cùng với một thiếu phụ đẹp lộng lẫy, đi những bước thật bay bướm mở màn cho buổi dạ vũ. Âm thanh của những tiếng cười nói ồn ào. Không khí dày đặc khói thuốc và hơi rượu mạnh. Nhạc sống và khiêu vũ. Những người đàn bà dễ dãi. Mọi tự do được phóng thả, để tìm lại được chút dục vọng xác thịt đang nguội lạnh, cho quên đi những ám ảnh của sợ hãi và nổi chết. Đưa ly rượu tới môi, tôi tự nhủ rằng hãy nghĩ tới những người sống chứ không phải những xác chết. Nhưng vấn đề là làm sao để quên đi. Cái hình ảnh kinh hoàng của chiến địa, hơi thối nồng nặc, chồng chất những tử thi hai bên. Xác của những người bạn bị oanh kích làm

với thứ hỏa tiễn mũi tên xóa tan cả mặt mũi. Xác của người phi công được trục thăng móc ở rừng ra, héo rũ trên dây treo như cách người ta câu về những con thú. Cả đến người Hạ sĩ quan thân tín của tôi trong bao năm nay trên khắp trận mạc cũng lại vừa chết trước một ngày khi chúng tôi được lệnh về Sài gòn. Xác của nó chỉ được kiếm ra hai hôm sau trong một bụi rậm khiến tôi hiểu rằng nó chỉ bị thương và bị bỏ rơi lại bãi. Với sẵn cái bản năng mưu sinh và thoát hiểm, tuy bị đạn, nó đã cố lết mình vào bụi rậm, sửa soạn một chỗ nằm chờ đợi được cứu hay nếu không cũng chu đáo sửa soạn một cái chết. Lúc tìm ra, xác nó còn gối đầu trên balô, còn chiếc nón rừng được hấn úp lên ngực chỗ vết thương trở từ sau lưng... Vẫn những hình ảnh ấy cứ lượn lơ trong óc dù thực tâm tôi muốn được quên đi dứt khoát. Từ nãy, ông Trung tá vẫn chỉ ngồi tư lự, cả ông Bác sĩ cũng vậy nữa. Giữa cuộc vui mừng chiến thắng, tại sao chúng tôi lại đứng bên lề. Ưu tư chẳng phải là trạng thái thích nghi để chúng tôi có thể sống lâu dài với cuộc chiến. Đại úy Thỏa hỏi tôi: - Sao “Hawk”, bao giờ về Sài gòn?

“Điều Hâu” là biệt anh ông bác sĩ đặt cho tính hiệu chiến của tôi. Xem ra ai cũng có vẻ bức bối về những tin tức xáo trộn ở Sài gòn. Ông tiếp:

- Tụi sinh viên có đưa nào bắt mẫn, Điều hâu cứ việc hốt hết đem lên căn cứ 7 giao cho tôi.

Cầm lấy ly rượu như muốn bóp vỡ trong tay, thiếu tá Bính giọng gay gắt hơn:

- Cứ để tôi thì khỏi cần tốn phi tiền với lựu đạn cay. Chỉ cần mấy cổ đại liên trí mấy đầu phổ.

Xem ra chính trị đã làm phân hoá giữa chúng tôi. Rồi ông quay sang hỏi ông Bác sĩ:

- Sao Docteur Zhivago, ông nghĩ sao về tụi sinh viên tôi ngày chỉ biết có biểu tình phá rối ấy?

Zhivago là biệt danh chúng tôi đặt cho ông bởi cái con

người nghệ sĩ nhưng cuộc sống lại rất nguyên tắc ấy. Quá khứ ông đã từng trải qua một giai đoạn sôi nổi thời sinh viên nhưng hiện tại lại chấp nhận một nếp sống chịu đựng và nhẫn nại. Tuy ít bộc lộ nhưng tâm hồn ông là một tổng hợp những mâu thuẫn sâu xa.

Bằng một giọng cổ giữ vẻ bình tĩnh ông bảo:

- Ở những năm dài trên đại học. tôi đã từng sống cái tâm trạng của họ và hiện tại tôi cũng lại đang sát cánh với các anh sống giữa hoàn cảnh gai lửa này. Tôi hiểu được nỗi bức rộc của các anh, tôi cũng lại cảm thông với những động lực đấu tranh của họ. Không phải là hoàn toàn vô lý khi họ phải bỏ cả sự học, hy sinh cả tương lai để dấn thân vào những cuộc tranh đấu...

Riêng tôi thì hiểu rằng, chính ông bác sĩ đang ở một trường hợp lương tâm khó xử. Một đảng là những người lính mà ông có bốn phận phải chăm sóc, một đảng là những thanh niên sinh viên đang tham dự cuộc đấu tranh, mà quan điểm của họ được chính ông có phần chấp nhận và chia xẻ. Rõ ràng chúng tôi chỉ là một bánh xe nhỏ trong một guồng máy lớn lao. Trái với bản tính ít nói và kín đáo cô hữu, ông Trung tá cũng lại tham dự vào câu chuyện chính trị hôm nay:

- Thế Bác sĩ tính sao khi chúng tôi có lệnh tấn công vào vòng thành trường đại học Y khoa?

Câu hỏi ngộ nghĩnh khiến cả ông Bác sĩ và chúng tôi cùng mỉm cười. Nhưng rồi bằng một giọng không có vẻ gì là cay đắng, ông Bác sĩ đáp:

- Ở trường hợp đó, dĩ nhiên tôi chẳng thể làm gì được hơn là đeo mặt nạ chống hơi cay, lái xe tản thương và săn sóc cho cả hai phía... Nhưng vấn đề đặt ra là sau đó...

Hướng về phía ông Trung tá, ông bác sĩ giọng tâm sự:

- Nếu rõ ràng nhiệm vụ được giao phó là sự có mặt lâu dài ở Sài gòn, tôi sẽ xin được rời khỏi đơn vị để về một bệnh viện nào đó trên cao nguyên; mặc dù trước đây tôi vẫn tâm

niệm rằng đơn vị này là nơi duy nhất tôi đã lựa chọn cho suốt thời gian quân ngũ của mình.

Không nói ra, ai trong chúng tôi cũng cảm thấy mỗi một trước khi dẫn thân vào cái chiến trường buồn tênh ấy. Chỉ quen với rừng rú, xuống đó đám lính của tôi sẽ như bầy thú hoang về thành -lạc lõng bơ vơ. Rồi vẫn chỉ là những ngày cắm trại tù túng, để chỉ tập làm quen với mặt nạ, lưỡi lê và phương pháp đàn áp cắt xé những cuộc biểu tình. Đội hình hàng ngang, đội hình mũi tên, đội hình quả trám. Nhân danh sự ổn định, chúng tôi chẳng thể không thẳng tay đàn áp. Họ có thể là những thanh niên sinh viên lý tưởng hăng say, đám cô nhi quả phụ đói khổ hay chính những thương phế binh -những người anh em quê cũ đã từng cầm súng sát cánh bên chúng tôi chiến đấu. không lẽ bây giờ chúng tôi là con ác mộng trở về để quấy nhiễu giấc mơ của họ? Hơn một lần chúng tôi đã có những kinh nghiệm về những ngày ở Sài gòn -lần cuối cùng cách đây tám tháng, đang sống những ngày dài trong rừng núi quanh hiu, chúng tôi tức tốc được đưa về thủ đô. Để trấn đóng ngay giữa trái tim của Sài gòn, chìm khuất giữa những buildings cao đập diu diu điếm, nằm kế bên hội Kỵ Mã lúc nào cũng nhớn nhoe những con ngựa giống với từng bờ mông láng nhẫy. Đồi một không gian không xa nhưng người lính có cơ hội hiểu rằng, trên đời này không phải chỉ có những buồn thảm của một cuộc chiến tranh làm họ điêu đứng, với rình rập của nỗi chết cùng nỗi khổ cực của đám vợ con nheo nhóc - mà hơn thế nữa, giữa quê hương còn một thứ xã hội trên cao lộng lẫy sáng choang và thần nhiên hạnh phúc. Cái thế giới khác xa họ, chỉ có ngào ngạt hương thơm và những hương thụ thừa mứa. Của một đám người kêu gào chiến tranh nhưng lúc nào cũng ở trên và đứng ngoài cuộc chiến ấy.

Rồi những người lính bơ vơ tự hỏi, cầm súng họ bảo vệ cái gì đây? Không lẽ cho một con thuyền xa hoa ngao du trên giòng sông loang máu, nổi trôi đầy những xác chết đồng loại. Cho sự an lạc của một dúm xã hội trên cao, cho những chăm sóc của những con chó con ngựa hơn cả tang thương của kiếp sống? Với những người trẻ tuổi chỉ biết

sẵn sàng, lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận hy sinh cả tính mạng của họ để chiến đấu với kẻ thù ngoài chiến trường - tại sao bỗng dưng lại đưa họ về thủ đô. Không lẽ những mộng tưởng binh nghiệp chỉ có thể biến chúng tôi thành những tên gác đàn cho bọn nhà giàu, một thứ cảnh sát công lộ chỉ đường trên giòng luân lưu của lịch sử. Nhân danh quân đội, chúng tôi đang góp sức thực hiện một cuộc cải cách xã hội hay tự biến mình thành một nút-chặn-lịch-sử, một thứ đèn đỏ thường xuyên ngăn những bước tắt yếu của cuộc cách mạng đi tới?

Người lính chỉ ao ước được cầm súng chiến đấu cho tổ quốc, hy sinh cho một lý tưởng cao cả, một chính nghĩa sáng ngời -mà khỏi cần phải bận tâm suy nghĩ điều gì. Nhưng bây giờ thì họ hiểu rằng, đã thất lạc và qua rồi sự bằng an giả tạo sau những mỏi mệt trở về từ rừng rú. Rằng ngoài chiến trường súng đạn quen thuộc, họ còn phải đương đầu với một trận tuyến khác mỏi mệt hơn -đó là cảnh thối nát bất công của xã hội mà dân tộc đang phải hứng chịu trong tối tăm tủi nhục. Từ ba mươi năm nay, đã và đang có quá nhiều anh-hùng -của-chiến-tranh trong khi lại quá thiếu vắng những chiến sĩ xã hội. Vậy phải lựa chọn chiến trường nào? Rằng không phải chỉ ở chốn xa xôi biên cương -mà đích thực chiến-trường thách-đố của họ phải là ở Sài gòn.

Dakto 1971

(Trình bày số 34 ra ngày 18-12-1971. **Số báo này bị tịch thu**)

Ngày thanh xuân

TRẦN HOÀI THU

Những mảnh lựu đạn chày ghim sâu vào hai bắp đùi, một tai bị sức nổ dồn nén của trái lựu đạn nội hóa làm bứt luôn màn chỉ, đó là niềm hy vọng cuối cùng của Hạo trong những ngày chờ đợi ra hội đồng giám định y khoa. Lại thêm một đôi mắt cận thị nặng độ của anh nữa. Anh đã quả quyết với

nguyên trước bàn thờ. Ba sẽ không còn thức trắng lo lắng cho số phận của con. Ba sẽ không điếu thuốc để nghĩ. Con đã thực sự trở. Anh bắt đầu phác họa sống mới. Anh sẽ đề d gian vài tháng, về m

LTS: Ngày Thanh Xuân được viết khi tác giả nằm tại quân y viện Ban Mê Thuột. Mặc dù truyện “qua được cửa ải” kiểm duyệt, nhưng nó không đến tay người đọc, bởi lẽ số báo này (Trình Bày Xuân Nhâm Tý) bị tịch thu vì một bài thơ của Nguyễn Sa.

Những mảnh lựu đạn chày ghim sâu vào hai bắp đùi, một tai bị sức nổ dồn nén của trái lựu đạn nội hóa làm bứt luôn màn chỉ, đó là niềm hy vọng cuối cùng của Hạo trong những ngày chờ đợi ra hội đồng giám định y khoa. Lại thêm một đôi mắt cận thị nặng độ của anh nữa. Anh đã quả quyết với gia đình và bè bạn là anh sẽ được giải ngũ từ già bộ đồ trận, để trở về cuộc sống dân sự. Anh đã có những giờ phút ngất ngây khi nằm trên giường điều trị, để trí óc mơ về một ngày nào đó, anh sẽ được thông dong trong bộ quần áo nhẹ tênh, bỏ qua những lệnh lạc bom đạn, những cơn kinh hoàng trong thời binh lửa, những lo âu phiền lụy của những ngày thanh xuân. Anh như người mộng du, đột thời gian buồn bã và cô đơn trong trại bệnh bằng những nỗi hồi hộp không đâu. Chao ơi, một ngày nào đó, ta cảm được cái giấy đầy ân sủng ấy, chắc ta phải điên lên vì sung sướng, chắc ta phải về khóc dưới gối cha già, kẻ lẽ: Bây giờ con đã thực sự bình yên. Ba sẽ thôi hăng đêm thấp

nhang khăn nguyện trước bàn thờ. Ba sẽ không còn thức trắng lo lắng cho số phận của con. Ba sẽ không còn đốt những điều thuốc để nghĩ ngợi về con. Con đã thực sự trở về rồi ba ơi. Anh bắt đầu phác họa một cuộc sống mới. Anh sẽ để dành một thời gian vài tháng, về một thành phố biển để nghỉ ngơi dưỡng sức. Anh sẽ đi một vòng xe khắp thành thị miền Nam để thăm bè bạn xa cách cùng chiêm ngưỡng non nước thân yêu. Rồi anh sẽ cố gắng tiếp tục con đường học vấn đã bỏ dở, có thể anh sẽ thi vào sư phạm để chọn một nghề bảo đảm và nhàn hạ. Không, anh cũng chẳng cần chọn cái nghề mà từ trước anh không ưa thích. Cái nghề khiến đời sống dễ bị sa lầy, anh nghĩ thế. Anh không chịu nổi cái cảnh một ông đồ non đạo mạo chôn vùi ngày tháng cùng viên phấn và những bài học luân lý. Chính vì ý tưởng ấy, anh đã ân hận về sau này. Và khi biết thì sự đã lỡ rồi. Bọn bè anh đã được biệt phái về nhiệm sở cũ, đang an nhàn trong thời buổi tàn khốc nhất của cuộc chiến. Nhưng bây giờ, sau khi từ giã quân đội, việc biệt phái đã trở nên vô nghĩa và anh có thể yên tâm chọn nghề cho hoài bão của anh. Vâng, anh sẽ đi buôn, theo những chuyến thương hồ, lên đênh cùng khắp đất nước. Đêm trăng, anh sẽ nằm trên mũi thuyền, để ánh trăng mờ mờ, và để hồn lên đênh trong cõi huyền nhiệm của sông nước trời mây. Anh sẽ dừng lại bên một bến bờ, để nghe tiếng hò buồn bã lướt trên sông nước. Vũ trụ, thiên nhiên cùng xứ sở đã có biết bao nhiêu hình ảnh tuyệt vời, tại sao ta lại không hưởng thụ. Vâng, ta sẽ cố hưởng thụ, thật nhiều, thật nư. Ta sẽ uống cho đến ngất ngất để bù những mùa tai ương cũ. Ta vẫn còn trẻ. Ta vẫn còn một tai để nghe, ta vẫn còn đôi mắt để thấy, dù bệnh hoạn. Ta vẫn còn con tim để kêu gọi và nhạy cảm... Những cơn mơ mộng tuyệt vời đã làm anh quên cơn chiều vừa đến. Đến chừng tên bạn bên cạnh – một con ma sốt rét – tới nhắc: Sao chưa ăn cơm mà còn nằm đó, anh mới thức tỉnh cơn mơ. Anh nhảy xuống giường, tìm muống rồi bước ra ngoài hàng hiên. Sau một cơn mưa nhẹ, chiều như về sớm hơn. Sân bệnh xá, màu đỏ tươi đã trở thành màu đỏ sẫm và phủ nhiều lá rụng. Vài bóng thương bệnh binh co rúm trong bộ quần áo nhà thương rộng thùng thình, chập chờn như những bóng ma.

Anh cười, nói vẫn vợ cùng một tên bệnh phổi:

- Lại canh cải, đùi gà?
- Không, thịt trâu.

Một tên sốt rét kinh niên la:

- Từ nay thịt trâu được ghi vào khẩu phần nhà thương rồi cha nội.
- Như thế tội nghiệp cho bọn mình quá – Tên cụt chân phải thót lên.
- Nhất là những người như ông già Thiệt. Hàm răng của ông sún gần hết. Phải không ông già?

Ông già cười, lộ hàm răng đã sún gần hết. Trong trại bệnh này, người ta đã đặt cho ông một biệt danh: siêu điện. Bởi suốt ngày đêm, ông già lảm nhảm với cơn điên khủng: Siêu điện phản lực, nó chạy vào hai đầu vú của tao. Mồ cha bọn nó, cái lũ bán nước hại dân, cái lũ bán cốt Hời, cái lũ... Tuy vậy, ông già rất hiền và mỗi khi tỉnh, ông rất vui vẻ.

Ông già siêu điện đang đứng bên bàn ăn, một bàn tay vo bóp vú, một bàn tay cầm muỗng. Ông cười:

- Tôi hỏi các anh siêu điện phản lực ở đâu?
- Ở trong ngực ông già đây.
- Không phải. Nó ở Cam Ranh, Nha Trang, Quy Nhơn. Ban đêm nó tung ra ngoài những hình nhân đi lục soát giống như những toán tiền sát...

Cả bọn bắt đầu cười rộ. Vài tên đã bỏ bàn ăn ra câu lạc bộ. Vài tên vào sửa soạn quần áo để leo rào. Thành và Quả rủ Hạo ra hàng rào nhìn đám con gái Kinh, Thượng bên kia trường Y tế. Đó cũng là một lối tiêu khiển trong những ngày quá sức buồn bã và cô đơn của đám thương bệnh binh xa nhà. Ở đây, ngày lại trôi qua, vẫn những doanh trại nghèo nàn, thăm nảo, vẫn những vách ván cũ kỹ và trống gió, vẫn cái sân đất đỏ, mà mùa mưa thì chẳng khác một bãi sình đặc, và mùa nắng, thì đầy những cơn bụi lốc. Rồi đến những hình bóng lạc loài, ủ rũ, vô hồn, thất thủ trong mọi xó xỉnh với những hàm râu tua tủa, rậm rạp, những con mắt sâu hút, màu da vàng bệch hay tái xanh, kèm theo những khúc chân khúc tay bịt băng trắng hếu. Tất cả đều diễn qua như một khúc phim quen thuộc, muốn khóc. Đó là một thế giới chết cũng nên. Đó là hình ảnh trung thực

nhất và hải hùng bi tráng nhất của chiến tranh. Đối với một kẻ trở về, hẳn đã trải qua những giây phút kinh hoàng từ một chiến trường mà hẳn suốt đời không quên được. Cũng như mỗi lần nhắc đến, hẳn phải lạnh mình, run rẩy (...)

Cả bọn ngồi trên một thân cây đổ, đốt thuốc. Bên kia hàng rào, một vài người đàn bà Thượng đang ngồi tụ tập quanh một bếp lửa, sưởi lạnh. Một trận gió thổi qua, đám lá soan vàng héo lại rụng xuống dập dềnh. Chiều trở nên sẫm và sùng nước. Thành tự dưng buột miệng: buồn quá. Hạo thì vẫn cúi đầu, ngón tay vẽ băng quơ trên nền đất đỏ. Một chiếc lá soan khẽ rụng trên mái tóc của anh. Anh nói:

- Chắc chiều nay, trường Y tế đóng cửa.

Quả bất miệng, khi một ambulance thả còi cứu cấp chạy vào sân quân y viện.

- Lại thêm thương binh mới.
- Cái kiểu này làm gì mình tin là sắp ngưng bắn? Ngày nào cũng đánh nhau, cũng đầy thương binh - Thành nói buồn buồn. Hắn lại hỏi Hạo:
- Mà có tin là hòa bình sắp đến, như lời báo chí không?

Anh cúi đầu, mặt mũi:

- Mà đừng nhắc đến chiến tranh, hòa bình nữa. Tao mặt mũi lắm rồi.
- Nhưng dù sao cũng phải tin một ngày... - Thành nói.
- Một ngày anh trở về với đôi nạng gỗ, anh trở về bằng chiếc băng ca... - Quả chế giễu.
- Tao nghĩ rằng bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng có ngày tàn lụi - Thành ném mẩu thuốc và nói như một giấc mơ.

Hạo lên tiếng:

- Chẳng hạn cuộc chiến tranh Việt Nam? (...) Mà xem giữa lúc ta tin hòa bình sắp đến, thì mỗi ngày, những chuyến xe cấp cứu trở về...
- Nhưng chúng ta phải có niềm tin. Nếu không, làm sao chúng ta kéo dài cuộc sống?

Hạo cười. Anh cảm thấy nụ cười quá sức gượng:

- Trừ phi, tao cầm chắc giấy giải ngũ trong tay.

Thành hỏi anh:

- Mày hy vọng giải ngũ không?
- Cũng một phần nào tin tưởng. Tao thấy có những tên bệnh trạng thương tích chả ra gì lại được loại hai. Theo như tao biết, mắt cận thị trên 6 độ, sẽ được giải ngũ. Chẳng những thế, một tai tao đã bị điếc. Vâng, tao rất hy vọng...

Thành cúi đầu nhìn gì dưới bờ cỏ. Hấn nói, giọng thật buồn:

- Như thế mày đã được yên ổn rồi. Còn lại bọn tao, chẳng biết một ngày nào trở về với một thân thể trọn vẹn.

Ngừng một lát, hấn lại tiếp tục nói:

- Chao ơi, nghĩ lại những ngọn núi cao trên một ngàn thước, những làn trèo lên bọt miệng trào phì phì, những con suối độc địa đến nổi cả đơn vị khi lội qua đều bị sốt rét...
- Còn tao thì ngán những tay cựa Fulro. Nhất là đêm tối đóng quân tại một buôn Thượng. Một mặt canh địch, một mặt canh dân.

Quả chợt nói vắn vớ:

- Ước gì mình được kéo dài những ngày ở nhà thương cho đến khi có hòa bình nhỉ?

Thành rửa:

- Ở đó mà đợi hòa bình.

Rồi hấn bắt chước cử chỉ của ông y sĩ điều trị, bàn tay hấn rờ trên trán bạn: Mát rồi, mai xuất viện nhé?

Cả bọn đồng cười rử rượi.

Hoàng hôn về thật nhẹ. Con đường đất đỏ dường ngủ thiếp dưới hai hàng cổ thụ đầy bóng lá. Có tiếng chim riu rít rên cao. Vài người thương binh đi dạo. Một tên cụt giò, chống cặp nạng gỗ, lắc lư một chiếc mũ sắt đến bên bể nước. Cả cái dáng to lớn, khỗ sở lẽ từng bước nhỏ. Hạo chợt nhớ đến một người lính trong đơn vị. Y cũng có một dáng dấp to lớn đến như thế. Hai bàn chân y chẳng khác hai bàn chân voi. Anh em trong đơn vị tặng y biệt danh là Trâu Diên. Nhưng rồi y đã chết. Y chết bởi con mắt cận thị nặng kinh khiếp. Y chạy ngơ ngác trên bãi chiến chẳng khác một kẻ đui mù. Và hàng trăm viên đạn từ trên cao diêm tìm xuống y. Trước khi chết, y còn ngã mấy vòng, còn lăn lộn,

gào thét như một anh hùng trên đường tuyết lộ. Nếu như y biết với con mắt bệnh hoạn chẳng khác hai con ốc bươu lạc loài lồi ra ấy, người ta sẽ xếp y vào loại miễn dịch vĩnh viễn. Nếu như những tên bác sĩ ở hậu phương có đôi chút lương tâm, phổ biến rộng rãi những điều kiện về phân loại, thì y không thể nào tử trận tức tưởi như vậy. Chính Hạo cũng thế, anh đâu có ngờ anh lại kéo dài những năm tháng trong binh lửa, giáp kề với nỗi chết từng giây từng phút với một đôi mắt quá sức bệnh hoạn của anh. Anh làm sao ngờ được anh lại mang một cái kính đui mù, cột thêm một sợi dây cao su đẳng sau gáy, hoặc nhiều khi nhẩy xuống trục thẳng, chong chóng thổi lốc cái vật hộ mệnh, rơi vỡ từng mảnh vụn, hay những buổi di chuyển, dưới màn mưa như thác, nước che cả mặt kính thì anh chẳng khác một kẻ đi trong đêm, phó mặc mạng sống cho số mạng. Vâng, nếu như không vào nhà thương miền núi với cái tai bị điếc, ung mủ và những mảnh lựu đạn hành hạ nhứt nhối trong lớp da đùi, để nhận ra vài tên đang nằm chờ đợi ngày về Tổng y viện để phân loại... thì anh làm sao biết được sự vô giá của thị giác, điều kiện quý báu mà anh cũng như tên Trâu Điền được hưởng. Trâu Điền thì chắc chắn *loại ba*, có cấp độ tàn phế. Thị giác y có lẽ phải mang cặp kính 12 độ cũng nên. Thế mà y lại gục xuống. Chao ơi, anh muốn bật khóc khi liên tưởng đến những ngày xưa cũ. Hình dáng to lớn kèn càng trên sân hậu cứ, vượt hẳn trên những người lính khác, chẳng khác một tên Mỹ đen. Anh lại nhớ đến cái đầu cứng như sắt, đã từng cùng biết bao nhiêu tên lính Mỹ, Đại Hàn, khiến bọn chúng phải bạt ngựa. Nhưng y lại hiền lành số một. Giữa một tập thể ngang tàng, bạt mạng, quy tụ những anh chị tứ chiếng xâm mình chi chút, thì y như thể một con bò phúc hậu. Y ăn chay niệm Phật, y giúp đỡ mọi người. Y là một người chồng, người cha gương mẫu. Thế mà y cũng chết. Những tiếng thét gào, rền vang cả một lũng núi. Đôi mắt mở trừng nhìn mặt trời. Y đã để lại cái tức tưởi vào tâm hồn những kẻ còn sống. Và đôi giày đó, bây giờ anh mang như một kỷ niệm đầy nước mắt của y. Đó chính là món quà cuối cùng của Trâu Điền để mỗi lần mang nó vào, cột sợi dây thành nút, anh lại muốn bật rưng nước mắt.

Và chiều nay, một buổi chiều của miền núi, khi thấy cái dáng của tên thương binh to lớn, đang lắc lư chiếc đùi khốn khổ bên chiếc nón sắt đựng nước, thì hình ảnh người đồng đội cũ lại hiện về như một cơn bão, nhớ thương và tiếc nuối trong tâm hồn anh. Anh đâm thù hận những tên bác sĩ chỉ biết đồng tiền và xe hơi. Chúng sống an ổn ở thành phố, chúng chưa bao giờ biết được nỗi đau khổ, gian truân cùng những ý nghĩ của những người lính tác chiến. Đối với chúng, chỉ có một điều là tổng khứ ra bệnh viện, về lại chiến trường được nhiều chùng nào hay chùng nấy. Chúng lừa lọc, tra dò, chúng tìm đủ mọi cách chẳng khác một tên thám vắn xét tội bị can. Thế giới của chúng, có phải là thế giới của một tầng lớp mang danh là trí thức hay thế giới tham nhũng, thối nát như một người y sĩ trẻ đã tổ cáo, để rồi phải gục ngã tức tưởi trước những họng súng quyền bạo?

Anh đốt liều thuốc đen cháy dở rồi vội vã về trại bệnh. Anh nhận ra lúc này, anh đã mang thêm một chứng bệnh mới, một tâm bệnh cũng nên. Hay tại anh sống trong một thế giới xanh xao bệnh hoạn, hay tại những ngày trống trải, cô đơn và dài dặc đã làm anh dễ dàng lao vào những nỗi nghĩ ngợi vu vơ. Bên cạnh nỗi chờ đợi một tin mừng trọng đại, anh đã có những khoảng thời gian đắm chìm trong bề suy tưởng về bản thân cũng như bề bạn. Có phải những giọt nước mắt của họ là những giọt nước mắt của riêng anh? Những nỗi đau đớn cùng cực của họ là của một thể hệ tuổi trẻ mà anh dự phần chịu đựng. Ở đây, anh nhận ra mình vẫn còn hèn yếu, nhạy cảm. Anh đã không dám nhìn khúc chân của tên thương binh nằm bên cạnh mỗi khi hấn thay băng. Anh đã lảng tránh khi một tên thương binh khác khóc lóc ôm vết thương công phá. Anh sợ máu, nước mắt của tha nhân. Như thế, làm sao anh trở thành một người chiến sĩ. Không, tôi không thể trở thành một chiến sĩ như người ta khen tặng, phong tước. Tôi đã sợ. Máu, máu. Tuổi thơ ấu của anh nếm được thể nào là những giọt máu hồng ấy, những giọt máu mà người lớn đã đầy đoạ, hành hạ một đứa bé côi cút. Và máu vẫn tiếp tục đổ cho đến bây giờ. Máu chảy mọi nơi, mọi chốn. Máu từ tiền tuyến, máu về hậu phương. Máu ngoài bãi chiến và máu đầy đầy trong

quân y viện. Anh đã thật sợ. Anh đã nhắm mắt để khỏi nghĩ đến những giọt đỏ hồng thân yêu ấy. Nhưng, máu vẫn theo đuổi anh như một ám ảnh kinh khiếp. Có đêm, anh chỉ nằm mơ thấy những chiếc đầu, khúc tay, thân hình bê bết máu. Có đêm, anh nhớ lại những tia máu vọt thành vòi trên những chặng đường trần mạc. Anh đã bị sa lầy, không còn một lối thoát để có thể tin tưởng trong thời thanh xuân. Trừ ra, cái lối thoát cuối cùng này, cái lối thoát chờ đợi một niềm ân sủng: Giải ngũ.

Phải, anh tự hiểu chỉ còn mỗi một lối thoát ấy. Anh đã tự hiểu vì sao có những tên lính đã can đảm hủy hoại thân thể để được trở về. Anh đã hiểu tại sao họ đã chặt phăng một hai ngón tay phải, hay bắn súng tàn phá cả lòng bàn chân, hay xúc mủ xương rồng vào vết thương để mỗi ngày mỗi loét lở thêm, để nằm dài dài trong nhà thương lính chờ ngày hòa bình. Họ đã chịu đựng khổ nhục để làm gì? Vâng, anh đã hiểu. Đó là sự sống. Đó là trở về thấy mặt cha mẹ già, vợ đại và lũ con thơ. Đó là sự sợ hãi tột cùng trong một cuộc chiến kinh thiên động địa với những khí giới vô cùng tàn khốc. Đó là máu tranh, nương khoai, bãi sắn, đồng nội. Và hơn bao giờ hết, họ hiểu rằng cuộc chiến trên đất nước của họ không phải do họ, thúc đẩy bởi họ mà chính là do ngoại bang, chủ nghĩa. Họ chỉ là những con cò mọn trên một bàn cờ quốc tế thế thôi. Và anh nghĩ rằng những người tuổi trẻ bên kia cũng cùng chung một tâm trạng như thế. Anh đã nghe những lời thành thực của một vài tù binh, khi họ nói về những đơn vị đào ngũ gần hết trên con đường trường chinh Nam tiến của họ. Họ kể về những kẻ đào ngũ bơ vơ trong rừng già Hạ Lào, đói rách, bỏ xác giữa đường mòn Hồ Chí Minh, hay bị bắt trở lại, bị bắn giữa đơn vị để làm gương. Anh nhớ đến viên chuẩn úy Bắc Việt trẻ măng, bị đơn vị anh bắt giữ làm tù binh khi y bị thương nặng ngoài phòng tuyến đơn vị anh. Y và cả tổ chỉ huy đã giẫm phải mìn cơ giới trong một đêm họ tìm cách do thám đơn vị đóng quân của địch. Kết quả cả tổ bị banh xác, trừ viên chuẩn úy trung đội trưởng ấy. Buổi sáng, khi đơn vị anh tung người ra ngoài phòng tuyến lục soát, anh đã nghe tiếng rên rỉ của y từ một bờ cỏ lau rậm. Như một linh tính, anh không cho lệnh nổ súng. Bọn anh

dò dẫm từng bước, chẳng khác đàn chó săn. Tiếng rên càng lúc càng rõ dần, nổi lên từ một cõi chết của rừng lau và rừng già. Rồi tiếng rên ngưng bật một hồi, khiến đám tiền sát viên phải khổ công đánh mỗi. Có tên bàn với anh, nên tàn phá cả khu vực lục soát để đề phòng hậu quả có thể có, chẳng hạn địch liều thân tung một quả lựu đạn cuối cùng, hay đang tìm cách tấn công trả thù đồng đội. Nhưng anh đã không chấp thuận ý kiến của tên tiền sát. Hình như anh linh cảm một điều gì đó, hay hình như có một phép màu huyền nhiệm khiến anh ra lệnh anh em tiến tới. Cuối cùng, anh đã gặp viên chuẩn úy ấy. Một chân của y bị vỡ vụn, máu tuôn đầm dề. Y nhắm mắt dưới những nòng súng của đám lính chính phủ và rên rỉ:

- Bắn chết tôi đi. Cho tôi một viên đạn đi...

Tên y tá trung đội đã mau mắn lấy đồ nghề ra băng tạm vết thương. Anh ra lệnh một người lính – tên Trâu Điền – cõng về chỗ đóng quân. Viên chuẩn úy vẫn bặm miệng, tiếp tục méo mào:

- Cho tôi một viên đạn. Làm ơn cho tôi chết...

Y được nằm trên poncho. Anh giục truyền tin xin trực thăng tải thương. Một tên lính đã đổ vào miệng y một hóp nước. Xem chừng y bắt đầu tỉnh táo. Anh mời giúp y một điều thuốc thơm. Nhưng y lại lắc đầu. Anh thấy đôi mắt y long lanh nhìn anh. Anh nói:

- Chúng tôi cũng như anh, ai nấy đều bị bắt buộc cầm súng. Nếu tôi còn ở miền Bắc, thì có lẽ bây giờ là đồng chí của anh. Anh nên hiểu chúng ta đều là người Việt Nam cả. Bây giờ, bốn phận của chúng tôi là cứu anh...

- Cứu tôi để làm gì, hay để làm tù binh của (...) Mỹ? Anh yên lặng một hồi. Anh biết nói làm sao, diễn tả hết những ý nghĩ cá nhân của anh về một cuộc chiến mà thế hệ trẻ tuổi như anh, như viên chuẩn úy này, đã chịu đựng, lao vào. Anh đã từng biết, đối với những người Cộng sản, họ chỉ chấp nhận một đường lối duy nhất, đó là lòng căm thù đế quốc và bọn tư bản bóc lột. Họ đã được nuôi dưỡng lòng căm thù ngay từ nhỏ. Họ đã sống với lòng căm thù ấy (...), khi những chiếc máy bay từ phương xa mang đến những tai ương khủng khiếp nhất trên đất nước, quê hương

của họ. Và họ đã đồng hóa những người trẻ tuổi miền Nam trong một tập thể mà họ cảm thù. Anh nói:

- Dù sao, anh nên tin rằng chúng tôi không phải là một tập thể khát máu. Mong anh hiểu trách nhiệm và bổn phận của chúng tôi, những người lính khác trận tuyến với các anh. Anh hãy để chúng tôi săn sóc. Hy vọng một ngày hòa bình, anh sẽ trở về quê hương và tôi được dịp đáp tàu ra Bắc, như niềm mơ ước của tôi. Mời anh một điều thuốc thơm, anh vui lòng chứ? Anh uống cà phê nhé. Cà phê tôi mang theo trong bi-đông...

Tên y tá trung đội đã chích thêm một mũi thuốc cầm máu cùng một ống thuốc khỏe. Y đã bắt đầu thôi rên. Y hỏi thăm người y tá:

- Anh xem chân tôi thế nào?

Tên y tá an ủi, dù hấn đã hiểu, với một khúc xương vỡ vụn, thì nước cuối cùng là nước cưa.

- Không sao đâu bạn, chỉ việc bó bột vài tháng và....
Hấn định nói thêm:

- ... Và đừng gằn đàn bà là lành...

Nhưng hấn chợt dừng lại. Hấn thấy rõ hoàn cảnh tội nghiệp của một tên tù binh. Hấn nhìn chăm khúc chân bị nạn, lòng dầu dầu xúc động. Hấn nghĩ không biết giờ này, những người thân yêu của tên tù binh đã có thể nghe được tin một đứa con của họ vừa để lại chiến trường miền Nam một phần thân thể thân yêu nhất?

Người tù binh đã hút điều thuốc anh mời. Y nói cảm ơn. Y kể lại khốn khổ:

- Sau khi quả mìn nổ, thì tôi bất tỉnh. Cho đến rạng sáng, có lẽ nhờ những giọt sương sớm, hay nhờ những tiếng động khi các anh đến, lúc đó tôi mới tỉnh.

Khẽ khép mắt mệt nhọc, y bảo:

- Bây giờ thì đời tôi đã xong. Tôi đã vào tay các ông. Các ông muốn làm gì thì làm... Bây giờ tôi mệt quá. Tôi muốn ngủ.

- Tôi tiêm thêm một mũi thuốc cầm máu - Tên y tá dầu dầu lo lắng nói.

Người thương binh địch đang nằm đau đớn trên nền cỏ tranh. Buổi sáng đã lớn, nhưng trời vẫn chưa rõ. Chỉ là

những đụn sương, nổi lên từ dưới lưng và từ những đỉnh núi. Hình như anh run. Anh áp châu thân, lặng lẽ đốt thuốc. Anh đã nhận ra lòng mình đang ràn rụa nước mắt. Đây là kẻ thù địch của anh ư? Đây là kẻ đại diện những chủ thuyết, tư tưởng, những guồng máy, tín điều của xã hội chủ nghĩa. Đây là một biểu tượng của ác ôn, vô thần, còn đồ khát máu? Không, anh chả tìm ra một điều để kết án. Anh chỉ thấy một người tuổi trẻ, hiện thân anh, bạn bè anh, một người tuổi trẻ đang bơ vơ, bị nhào lộn trên chiếc đu bay.

*

* *

Lại một đêm trở về trên bệnh xá. Màu đen vàng vọt, bệnh hoạn như tô điểm thêm hình ảnh thể giới nhỏ bên bờ vực đau khổ. Ông già siêu điện lại bắt đầu nói nhảm. Ông ta đứng giữa phòng, vẩy một bàn tay sờ núm vú, ông lại nói về tham nhũng, thối nát, về lũ bán cốt Hời, về những hình nhân tung ra trong đêm tối, về những loại siêu điện. Giọng ông tiếp tục đều đều. Cả trại đang lắng nghe. Thỉnh thoảng một vài lời phát biểu. Từ một hai giường bên cạnh, hai tên thương binh Thượng đang bàn nhau về chuyện số đề số đuôi. Phục đang ngồi say mê với cuốn chương. Thành đang đắp mền, rên hừ hừ vì cơn sốt rét bỗng nhiên ủa đến. Còn Hạo đang đọc một mẩu tin trên nhật báo. Lại chuyện hòa bình. TT Nixon sắp qua Trung Cộng để giải quyết chiến tranh Đông dương. Mặt trận Kampuchia, Hạ Lào tái phát ác liệt. Mặt trận Ấn Hời sôi sục. Những hình ảnh bạo tàn của lòng thù hận cuồng tín. Một thiếu niên Bengali bị hành hạ đến chết giữa một nhóm người khát máu.

Một sĩ quan Hời bị đâm lưỡi lê giữa công trường. Bên cạnh là hình ảnh của em bé Kampuchia, gương mặt thật ngây thơ, đôi mắt thật trong sáng, mang chiếc áo lính Mỹ, khoác khẩu súng dài. Hạo nhìn mà muồn khóc. Các em bé Đông dương đã nghĩ gì, khi đất nước của các em đang mịt mờ binh lửa? Khi các em chưa đủ trí khôn để ý thức được khẩu súng ngoại quốc, bom đạn ngoại quốc? Các em thấy gì khi tuổi thơ của các em đã bị đánh mất. Hay các em cũng như chúng tôi, những đứa con hẩm hiu trong một Đông dương

hầm hiu. Hai đôi mắt trong sáng và thơ dại, hai nụ cười hớn hở trước ống kính. Người ta đã quyến rũ các em.

Hốt nhiên, anh lại đọc thêm một bài đăng báo của một người mẹ đau khổ kêu xin chính phủ trả đứa con đi lính chưa đủ tuổi. Bà nói đứa con đầu của bà, cũng chưa đủ tuổi, đã ăn cắp giấy khai sinh, tình nguyện vào binh chủng nhảy dù. Bà đã đi tìm con khắp nơi, khắp đơn vị, nhưng cuối cùng người ta chỉ bà ở nghĩa trang quân đội. Bây giờ, đứa con thứ hai của bà cũng ăn cắp giấy khai sinh, cũng tình nguyện vào binh chủng nhảy dù.

Cuối cùng, người mẹ tội nghiệp ấy đã kêu van chính phủ hãy trả lại đứa con trai còn lại của bà. Bà không thể sống trong nỗi chờ đợi và bị ám ảnh một ngày ô nhục của con trong một nghĩa trang quân đội... Anh nhắm mắt lại, cơ hồ, anh không thấy một cơn bão nổi vừa thổi qua quê hương anh. Việt Nam, Lào, Kampuchia, những thiên thần vô tội, những tấm thẻ bài kim khí, những chiếc áo dù hoa, mời gọi quyến rũ, những danh từ cao xa, những bản nhạc tiền tuyến hậu phương. Tất cả, đã mê hoặc một lớp người. Họ đã được dạy thế nào là một anh hùng, khi một chàng cao bồi Texas, giết người không gớm tay. Họ đã được làm quen với chiến tranh, giết chóc, máu đỏ, đầu cụt, tay lìa trong phim ảnh. Thiếu nhi Việt Nam, chúng đã được dạy lòng căm thù trong con tim trong sạch của chúng. Thiếu nhi Việt Nam, những thiên thần vô tội của miền Bắc, của miền Nam, đã được dọn sẵn một con đường thù hận.

Suốt đêm anh trần trọc trên giường bệnh. Đêm như một nấm mồ. Có tiếng rên nào nuốt của tên thương binh bên giường cạnh. Hắn bị B.40 trên đường di chuyển và được tải về hôm qua. Hắn la: Trời ơi, tôi đau bụng quá. Anh em ơi, giúp tôi. Hạo nhảy xuống đến bên giường, hỏi: Bạn cần gì? Hắn vẫn rên: Làm ơn đem giùm tôi cái xô. Anh hốt hải ra ngoài hành lang, quờ quạng trong bóng tối. Cuối cùng anh mang vào bên giường người bạn. Anh quay mặt để hắn tự do vệ sinh.

Anh hỏi:

- Bạn không có thân nhân ở đây sao?
- Không anh ạ. Tôi không muốn ai buồn lo vì tôi.
- Ít ra, một người nữ.

- Tôi thế này, mà ai xót thương.

Hạo từ giã tên bạn mới, sau khi lui cui mang chiếc bô vệ sinh ra đổ ở nhà cầu. Hạo đứng yên lặng trong cối đêm. Trên cao, bầu trời như khiêu vũ với hàng hàng tinh tú. Và anh nhận ra, càng lên cao, càng thấy sao sáng và rực rỡ. Anh muốn ngất ngây trước hình ảnh tuyệt vời ấy. Những vì sao vẫn múa lượn. Một vì sao băng, một vì sao đổi ngôi. Anh chẳng khác một chàng phi công trong một chuyến bay đêm mà Saint-Exupéry đã diễn tả. Một chàng phi công bay lạc giữa những đám tinh cầu, bị chúng mê hoặc, dụ dỗ. Anh cũng thế. Anh đang đứng giữa một bãi đời, rất cô độc và nhận ra mình đang sa nước mắt. Vì sao nào là định mạng. Vì sao nào là chiếu mạng đời người. Vì sao nào để anh tìm thêm một ánh mắt yêu dấu của riêng anh. Vì sao nào vừa băng để anh nhớ một người bạn cũ, một người bạn đồng đội vừa ngã xuống ở chiến trường. Đêm thật lạnh và thật hun hút. Dễ chừng, anh nghe rõ cả tiếng đêm đang thì thầm, đang nói, đang thổn thức. Anh co ro trong tấm áo lạnh và chợt tự hỏi tại sao ta lại có mặt tại nơi này nhỉ. Tại sao ta lại lưu thân như một chàng Từ Thức bơ vơ? Anh đang đứng trên một chóp núi chóp rừng. Anh đang trở về một cõi xanh xao của người trẻ tuổi. Anh đang đối diện với sự thực của chiến tranh và hơn bao giờ, cảm nhận một nỗi bi đát mà những kẻ như anh, như bạn bè anh đã chịu đựng. Có tiếng khóc u uẩn của một người đàn bà Thượng trong nhà xác. Có một liều thuốc hồng của một tên thương binh mất ngủ trên hành lang. Anh bước vào, tự nhủ phải uống thêm một viên thuốc ngủ nữa.

Vào khoảng giữa đêm, hai tiếng hét của người lính sốt rét đã đánh thức cả khu điều trị trở dậy, kế tiếp, là tiếng hét của ông Trung úy già thần kinh. Ông ta đã nhào xuống giường, cởi áo, một bàn tay sờ vú, và tiếp tục la lên:

- Nó đó, nó đó, siêu điện phản lực đó. Nó chạy rầm rập cả trời. Nó chạy vào người tao. Mồ cha tổ sư bọn nó, cái bọn bán nước, nó đem siêu điện dí vào người tao. Nó tung ra những hình nhân. Cái lũ bán cốt Hời, tao mà làm tướng tao bắn cả lũ...

Nhưng trong trại điều trị, chẳng có ai lưu tâm đến những lời nói nhảm điên khùng của ông. Họ nhảy xuống giường

bệnh cùng ủa đến người lính sốt rét. Một người bật đèn sáng. Một người đến lay con bệnh đang mê hoảng, hôn hển với những câu ú ớ trong cửa miệng. Một người khác đến hét thật lớn vào tai con bệnh:

- Hộ, Hộ... cái gì thế... lại bị ma đè à...

Con bệnh là một chàng Chuẩn úy trẻ tên Hộ. Bây giờ Hộ đã thức giấc. Mặt mày hấn toát đầy mồ hôi, hấn vừa ôm ngực vừa thở hôn hển:

- Nó lại đè tao nữa rồi. Trời ơi con ma Thúy Sương. Lần này nó không còn nằm bên tao nữa, nó không còn nói cười với tao nữa. Trời ơi, lần này nó liếm tao. Cái lưỡi nó đỏ lôm, dài ghê sợ. Nó liếm từ bàn chân lên đùi, nó liếm hết... Rồi, nó đè lên người tao, nó bóp cổ...

Trong khi ấy, ông Trung úy già đứng giữa phòng nhìn ngọn đèn cháy, tiếp tục nói nhảm:

- Tao biết mà... Siêu điện phản lực nó chạy rầm rập. Tao nghe nó chạy... Mồ cha bọn bán nước, bọn tham nhũng... Nó đem siêu điện vào nơi Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần... Nó là quân bán nước. Tao làm tướng tao bắn giòng họ nó.

Mái tóc rối bù của ông khiến gương mặt đã lốm vào và xanh tái, lại càng lốm sâu như một người bị đồng nhập bất hồn:

- Siêu điện phản lực. Đài rada.... Mỹ (...)

Cổ ông nghẹn lại, trong khi tiếng mát còn của tên Chuẩn úy vang lên:

- Trời ơi, con ma nó không buông tha tao... Ngày mai, chắc tao phải xuất viện... Tao sợ quá rồi.
- Con ma gì... Mày bị mộc đè rồi.
- Không, con ma thực mà. Nó hiện ra, kẻ lẻ như mọi bận. Tên nó là Thúy Sương.

Cả trại bệnh lặng im phẳng phắc. Gió kêu vù vù ngoài trời, xạc xào những chiếc lá khô đã rụng. Gió làm lách cách những mảnh nhựt trình vá víu phập phồng ngoài khung cửa gió.

Sự thực về con ma Thúy Sương như thế này: Tên Chuẩn úy đã nằm thấy một người con gái trở về bên giường. Nàng kẻ lẻ tên tuổi và cái chết oan thảm của nàng. Một vụ nỗ lự

đạn trong một quán nháy ở thành phố khiến mười mấy người banh xác. Nàng được tải về nhà vĩnh biệt, cách khu điều trị bởi một hàng rào dây kẽm. Hắn đã thấy nàng về khóc lóc. Sau đó hai người giao hoán. Hắn đã kê giấc mơ cho vị bác sĩ điều trị trong một đêm cuối năm. Vị bác sĩ đã công nhận điều đó.

- Cách đây vài năm, khi phòng điều trị này mới thành lập, cũng có một ông Thiếu úy người Thượng, đêm nào cũng nằm thấy cô gái ấy. Đêm nào chàng ta cũng xuất tinh. Tôi thấy chàng càng ngày càng gầy thêm, tôi hỏi, thì ông ta mới thú thật... Đúng là cô gái tên Thúy Sương... Ông ta cũng nằm cùng một giường với Chuẩn úy.

Sự trùng hợp lạ lùng ấy, đã khiến toàn trại bệnh ớn lạnh. Đêm ấy, chàng Chuẩn úy đã không dám ngủ trên chiếc giường cũ. Hắn xách chăn mền qua giường khác ngủ nhờ cùng một tên bạn. Đêm chẳng khác một ám ảnh kinh hoàng cho hắn. Ban đầu, những người cùng phòng đã cười cùng hắn và cho đó là một điều hão huyền. Họ đã đưa ra những nguyên nhân và những sự giải thích khoa học. Nhưng, khi nhận ra con bệnh bị ma nhập ấy đã hoảng sợ thật sự, thì ai cũng thương tâm. Mỗi chiều, khi chưa xảy ra vụ nằm mơ thấy con ma Thúy Sương, hắn đều chui lỗ rào đằng sau trại bệnh, trở về thăm người yêu rồi trở lại phòng để chờ giờ điểm danh thường lệ. Nhưng bắt đầu từ đây, hắn không dám chui rào nữa. Hắn sợ hãi khi trở về trong bóng tối, trên con đường tối đen mù mịt dẫn qua nhà xác. Đúng là con đường âm hồn cũng nên. Một con đường đầy bóng cây, đầy tiếng gió hú, quạnh vắng chẳng khác một cõi chết. Nhất là ở cái nhà xác, dưới bóng hai cây soan lâu đời, thỉnh thoảng lại vẳng lên những tiếng khóc ai oán của một người đàn bà đòi chồng. Cũng bắt đầu từ đây, mỗi đêm, hắn mang chăn mền xin ngủ nhờ cùng một tên bạn trong phòng. Hôm kia, khi bác sĩ có ý định cho hắn xuất viện, hắn lại lên cơn sốt rét. Hình như con ma Thúy Sương đã bắt hắn ở lại. Hắn lại được truyền thêm hai bình serum. Đêm bỗng nhiên bừng dậy từ khi con ma vô hình nhập vào người Hộ. Có lẽ con ma cũng đã chán nản nên bắt đầu bóp cổ nạn nhân. Bên cạnh ông già điên vẫn tiếp tục nói về siêu

điện phản lực. Có tiếng chó tru ngoài đêm. Ông ta lại la lớn: Đó con chó đang bị siêu điện chạy... Rồi ông lại tiếp tục chải rửa. Ông ta vừa được tải vào đây, và nằm ở giường cũ của tên Chuẩn úy. Sự xuất hiện của ông già điên đã làm cả phòng điều trị bỗng rung ráo động hẳn lên. Sự xuất hiện của ông đúng vào lúc con ma Thúy Sương hoành hành khắp trại bệnh. Trại bệnh bắt đầu mang vào một bầu không khí của huyền hoặc, liêu trai. Những câu chuyện về ma lai đã được một vài tên thương binh thiếu số kể lại. Những con ma năm xưa, năm xưa trong một thời nào của đời người cũng được những tên lính hồi tưởng. Có nhiều kẻ không tin tưởng, vẫn giữ vững lập trường. Những kẻ tin thì bắt đầu lập bàn thờ bên nhà xác, đốt nhang cúng vái hằng đêm.

Kể từ đây, hai cửa trại bệnh đã thấy những giòng nước bí mật. Ông Đại úy già nằm ngay cửa ra vào đã phải la lên:

- Tôi nói với các ông, các ông đừng y vào ma quỷ, mà đái bậy bạ. Các ông nào sợ ma làm ơn đến hàng rào dây kẽm mà đái. Không ai hủi giùm các ông đâu.

*
* *

Buổi sáng, Hạo theo ambulance lên bệnh xá tăng cường để khám bệnh. Xe cũng chở thêm một tù binh Bắc Việt bị cưa đuôi. Anh lại nhận ra một gương mặt quen thuộc. Cố gắng, moi cả trí nhớ, anh mới biết, người thương binh địch đang ngồi đối diện với anh, là viên chuẩn úy, mà một đêm nào, y và cả bọn lọt vào phòng tuyến của đơn vị. Anh hỏi trước:

- Bạn còn nhớ tôi không?

Tên thương binh địch nhìn anh, thoáng ngạc nhiên. Rồi y cười gượng:

- Vâng, tôi nhớ. Có phải bạn là người bắt tôi làm tù binh không?
- Vâng.
- Sao bạn lại vào đây?
- Thì tôi cũng như bạn.

Rồi anh nói như khóc:

- Rồi ai cũng trở thành thương binh khi cuộc chiến tranh này kéo dài...

- Bạn vào lâu chưa?
- Tôi mới vào. Còn bạn?

Người tù binh tàn phế nhìn xuống khúc đùi bịt băng trắng hếu. Y nói:

- Ngay ngày hôm ấy. Người ta đưa tôi vào phòng giải phẫu, rồi chụp thuốc mê. Sau đó, khi tỉnh dậy, tôi mới biết mình bị cưa chân...
- Mời bạn một liều thuốc.

Anh mời y. Y cười cảm ơn. Anh bắt gặp một gương mặt trẻ, đôi mắt buồn nhưng linh động. Chiếc xe qua một chỗ trũng, y bị bật lên sắp té. Anh vội nắm tay y. Y cười:

- Tôi nhớ một lần, bạn cũng mời tôi một liều thuốc.

Anh cũng cười, chia sẻ niềm vui vô hình ấy:

- Tôi sợ bạn không nhận đây thôi.

Ngừng một lát, anh tiếp tục kể:

- Người lính công anh về đã bị chết. Tên y tá tiêm thuốc cho anh cũng bị thương sau đó. Hắn đã được giải ngũ. Anh xem, chiến tranh này đâu có vui vẻ gì. Chỉ những người trẻ tuổi như mình mới là nạn nhân.

Người tù binh không nói. Y bắt đầu đốt thuốc. Đôi mắt y nhìn ra đằng sau xe và khói thuốc vờn bay trên đôi mắt ấy. Anh bắt gặp tên y trong tờ hồ sơ bệnh lý: Nguyễn Văn Đồng, sinh quán tại Hà Nội, 21 tuổi.

Bỗng dung y buột miệng:

- Thật lạ lùng nhỉ. Không ngờ hai đứa mình lại gặp nhau tại một nơi như thế này.

Hạo cười:

- Kể cũng lạ nhỉ. Nhưng đối với chúng tôi, đây là nơi dung thân tốt đẹp nhất.
- Sao thế hở bạn?
- Thì có gì đâu. Chúng tôi nằm ở đây để chờ đợi hòa bình.

Y yên lặng trước câu nói của người thương binh địch. Sự thực, y cảm thấy xúc động vô chừng. Y đã bắt gặp ở trên gương mặt, giọng nói của người lính địch một vẻ chán nản, rã rượi tột độ. Lại thêm đôi mắt xa vời kia, nó đã được phủ bằng một màu đen tối bi quan. Chiến tranh như một thứ hải hùng ghê sợ đối với họ. Tự dung y nhớ lại câu nói của hắn

vào một ngày nào đó:

- Nếu tôi còn ở miền Bắc, có lẽ bây giờ tôi là đồng chí của anh. Chúng ta đều bị bắt buộc cầm súng. Chúng ta bị chủ nghĩa, ngoại bang, các thế lực quốc tế xô đẩy chúng ta vào hố thẳm của hận thù. Anh đồng ý với ý kiến của tôi không?
- Phải, tôi đồng ý – Y thăm thì – Tôi đã hiểu rằng những người tuổi trẻ của Việt Nam là những đứa con tội nghiệp. Chúng ta lỡ sinh vào một thế kỷ bất hạnh nhất. Chúng ta được giao truyền lại một gia tài bi đát nhất. Chúng ta là những con cừu non để cha anh chúng ta dẫn dắt đến một bến bờ ngu muội.

Y ngược mắt nhìn người lính. Y chẳng tìm thấy một hình ảnh gì để gọi là căm thù, đề quốc, là bóc lột. Y cũng chẳng tìm thấy một khẩu súng dài của Mỹ, biểu tượng của khát máu sài lang. Y chỉ thấy một người trẻ như y, đồng một hoàn cảnh một số phận, đang cùng mang một bộ đồ nhà thương rộng thùng thình này. Chiếc xe đã đến cửa khu ngoại thương. Y được người lính dìu hộ xuống xe. Y cười cảm ơn. Người lính khoát tay: “Có gì đâu, bạn Đồng.” Rồi người lính nói tiếp: “Tên tôi là Hạo. Tôi biết bạn là người Hà Nội. Thế nào bạn cũng phải kể chuyện Hà Nội cho tôi nghe nhé...”

*

* *

Ngày cuối cùng, trước khi Hạo lên đường về Tổng Y Viện để ra hội đồng phân loại, anh lại gặp Đồng ngoài sân quân y viện. Lúc đó, người tù binh tàn phế đang đứng chuyện trò cùng một nhóm thương binh chánh phủ. Hạo đến bên vỗ vai Đồng:

- Tôi sắp rời khỏi đây rồi.
- Sao vậy. Bạn bị xuất viện?
- Không phải. Tôi được lệnh về Saigon ra giám định.
- Như thế bạn sẽ giải ngũ?
- Vâng, nếu người ta cho loại hai hoặc loại ba.
- Tôi không hiểu.
- Loại hai và loại ba, là loại nhà nước chê, đuổi ra

khỏi quân đội. Còn loại một là loại có đủ sức khỏe như trâu bò.

- Thì ra thế - Người tù binh cười có vẻ thích thú.

Y nói tiếp:

- Bạn chắc hy vọng...?
- Vâng, tôi hy vọng lắm. Đây là cơ hội cho tôi thoát khỏi chiến tranh, tôi không còn cầm súng nữa.

Và anh nói như một giấc mơ:

- Đây là cơ hội cuối cùng của đời tôi. Tôi chỉ mong được bấy nhiêu. Tôi sẽ trở về quê, nghỉ ngơi vài tháng. Sau đó...

Anh muốn nói tiếp:

- ... Sau đó, tôi sẽ cưới vợ, bắt đầu tạo dựng một tương lai mới. Nhưng anh cảm thấy xấu hổ.
- Tôi cũng thành thực chúc bạn đạt được ý nguyện. Nếu bạn trở lại, bạn nhớ đến thăm tôi.

Rồi y cười, buồn bã:

- Mà lúc đó, không biết tôi còn ở đây nữa không. Người ta bảo chân tôi sắp lành rồi...

Anh vỗ vai người bạn.

- ... Quả đất tròn thế nào chúng ta cũng gặp nhau. Làm sao chúng mình hai kẻ thù địch lại gặp và quen nhau trong quân y viện này, bạn nhỉ?
- Vâng. Đời có nhiều sự bất ngờ lắm.
- Mời bạn một liều thuốc.
- Cảm ơn bạn.
- Xin lỗi bạn. Cho tôi được phép hỏi một câu.
- Bạn cứ tự nhiên.
- Hình như tuần trước, tôi thấy một phái đoàn ngoại quốc vào phòng tù binh của bạn. Tôi nghĩ rằng họ đến hỏi ý muốn của bạn...
- Vâng.
- Và chắc bạn cũng sắp về lại quê hương. Tôi nghe người ta bảo vào dịp Tết...

Y cúi đầu xuống, thở dài.

- Nhưng tôi không thể về. Tôi bây giờ không còn hữu ích cho xã hội nữa. Mặc dù, mấy hôm nay tôi đã tình cờ nghe đài nói máy bay Mỹ, hàng trăm chiếc, dội bom miền Bắc. Tôi biết hiện giờ, đồng

bào tôi, quê hương tôi đang khốn khổ vô bờ. Tôi biết, không chừng một người thân yêu, như đứa em gái của tôi đã chết cũng nên... Đứa em gái mà tôi thương mến nhất.

- Em gái bạn, tôi đoán thật xinh.
- Vâng, nó thật xinh. Gương mặt nó hao hao cô Nga.
- Cô Nga học nghề y tá trong quân y viện này ư?
- Vâng, phải gọi cô Nga là nữ cứu thương mới đúng.

Rồi y nhìn lên tàn lá soan, đang tắm một màu nắng mai:

- ... Hình như cô Nga đã thôi việc.
- Vâng, tôi không thấy cô suốt một tuần nay. Nga thật dễ thương, bạn Đồng nhỉ?

Y không nói. Tự nhiên y muốn rung nước mắt. Những gì mà người bạn đã nhắc vào sáng hôm nay, như những nỗi buồn to lớn, len đến, rồi òa ngập cả tâm hồn y. Hay tại buổi sáng gầy gầy lạnh này, hay những đám lá soan vàng như một đàn bướm nhỏ vừa rụng xuống mặt đường, hay những tin tức từ chiếc máy thu thanh bên cầu lạc bộ, để y nhớ lại từng hồ cá nhân trên vỉa hè Hà Nội, từng hồi còi báo động rên rĩ rúc lên để lòng y ngùn ngụt căm hờn. Hay tại người bạn miền Nam này? Một người trẻ tuổi, lần đầu tiên, anh đã bắt gặp thế nào là ý nghĩa của cuộc chiến trên quê hương anh. Đứng chịu đựng trên đôi nạng gỗ, anh cúi đầu, nói không ra hơi:

- Nga cũng giống một nữ cứu thương miền Bắc. Biết hy sinh, biết giúp người, biết đem những niềm vui cho những người bất hạnh.
- Vâng, ở xã hội miền Nam này khó mà tìm một cô bé như Nga.

Đồng hút một hơi thuốc dài, y nói băng quơ:

- Bỗng nhiên, tôi nhớ miền Bắc quá. Tôi muốn về, để đào hộ một cái hầm (...) giúp đồng bào (...). Nhưng bây giờ thì hết. Tôi đã bất lực...
- Tôi cũng mong một ngày hòa bình, được ra ngoài Hà Nội, được thăm một miền Bắc (...) trong bom đạn ấy. Bạn biết không, có một bài ca mà tuổi trẻ chúng tôi ai nấy đều thuộc. Một bài ca mơ ước.
... Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm. Tôi sẽ đi thăm một phố đầy hầm, đi thăm một con

đường nhiều hố.

- Và khi đó, Đồng cười, tôi sẽ ca cho bạn nghe bài hát vang dậy từ một thành phố bị ném bom Mỹ nhiều nhất: *Quảng Bình, quê hương ta ơi...*

Cả hai cười rộ. Họ đã không còn nghĩ đến cảnh thù địch, đến quả mìn claymore, quả lựu đạn chày, đến những khẩu súng Mỹ, Trung quốc. Họ không còn nghĩ đến thực tại nữa.

Và rồi, y cầm tay Hạo, siết chặt:

- Họ sắp đóng cửa trại. Tôi phải vào. Bạn đi, tôi chúc bạn may mắn.
- Và tôi, tôi cũng chúc bạn một ngày trở về đoàn tụ cùng gia đình và Hà Nội.

Người tù binh cúi đầu, khốn khổ chống cặp nặng bước vào. Anh nhìn theo, bất giác ngậm ngùi. Anh thấy thương y hơn bao giờ hết...

*

* *

Hôm nay, phòng một lại nhận thêm hai thương binh mới. Hai chuẩn úy mới ra trường, về cùng chung đại đội và cùng bị thương ở mắt trong một trận đánh trong rừng cao su miệt biên giới. Họ nằm rên rỉ rồi thiếp đi trước đôi mắt hải hùng của thân nhân. Hạo đã chịu không nổi cảnh tượng đau lòng ấy. Anh ngỡ chính anh đang quằn quại, rên rỉ. Anh ngỡ từng tiếng thét não nùng đang bùng dậy trong đầu anh. Anh không còn can đảm để nhận thêm những nỗi đau đón nữa. Tôi bắt đầu sợ. Vâng, tôi đã bắt đầu sợ. Nếu ngày nào, tôi trở về như hai người thương binh trẻ này, chắc tôi phải tự tử. Đôi mắt thân yêu của tôi, đã một lần bệnh hoạn. Nếu tôi trở về làm tình cảnh của một kẻ đui mù... Hạo lắc đầu, bước ra ngoài hành lang bệnh viện. Anh ngồi trên lan can, nhìn ra sân cỏ. Bãi cỏ xanh mượt như nhung, êm ái như gót chân của một người con gái. Những con đường nhựa ngủ dưới vòm lá xanh. Những chiếc lá dầu khô vèo bay, rồi lả lơi trên bờ cỏ. Những con bướm vàng bay vờn trên các nụ hoa lý, hoa đào, hoa dâm bụt. Và bãi hoa mười giờ bắt đầu nở rộ bên hành lang. Bầu trời thật trong như pha lê, lướt thướt vài đám mây mịn mỏng. Một chiếc xe

nhà binh chở một đám thanh niên tới thêm bệnh viện. Họ xuống xe, cởi trần, chờ khám sức khỏe. Rồi họ sẽ lại cầm súng, mang mai rùa, mang nón sắt. Rồi họ lại ra mặt trận. Hết lớp này đến, lớp khác lại tiếp tục. Hạo đã thấy những chuyến xe ấy biết bao nhiêu lần. Và trong số họ, có kẻ nào thấy một thế giới đàng sau chiến trận, như thế giới anh đang sống, để ngậm ngùi nghĩ đến số phận của tuổi trẻ Việt Nam. Bên tai Hạo, tiếng chửi thề của một viên chuẩn úy nhảy dù. Hắn cũng là một thương binh. Hắn hẳn học cùng những thương binh bạn.

- Rồi tao phải đổi mạng. Tao nghĩ một mạng của tên lính đánh giặc thật quá rẻ so với mạng thẳng bác sĩ đó. Nó còn nhà lầu, còn vợ đẹp, còn xe hơi, còn ở một chỗ ăn chơi đi điểm như Sài Gòn. Còn tao, nhà cửa là mặt trận. Sống chết lúc nào. Đòi tao đâu có nghĩa lý gì...
- Mày ngu. Tại mày không đi cửa sau. Phải tới phòng mạch của nó. Phải dâng cho nó...
- Tao cũng biết lắm chứ. Nhưng tao đào đâu ra tiền.

Ngừng một lát, hắn lại chửi:

- Tao nghĩ đất nước này còn gì nữa. Ngay đến cái bọn mệnh danh là trí thức cũng như thế, thì chiến đấu làm cái gì (...)

Rồi hắn nhòe dẫy, hùng hổ bước vào phòng của tên y sĩ. Hắn la lớn:

- Tôi nói thực với bác sĩ: Ông là kẻ vô lương tâm. Ông ở hậu phương ông thỏa thuê, ông nhàn hạ. Ông chỉ biết...

Viên bác sĩ, đôi mắt mở lớn, lạnh lùng:

- Mời ông đi ra.
- Tôi phải nói hết. Tôi không phải sợ chết. Bằng có tôi đã chọn binh chủng này. Nhưng dưới quyền tôi là mấy chục người lính. Mạng sống họ phó thác vào tôi. Nếu tôi mà gục xuống, tôi thề, ông không được yên thân đâu...

Hắn hét lớn trong phòng, giữa lúc các thương binh khác đầy ú ở cửa ra vào. Cuối cùng, viên Chuẩn úy nhảy dù bị tốp an ninh đến mời đi.

- Chuẩn úy ấy thật tội, một con mắt hầu như không

thấy đường mà người ta cũng không buông tha...
Tên thương binh mù thở dài thốt lên. Hắn tên là Đực. Đực vừa ở tù ra và nhập viện trở lại. Trong lần nhập viện thứ nhất, tên bác sĩ ấy đã phê: Nghi ngờ. Kết quả, thay vì giải ngũ, hắn lại vào khám, hơn ba tháng.

Bây giờ, hắn chắc chắn trở về đời sống dân sự. Còn anh, liệu anh có can đảm đánh đổi một sự việc đau lòng như vậy không? Những tình cảm hỗn độn, những ý nghĩ quay cuồng, những nỗi dằn vặt day nghiền. Cái chết, đôi mắt mù, hai tay hai chân cụt... những cảnh tượng ghê rợn đã đến với anh trong bất kỳ nhà thương lính nào anh đến.

Bây giờ, anh mới biết sự thật. Anh đã không được loại hai, giải ngũ. Lời đề nghị của tên y sĩ: Loại một, đầy đủ sức khỏe. Anh muốn bật khóc khi nhìn vào tờ hồ sơ bệnh lý. Thôi rồi, những hy vọng. Thôi rồi, kiếp thương hồ. Thôi rồi, mái nhà và một tương lai chờ đợi. Loại một. Đó là một định mệnh khe khắt, mà mỗi tên thương binh đã liên tưởng đến. Đó là một bất hạnh nhất sau những tình nghĩa đối với chiến trường. Tại sao tôi lại hèn nhất, run rẩy khi nghĩ đến ngày đó. Tôi sẽ từ giã cái giường sắt, căn phòng điều trị, những con đường thơm lá cây và những bãi cỏ xanh mướt, để lại tiếp tục kiếp trâu bò. Và mỗi ngày qua, anh cố nín kéo những gì mà cuộc sống tuyệt vời đã bị đánh mất. Anh bỏ giường bệnh mỗi buổi chiều chui ra cổng rào để trở về phố. Anh gặp mặt những bạn bè cũ, tán gẫu và nghe âm nhạc trong một quán cà phê nào đó. Những bài ca một thời ru anh lớn lên cùng những cơn mộng. Cùng như chia ly. Cùng những cuộc tình. Anh hồi hải hưởng thụ như thể chưa bao giờ được hưởng thụ như thế. Mỗi buổi chiều là những chai bia. Mỗi đêm là một điệu nhạc và những trang giấy thơm tho. Tôi đã sống vị kỷ. Nhưng ai hiểu cho tôi điều đó. Con giông bão đã mất, bây giờ lại đổ xuống và anh chỉ chờ đợi nó, như một người bệnh buông xuôi.

Tại sao tôi lại sợ? Những ngày này đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy lại một chiến trường nào đó, thấy những bạn bè, những trận mưa trái pháo, và đôi khi hình ảnh của người tù binh hiện về. Đêm nào sau một cơn say chất ngất, sau những giấc ngủ hôn mê, chợt tỉnh dậy, anh lại thở hỗn hển:

- Đồng ơi, có một định mệnh phi lý đang bủa xuống đời tôi. Dù tôi cố tránh. Dù tôi cố đào thoát. Như đêm nay, tôi đang đứng dựa vào lan can của một ngôi lầu trong hẻm Sài Gòn và tôi nhớ đến bạn, người bạn giúp cho tôi hiểu rằng, dù cuộc chiến có tàn khốc, dù máu có đổ thành sông, nhưng những người như chúng ta, những người trẻ tuổi ở miền Nam lẫn miền Bắc vẫn là bè bạn. Đêm nay không có bạn để tôi mời một điếu thuốc.

TRẦN HOÀI THU

*(Trình Bầy Xuân Nhâm Tý số 36&37 tháng 2 năm 1972-
Số báo này bị tịch thu vì bài thơ “Ba mươi sáu số Trình bày” của Nguyễn Sa)*

Khói hương tan

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Thùy đến đài hơi trễ. Khoảng 8 giờ 10 bay 8 giờ 15 giờ đó. Nàng đoán vậy vì lúc nàng tới sở, thì lá quốc kỳ đã phát phới trên cao từ lúc nào. Mỗi sáng thứ Hai, ông quản đốc bắt buộc đám nhân viên thành phần hỗn tạp của mình ra đứng một hàng trước để làm lễ thượng kỳ đầu tuần. Những dịp ấy, là nữ nhân viên độc nhất của đài, Thùy luôn luôn cảm thấy lẻ loi giữa khung cảnh trang nghiêm gắng gượng đến tội nghiệp. Các nam nhân viên, hoặc là cựu quân nhân, hoặc đã được huấn luyện quân sự trước khi biệt phái, nên đều đứng nghiêm theo đúng cơ bản thao diễn. Chỉ có một mình Thùy là bối rối, vụng về. Cho nên từ hai tuần nay, Thùy cố ý đến đài chậm một chút. Riêng sáng nay, Thùy càng đến chậm hơn nữa. Vì một lý do riêng. Nàng đọc đi đọc lại mãi lá đơn, dự dự chưa cương quyết, đã xếp làm tư cẩn thận bỏ vào phong bì rồi lại lấy ra định xé đi. Cuối cùng nàng nhét đại bao thư vào xách tay một cách gượng gạo, khiến cho bì thư hơi nhàu nhò. Nhưng mặc kệ. Đến sở hãy hay.

Và nàng tất tả đến đài. Bước qua khỏi cổng sắt có giăng dây thép gai và lính gác. Thùy gặp ngay Hân, Hân hỏi:

- Chờ cô Thùy mãi đến nóng ruột. Chắc ngủ trưa ?

Thùy trả lời cộc lốc

- Không.

Hân lên giọng y như lúc đọc trước micro :

- Vậy thì chắc hôm nay “trời nhiều mây và có mưa giông lẻ tẻ. Biển hơi động đến động mạnh”.

Thùy vẫn tiếp tục bước vào phòng, nói hơi dài một chút :

- Không phải thế !

Hân nhận thấy đây là lúc không thích hợp nhất để bông đùa với người nữ đồng nghiệp. Nụ cười tinh quái biến mất.

Giọng của Hân nhỏ nhẹ, thành thực :

- Chuyện hôm qua phải không ? Đừng buồn. Tính tay ấy thế đấy Giận lên thì âm âm như sấm như sét, nhưng sau đó thì trời yên bể lặng liền. Giống y tính người Nam, thẳng như ruột ngựa, tuy tay ấy dân Bắc Kỳ.

Thùy không muốn kéo dài thêm câu chuyện rắc rối, cố nói tránh sang chuyện khác :

- Không phải thế đâu, anh Hân. Tôi làm ở đây hơn sáu tháng, tôi biết chứ. Hôm qua tủi quá tôi có khóc, nhưng nghĩ lại, thấy ông ta phải làm như vậy. Ông ta chịu trách nhiệm ở đây mà. Bài vở phòng chương trình đã chuyển qua chưa ?

Hân chỉ mấy trang đánh máy để ở trên bàn, trả lời :

- Rồi. Họ mới đưa qua. Phần tin tức của cô ít thôi. Phần của tôi dài quá trời. Nói gì mà nói dữ thế. Để tôi qua liên lạc với phòng kỹ thuật xem đã sẵn sàng chưa.

Trước khi Hân ra khỏi phòng, Thùy bảo :

- Anh chờ tôi chừng mười lăm phút nghe. Tôi qua phòng ông quản đốc có chút việc.

Hân khựng lại, quay nhìn Thùy dò hỏi. Đôi mắt Hân có vẻ khuyen lơn. Hình như Hân ngập ngừng, không dám nói rõ những e ngại của mình với Thùy. Thùy cảm động trước sự lo lắng của Hân, vội nói :

- Không có gì đâu. Anh yên tâm.

Chờ Hân mở cửa phòng kỹ thuật, và cánh cửa nâu đóng lại rồi, Thùy mới lên phòng quản đốc. Ông Trình đang chăm chú đọc một bản chỉ chỉt chữ đánh máy, cây viết nguyên tử đỏ đỏ theo từng hàng một. Nghe tiếng guộc của Thủy, ông quản đốc ngừng lên, giọng hỏi rất bình thường:

- Gì đó cô Thùy ?

Đến lúc ấy, Thùy mới nhớ mình đã quên không mang theo lá đơn. Nhưng đã lỡ rồi, Thùy cứ bắt đầu :

- Tôi có chút việc trình bày với ông quản đốc.

Ông Trình bỏ hẳn tờ giấy và cây bút xuống bàn, dựa ngửa người trên ghế, ân cần mời :

- Ngồi xuống đây đã. Chuyện gì vậy cô Thùy.

Thùy mím môi để dồn can đảm một lúc, rồi mới nói :

- Thừa chuyện hôm qua !

Ông Trình đột nhiên cười xòa :

- Cái chuyện vặt ấy à ! Hôm qua tôi bận tòa hành chánh; có cái kinh đôi chút. Tính tôi như thế đấy, vừa mở miệng nói xong đã quên ngay !

- Nhưng...

- Không có nhưng nhựt gì hết. Tôi không có ý khiển trách cô đâu. Hãy bỏ qua đi. Tôi hiểu hôm qua cô hơi lơ đãng, bận bịu điều gì đó. Hoặc chuyện gia đình. Hoặc chuyện tình cảm. Đời bây giờ thiếu gì việc làm cho thần kinh mình luôn luôn căng thẳng, chỉ chờ dịp là nổ tung lên. Xưởng ngôn viên phải gắng làm thế nào quên, quên hết mọi sự khi ngồi trước micro. Phải tự biến thành một cái máy phát thanh. Mà kể ra, việc đó không khó mấy. Thù chuyên đọc tin tức phải không. Quanh đi quẩn lại có bấy nhiêu câu. Mình chỉ cần nhìn kỹ các con số một chút để cuộc chém giết buổi sáng khác tí tở với cuộc chém giết buổi chiều, buổi tối. Khỏi phải nhọc công o bế tóc, ráng cong cón môi, mấp máy đôi mắt như mấy cô bên truyền hình.

Ông quản đốc vừa nói vừa nhại cách làm dáng của cô xưởng ngôn viên đài truyền hình địa phương. Thù mỉm cười, một phần vì nét mặt khôi hài xa lạ ở một vị trưởng cơ quan nổi tiếng hóc búa khó khăn, một phần vì hiểu thiện chí của ông Trình. Ông quản đốc muốn tạo một không khí cởi mở, để xóa tan tình trạng căng thẳng giữa hai người. Thù nhỏ nhẹ đáp :

- Dạ tôi biết vậy. Suốt thời gian làm việc ở đây, chưa bao giờ tôi bị như hôm qua cả. Bản tin chỉ có bấy nhiêu chữ mẩu mực. Tôi có thể đọc vanh vách không cần xem giấy. Chẳng hạn bản tin sáng hôm qua : “Lúc 16 giờ chiều năm tháng sáu, một thành phần bộ binh Việtnam Cộnghòa đã giao tranh với địch trong vùng Tây Bắc quận lý Xuân phương. Tin sơ khởi cho biết 7 Việt cộng bị hạ sát, trong khi lực lượng ta hoàn toàn vô sự. Cuộc giao tranh còn tiếp diễn”.

Nét mặt ông quản đốc rạng rỡ. Ông chồm người ra phía trước, đưa cả hai tay lên, đôi mắt chứa đầy thỏa mãn như người vừa tìm ra được chân lý tuyệt đối của cuộc đời :

- Đúng rồi. Chỉ có bấy nhiêu thôi. Cả bản tin, chỉ quan

trọng có con số . Nhớ kỹ một hai con số là thuộc lòng được bản tin. Cái khó là ở cách đọc. Phải khoan khai rõ ràng, đừng nhanh quá cũng đừng chậm quá. Mà chuyện đó cô đã biết cả rồi. Chỉ tại bản tin buổi trưa hôm qua, cô đọc rời rạc quá. Như một người vừa đọc vừa nghĩ. Một mỗi. Bối rối.

Thùy định giải thích, nhưng ông Trình đang lo giờ cái bìa xanh xếp hồ sơ bên tay trái tìm kiếm gì đó, nên nàng phải dừng lại. Ông quản đốc hấp tấp xáo tung cả giấy tờ, mới tìm ra được một tờ pelure giơ lên trước Thùy :

- Đây bản tin trưa. Cũng chỉ có vậy. Quân ta chạm súng với địch lúc 16 giờ chiều 5 tháng 6 tại vùng từ 8 đến 10 cây số Tây Bắc quận lỵ Xuân-phương. Chỉ cần nhớ “ tám đến mười “. Cuộc chạm súng kéo dài đến 18 giờ cùng ngày. 118 cộng quân bị hạ, ta tịch thu được 2 súng cộng đồng và 11 súng cá nhân. Nhớ thêm các số 18, 2, 11. Thế là hết...

Thùy vội vàng quá, không thể chờ ông quản đốc nói hết câu :

- Dạ. Ông quản đốc nói đúng.

Tôi đã đọc một cách bối rối, một mỗi. Vừa đọc vừa nghĩ ngợi. Nghĩ ngợi về mấy con số

- Sao thế ?

Thùy hỏi lại :

- Ông quản đốc có biết quê tôi ở Xuân-phương không ?

Ông Trình ngờ ngàng một chút, chưa tìm được gì để nói.

Một lúc sau hiểu chủ ý của Thùy, trả lời:

- Nhưng cả một quận bao la dài cây số rộng 25 cây số và gồm 150.000 dân thì quê của cô có liên can gì đến chiến cuộc ấy đâu. Chẳng lẽ.....

Một lần nữa, Thùy lại cắt lời ông quản đốc :

- Vâng, quận ấy rộng lắm. Rộng hơn nhiều tỉnh trong Nam. Mỗi lần về quê, từ quận , tôi phải đi xe ngựa dọc theo một con sông nước trong xanh. Cứ đi mãi như thế, đường đã gập ghềnh qua nhiều làng, có tre rợp, qua ba cánh đồng lúa tốt thì đến chỗ cây bồ đề cao lớn. Bây giờ, phải qua một cái cầu ván qua bên kia sông, tới một xóm nằm dọc giữa một bên là sườn đồi một bên là con sông đào. Nếu đi bộ phải mất hai giờ, nghĩa là khoảng tám đến mười cây số.

Ông quản đốc kiên nhẫn theo rồi bước chân về quê của

Thùy, kiên nhẫn tưởng tượng, lắng nghe tiếng vó ngựa lóc cóc trên con đường đá, lắng nghe tiếng thân tre già kũ kịt và tiếng gió thổi vi vu trên ngọn mạ.

Ông cố gắng tìm chủ ý của cô nhân viên. Nghe đến đây, ông hiểu hết. Ông Trình cười xòa :

- Cô Thùy dài dòng như vậy, ý muốn bảo vùng từ 8 đến 10 cây số Tây Bắc quận lỵ là làng của cô phải không ?

Thùy không trả lời thẳng, chỉ nói :

- Tôi hoang mang, con số 8 và 10 cứ nhảy múa trước mắt. Số 8 biến thành cái sừng hai nòng (..) Rồi tôi lan man suy nghĩ, trí óc mông lung (..) Ông quản đốc ngồi lặng. không nói gì được. Mọi vật trước mắt ông như đang múa men như mấy con số của

Thùy. Cây bút nguyên tử đồ tự động đứng đây, ngả nghiêng bước đi. gạt tàn thuốc lắc lư. Bức tường trước mặt biến thành màu đỏ, trong khi cái bìa xanh lại trở thành màu tím thẫm Mọi vật mang một ý nghĩa khác hẳn trước. Và ông hiểu mờ nổi ám ảnh bi thiết của Thùy. Cái quạt máy trên trần làm run run tờ giấy trắng dưới cục tẩy lớn trước mặt. Ông Trình nhớ tới bản tin vừa đọc, cầm lên, cố gắng giải tỏa sự tò mò của mình :

- Thế còn bản tin buổi tối ? Giọng của cô lạc hẳn đi, không nhận ra được nữa.. Vẫn bao nhiêu chi tiết ấy. 118 Việt cộng bị hạ, tịch thu 2 súng cộng đồng và 11 súng cá nhân. A, có thêm vài chi tiết không quan trọng mấy. Phần lớn do hỏa lực của không quân và pháo binh. Một số tàn quân vội vã rút lui bằng cách lội qua sông Lương. Các kho tiếp liệu dọc theo bờ sông đều bị phá hủy. Đại khái không có gì đặc biệt khác với bản tin trưa.

Thùy cãi lại :

- Thưa có chứ. Có con sông Lương. Thửa nhỏ, chị em tôi thường tắm trên sông ấy. Nhiều bữa đùa giỡn nhau cả buổi trưa, đến chiều tối mới chịu về ăn cơm...

Thùy nghẹn lời không nói tiếp được nữa. Ông quản đốc không biết phải làm thế nào để an ủi cô nhân viên, bối rối mân mê cây viết nguyên tử trước mặt. Ông vụng về vào những hoàn cảnh bối rối như trường hợp này. Ông nói, không mấy tin tưởng ở hiệu quả lời mình :

- Chắc không việc gì đâu. Cô đừng lo lắng quá. Tôi có thể

điện thoại qua tiểu khu hoặc ty xã hội để hỏi tin tức cho cô. Thu thanh xong, cô viết cho tôi tên họ hai bác và các anh em trong gia đình.

Thùy giật mình, như bị điện giật:

- Thu thanh ? Tôi không có đủ bình tĩnh để đọc tin được nữa Tôi vào đây xin ông quản đốc cho thôi việc.

Ông Trình ngạc nhiên, ngậm ngùi hỏi nhỏ :

- Cô bị ám ảnh đến độ đó ? Tôi không tin chút nào Hay cô chê số lương chằm công 6.500 mỗi tháng. Tôi biết thời thế này, số lương đó quả thực nhỏ nhoi. Tôi đã có đề nghị thay đổi qui chế nhân viên, nhưng..,

Thùy vội vàng cải chính :

- Thưa không. Làm việc nhàn, lương như vậy là phải. Và lại tôi chỉ làm tạm, trong thời gian chờ thi tú tài.

Ông quản đốc cười ranh mãnh trước khi hỏi:

- Hay là... hay là sắp về nâng khăn sửa túi cho ông trung úy hôm nọ ?

Thùy bẽn lẽn ấp úng không ra . Ông Trình cười to hơn, hỏi tiếp :

- Anh ấy vẫn còn ở bên tiểu khu chứ?

Thùy lí nhí đáp .

- Thưa anh ấy bị đày ra chi khu Xuân phương từ lâu.

Rồi lấy bạo, Thùy nói thật , thật chậm :

- Vì vậy, mỗi lần đọc tin chiến sự, tôi cứ hồi hộp. Tôi không còn bình tĩnh đọc được các con số (..)

Ông quản đốc buồn rầu nói :

- Thật tiếc. Thật đáng tiếc. Không phải nói nịnh, chúng tôi tìm mãi mới được một xướng ngôn viên như cô. Là vì người ở đây nói giọng xằng quá.Vào micro, âm thanh cứ dẹt lại chát chúa khó nghe. May có cô giả đúng được giọng Bắc, nhất là giọng các thiếu nữ Hà nội.

- Tại vậy! Khi bình tĩnh, tôi còn giả được giọng Bắc. Lúc bối rối quá tôi mới trở lại giọng địa phương. Vừa run run, vừa chua, đắng. Tại vậy mà tôi xin nghỉ việc.

Ông quản đốc đưa tay ôm trán không biết giải quyết thế nào. Một lúc lâu, ông ngừng lên, e dè đề nghị :

-Hay thế này:Cô đổi công việc với anh Hân. Từ nay anh Hân đọc phần tin chiến sự. Cô phụ trách phần bình luận và thông cáo.

Thùy suy nghĩ một lúc, rồi lắc đầu nhẹ :

- Dạ thưa, khó quá. Bây giờ tôi giả giọng không được nữa. Như ông quản đốc đã thấy, trong bản tin tối hôm qua, tôi pha lẫn giọng Bắc với giọng Trung, nghe lú lo khó chịu.

Ông Trình lắng nghe Thùy nói, nét mặt lơ đãng. Ông rút một điếu thuốc đánh diêm châm lửa hút, nhả khói lên không rồi lơ mơ nhìn theo từng đám khói mỏng bay là là quanh bàn. Người lao công lấp ló ở cửa phòng một lúc, rồi mạnh dạn bước vào. Ông quản đốc choàng ngồi dậy ngay ngắn trên ghế, rút trong tập bìa xanh một tờ giấy đưa cho lao công. Giọng của ông đồng đặc, nghiêm nghị trở lại :

- Bác đưa bình luận này cho phòng chương trình. Nói với ông chủ sự bài viết mạnh, được lắm.

Nhân cơ hội ấy, Thùy đứng dậy bước nhanh ra khỏi phòng như chạy trốn, đến nỗi suýt tí nữa ngã xô vào Hân đang từ phòng kỹ thuật hồi hả ra cửa dài. Hân mừng rỡ reo lên:

- A, cô Thùy đây rồi. Hôm qua bản tin của cô có những con số gì nào. Tôi với cô hùn nhau mua số đề như tuần trước đi. Nói không ai tin, nhưng rõ ràng mình đã trúng liên tiếp được ba kỳ. Hôm qua cô đọc số 118, 02 và 11 phải không ? Vậy thì mình mua các số 11, 18, 02.. Còn hôm nay ?

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(Qui Nhơn, 1972)

(TB số 42 2-9-1972)

Nước mắt trong cổ

LÊ VĂN THIỆN

*Có heo may như đầu tháng Chạp,
Thổi đầy trời thổi giạt bóng mây xa (*)*

LTS: Có 4 truyện của Lê văn Thiện đăng trên Trình Bày. Chúng tôi chọn truyện này để giúp bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về những gian khổ nhọc nhằn của người lính tác chiến miền Nam mà từ trước đến nay chúng ta chỉ nghe nhưng ít khi được đọc một cách tỉ mỉ....

Đám lính ngồi nói chuyện về Tết...

Còn mấy hôm nữa đã Tết rồi, coi vậy mà cũng mau. Nếu tính từng ngày thì thấy lâu, lâu quá. Như cuộc hành quân này, từ hôm đi đến nay chưa tới hai mươi ngày mà tưởng như đã vài ba tháng. Nhưng, nói bao quát, nếu chỉ quay nhìn lại phía sau, nhìn phớt qua thôi, thì mau. Mới đây lại thấy Tết hiện ra đứng sững trước mặt. Tháng này năm ngoái, cũng những ngày cuối năm, tiểu đoàn mình ở Darlac phải hôn ? Thời gian đó mình nằm đường, giữ an ninh cho xe cộ Nha trang đi Ban mê thuật , Ban mê thuật về Nha trang, Qui nhơn. Độ đó trời cũng lạnh lắm, gần bằng ở đây, đúng không. Mọi chuyện còn nhớ rõ, như mới tháng trước, thế mà đã một năm. Trách gì con người mau già, và người ta thường than, như : Đời người phù du.. Tháng ngày trôi mau như bóng câu qua cửa sổ. Đạo nào đầu còn húi cua, thoát đã lấy vợ, thoát thấy đẻ con, rồi năm bảy con, và già ập xuống... Tương đối, chỉ bọn lính tội mình là được có nhiều lúc thấy thời gian qua chậm. Hóa cho nên vô tình nhiều khi chúng ta đã chán đời mà không biết, vì ta mong ngày mau qua đi, tức mong mau già, đúng phải hôn.

Nhưng không mong sao được... đây, dù biết tuần tới là ngày tất cả phải già, một cách tức tưởi, do một phép lạ, ta vẫn cứ mong ngày qua mau như thường. Vài anh gật nhẹ, đồng ý. Một người khác nói, giọng trầm, nhiều câu không nghe rõ : “ Năm ngoái ngày này tôi nằm nhà thương, khỏe lắm, đọc tiểu thuyết với hát ca nghêu ngao tới ngày... bệnh sốt rét ấy mà, lúc làm như sắp chết, nóng mê thờ không được, lúc lạnh. Nhưng qua cỡ rồi thì giống như người mạnh, tán dóc tán phét, kéo nhau ra phá xóm.. cứ tung bùng lên. Ban đêm còn cái mực treo rào ra ngoài đi dạo chợ Tết, rộn rịp, vui lắm. Rồi, vọt thẳng về nhà ngủ với vợ. Chậc ! Thần tiên quá đi” .

Ai cũng có vài chuyện để nói. Họ ngồi quanh một lò than nhỏ vùi dưới đất, tìm hơi ấm. Lạnh làm nhiều người không ngủ được. Sương mù càng về khuya càng dày, ngoài hai mươi thước chẳng còn nhìn thấy gì. Lúc này nếu muốn đốt lửa lên để sưởi cũng được, không ngại, vì địch tài trời cũng không nhìn thấy ánh sáng. Thỉnh thoảng lại nghe lính Mỹ phía bên kia la lớn lên vài tiếng, như người bị đánh bất ngờ.

- Lạnh dữ.

- Ủ, lạnh quá. Khoi chỗ này rộng chút nữa. Nếu nằm trên võng chắc tôi đã chết cồng.

- Nhiều người vẫn ngủ tỉnh kia . Bốn năm đêm nay tôi thức trắng... Ở lính hại sức khỏe thiệt. Rồi coi, sau về, mình đi cặp ông già mình, có người gặp dám chào ông già : “thưa chú”, và chào mình : “thưa bác” lắm.

Giám trở người qua phía khác, nằm co thêm tí nữa. Hai bàn chân như rịn ra một thứ nước đá, từ đó cái lạnh chuyển dần lên. Mặc đến bốn áo, áo lót, hai áo trận, cộng chiếc áo ấm dày, với hai quần, người tròn mập như chiếc gối lớn, mà vẫn lạnh.

- Kém năm 2 giờ. Sắp tới giờ gác tôi. Cậ, cho mượn cái đồng hồ, cho thẳng đốc canh.

- Chạy mau đấy, còn kém mười .

- Vậy ... vậy à

Những tiếng nói chùng xuống, xì xào, như đám lá khua trong gió nhẹ.

- Liệu mai có máy bay không ?
- Ai biết được. Đại úy cũng chẳng biết nữa là.
- Chán nhẽ... buồn. Đi thì bao giờ cũng mau lẹ. Hô 4 giờ khởi hành, mới 2 giờ đã thấy xe kéo hàng đoàn đến chờ sẵn. Đang ngủ cũng dựng dậy, a - lê tập hợp ! Đi đi, kéo không còn giặc để đánh !
- Vái trời có máy bay. Nếu có, độ chừng 3 giờ chiều là hoàn tất. Về, tắm rửa thay đồ, 4 rưỡi mình đã có thể tà tà lượn ngoài phố, coi hát, ăn kem..
- Uống sinh tố, nghe nhạc, nhào vô động.
- Ồ há, vô động nữa

Mấy tiểu đoàn nằm đợi máy bay bốc về đã bốn hôm nay. Ngày đầu, vì một lý do nào đó không rõ, máy bay không đến. Ngày thứ nhì và thứ ba vì thời tiết, trời gió mạnh và sương mù giăng dày mãi 4 giờ chiều chưa tan, trực thăng không thấy bãi đáp. Hôm qua trời tốt, vẫn không thấy, chẳng ai giải thích cho biết vì sao. Đợi dài cổ, mỗi nhào người ra. Lính Mỹ lại bắn đại bác rồi, bốn khẩu một lượt, quay về hai hướng. Trời yên tĩnh nên tiếng súng nghe lớn, vang dội. Một lúc sau nghe tiếng đạn nổ dưới trũng xa. Những tiếng nổ thật cô đơn. Dưới đó, trước đây mấy ngày là bãi chiến - Ban đầu, một đơn vị Mỹ cùng nhảy trực thăng với một tiểu đoàn bộ binh Việt nam. Xuống là đụng mạnh ngav. Nghe như hai bên thiệt hại ngang nhau, khá nặng. Hai tiểu đoàn Việt Nam khác được tung xuống, truy kích. Địch không chường mặt để đánh lớn nữa nhưng các tiểu tổ của họ, mỗi tổ ba hay bốn người, trang bị một súng phóng hỏa tiễn nhẹ, hai tiểu liên hay súng trường, và mang nhiều lựu đạn, vẫn bám chặt theo bắn phá. Rừng sâu, cây cối dày mịt , mới 3 giờ chiều đã không còn thấy ánh nắng. Đánh đăm khó khăn. Dò dẫm đi, hai bên mỗi khi phát hiện được nhau thì hai mũi súng chỉ cách xa đôi ba thước. Tiếng súng nổ như những tiếng la thất thanh, lạc giọng. Trực thăng không tìm được một khoảng trống nhỏ làm bãi đáp. Thương binh chẳng di tản được, và không biết làm cách nào tiếp tế lương khô, đạn dược.

Bộ chỉ huy Trung đoàn hành quân bảo ráng tiến lên đi, đỉnh núi trước mặt là một căn cứ tốt của Mỹ, vững vàng,

bảo đảm, có bãi trực thăng. Lên được mới về được. Nếu đi lệch, đâm vô rừng già thì không ai biết được tới đâu mới gặp một khoảng trống, khoảng đất của hy vọng. Trước đó mấy bay quan sát đèn bay vòng quanh trên cao, chỉ dẫn những điều lù mù : “Cố lên đi, ép về phía phải, vượt qua con suối, sẽ gặp một khoảng tranh khá rộng, làm bãi bốc được. Nói thì dễ, nhưng tiến lên chục thước đất là đụng phải hàng chục nỗi nguy khổ. Nên cứ nhắm tiến theo hướng trước mặt. Tiếng đại bác ở căn cứ bắn đi nghe cũng gần, nhưng đi trọn buổi chừng nghe lại thì dường như tầm xa ấy cũng vẫn còn như cũ. Định theo kế bên nách đánh rất. Chúng đặt súng cối, khi thì sáu khi thì bảy, tám khẩu, gần sát trước mặt, rớt liên miên. Tiếng đạn bật ra khỏi nòng nghe vừa khô vừa chất, như mang theo nhiều luồng sóng lạnh, lạ, tràn nhanh về trước, đập mạnh vào tai người nghe. Núi có hăng hà những đá tảng to, những hang hốc, gành. Nếu ta lên kịp thì địch chỉ việc dúm súng vào một nơi nào đó khuôn đá lấp lại là xong. “Quả là xui, trời hại mình...lạy trời giúp chúng con !” Dường như nhiều lúc Giám đã khấn thầm. Bước sang ngày thứ tám, kể từ hôm đụng mạnh, có bảy người chết. Nhưng, con số bị thương tăng hết sức nhanh. Vài lần, một quả đạn rơi quật ngã một lúc gần chục người : ba tên bị thương lại bị thêm nhiều vết nữa, cộng với năm sáu người diu khiêng. Trung đội Thủy quân Lục chiến Mỹ đi theo tìm xác đồng bạn còn bỏ sót lại trong trận trước, tìm không thấy, lại bị quét thêm mấy xác mới, công vác ị ạch, lếch thếch theo đuôi.

Khi ta lên cao, địch rút, vỡ lẽ ra là ta đã chiếm được một căn cứ khá rộng. Địch chắc hẳn khiếp phục lắm. Lâu nay chúng co lại, nằm yên kể dưới chân căn cứ hòa lực Mỹ. Ngoài ngàn quả đạn cối, hỏa tiễn, và mấy trăm chiếc áo, còn không có gì đáng kể. Nhưng cái hầm đá bệnh xá rộng như một rạp hát, với hai dãy ngót trăm chiếc chõng cây, làm quân chiến thắng giật mình. Trong một góc hầm, máu nhuộm đen sẫm mặt đá một khoảng rộng. Và gần đó, bước ra ngoài, dưới bóng cây cổ thụ rậm rạp, người ta bắt gặp một hình ảnh kinh khiếp: nhiều dãy mô chôn cạn, đất nứt nẻ, tường chỉ cần bước lên là đất sẽ rã nát, phơi lộ xác ra.

Hơi hơi thúi xông lên khiến mọi người lộn mửa. Lên tới đỉnh núi, vừa chạm mặt những người lính Mỹ đầu tiên nhiều người đã dừng ngay lại, như chạm phải điện, mừng rỡ và sung sướng làm cứng đờ tay chân. Tất cả đều nghĩ đây là một thế giới khác, hay, một thứ thiên đàng.

Một người nói :

- Mai bắt đầu đau khổ, tha hồ đói.
- Nay nhiều người đã đói rồi. Lúc chiều thấy Trung đội 5 kéo đi bẻ măng. Tìm một mọt măng không phải là dễ.
- Tôi đói Mỹ hai tờ bạc Bắc Việt lấy hai hộp bánh và mấy gói cà phê. Tụi Mỹ này khôn góm, trả giá, kèo nài từng đồng.

Trưa hôm qua Cận đem về một bọc kẹo đậu phộng bốn miếng, và gần mười hộp bánh khô, có cả bánh mì, hẳn hí hửng khoe :

- Đồi con dao lấy bằng này đây, hay chưa ? Gặp thằng Mỹ khờ hết sức, con dao bữa trước mình lượm trong buôn Thượng ấy, chẳng đẹp đẽ gì cả. Tôi nói dao của VC, nó tin ngay, có vẻ thích lắm.
- Giỏi quá. Thế là thoát được một buổi. Tiện tặn nghe, phân đều ra ăn làm hai lần - Hộ khen.

Trưa đến nhóm của Giám được một bữa ăn gần no bụng, ai cũng thấy người khỏe khoắn, lâng lâng như muốn bay lên. Lính Mỹ sướng thật, ở giữa rừng nhưng họ vẫn đầy đủ. Đánh giặc lỏi đó thì đi đánh suốt vài mươi năm cũng được. Mới khi sáng hai chiếc trực thăng xuống tiếp tế thực phẩm và đạn, đến 3 giờ chiều lại thấy một chiếc trực thăng vận tải lớn đến. Chiếc này đổ xuống nào lính nào thùng, bao, hộp, lớn nhỏ đủ cỡ.

- Chờ thế này cũng nguy lắm. Lỡ Cộng sản pháo vào đây, chủ tâm là pháo tụi Mỹ, nhưng đạn lại rơi nhằm mình thì sao, ai biết. Và lỡ tình hình thay đổi, chúng nó vùng dậy đánh mạnh lại, cấp trên bắt mình quay trở lui, đánh nữa, phải chết mệt không.
- Nhưng dù sao cũng phải cho mình về ăn Tết đã.

- Người ta nghĩ cách khác thì sao. Họ bảo ta chịu khổ, hy sinh cho đồng bào được yên ổn, đó là những công tác mà chiến sĩ nên lấy làm hãnh diện gánh vác, ai từ chối không gánh ?

Sáng nay không biết lấy gì ăn đây. Chỉ còn một bọc cơm sảy nhỏ, năm người ăn bấy nhiêu thì thà đừng ăn còn hơn. Cận ngồi bó gối cạnh hồ cá nhân nhìn mông lung về rừng cây trước mặt. Không còn món gì khá để đổi nữa. Tiểu đoàn vừa ra lệnh cấm binh sĩ không được lai vãng tới gần lính Mỹ. Có kẻ đã sang lấy cấp của họ một máy thu thanh. “Thật là xấu hổ”. Ông đại úy găm lên trong máy. Nếu chỗ này an ninh một chút tôi sẽ tập hợp lại bắt chúng nó lột hết quần áo, tìm kỳ được mới thôi... mọi rợ, bẩn thỉu ! Các anh, ai tìm thấy cái máy, tôi sẽ thưởng 15 ngày phép.. cơm thì bảo rằng lấy cấp để ăn... Ông gằn mạnh, rõ từng tiếng : Từ giờ cấm tiệt, thấy thằng nào dẫn xác qua bên đó thì hãy nắm cổ về đây cho tôi. Đừng để chúng nó khinh bỉ ta. Chúng nó hơn gì ta đâu”.

- Nghĩ kỹ xem, còn gì đổi được nữa chẳng ? .

- Hết rồi. Nhưng nếu còn cũng đâu dám đi.

Giám nói.

- Chiếc đồng hồ của tôi đây giúp được gì không.

- Không đâu, chúng thằng nào cũng có đồng hồ tốt cả. Đem tới sợ chúng bảo đổi đồng hồ lấy một gói cơm sảy thì phiền.

Có lẽ mặt trời đã lên cao. Sương mù đã mỏng hơn, lùi xa được một quãng, có thể nhìn thấy lính Mỹ bên kia qua lại lờ mờ. Vẫn còn lạnh siết, miệng thở mạnh thấy ra hơi từng luồng như khói thuốc. Một toán lính đi lấy nước cầm cúi đi qua, có hai người Mỹ. Các người đi đầu cầm súng thể sẵn sàng bắn, Họ đeo những bình nước nhựa màu xanh đỏ và bidông nhà binh, tất cả được xâu lại bằng dây thành một vòng tròn, mang xéo trên vai giống một chuỗi hạt khổng lồ.

- Không về thì họ cũng nên nhớ tiếp tế cho mình ăn chứ -
Hộ nói bằng quơ.

- Dĩ nhiên, mình chẳng chết đói đâu mà lo. Đại úy mới nói hôm nay có nhiều hy vọng lắm - Giám nói. Cận cười khì, ra vẻ không tin :

- Hy vọng bằng hôm qua không. Chết thì khó mà chết, nhưng đói dữ rồi đây.

Hộ cúi khom người xuống, giả bộ ôm bụng nhăn nhó : đói quá, bụng nhẹ tênh đây này... i i .. con đói, xin cho con ăn . Giám trùm mền kín đầu, nằm im. Ngủ không được nữa, nhưng nằm dễ chịu hơn đứng ngồi, và không phí sức. Lính Mỹ chột cười lớn, la nói xì xồ , như đang chơi đùa chạy đuổi rượt bắt nhau. Người mang máy hỏi to :

- Đại úy hỏi chúng mình có tính tổ chức ăn tất niên, liên hoan, tiệc tùng gì không.

- Ăn tiệc à ?

- Dạ, ta dự tính thế nào cho ông biết sơ qua, chiều 29 sẽ làm. Cận gơ tay lên trời, nhướn dài cổ ra :

- Tiệc với liên hoan, thiên địa ơi. Giờ này mà nghĩ được tới chuyện đó quả kỳ lạ, ngoài sức tưởng tượng.

Hắn ôm lấy thân cây, siết lại, như ôm một người.

- Nếu ngày nào cái hy vọng cũng chỉ bằng ngày hôm qua, đến mừng một Tết còn nằm đây, thì sao ?

- Đừng bi quan thế. Trả lời đại úy là là để mình tính lại, cho biết - Giám bảo .

Dù mệt, buồn, và lo lắng, Giám vẫn nghe sự sung sướng len nhẹ trong da, chạy tỏa đi khắp người. Giám nghĩ đến những ngày vui sắp đến, đường phố rực rỡ , người chen bước ngược xuôi, ngựa xe. Những khối tiếng động ấy như lên, vang vang đâu đây, lẫn trong tiếng gió qua rừng cây. Những hình ảnh đẹp trên như lờn vờn muốn hiện ra trước mắt. Những chợ hoa, một bầu trời trong sáng, những bóng hồng lướt qua nhẹ thênh... Hãy tin rồi thế nào mình cũng được hưởng các giây phút đó. Nếu không may mắn thì ta đã bị đẩy vào nằm chung danh sách với đám bạn ngã ngựa hôm trước rồi. Lẽ nào nay còn vương phải rủi ro. Cứ tin chẳng còn điểm đen xấu nào quanh đây cả. Chốc lát nữa, hay trưa, hay chiều, trực thăng đến là xong, tất cả đều tốt đẹp.

Hộ nói :

- Tôi đang thấy một mâm hiện ra, đây này : nhiều đĩa thịt

cá, bánh mứt, đầy ngon, ngon lành, đây này... nhắm mắt là thấy ngay, có cả khối bốc lên từ các miếng thịt nữa, rõ quá... nhà nào cũng có ít ra là một mâm như thế Tưởng xa thêm chút nữa sẽ thấy...

- Thôi đi, đừng làm tôi nổi điên.

Cận từ hướng bộ chỉ huy chạy về, đến ngồi phịch xuống nắp hầm, thở dốc :

- mệt , muốn chết.mấy ngày đầu xuân cổ nhiên , mới tức đời chớ.

- Sao vậy, coi - Anh mang máy và Hộ hỏi. Cận nhắm mắt, ngược mặt lên trời thở một hồi lâu.,

- Chậm chân chút xíu là tao bị tóm rồi,. tao đánh liều sang bọn Mỹ kiểm, không ngờ gặp thứ chó lát... cha bọn mọi đồ đều cáng ...

- sao chửi mạnh vậy ?

- Chúng nó chịu đổi hai hộp thịt và hai gói cơm lấy cái biđông Việt cộng của tao. Nhưng khi lấy cái bi. đồng rồi nó chỉ đưa tao một gói cơm. Tao vừa đứng nói mấy tiếng, nói nhỏ, phân trần, chúng nó đã la ó lên, trở mặt, định vu tao ăn cắp... chạy muốn sút quần. bà nó... Cũng còn may, đại úy ông thấy được thì bỏ cha rồi.

- Gói cơm đâu ?

- Va vào gai, rách bao đồ tùm lum, quăng mẹ luôn rồi. .

- Phí công.

- Phí công thật - Cận ngồi thẳng dậy, lấy khăn chậm máu nơi mấy đường xước trên má, gai.Mặt hấn hầy còn, tái:

- Té một cái tướng quẹo xương lưng... vậy mà , bọn chúng ở sau còn chõ theo cười.

Giám nằm co lại, cho hai bàn tay kẹp vào giữa hai đùi. Anh truyền tin và Hộ cười khúc khích. Giám không cười nổi. Bỗng dưng Giám nghe trong người rã rời, tay chân mỏi, và có cái gì nghèn nghẹn ở cổ.

(*) *Thơ của Phạm cao Hoàng.*

(TB số 16)



văn nghệ :

HSU CHIH MO

Đi tìm một vì sao

Tôi cưỡi con ngựa què và đui.
Trong đêm tôi thúc ngựa bằng roi.
Trong đêm tôi thúc ngựa bằng roi,
Tôi cưỡi con ngựa què và đui.

Tôi chạy trong đêm dài tôi tắm đó
Đi tìm một vì sao.
Đi tìm một vì sao,
Tôi chạy trên cánh đồng mệnh mông, tôi đen
và hiu quạnh.

Một nhòai, một nhòai ngựa tôi cưỡi.
Vì sao chưa hiện ra.
Vì sao chưa hiện ra.
Người kỵ mã cũng một nhòai.

Lúc đó ánh sáng pha lê hiện ra trên trời.
Trên cánh đồng hiu quạnh con ngựa ngã xuống.
Trong đêm tôi âm u xác tôi nằm xuống.
Lúc đó ánh sáng pha lê hiện ra trên trời.

HSU CHIH MO

(Nguyễn đăng Thường dịch)

Mùa xuân

Bây giờ là mùa xuân.

Những cây đào ở Lunghua (1) đang trở hoa.

Chúng trở hoa trong những đêm đó,

Những đêm vầy máu đỏ,

Những đêm không sao đó,

Những đêm đầy gió đó.

Những đêm nghe tiếng góa phụ khóc nước nở đó.

Nhưng trái đất già nua này !

Giồng như con ác thú mỗi mòn và đói lá

Đang liềm máu những người trẻ tuổi,

Máu những người trẻ tuổi gan lì.

Sau những ngày mùa đông dài,

Sau những băng giá và tuyết,

Sau những đợi chờ dai dẳng và kiệt lực,

Những vết máu đó, những vết máu đó,

Trong một đêm huyền thoại,

Trong một đêm Á-đông đen tối,

(1) Bãi hành quyết ở Thượng-hải.

Người hỏi : Mùa xuân từ đâu tới ?
Xin thưa : Từ những ngôi mộ ngoài châu thành.

AI TS'ING

(Nguyễn đăng Thường dịch)



(*) Hsu Chih Mo (1895-1931) và Ai Ts'ing (1910-) là hai nhà thơ biệ
đại Trung-hoa.

THẾ VŨ

NHỮNG THƯ KHÔNG VIẾT ĐƯỢC

LTS: Thế Vũ có nhiều truyện đăng trên Trình Bày. Chúng tôi chọn đăng đoạn văn này không ngoài mục đích chứng minh về một thứ tình bất diệt mà chỉ có những người thật sự đánh giặc mới có thể cảm nhận và ghi khắc vào lòng. Đó là tình đồng đội. Dù ông viết bài này sau khi ông đào ngũ, và cái nhìn của ông về cuộc chiến là cái nhìn khuynh tả, nhưng không phải vì thế mà ông không đặt vào trái tim mình những bạn bè một thời sống chết như là ngòi vị thứ nhất. Không phải như Ngụy Ngữ, mang áo lính mà nguyên rửa hàng ngũ mình thậm tệ, xem họ như những “con thú tật nguyên”, gọi thương binh miền Nam là “bọn què quặt hết thời”. Vậy mà Ván Đẻ - tạp chí đăng truyện Ngụy Ngữ thường xuyên nhất lại chỉ một lần bị tịch thu trong tổng số 56 số...

Sau những ngày đầu tiên cố gắng du mình vào nhịp sống khá lạ lẫm của thành phố bởi những năm tháng trước đó mãi mê hì hục cầm súng, bên cạnh những khuôn mặt bạn bè thân thiết ngày xưa cũng vừa mới trở về, tôi bắt đầu nghĩ tới những lá thư mà mình dự tính viết cho những người ở xa.

Lá thư thứ nhất cho người bạn chiến binh còn trôi nổi ngoài chiến trường biên giới. Đó là người đã chia cho tôi những điều thuốc lá nghèo khó ngày tôi mới ra trình diện đơn vị, người đã hằng đêm nằm chung với tôi trong một căn lều dã chiến, đã từng dìu tôi trong những cơn say khướt mù ở hậu cứ, ở thị trấn dừng quân, đã an ủi tôi trong những cơn đau đón tủi nhục, và cuối cùng đã xót xa giúp tôi (..) thoát khỏi những vòng kẽm gai đồn binh một ngày cuối tháng Tám. Tôi muốn viết cho người bạn của tôi một lá thư, trong đó có thể tôi sẽ nhắc lại những lời cuối cùng mà người bạn đã buồn bã nói với tôi, có thể tôi sẽ chỉ nói cho người bạn biết rằng tôi vẫn bình yên, tôi đang tự do,

tôi đang sống sung sướng một cách khôn khổ và đơn độc, có thể tôi sẽ nói về những kỷ niệm hay những mơ ước cũng có thể, để kéo dài đủ một trang thư, tôi sẽ nói với người bạn về bao nhiêu điều khác. Nhưng sau một vài lần cố gắng, bởi những thôi thúc chân tình một cách kỳ quặc, tôi không thể viết được. Đầu tiên tôi nghĩ có thể người bạn không còn ở đơn vị nữa : chết, đào thoát hay thuyền chuyển về một chiến trường khác hoặc vào tù. Kể tôi, tôi nghĩ biết đâu người bạn không đau xót hơn khi được tin tôi, dù sao tìm thấy tự do một cách nào đó ở thành phố vẫn là một mơ ước lớn lao cho những kẻ còn cầm súng ngoài chiến trường trong cuộc chiến này. Sau cùng, ít ra trong hoàn cảnh này hay bạn tôi ở ngoài kia cũng có một người , mang vốc đất bi đát. Tôi khôn khổ và đơn độc đây hay người bạn đang bị câu thúc (..) ở ngoài kia đều là những hình ảnh bi đát khôn cùng dưới mắt kẻ khác. Sống bi đát, viết thư thăm hỏi một người bạn đang chịu đựng một cuộc sống không kém bi đát, lại nói về những điều chẳng vui gì hiện tại, quả thật là một việc làm quá sức buồn bã. Viết thư cho người khác là đi tìm một niềm vui khuất mờ ở đâu đó. Nhưng làm sao, tôi có thể tìm thấy niềm vui kia trong việc làm buồn bã của tôi.

Lá thư thứ hai tôi định viết cho một người lớn tuổi tôi quen biết trước khi vào lính. Ông ta là một người trí thức, tiến bộ, ít ra cũng đã nhiều lần ông ta tự nhận trước mặt tôi như vậy. Trước hết, tôi sẽ báo tin , cho ông ta biết tôi (..), đang sống một cách tạm yên ổn và vui sướng; trong tình cảnh hiện tại. Thêm vào đó, tôi sẽ cho ông ta biết tôi sẵn sàng làm việc trở lại với ông như ngày trước, nếu những kế hoạch làm việc mà ông đã hoạch định thời đó với tôi và những người khác còn được tiếp tục theo đuổi. Những việc làm mà chúng tôi đã từng theo đuổi đại khái có thể gọi là một nỗ lực cách mạng bản thân để chuẩn bị cho thời kỳ cách mạng toàn triệt sẽ tới cho đất nước. Nhưng khi cầm bút viết những dòng đầu tiên cho ông ta tôi mới nhớ tới những điều mà ông đã đề cập đến với tôi ngày đó, chính những điều này khi nhớ lại đã khiến tôi không thể tiếp tục

lá thư được nữa. Trước hết, cuộc cách mạng mà ông ta muốn có sẽ không chấp nhận những kẻ đào thoát. Thứ nữa hình như quan trọng hơn, quân đội như ông ta quan niệm, vừa là lực lượng nòng cốt vừa là đối tượng chính của một cuộc cách mạng như vậy. Nhớ tới những nguyên tắc đầu tiên đó, tôi vừa hiểu rằng chẳng những không còn là một người có thể đứng vào hàng ngũ lực lượng làm cách mạng” (nếu có) , tôi và những người lâm vào hoàn cảnh như tôi còn không phải là đối tượng nhắm tới để thực hiện một bộ mặt mới cho xã hội này. Nghĩa là, nói một cách khác, những kẻ đào thoát, bất kể vì một lý do nào (có cần thiết lắm không) , dưới chế độ này hay chế độ khác, dưới chính nghĩa này hay chính nghĩa khác (những yếu tố mờ hồ như vậy vẫn còn biết bao giá trị) vẫn là những kẻ bên lề, tệ hơn, những tên nguy hiểm đối với một xã hội & tiến bộ. Viết thư, ngoài việc đi tìm một niềm vui, còn là đi tìm một sự thông cảm. Trường hợp này, tôi vừa là một kẻ đang bị khai trừ, còn là một kẻ sẽ bị khai trừ, làm sao tôi có thể tìm thấy một niềm vui, làm sao tôi có thể tìm thấy một niềm thông cảm Từ đó, tôi nghĩ chỉ còn một cách duy nhất để sống hạnh phúc một cách chua xót, là quay về với đời sống tình cảm.

Tôi viết lá thư thứ ba để gửi cho một người tình cũ. Gởi thư cho một người tình cũ bởi vì tôi biết rằng thực khó mà mình có thể du nhập được vào cuộc sống trẻ trung của những người khác, lý do : chiến trận đã nhào nặn tôi thành một ông già hai mươi lăm tuổi. Sự thoải mái và niềm hy vọng tìm thấy, trong dự tính viết một lá thư cho người tình cũ cũng không giữ được lâu trong tôi, nó tan vỡ như sự sung sướng cần viết nhưng gặp phải một cây bút khô mực. Tôi phải nói gì trong lá thư đó, không lẽ bằng những điều thực cũ tôi đã viết cho nàng những năm trước, nhai lại một cách buồn bã và tàn nhẫn những kỷ niệm chúng tôi đã có với nhau, không lẽ tôi lại kể cho nàng nghe về những buồn vui chiến trường mà tôi đã trải qua, không lẽ tôi phải hỏi nàng có thể yêu tôi như ngày trước nữa không. Ngoài ra,

còn có điều gì để tôi nhắc tới

Những lá thư. Tôi loay hoay tìm cách nối một sự liên hệ với bên ngoài, loay hoay mãi ; tôi còn dự tính viết những lá thư khác, chẳng hạn cho một người bạn cũ còn trấn đóng một tiền đồn xa, cho những người bạn cũ mới xa gần khác ở rải rác đây đó trên bờ vực của cuộc chiến này, nhưng tôi đành kiệt lực. Tôi hụt hơi không bắt gặp cái chết nơi chiến trường ngoài kia, không bắt kịp sự sống ở nơi thành phố này, không tiếp tục sống khốn khổ và đơn độc được nữa. Chung quanh tôi mở ra những ngõ cụt, trên đầu tôi đâm xuống những chiếc gai thù hận. Những người như tôi dường như chỉ còn có một tuyệt lộ phải du mình vào nếu không muốn nạp mình cho tù ngục, đó là phóng mình ra ngoài quỹ đạo của sự đui mù.

(Thế Vũ)

(SG, 12/1971. Trình Bày số 34 18-12-1971)

Văn nghệ trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh

Thế Nguyên

LTS: Chúng tôi sưu tầm đánh máy lại bài tham luận này không ngoài mục đích là giúp bạn đọc có thêm một tài liệu văn học liên quan đến văn học miền Nam trước 1975 dưới cái nhìn của một tác giả được xem là khuynh tả, chống Mỹ cực đoan. Chúng tôi đã đề cập về vấn đề này trong số chủ đề về Sáng Tạo (Số 60).. Bài này đăng trên TB số 9 - số không bị tịch thu.

Trong những vụ tranh luận xảy ra gần đây về một số tạp chí văn nghệ đã nhận lãnh những khoản tài trợ của nhà nước hoặc của các cơ quan Hoa-kỳ, có một điều dường như không được nhấn mạnh đủ: ấy là đây không phải là việc những món tiền đã có sức cám dỗ một số nhà văn khiến họ đã bằng lòng từ bỏ sự tự do phán đoán và ngay thẳng trí thức của họ để chấp nhận ký tên vào những bài báo hoặc những cuốn sách mà nội dung đã bị kiểm duyệt và định hướng trước; đó cũng lại càng không phải là một cuộc tranh luận vớ vẩn có tính cách lý thuyết về một quan niệm văn chương (1), mà, nói cho rõ, là *vấn đề thiết lập một hệ thống giá trị độc đoán và giả tạo* để thay thế cho cái mà ta có thể gọi là thị trường chữ nghĩa tự do, nơi ý thức hệ được coi như không đáng kể bằng tài năng và thành quả cá nhân. Căn cứ vào cái hệ thống giá trị độc đoán và giả tạo này, các bài viết trong các tạp chí được trả tiền, những tác phẩm của nhà văn được xuất bản và được cổ vũ nồng nhiệt mà *không nhất thiết phải là vì giá trị nội tại của tác phẩm đó* – mặc dù giá trị ấy đôi khi cũng đáng kể -, *nhưng trước hết là vì sự thần phục về mặt chính trị của họ*. Ngược lại, cũng căn cứ vào cái hệ thống giá trị độc đoán và giả tạo đó, một chiến dịch bôi đen qui mô sẽ được đem xử dụng với sự hỗ trợ của chế độ kiểm duyệt và những điều luật báo chí rùng rú, nhằm ngăn chặn tiếng nói

của tất cả những nhà văn nào không được xem như có một lập trường chiến tranh lạnh “trúng cách” và “ngổ nghịch” không chịu thần phục hệ thống ấy.

Mối nguy hại lớn nhất do việc nhà nước hoặc các cơ quan Hoa-kỳ có liên hệ tới các hoạt động văn nghệ, như vậy, không phải ở chuyện tiền bạc đã làm hư hỏng đầu óc của một số người, mà là ở chỗ nó đã mưu mô sử dụng một cách lén lút một nhóm người như những “tay trong” để làm “ô uế” một thị trường tự do.

Một số cây bút trẻ đã bị cái hệ thống giá trị độc đoán và giả tạo đó khuất phục một cách bất chính mặc dù những người này không có một lý do nào để chấp nhận tất cả những phân tích mà cái hệ thống ấy đã đề ra, nhưng một phần vì họ lại không có lấy một căn bản nào để so sánh đối chiếu, phần khác, vì như đã nói, “ngổ nghịch” không chịu thần phục cái hệ thống ấy có nghĩa là sẽ phải đối diện với sự bôi đen qui mô. Do vậy, họ đã không sao cưỡng lại được cái cám dỗ vừa kiếm được tiền lại vừa đạt tới một thứ vinh quang khả nghi nào đó, để bằng lòng đứng vào hàng ngũ những kẻ đã chấp nhận từ bỏ sự tự do phán đoán và ngay thẳng trí thức ngay trong các bài viết của họ.

@ @ @

Tính chất giả tạo và độc đoán trên có thể nhận ra dễ dàng qua thái độ tráo trở, “xé cờ” của những tay thường xuyên là chủ bút của những tờ báo mà theo những tiết lộ gần đây, người ta được biết là đã nhận tiền.

Từ văn nghệ “tổ cộng” và được coi như là “phương tiện hành động”...

Hoàn cảnh của miền Nam Việt-nam vào những năm Năm Mươi sau Hiệp định Genève cho tới đầu năm 1962 (lúc bắt đầu có những toán thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên giải đất này và manh nha có những cuộc vận động phản kháng trong các hàng ngũ trí thức, tôn giáo) là một khoảng thời gian tương đối thanh bình, đời sống vật chất không đến nỗi khó khăn, cái gọi là Việt-cộng là kẻ vắng mặt chưa ai nhìn thấy, ngoại trừ ở một vài làng hẻo lánh xa xôi. Trong một

hoàn cảnh bình thường như vậy, chuyện Nhất-Linh cho xuất bản *Văn hóa ngày nay* với cái chủ trương “văn nghệ vượt không gian và thời gian”, việc *Thơ Say*, kịch thơ *Vân Muội* của Vũ hoàng Chương được in lại cùng với những tập thơ mới như *Rừng Phong*, *Hoa Đắng*, *Tâm tình người đẹp* dĩ nhiên đã không phải là một hiện tượng khó hiểu. Nhưng cùng trong hoàn cảnh ấy, bộ mặt của văn nghệ được tài trợ đã như thế nào?

Bộ mặt này trước hết nổi bật lên một điểm chống: *chống cộng*. Và đúng như Lý hoàng Phong – chủ nhiệm của tờ *Văn Nghệ*, một tờ báo cũng nhận tài trợ - đã nhận định:

“Phần lớn những tác phẩm đầu tay của Mai Thảo, Doãn quốc Sỹ, Võ Phiến... đều có một thái độ rõ rệt đối với con người và chế độ cộng sản. Ngoài ra Vũ khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn sỹ Tế, Thanh tâm Tuyền, Quách Thoại v.v... đều đã nói lên tiếng nói chống cộng của họ” (2).

Tuy nhiên vì người cộng sản lúc đó chưa có mặt tại miền Nam, ngoại trừ cái bộ mặt đã được Bộ trưởng Thông tin Trần chánh Thành tạo ra qua những buổi “học tập tổ cộng” hoặc qua những sách báo, hình ảnh phát không của Sở Thông tin Mỹ, mà tiếng nói ấy của những biên tập viên của tờ *Sáng Tạo* hoặc những tạp chí cùng loại được trợ cấp đã có vẻ bơ vơ, lạc lõng giữa thị trường chữ nghĩa tự do. Lý hoàng Phong nhìn nhận:

“Nhưng cách đây mấy năm, tiếng nói ấy có vẻ lạc lõng giữa một xã hội thái bình mà cộng sản là một kẻ vắng mặt không ai nhìn thấy” (3).

Ngoài cái bộ mặt “tổ cộng” một cách băng quơ như vậy, trên mặt những tờ báo được trợ cấp còn thấy hiện rõ một khuynh hướng khác: đó là việc tích cực đề cao chế độ lúc đó và nhiệt liệt cổ vũ, hô hào cách mạng.

Ở bài đầu tiên trong số ra mắt của tờ *Sáng Tạo*, Mai Thảo, người chủ trương biên tập báo này, đã say sưa viết:

“Saigon đã đứng vào vị trí. Đã nhận nhiệm vụ mình. Sau khi Hà-nội đã từ bỏ vị trí của Hà-nội. Lửa văn hóa vượt vĩ tuyến đã sáng lên ở đây, hôm nay. Sự tê liệt, sự hủy diệt, sự đổ ngã một nơi nào đây những sức sống trẻ mạnh về Saigon, hợp làm một với những sức sống trẻ mạnh sẵn có. Thành phố - hòn ngọc của Á châu – tinh hoa của đất nước

– đã chứa đựng cái sắc thái của một mảnh đất màu trên đó đua nở những cỏ hoa tươi tốt của một mùa văn hóa mà những thành tích, kết quả cụ thể đang được tìm lượm dần dần đang được sắp thành biểu đồ, hệ thống.” (4)

Và:

“Saigon đang mở hội vui. Người dự đến từ những học đường, những phòng thí nghiệm, những sở khảo cứu, những trung tâm phát minh, mang theo những chứng tích mới lạ của khoa học phục vụ cho con người và đất nước tự do dân chủ (...) cơ man nào là những đóng góp văn hóa. Trên những đường lối thênh thang sáng tỏ của dân tộc là những bàn tay dâng hiến những khay vàng. Ngày lại ngày, những hiến dâng này đóng góp những hiến dâng nọ. Ánh sáng văn hóa cháy đỏ thêm sau mỗi lần dâng hiến.” (5)

Vì coi sự thiết lập chế độ cộng hòa nhân vị của Tổng thống Diệm đã là một “hội vui”, đã là cả một cuộc cách mạng lật đổ chế độ cũ, để xây dựng một chế độ mới, nhắm mục đích cuối cùng là giải phóng con người Việt-nam khỏi nô lệ chính trị và kinh tế” (6); do đấy mà nghệ thuật cũng phải có bốn phận đảm nhiệm vai trò của nó trong công cuộc “cách mạng” này:

“Người làm nghệ thuật không thể bao giờ đóng vai trò một nhân chứng khách quan của một kẻ xem kịch, hấn đóng vai chính trong vở kịch lớn, hấn là một kẻ nhập cuộc, hấn có một thái độ, một trách vụ minh bạch, hấn không chỉ ghi chép, thu lượm cho một viện bảo tàng hậu thế những biến động lịch sử một thời. Nghệ thuật không còn là một hình thức diễn tả tiêu cực, nghệ thuật là một hành động tích cực trong cái ý nghĩa toàn vẹn, cách mạng nhất của danh từ, người làm nghệ thuật không viết lịch sử, hấn làm lịch sử và sống chết với nó.” (7)

Đó là một mệnh lệnh: “Ngoài nó và khác nó, tất cả đều là giả nguy, đội lốt. Ngoài nó và khác nó, tất cả đều hình thức tiêu sảo, tất cả đều là giấy bạc giả, tất cả đều là phiến diện, là danh từ. Nó là đời sống. Và bắt tử bắt diệt với đời sống.” (8)

Nhưng, “thế nào là nghệ thuật cách mạng? Và thế nào là vai trò người làm nghệ thuật cách mạng?” (9) Người chủ nhiệm tờ *Sáng Tạo* vạch rõ:

“Trên những trang lịch sử nhân loại đen tối, giòng nghệ thuật ý thức cách mạng hiện lên như một lịch sử đấu tranh quyết liệt, hơn một lần được nuôi dưỡng bằng máu huyết sinh mệnh những kẻ đại diện đã anh dũng ngã xuống trước tù đầy, bạo hành, đàn áp khủng bố, nhưng không vì thế mà nó diệt vong, nó vẫn còn đó như một thực thể trường tồn hiện hữu cùng đời sống, như đời sống. Nó chính là ánh sáng của đời sống đó, giữa những trào lưu nghệ thuật đón hèn mê muội, nó chính là tiếng nói đó, cái tiếng nói rục rờ của nghệ thuật mặt trời. Phản ánh đời sống linh động, uyển chuyển linh động như đời sống vậy. Sáng chói trong ý thức thiên tài cô đơn khi thời đại thấp kém không bắt kịp được ý thức mình (như trường hợp và thời đại Nguyễn-Du), rút lui xuống chiến hào để biến thành hình thái nghệ thuật bí mật, bất hợp pháp – *littérature clandestine* (như nghệ thuật Pháp dưới thời kỳ chiếm đóng của Đức quốc xã)- hoặc là ẩn mình thành một hành động đối kháng tiêu cực là sự im lặng khi xã hội hấp hối dưới một bao trùm toàn diện của bạo hành và khủng bố (như trường hợp các xã hội bên kia bức màn sắt) hoặc bị xuyên tạc, vu khống như một giòng nghệ thuật điên loạn, phản luân lý, phản đạo đức, tóm lại được tôn trọng, công nhận hay bị hất hủi xua đuổi (tùy nơi xã hội trực thuộc tiến bộ, cách mạng hay sa đọa hủ hóa, tùy nơi chế độ trực thuộc dân chủ tự do hay độc tài áp bức), hoặc tiềm tàng ẩn dấu, hoặc phơi mở lộ liễu, giòng nghệ thuật cách mạng vẫn tồn tại, cái khối mặt trời có thể bị sương mù che lấp, nhưng sương mù và bóng tối không bao giờ hủy diệt được cái khối mặt trời.” (10)

Đi xa hơn nữa, Mai Thảo coi nghệ thuật chỉ còn như là một “phương tiện hành động” mà thôi:

“Nghệ thuật hôm nay không mê muội, hèn dốt, sơ đẳng ấu trĩ nữa, nó cũng không siêu thoát, hoài cổ, tiền chiến, cá nhân, tình cảm, nó cũng không giải trí, thù tạc, chơi chữ, diễm tình, hình thức nữa, nghệ thuật hôm nay chính là hiện thân một ý thức bi phẫn đau đớn không còn im lặng nép chịu. Nó là phản ánh của một thế hệ đứng cầm đầu tranh đòi quyền chủ động đời sống, nghệ thuật hôm nay là một vận động cách mạng thường trực, nó bao hàm và biểu hiện cuộc chiến đấu của thân phận tự giải phóng, tự thực hiện,

nghệ thuật hôm nay là phương tiện hành động, phản kháng trước mọi khống chế, đàn áp của đời sống để thực hiện và giải phóng cho thể hệ, cho con người. Nghệ thuật hôm nay khôi phục lại vai trò cách mạng của nó giữa đời sống. Nó như vậy và chỉ có thể như vậy mà thôi.” (11)

Cái chủ trương coi văn nghệ là một “vận động cách mạng thường trực”, là “phương tiện hành động” nói trên của Mai Thảo đã được thể hiện bằng những sáng tác trên mặt báo *Sáng Tạo* ngay từ những số đầu, ngoại trừ một vài cây bút như Vũ-hoàng-Chương, Đinh-Hùng, Nguyễn-Sa lạc lõng ở đó với dòng thơ lãng mạn tình ái. Thanh-tâm-Tuyền, nhà thơ được tuyên xưng nhất trên tờ tạp chí này đã là một thi sĩ cách mạng “nặng”:

*Tôi còn muốn sống còn muốn sống
Nhìn lũ đao phủ thành ma chơi
Tôi còn muốn sống còn muốn sống
Thực hiện rừng danh từ của chúng tôi
Phải kể cách mạng hòa bình giải phóng
Và anh em nhân loại đời đời* (12)

Ông kêu gọi trong tập thơ *Tôi không còn cô độc* được tạp chí *Sáng Tạo* phát hành cùng trong thời gian ấy:

*Mỗi lần hoàng hôn tôi chỉ là người văn nghệ bé nhỏ
hoặc tôi cảm mồm hoặc tôi thét la
mặc chúng dụ dỗ mặc chúng dọa nạt
chúng sợ cách mạng vô cùng
(...)*

*mỗi lần hoàng hôn tôi đốt lửa người tôi tới trước
và các bạn tôi
nghĩa là điệp điệp trùng trùng
có ngã xuống còn kịp nói với nhau
chúng mình chết tự do quá chừng* (13)

Ông thúc giục:

*Chân dậm chặt đường
kéo về khắp ngã
phá cho tan hoang
nổ tung căm phẫn
chưa biết chị là ai
đau như đạn xuyên giữa ngực mình
chị trúng thương rồi chị trúng thương rồi*

*đây chúng tôi
hò reo mà ghê khiếp
địch rúu không chạy kịp
ta thoi vào mặt ngã sóng xoài
ngã xuống ngã xuống
những người làm bán tuổi hai mươi (14)*

Tuy nhiên, cái chủ trương “văn nghệ cách mạng” kể trên lại không phải là của riêng của tờ *Sáng Tạo* mà hầu như đã là một chủ trương chung của tất cả các tờ báo khác cũng sống nhờ vào những khoản tiền trợ cấp lúc đó. Bởi vì, chính nhà nước ở vào thời kỳ này cũng đang tự nhận là một “chế độ cách mạng”, như ta thấy trong bài diễn văn của T. T. Diệm đọc trong lễ Kỷ niệm Đệ lục thập chu niên trường Quốc-học Huế ngày 26-12-1956:

“Chúng ta phản đối mọi chính sách bạo tàn và nuôi dưỡng một lý tưởng: thực hiện cuộc Cách mạng Nhân vị” (15) .

Hoặc trong bản Hiệu triệu Quốc dân nhân dịp kỷ niệm ba năm chấp chánh của T.T. Diệm (7-7-1957):

“Đồng bào cũng cần thấu hiểu rằng đây là cả một cuộc thay đổi chế độ, một cuộc cách mạng, không phải một cuộc đấu tranh thông thường, đơn giản. Một cuộc cách mạng, cho dầu được thực hiện theo phương pháp hòa bình, cũng đòi hỏi đấu tranh bền bỉ và gian khổ. Đó là quy luật chung của tất cả mọi cuộc đấu tranh cách mạng.” (16)

Vì thế, trên tờ *Văn Nghệ*, một tờ tạp chí khác cũng nhận tài trợ, Lý hoàng Phong – chủ nhiệm báo này – sau khi nhận định rằng “thực tại hôm nay là cách mạng đang tiếp diễn” (17) , đã lên tiếng chống lại cái quan niệm văn chương “vượt không gian và thời gian” mà Nhất Linh đang cổ võ – và đó hầu như cũng là khuynh hướng chung của các nhà văn độc lập ở vào giai đoạn này. Lý hoàng Phong viết:

“Đứng trước thực tại hôm nay, tiếng nói của văn nghệ vẫn là tiếng nói đòi hỏi tự do, đòi hỏi cách mạng, đòi hỏi gia nhập, đòi hỏi tham dự vào giòng sống của dân tộc, đòi hỏi thoát ly ra ngoài vòng bế tắc của một xã hội mới, một đời sống mới.” (18)

Quan niệm trên của Lý hoàng Phong đã được các cây bút khác của tờ *Văn Nghệ* lập đi lập lại. Viên Linh, một biên tập viên của tờ báo này, viết với một giọng quyết liệt

khẳng định hơn:

“Một thể xác không tham gia (...) - thể hiện trên phạm vi văn học nghệ thuật – sẽ tạo nên một nền văn học nghệ thuật lơ lửng, quy ước là vượt không gian và thời gian, nghèo nàn lạc hậu dã man, một hình thức của sự thụt lùi tại Việt-nam. Một thứ giặc mà ta phải đánh cho rụi, cho nó ngóc đầu lên không được nữa. Chính những tâm thức ấy sẽ đưa văn học nghệ thuật vào con đường đê tiện, thấp kém, cố chấp, bảo thủ, kém mở mang, phản tiến hóa, khiêu dâm trụy lạc, bùng bít xã hội, che dấu ung nhọt, tự chích, tự phá và tự hủy. Đây là con đường mù tối, lẻ loi dẫn tới những vùng mơ mộng ảo tưởng, hướng thượng lên cao trên đó để nhìn xuống xã hội nhân sinh dưới này. Vùng mơ mộng ảo tưởng, ấy là vùng của quan niệm, của cõi chết.” (19)

Rồi như để đáp lại cái khẩu hiệu “*3 chống: chậm tiến, chia rẽ và cộng sản*” đang được bộ máy tuyên truyền của nhà nước cổ vũ lúc này, người viết trên cam kết:

“Hành động tham chiến với thực tại khản trương, hành động tham chiến với văn học chậm tiến, chia rẽ, hành động tham chiến với cộng sản lũng đoạn là hành động tham chiến của anh em bạn bè chúng tôi.” (20)

Một cây bút khác của tờ *Văn Nghệ*, Phan Nguyên (tức Dương Nghiễm Mậu), cũng cùng trong số báo đó, đã lập lại cùng những ý tưởng như vậy. Ông cũng chống thứ văn chương muôn thuở:

“Tư tưởng vượt không gian và thời gian được đề ra càng làm tôi khó chịu. Chắc họ tưởng rằng cái thời gian họ đã trải qua sẽ còn mãi, thật họ đã lầm lớn, ngay trong giòng văn nghệ này, những cái có trước thì rõ là phản ánh một phần thời đại của nó và cũng chỉ có giá trị ở đó, còn những cái có sau thì tôi thấy nó không bắt được giòng thời đại, mà nó lùi trở về thời đại cũ, nói là lùi thời gian và không gian chứ không phải là vượt. Sao họ không hiểu rằng: vượt hay không vượt đâu phải chỉ là tiêu chuẩn, nó chỉ là mục đích ước muốn của người cầm bút mong ở tác phẩm của mình còn trường tồn. Và lại có một tác phẩm lớn nào không bắt từ một thực tại đời sống, một vùng cá tính đất đai, giòng giống.” (21)

Ông cũng nhắc tới hoàn cảnh, tới thực tại: “Hoàn cảnh

chúng ta hiện nay khác hẳn bất cứ thời đại nào. Bất cứ vấn đề gì cũng phải là những vấn đề của thời đại, của đời sống, của con người.” (22) Ông cũng đòi văn nghệ phải có trách vụ với đời sống: “Sự sống còn của bản thân, của dân tộc gắn liền với sự sống còn của văn học nghệ thuật, như thế thì văn nghệ không còn là một thứ phù phiếm, xa lìa thực tại mà tự nó phải phản ánh thực tại với ý thức cách mạng.” (23)

Ông cũng bất bình với cái thứ văn chương “rong chơi”, “bốc đồng”: “Nhiệm vụ của văn nghệ quá lớn lao, không thể nói bốc đồng, vô trách nhiệm khi trình bày một điều gì ra với xã hội.” (24)

Và sau hết, cũng giống như Viên Linh, người viết này cũng bày tỏ sự cam kết và nói lên lòng cảm tạ, biết ơn của mình vì “đời đã cho mình quá nhiều mà chưa trả được chút chi”:

“Tôi không làm cho có, tôi không muốn im lặng vô trách nhiệm, tôi giữ cây bút trên tay cùng mọi người góp sức giữa thời đại, đó là ý muốn dâng hiến mình cùng bạn bè, cùng dân tộc và xứ sở để bảo vệ sự sống còn trước đe dọa... làm bằng chứng cho thời đại tiến về tương lai.

“Những ý nghĩ cuối năm này viết ra không riêng cho chính tôi, tôi còn muốn được gửi đến người cùng thời. Sau nữa để tạ ơn quá khứ và hiện tại: tạ ơn đời đã cho mình quá nhiều mà chưa trả được chút chi.” (25)

Đến cái thứ văn chương “tinh khiết”, “không làm ai sống, không làm ai chết”.

Từ cuối năm 1962, hoàn cảnh miền Nam Việt-nam bắt đầu có những biến chuyển lớn: sự thay đổi vai trò của người Mỹ, Việt-cộng trở nên là một thực tại đáng kể, cái chế độ tự nhận là “cách mạng nhân vị” càng ngày càng lộ ra cái thực chất độc đoán và phong kiến của nó, các cuộc vận động trong những hàng ngũ tôn giáo, trí thức, quân đội nhằm lật đổ chế độ độc tài mỗi lúc một thêm ráo riết. Trong một khung cảnh quay cuồng như vậy, vấn đề của nhà cai trị chỉ còn là làm thế nào để ổn định được tình thế

mà thôi. Từ sau năm 1962, không bao giờ người ta thấy T.T. Diệm nhắc tới hai chữ cách mạng nữa, mà ngược lại bỏ tù tất cả những ai nhắc tới hai chữ này. Vai trò của những nhà “cấp tiến được nuôi trong cũi” (26) vì vậy cũng không còn cần thiết nữa. Các tạp chí *Sáng Tạo*, *Thế kỷ 20*, *Văn Nghệ*... lần lượt bị “cúp” tài trợ. Và rồi bởi vì sự có mặt của những tờ báo này hoàn toàn là chỉ nhờ ở chất “dưỡng khí hóa học” kia, độc giả không có, nên tất cả đã phải đình bản. Và rồi cũng từ đó, những nhà văn nhà thơ có những chủ trương cách mạng triệt để như ta thấy ở trên, dường như cũng bị lây với sự im lặng của nhà nước, cũng không muốn nói đến hai chữ cách mạng nữa. Trong khi ấy, thì một hiện tượng trái ngược đã xảy ra: những nhà văn nhà thơ độc lập từ trước thường vẫn ít băn khoăn tới những vấn đề chính trị, thời cuộc, đột nhiên lúc này lại nhất tề tham dự vào việc đánh đổ độc tài. Nhất-Linh thực sự đã “vượt không gian và thời gian” bằng chính thân xác của ông. Phần lớn những nhà văn trẻ khác thường vẫn chỉ mơ mộng với dòng thơ lãng mạn, tình ái đều đã ít nhiều đối diện với cái hệ thống công an mật vụ của chế độ độc tài trong buổi hoàng hôn của nó. Đồ ai thấy trong những trại giam này, trong những phòng thẩm vấn nọ khuôn mặt nào của những vị “lãnh tụ văn nghệ” thường vẫn huênh hoang tự nhận “là cách mạng thường trực” trước kia.

Biến cố 1-11-1963 chấm dứt một chế độ độc tài và thư lại, nhưng miền Nam Việt-nam lại bắt đầu bước vào những xáo trộn liên tiếp. Chiến tranh trở nên khốc liệt hơn cùng với năm tháng. Con số lính Mỹ tăng dần theo một nhịp ô ạt. Đài phát thanh hằng ngày phát đi những lệnh động viên tập thể. Người chết mỗi lúc một nhiều. Hiện tượng gái bán bar, làm đĩ trở nên là một hiện tượng phổ biến. Thực tế xã hội đó đã quất vào mặt người làm văn nghệ những lần roi rướm máu. Nó cụ thể, nó lồ lộ. Nó không chỉ phải là cái bộ mặt giả dối mà một bộ máy tuyên truyền nào đó đã dựng lên. Phải chấm dứt cái cảnh chém giết thê thảm đó. Dân tộc ta có tội tình gì mà phải hứng chịu những thảm khốc lớn lao như vậy. Hầu hết những người viết độc lập lúc này, không phân biệt tuổi tác và mặc dù những khác biệt của mỗi một quan niệm văn chương, đều đã nghĩ như vậy. Ý

tường đó đã in đậm dấu vết trong thơ văn họ và họ đã chính thức khởi sự một nền *văn học của những tình thế cực đoan*.

Tới đây, một vụ tráo trở, “xé cờ” hết sức hi hữu đã xảy ra: các tay làm báo trợ cấp chuyên nghiệp dưới thời T.T. Diệm lại tiếp tục cuộc chơi của họ trên những bảng hiệu mới, những lần này với những chủ trương mới: *khẩu hiệu của họ bây giờ không còn phải là “văn nghệ cách mạng”, “văn nghệ là phương tiện hành động”, “văn nghệ là tham gia chống 3 thứ giặc: chậm tiến, chia rẽ và cộng sản” như ở dưới thời ông Diệm nữa* (lúc con số cổ văn Mỹ mới có dăm bảy trăm người, phở 5 đồng một tô, 2 giờ đêm còn có thể nhảy lên xe đò về Lục tỉnh) *mà là “hành động tinh khiết hóa ngôn từ”, là “chữ không làm cho ai sống, không làm cho ai chết”, v.v...*

Ngay từ số 1, tờ *Vấn Đề* (do ông Vũ khắc Khoan chủ biên và ông Thanh tâm Tuyên rồi sau đó là ông Mai Thảo làm thư ký tòa soạn, quy tụ hầu hết những người viết ở *Sáng Tạo* cũ) đã đề lộ ra sự quay hướng mới mẻ này. Trong bài *Khôi phục văn chương và giác ngộ phê bình* (27) ông Nguyễn sĩ Tế đã đi từ nhận định khởi đầu:

“Đã từ lâu, người ta phải nhận định rằng văn học của thế kỷ này là thứ văn học nặng tính cách siêu hình và chính trị.” (28)

Để sau đó hô hào thay đổi:

“Phải khôi phục lại cái phạm trù đặc thù của văn chương, phải thanh lọc phê bình, để cho hai khoa đó vượt lên trên những đam mê, những sôi động hẹp hòi và nhất thời, nhiên hậu dẫu dặt nhau mà tiến lên.” (29)

Thanh tâm Tuyên dưới bút hiệu Du thanh Thảo (30) đã lên tiếng chê trách nặng một số đồng các thi sĩ đang làm thơ tỏ cáo, lên án chiến tranh “bằng những lời phẫn nộ đau thương.” Theo Thanh tâm Tuyên “hành động thi ca trước tiên là một hành động tinh khiết hóa ngôn từ, không có hành động ấy thi ca đã tự phản bội.” (Đại khái có thể hiểu là nói tới chiến tranh mà nói tới máu me, xương cốt là thô tục. Thơ chiến tranh của Vũ hoàng Chương, Nguyên Sa, Thế Phong, Du tử Lê, Ngô Kha, Thế Viên, Tuệ Mai, Trần dạ Từ, Nguyễn quốc Thái, Mai trung Tĩnh, Nguyễn tường

Giang, Trần Tuấn Kiệt và nhiều người khác nữa, như vậy, đều thô tục cả những câu thơ của Đỗ Phủ như: “Quân bất kiến: Thanh-hải đầu, cổ lai bạch cốt vô nhân thâu. Tân quý phiến oan cừu quỷ khốc. Thiên âm vũ thấp thanh thu thu...” (31) Phải như ông, Thanh tâm Tuyền, phải gọi ánh sáng hóa châu là “mặt trời hóa học”, hay nếu thích, thì “đêm màu hồng.” Thơ chiến tranh phải làm cho tinh khiết, đọc lên thấy vui, tiếng súng có thể nghe ra là tiếng mở nút sãmbanh, và khách xem có thể hài lòng thấy cuộc vui tiếp tục). Để hỗ trợ cho cái quan niệm trên của ông Thanh tâm Tuyền, trong các số *Vấn Đề* 3 (tháng 6-1967), 8 (tháng 11-1967) v.v... những quan niệm về Thẩm mỹ của Plato đã được đem ra khai thác triệt để. Trong một bài báo nhan đề *Văn chương tìm về viễn mơ hay hiện thực?* đăng trong số 7, tháng 10-67, một biên tập viên của tờ *Vấn Đề* sau khi đã nhắc tới cái khuynh hướng chung của văn nghệ hiện tại là “đã mang gió bụi chiến tranh vào văn chương” (tr. 114), cây bút này viết tiếp:

“Còn một giòng văn nghệ cũ kỹ xa xưa nhưng đúng là giòng văn nghệ chính thống vẫn âm thầm luân lưu trong lòng người. Bởi nó im lặng không có những tiểu xảo gây dư luận rầm rộ nên đã thẩm thấu qua tấm màn lọc của thời gian. Bởi nó đặt tiêu chuẩn là thiên trọng nghệ thuật hơn hết nên con đường nó đi là con đường về nơi vĩnh cửu. Nó nối tiếp con đường đã xưa, con đường của nghệ thuật vị nghệ thuật, nhưng nối tiếp là kéo dài trong sự sáng tạo chứ không phải lãng vãng trên con đường mòn. Nó đánh bật tất cả những ảnh hưởng của triều lưu nhất thời, đẩy cá tính độc đáo “như con cá thu về đầm mình trong vùng biển cũ” (Mai Thảo, trong sách “Căn nhà vùng nước mặn” tr. 117).” Người viết đó khẳng định:

“Cho nên văn chương đích thực là viễn mơ, là hành trình từ hữu hạn hướng về vô hạn (...). Gọi văn nghệ chính thống là văn nghệ của viễn mơ, nghĩa là không bao giờ quay về thực tế, trong khi vùng trời tưởng nhớ không thể đạt tới, luôn luôn khép cửa đợi chờ, nghìn năm xa cách... Sự kiện văn nghệ gần đây và mới qua đã diễn tiến như vậy, nghĩa là đi trên đường của trần gian hướng về Vĩnh cửu, Vĩnh cửu, nơi lòng người hằng lưu giữ chung tình cái Đẹp

của nghệ thuật (tr. 121).

Đã có sự chuyển hướng trên phương diện lý thuyết thì ắt hẳn cũng phải có những giải thích mới cho những sáng tác đã được viết ra. Bây giờ, không còn cái gì có thể gọi được là “vận động cách mạng thường trực”, là “phương tiện hoạt động” nữa, mà là “quay lưng lại hiện tại, ngắm nhìn dĩ vãng”:

“Người ta thường bảo thế giới của Proust là thế giới của im lặng và bóng tối. Thế giới của Mai Thảo là thế giới của hoài niệm. Mai Thảo quay lưng lại hiện tại, ngắm nhìn dĩ vãng. Không có thế giới khách quan. Chỉ có tâm hồn của riêng Mai Thảo, tràn ra trên giấy. Dù là truyện dài, dù là truyện ngắn, dù là tùy bút ở đâu cũng chỉ gặp cái “tôi” của Mai Thảo.” (32)

Quan niệm mới mẻ đó sẽ phải được mọi người lần lượt tái xác nhận. Viên Linh, nhà thi sĩ của “3 chống: chống chậm tiến, chống chia rẽ và chống cộng sản” dưới thời Đế Nhất Cộng hòa, đã long trọng tái xác nhận:

“Làm thơ sung sướng vô ngần. Nhưng một người làm thơ thường mất cái sung sướng đó, về sau. Thi ca rời xa cuộc đời hoài hoài, vì cuộc đời đòi hỏi tham lam quá. Đòi thơ phải có sứ mệnh. Mà thơ chỉ là mơ tưởng, ở ngoài Lịch sử. Thơ chẳng có sứ mệnh gì ráo. Thơ là kẻ phi công dân, vô chính phủ, thầy pháp, kẻ tiên tri, nhà độc tài.” (33)

Thanh tâm Tuyên, thi sĩ cách mạng “nặng” của những *Ôi anh em Cộng hòa, Trưởng thành, Phiên khúc 20, Bằng hữu, Tù binh, Bài thơ chữ số, Thành phố...* (34) cũng lại tái xác nhận:

“Những chữ và những chữ. Quá thừa thãi. Những chữ không làm cho ai sống, không làm cho ai chết. Như con chim mọc từ ngực áo đập cánh, như lưỡi dao cạo nhai ngấu nghiền, như cục lửa nuốt vào thối ra...” (35)

Ông mặt sát những kẻ nhắc tới chiến tranh, sự chết chóc do bom đạn là “đám ruồi bọ lúc nhúc trên những thân thối rữa.” (36)

Rất lạ, là ông cũng tố cáo tính chất độc đoán và giả tạo của chiến tranh lạnh:

“Những ý (những chữ của những ý) được sản xuất, đóng hộp cung ứng cho một thị trường tiêu thụ mỗi ngày mỗi

mở rộng. Đủ loại, đủ nhãn. Ý đã trở thành một nhu cầu như L.S.D., Marijuana. Bán công khai ở supermarket, bán lén lút công khai ở chợ trời. Các đại lý, các courtier, bọn gian nhân có môn bài hay lậu thuế đầy rẫy. (...) Hãy nuốt đờ, anh sẽ thấy. Và anh sẽ thấy sự độc địa của bọn thương nhân.” (37)

Tuy nhiên, nếu ở một mặt, ông bảo cho mọi người biết rằng chữ là vô ích, “không làm cho ai sống, không làm cho ai chết”, thì ở một mặt khác, ông lại chỉ rõ cho mọi người thấy rằng *có chỗ, chữ làm chết thẳng viết*:

“Bây giờ những nhà văn, những nhà trí thức Tiệp ấy đều có tên trong sổ đen và bị truy lùng. Thủ tướng Tiệp đã khuyến nhủ những người ấy nên rời khỏi nước. Nga-sô quyết tiêu diệt bằng được những “phản tử phản động.” Cuộc truy sát này có nhiều tác dụng: đầu tiên gần gũi nhất là diệt các mầm mống nguy hiểm cho bá quyền Sô-viết, xa hơn nữa sự xô chạy phân tán các phản tử trí thức sẽ làm suy nhược xã hội Tiệp – phản tử cần thiết trong cuộc tiến hóa của thể giới ngày nay – để dễ bề thống trị và đồng thời làm bại hoại luôn tinh thần của cá nhân không còn gốc rễ bám víu.” (38)

Thế là nghĩa làm sao? Càng nghĩ tôi càng thấy cái sự chống lại cái tính chất giả tạo và độc đoán của chiến tranh lạnh của ông Thanh tâm Tuyên là đúng. Tuy nhiên tất cả những điều đó khiến ta hiểu rằng, giữa lúc có nhiều phong trào tranh đấu như hiện nay, nhà nước đang cần có một sự ổn định và đang cố công cổ vũ tinh thần “thượng tôn luật pháp” nơi mỗi người dân.

@ @ @

Như đã xác định rõ ngay từ đầu bài này, rằng đây không phải là việc có một số nhà văn đã nhận tiền, càng không phải là một cuộc tranh luận có tính cách vớ vẩn về một quan niệm văn chương, mà là vấn đề mưu toan xử dụng tiền bạc để *thiết lập một hệ thống giá trị độc đoán và giả tạo* “làm khó” cho một thị trường chữ nghĩa tự do, nơi ý thức hệ được coi như không đáng kể bằng tài năng và thành quả cá nhân.

Ở trên, chúng ta đã nhìn thấy sự gian dối và độc đoán của hệ thống đó: nó bắt chúng ta phải làm cách mạng giữa lúc chúng ta khoan khoái muốn bay bổng vào vùng phiêu lãng, nhưng rồi nó lại buộc chúng ta phải viễn mơ, vụ hình thức mà nó gọi là “kỹ thuật cao”, để chúng ta quên đi cái sự thực “chó má” hiện nay. Nó giáo điều, ra đề hạn vận, buộc chúng ta phải tuân theo tùy từng giai đoạn để phục vụ cho mục tiêu chính trị của nó nhưng lại nhân danh nghệ thuật, tự do. Thơ văn cách mạng đòi hỏi một nội dung cụ thể. Nó hào hùng, khí phách không thể vì men say của các phòng trà, nhưng chính là vì nó phải mang tất cả cái nghị lực của một người ra để bẻ gãy cái vòng Ác nghiệp, để xác định lại nhân tính của con người, cho họ, cho chúng ta và cho cả những đao phủ của họ nữa. Thật dễ hiểu vì sao cái chủ trương “văn nghệ vận động cách mạng thường trực” của những *Sáng Tạo*, *Văn Nghệ*, ... dưới thời ông Diệm lại chỉ có thể sản sinh ra được một thứ văn chương đầy những sáo ngữ, huênh hoang nhưng rỗng tuếch, còn tồi tệ hơn cả thứ văn chương biền ngẫu ngày xưa.

Không ai có thể chê trách một nhà văn vì đã có một thái độ chống Cộng dứt khoát. *Mỗi người đều có quyền lựa chọn một thái độ chính trị cho mình.* Cũng không ai nỡ chê trách những người như ông Nguyễn mạnh Côn, đã thẳng thắn xác nhận những khoản tiền mà mỗi bài văn được lãnh. Ngược lại, trong trường hợp của Nguyên Sa, người chủ nhiệm tờ *Hiện Đại* cũng đã nhận tiền để ra chín số báo, nhưng liền ngay đó ông đã ý thức được những “lông lá mọc từ đồng tiền đen tối”. Ông đã chấm dứt trò chơi này và đã thẳng thắn nói lên chuyện đó. (39) chính vì vậy mà ông đã được ngay cả những người trước đó vẫn thường xuyên công kích ông yêu mến. (40)

Tuy nhiên, không ai có thể chấp nhận được những kẻ cố tình ăn gian. Anh chụp mũ người khác là tuyên truyền trong khi chính anh lại chỉ là một bộ phận của một hệ thống chiến tranh lạnh. Một mặt anh hô hào mọi người phải “viễn mơ”, phải tinh khiết, nhưng lại hướng dẫn chính trị dư luận ở một mặt kia. Tôi không khoái những trò bịp như thế, mà vì vậy, tôi lên tiếng.

THẾ NGUYỄN

(1) Thật đáng ngạc nhiên khi những tờ báo như *Vấn Đề, Khởi Hành*, ... lại cứ khẳng khăng hiểu sai mục tiêu của những cuộc tranh luận đó và chỉ nhất định xem như là một cuộc tranh luận giữa hai quan niệm văn chương viển vông và dần thân mà thôi.

(2) Lý hoàng Phong, “Đứng trước thực tại”, *Văn Nghệ*, số 9-10, tháng 11-1961, tr. 7.

(3) Lý hoàng Phong, bđd.

(4) Mai Thảo, “Saigon thủ đô văn hóa Việt-nam”, *Sáng Tạo*, số 1, tháng 10-1956, tr. 2.

(5) Mai Thảo, bđd.

(6) Hiệu triệu của T. T. Diệm 7-7-1957 *Con đường chính nghĩa: Độc Lập, Dân Chủ*, quyển 3, Bộ Thông tin và Thanh niên xuất bản, 1957, tr. 136.

(7) Mai Thảo, “Nghệ thuật, sự báo động khẩn thiết và thường trực của ý thức”, *Sáng Tạo*, bộ mới, số 7, tháng 9-1961, tr. 3.

(8) Bđd, tr. 9.

(9) Bđd, tr. 5.

(11) Bđd, tr. 15.

(13) Thanh tâm Tuyền, “Trưởng thành”, *Tôi không còn cô độc*, Người Việt xb, 1956, tr. 19.

(14) Thanh Tâm Tuyền, “Phiên khúc 20”, sđd, tr. 21.

(15) Trong *Con đường chính nghĩa: Độc lập, Dân chủ*, sđd, tr. 123.

(16) Sđd, tr. 138.

(17) Lý hoàng Phong, “Đứng trước thực tại”, *Văn Nghệ*, số 9-10, tháng 11-1961, tr. 3.

(18) Bài đã dẫn, tr. 9

(19) Viên Linh, “Nguyễn gia Thiệu một đêm tỉnh dậy”, *Văn Nghệ*, số 9-10, tháng 11-1961, tr. 61.

(20) Viên Linh, bđd, tr. 67.

(21) Phan Nguyên, “Ý nghĩ cuối năm”, *Văn Nghệ* số 9-10, tháng 11-1961, tr. 99.

(22) Phan Nguyên, bđd, tr. 100.

(23) Bđd, tr. 100

(25) Bđd, tr. 102.

(26) Trong tập truyện ngắn nhan đề Con Voi của Slawomir Mrozek mà Diễm Châu đã đưa ra giới thiệu với độc giả V.N., nhà văn Ba-lan nói trên có kể một câu chuyện có thể tóm tắt như sau: Nhân ngày sinh nhật của một ông luật sư, tác giả (thực ra chỉ là một nhân vật xưng ngôi thứ nhất ở trong truyện) được gia đình này mời tới nhà dự tiệc. Trong một phòng khách của nhà ông luật sư, tác giả thấy có cái cũi, bên trong có một người đàn ông. Trong khi mọi người ăn uống cười đùa, đột nhiên tác giả nghe có tiếng hát của người trong cũi “cùng với tiếng hòa theo nhẹ nhẹ của cây đàn balalaika trôi lên điệu hát du dương luyến tiếc của bài “Volga, Volga...” Mọi người tiếp nhận bài ca một cách hoàn toàn rững rưng, làm như thể đó chỉ là tiếng hát của một con chim yến.” Theo lời giới thiệu của gia chủ thì đó là một tay cấp tiến thuộc giống trong xứ, trước kia hung dữ lắm nhưng nay đã thuần thực, ông nuôi trong nhà để giải trí, thay thế cho những loài chim yến hoặc những thứ tương tự mà vợ ông không vắng lòng vì cho là “thường quá”. Ông luật sư nói thêm: “chúng tôi đã tập cho hắn ăn tự tay chúng tôi – như ông thấy đó. Chúng tôi thả hắn ra trong các dịp lễ Quốc Khánh và kỷ niệm Cách mạng cho hắn duỗi chân duỗi tay một chút. Nhưng hắn bao giờ cũng trở lại.

Trong lúc vị luật sư đang nói thì nhân vật là đề tài câu chuyện đột nhiên đưa mắt ngó quanh. “Cái trán của anh ta hằn sâu xuống.” Dưới cái nhìn trừng trừng của anh ta mọi hoạt động quan bàn tiệc ngừng lại. “Người đàn ông ấy, mắt nhìn thẳng vào bàn tiệc, nắm lấy cây đàn balalaika, cất tiếng hát: “Thẳng tới chương ngại vật, anh em công nhân tiến lên...”

(27) Vấn Đề, số 1, tháng 4-1967

(28) Bđd, tr. 55

(29) Bđd, tr. 62.

(30) Vấn Đề, số 4, bài “Chiến tranh như một định mệnh”, tr. 124.

(31) Đỗ Phủ, Bình xa hành.

(32) Phan lạc Phúc, “Nhìn Mai Thảo qua “Căn nhà vùng nước mặn”. Vấn Đề số 2, tháng 5-1967, tr. 65.

(34) Trong Tôi không còn cô độc, sđd.

- (35) “Âm bản”, *Khởi Hành*, số 74, 8-10-70, tr. 12.
- (36) Bđd.
- (37) “Âm bản”, *Khởi Hành*, số 75, 15-210-70, tr. 12.
- (38) Thanh tâm Tuyền, “Trí thức và quê hương”. *Tạp Ghi*, Chiêu Dương xb, 1970, tr. 11-12.
- (39) Trên tờ *Tiếng Nói* số 1, (tháng 4-1996) và trên *Đất Nước* số 17 (tháng 1-1970).
- (40) Thế Phong, trong “Lửa”, đăng trên tuần báo *Đời*, số 59, 19/26-11-1970, tr. 33.

(Trình Bày số 9)

Góp phần luận về Văn chương Viễn mơ

TRẦN VĂN NAM

LTS: Dừng bài viết trái ngược với chủ trương, Trình bày đã gián tiếp giải thích tại sao họ lại tự đình bản.

“chúng tôi cảm thấy không thể nào chấp nhận được bất cứ một ý định nào nhằm buộc văn chương phải lấy việc phục vụ cái Đẹp” làm bốn phận duy nhất. Chính vì lý do đó, mà sau số báo này, tờ Trình Bày sẽ đình bản.”

(Xin xem phần ghi chú của Trình bày ở phần cuối)

Lời yêu cầu kính gửi Ô. Thế Nguyên: Mặc dù trong giai đoạn hiện tại khuynh hướng của Tạp chí “Trình Bày” là hiện thực và dần thân, nhưng Ông đã từng xác nhận là có thể chấp nhận mọi khuynh hướng văn học (đăng trong Tạp chí Ý Thức số 18 ngày 15-7-1971): “Trong phạm vi văn nghệ, tôi thấy có thể chấp nhận mọi khuynh hướng: lãng mạn, trữ tình, trùu tượng.... Có sao đâu! Ta không cãi nhau vì tôi lãng mạn hoặc tôi hiện thực, chúng ta chỉ tố cáo một mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh thôi”. Vậy xin ông cho đăng bài luận về văn chương viễn mơ dưới đây [1], một nền văn chương mà mấy năm gần đây đã gây ra quá nhiều ngộ nhận. Gọi là góp phần bàn luận vì ở đây tôi chỉ bàn về một vài khía cạnh của văn chương viễn mơ, những khía cạnh đó là tính chất của vụ hình thức và tâm tình, còn những khía cạnh khác như trực giác hoặc trùu tượng thì tôi tự nhận còn thiếu sót trong bài này.

Cũng xin thưa, một số ý tưởng của tôi trong bài này đã đăng trong một nhật báo, nhưng bài đăng trong nhật báo không được lâu dài nên tôi xin gom góp lại, hy vọng ông cho đăng những ý tưởng góp phần của tôi vào nền văn chương gây ra nhiều ngộ nhận không mấy tốt đẹp.
T.V.N

Văn chương làm đẹp tất cả.

Tại sao có khuynh hướng mộng tưởng trong văn nghệ? Tại vì rất nhiều cái trên cõi đời không đáp ứng sự ước mơ của chúng ta.

Trước hết hãy nói về thiên nhiên không chiều đãi con người. Đâu phải miền đất nào cũng là miền ôn đới có khí hậu mát lạnh phả vào tâm hồn mỗi một, có đỉnh núi tuyết ngoạn mục nhô lên nền trời xanh lơ làm quang đăng tù ngục của đời người. Còn nóng bức của rừng già nhiệt đới, còn nắng cháy của sa mạc Bắc Phi. Nguyễn Tuân trước ngọn gió Lào ngạt thở mừng tượng nó phiêu lưu như đàn chó rượt đuổi từ Trường-sơn thốc ra biển Đông và nhìn người gánh nước trên con đường khô cằn buổi trưa hè im vắng như một người từ cõi tiên trở về cõi tục mà những giọt nước sóng sánh rớt lại phía sau là những vì sao đánh dấu lộ trình trên nền trời kim cương. Nguyễn Tuân đem sự tươi mát phả lên một ngoại giới không-chiều-dãi-tâm-hồn, cái chói chang của mặt trời và cái gào thét của gió chướng nhật nhòa trong văn chương.

Cũng vậy, sa mạc im lìm không sự sống dưới bút pháp của Schopenhauer đã biến thành những vẻ đẹp của văn chương, mất hết những cảm giác khô cháy trên da mặt của người du mục. Schopenhauer cho rằng khi đắm chìm vào sự chiêm ngưỡng thuần túy xuyên qua một chân trời không dục vọng trên sa mạc, ta có thể bắt gặp một bản thể huyền nhiệm ở ngoài vòng sinh tử, nhưng có lẽ đó chỉ là cái nhìn điệu vợi của nhà tôn giáo, còn chúng ta thì chỉ thấy văn chương Schopenhauer đã làm đẹp một vùng trời thiêm thiếp hủy diệt mọi mầm mống sinh tồn: “Transportons-nous dans une contrée solitaire, l'horizon est illimité: le ciel sans nuages, des arbres et des plantes dans une atmosphère parfaitement immobile, point d'animaux, point d'hommes, point d'eaux courantes, partout le plus profond silence. Un pareil site nous invite au recueillement, à la contemplation tout affranchie de la volonté et de ses exigences. (Schopenhauer, “l'Art et la Sagesse”, trang 128, bản dịch từ Đức ngữ của André Dez).

Một triết gia văn sĩ khác, Albert Camus, một hôm

ngập mình trong nước trên bờ biển Bắc Phi chói nắng mặt trời và cát trắng, thấy bờ bãi tràn đầy những bông hoa lấp ló từ gạch đá, có cái ngẩng đầu tròn trịa, có cái đỏ quạch nhỏ máu, có cái màu đặc sệt như kem, và tâm hồn nhà văn giao cảm cùng vạn vật mà tận hưởng tình thương không giới hạn chan hòa từ hương hoa, sóng biển và lòng người. Từ đó giấc mộng Địa-trung-hải thành hình trong văn chương, cái đẹp miền nhiệt đới lên tiếng từ vịnh biển im lặng của ban trưa, và chỉ lên tiếng do sự đánh thức của một tâm hồn nghệ sĩ. Ở đây Camus muốn nói đến cái triết lý vui sống trên cõi đời hữu hạn bằng bản tính giản dị chất phác. Nhưng chúng ta chỉ đồng ý một phần, bởi vì nếu không có văn chương làm thành giấc mộng bằng từ ngữ thì có lẽ bờ biển Bắc Phi hùng hực nóng không bao giờ trở thành giấc mộng Địa trung hải.

Chúng ta đã nói đến một thiên nhiên không chiều dài tâm hồn, bây giờ hãy đề cập một xã hội không thanh bình để thêm một thí dụ về cái đẹp oái oăm của văn chương. Như nhà văn Mai Thảo hô hào lập bảo tàng viện cho mỗi làng xóm, cất giữ trong đó những tàn tích thâm của chiến tranh. Lại lòng thay, hình ảnh thâm hại lại trở thành cái đẹp của nghệ thuật, chẳng hạn hình ảnh của người điên dưới chân sườn “Tam đảo” với thân hình trần truồng chỉ khoác một bao bố tời trên lưng mà chạy phơ phất trên đỉnh núi để làm đích nhắm cho những họng súng của quân Pháp. Hãy đọc đoạn sau đây tả tiếng còi cấp cứu trong giờ giới nghiêm, chúng ta cũng nhận thấy cái đẹp của câu văn xuất hiện trong một bối cảnh thật ra không đẹp chút nào: “Từ rất xa, nhỏ như một âm thanh sợi chỉ nhọn hoắt, tiếng còi cấp cứu đuổi gáp theo những vòng bánh lăn miết tới tận cùng tốc lực, lớn dần thành một rú thét kín trùm” (Mai Thảo). So sánh với đoạn văn cực tả âm thanh trong văn chương Nguyễn Tuân, Mai Thảo đã chứng tỏ âm thanh đối với văn chương chỉ hiện hữu nhờ bóng dáng của hình ảnh, âm thanh chỉ để nghe đã nhờ tương quan với sự vật mà thành ra thấy được. Thính giác không hoạt động, chỉ có thị giác cảm được tiếng còi báo động: “Thế rồi trắng nhú lên sau nóc nhà Philharmonique, tiếng còi vẫn rĩ rền, rồi nắc nạch, rồi chết hẳn, như tiếng tù và ai oán của hiệp

sĩ Roland cầu cứu trong thung lũng Roncevaux. Tiếng còi đau khổ văng ngán trong bảy tám khổ vừa khoan vừa dài, nâng đỡ lấy mảnh trắng óm bị chém khuyết hẳn một góc. Mặt trăng vàng nẫu màu hoàng đàn soi trên một chân trời sứt rết.” (Nguyễn Tuân). Một tiếng còi cấp cứu, một tiếng còi báo động, hai nhà văn đã làm nên hai câu văn bất hủ về âm thanh, hai hình ảnh đẹp của nghệ thuật dành cho bảo tàng viện cất giữ những tàn tích của hai thời chiến tranh trên đất nước. Văn chương trái ngược với thực tế là như thế.

Trong sinh hoạt văn học nhiều suy tưởng siêu hình hiện nay, không hiếm gì nhà văn từ chối hình thức ngoạn mục của văn chương, đề cao những giây phút xuất thần cho phép ta đột nhập vào thực tại vô hình bên kia bờ ngôn ngữ. Khuynh hướng văn chương vị nghệ thuật có lý do tái xuất nhằm phản ứng trào lưu văn học kể trên. Bây giờ chúng ta tưởng rằng triết lý đã xâm nhập vào văn chương, mà thật ra từ ngàn xưa văn chương đã chiếm giữ vai trò chủ yếu trong tư tưởng. Vì thế văn chương phải đòi lại uy thế, nếu không sẽ bị coi là hình thức bề ngoài. Chúng ta thử so sánh tác phẩm của Lão-tử và Trang-tử thì sẽ rõ. Tư tưởng cả hai gần giống nhau, nhưng Nam-hoa-kinh ảnh hưởng sâu đậm vào lòng người nhờ tính chất diễm lệ của văn chương. Nếu chúng ta thấy cái đậm đà đôi chút thi tích trong vài câu hiếm hoi nơi cuốn Đạo-đức-kinh: “Một cơn gió lớn có thể nào kéo dài hơn một buổi sáng mai. Một trận mưa rào không thể chấm dứt trong một ngày hay sao?”(Lão-tử), thì Nam-hoa-kinh của Trang-tử lại đầy hình ảnh văn chương: “Cánh chim bằng bay trên mặt trùng dương nước sóng sánh ba nghìn dặm, thung lũng của núi rừng cùng bông cây hốc đá hòa tấu một thứ nhạc gió trong ngàn đời hoang dã, vực thẳm là chỗ cá nghê lượn lờ mà cũng là nơi nước chảy tới và lại còn là nơi nước dừng lại, chim quanh quách chỉ cần một cành nhỏ trong rừng sâu và chuột đồng chỉ cần no lòng bằng một bụng nước suối” (Trang-tử). Lý thuyết vô vi, vô danh, tuyệt học, tri túc, chỉ là những câu nói trừu tượng, văn chương mới làm nên cái đẹp cho tư tưởng.

Văn chương làm đẹp tất cả. Hãy trả lại sự tôn sùng

dành cho văn chương. Văn chương không nói lên cái gì về tư tưởng, văn chương không để làm gì như hành động dẫn thân đòi hỏi, thì ít nhất văn chương cũng đầy đủ ý nghĩa: Văn chương là văn chương, văn chương là nghệ thuật, văn chương làm đẹp cuộc đời tại thế vốn không thỏa mãn ước mơ và buồn bã như định mệnh hư vô của mỗi người.

Văn chương và cường độ tâm tình.

Khi một cảm xúc tràn ngập tâm hồn, một nỗi bàng hoàng làm con người mất tự chủ, một cơn phẫn nộ lay động đến tể xác, một nỗi tuyệt vọng dày vò mỗi một tâm não, những khi ấy ta kinh nghiệm thấy không thể làm gì được ngoài sự đi lang thang cho khò khây, hay ngồi bất động cho nguội lạnh tâm tình, có khi cũng đập phá để giải tỏa cơn khủng hoảng.

Ta không thể làm văn chương nghệ thuật những lúc ấy. Làm văn chương là ngồi vào bàn viết, làm thơ nếu không cần đến trang giấy trước mặt thì mớ ngôn ngữ chấp chùng cũng ám ảnh trong đầu óc, có khi sự lựa chọn từ ngữ hoàn thành nơi tiềm thức mà có khi cũng hoàn thành trong ánh sáng ý thức của ta. Cường độ tâm tình rất mạnh mẽ khi xúc động, làm sao ta có thể bình tĩnh mà để hết lòng vào vũ trụ ngôn ngữ nhằm diễn tả vũ trụ tâm hồn. Chỉ những khi tâm tình đã giảm cường độ bộc phát lúc ban đầu, cảm xúc chỉ còn là hoài niệm luyến tiếc, sự cuồng nộ chỉ còn là cặn bã trong tâm hồn, văn chương nghệ thuật mới có dịp gọi lại tâm tình đã qua. Những bài thơ tình tuyệt vọng mà rất đẹp của Alfred de Musset chắc chắn không phải được sáng tác ngay lúc thi sĩ thất tình.

Chúng ta đã chứng kiến sự thất tình thật sự hóa thân trong tể xác thiêu não, thật khác xa bài thơ của Alfred de Musset. Như thế cuồng phong phẫn nộ không thể nào gào thét trong văn chương, lửa nhiệt huyết không thể bùng cháy trên từng trang giấy. Tất cả chỉ còn là những tình cảm nhẹ nhàng, và chỉ những tình cảm nhẹ nhàng mới làm nên tác phẩm đẹp. Cố gắng đem cảm xúc mạnh vào nghệ thuật sẽ thất bại. Ta thử so sánh thơ của Hàn Mặc Tử

trong hai thời kỳ lành mạnh và bệnh hoạn thì sẽ rõ. Ngôn ngữ thi ca thời kỳ bệnh hoạn là hóa thân của máu mủ sượng sùng trên da thịt bệnh cùi. Có thể đây là một trường hợp rất hay để minh chứng sự gắn liền giữa ngôn ngữ và thực tế. Nhưng đối với nhà thẩm mỹ thì sự gắn liền thực tại với nghệ thuật sẽ không còn là nghệ thuật nữa. Thẩm mỹ là một hư ảnh thoát thai từ ước mơ của con người chứ không phải sự thật, dù là sự thật siêu hình hay sự thật xã hội. Vì Hàn Mặc Tử muốn thực tại hóa những cảm giác đau đớn của căn bệnh vào nghệ thuật nên thơ của ông ở thời kỳ này không còn là nghệ thuật nữa.

Người ta đã lạc hướng vào nghệ thuật văn chương khi muốn đem sự cuồng nộ vào ngôn ngữ, bởi vì sự nhảy múa mê sảng, kích động nhạc, những tảng màu tóe lửa của Vincent Van Gogh, tốc độ điên cuồng của tài tử James Dean, đó mới là chốn giải bày lòng cuồng nhiệt, là nơi thích hợp cho giông bão tâm tình. Còn văn chương thì không thế, một khi ngồi trước trang giấy là mỗi khi bắt buộc ta phong tỏa não động, gạn lọc những hỗn độn của thất tình vô minh, tâm tình chỉ còn là cơn gió thoảng dưới sự điều động của lý trí. Những bài thơ nồng cháy hồi hả của Xuân Diệu không thể hay bằng giọng văn trầm buồn của Huy Cận trong những bài thơ đầy vẻ thẩm mỹ Đông phương. Nói như Albert Camus trong bài “Giao cảm”: “Có cần gì phải nói đến thần Dionysos... để bảo rằng tôi thích vò nát nhũ hương tròn nụ trước mũi?”. Thần Dionysos tượng trưng cho sự say mê cuồng nhiệt vượt ra ngoài cái bình lặng của cuộc đời. Nghệ thuật theo tinh thần Dionysos chủ trương cảm hứng xuất thần, hã hừng bi thảm, khác với tinh thần nghệ thuật Apollon chủ trương sự minh bạch, tác phẩm là một bố cục hòa âm đưa con người vào những giấc mơ huy hoàng. Khuynh hướng vị nghệ thuật đi tìm một nội dung đẹp, vậy đồng điệu với nghệ thuật theo tinh thần Apollon.

Có người cũng nhận thức đem sự giông bão tâm tình vào văn chương là không thích hợp, như Henry Miller không muốn viết như một nhà văn mà như một biểu lộ thực tại siêu hình: Giọng văn ào ào vùn vủ bất chấp tu từ pháp, bất kể thô tục, từ chối văn chương là văn chương,

ngôn ngữ và bản thể siêu hình của vũ trụ trở thành một văn chương nghệ thuật đối với chúng tôi là mộng tưởng hóa một thực tế không chiều dài tâm hồn, thẩm mỹ là cái gì không có thật, là một viễn mơ giữa lòng cuộc đời. Vì thế văn chương không đồng hóa với thực tại, dù là thực tại xã hội hay thực tại siêu hình. Vì thế *văn chương có thể hướng về vô hạn nhưng không bao giờ đồng hóa với vô hạn đó, cũng như sự dang dở giữa “en-soi” và “pour-soi” theo cách dùng của Sartre.*

Cường độ mạnh mẽ của tâm tình ào ạt tuôn ra lúc ban đầu không thể hóa thân trọn vẹn vào văn chương. Điều này rõ ràng trái ngược với nhiều người chủ trương một tiếng nói mạnh mẽ, coi sự mê sảng điên cuồng như dấu vết thiên tài, và chắc họ sẽ nài ra một tên tuổi lớn có tiếng nói như thế: Frédéric Nietzsche. Triết gia này chia ra ba biến thái trong hành trình tư tưởng của ông: Thời kỳ lạc đà gánh nặng truyền thống văn hóa cũ trong đó có cảm quan thẩm mỹ (xin xem cuốn “*Con đường Sáng tạo*” của Nguyễn Hữu Hiệu, trang 52), thời kỳ thứ hai là thời kỳ sư tử gào thét trong sa mạc đòi đảo lộn mọi giá trị nhằm chinh phục sự tự do tâm linh bị kiềm tỏa bấy lâu, và thứ ba là thời kỳ trẻ thơ thanh thoi hồn nhiên mà có người so sánh giống như trạng thái an nhàn đạt đạo của nhà thiền học. Người ta có thể nương theo đó mà gán cho mình tiếng nói hùng hồn của thời kỳ sư tử, khinh bỉ cuộc đời, khinh bỉ văn minh văn hóa, khinh bỉ đủ thứ... Nhưng mà văn chương khác với thực tế rất xa. Người ta kể chuyện Nietzsche đã có lần chảy nước mắt trước một con ngựa bị đánh đập, thế mà tư tưởng của ông có đoạn nói sự thương hại chỉ dành cho những thiếu nữ nhà giàu, không thể có trong lòng của bậc siêu nhân. Vì vậy thời kỳ lạc đà trong đó có cảm quan thẩm mỹ đã bị vượt qua, nhưng văn chương của Nietzsche trong đoạn nói về ba biến thái lại vô cùng đẹp đẽ: “*Bên vực văn hóa cũ được gọi là dinh dưỡng bằng trái sồi và cỏ lá trí thức, đi sâu vào tâm linh được coi như con sư tử trở về trong thẳm cùng sa mạc tịch liêu, thần thánh là con rồng vàng vĩ đại lấp lánh hàng ngàn cái vảy có những chữ mi phải mi phải*”. Frédéric Nietzsche còn dùng đến ẩn dụ, còn dùng đến văn chương, còn dùng đến thẩm mỹ của nghệ

thuật ngôn ngữ. Điều này không phải là mâu thuẫn, vì ngôn ngữ văn tự chỉ là ngón tay chỉ chứ không phải mặt trăng chân lý, nhưng chúng ta chỉ thấy văn chương Nietzsche đẹp hơn cái gì ông đã tìm thấy nơi đời sống tâm linh.

Văn chương là thời kỳ lạc đà còn coi trọng thẩm mỹ, cho nên văn chương không đồng hóa với thực tại, thực tại siêu hình là bản thể, thực tại xã hội là cuộc đời náo động, thực tại tâm lý là cường độ mạnh mẽ của tâm tình khi bộc phát. Vì vậy văn chương nghệ thuật không thể là nơi đem đổ ập những đam mê cuồng loạn được. Nghệ thuật thi ca nói riêng, và văn chương nói chung, chỉ dung dưỡng những tâm tình đã giảm cường độ, lửa nhiệt huyết chỉ còn là những ánh sáng mờ nhạt. Văn tự ngôn ngữ không phải thực tại là như thế, ở đây thực tại là thực tại tâm lý tức là dòng nước tâm tình ở trạng thái nguyên sơ mãnh liệt. Những bài thơ hay, những áng văn chương đẹp, đều có không khí trầm buồn lưu chảy rất Đông phương, không phải sự mê sáng quắc quai mà là cái đẹp u hoài, không phải cái thẳng thốt say sưa mà là vẻ đẹp tươi mát. Nhưng tại sao có những bài thơ đam mê, có những bài thơ trầm lặng? Đó chẳng qua vì tâm tình chưa giảm cường độ đồng đều, và đối với chúng ta những bài văn chương có vẻ đẹp bình dị hình như lắng đọng sâu xa hơn những bài văn cuồng loạn, dấu vết của một thời kỳ văn học đề cao sự điên đại trong những suy tưởng siêu hình.

Đẹp, Thật và Phê-bình Cơ-cấu

Nhà văn là kẻ đắm chiêu với ngôn ngữ. Đồng ý như thế. Nhưng nếu không bó buộc nhà văn phải nói lên cái gì về tư tưởng, thì cũng phải hỏi nhà văn đắm chiêu với ngôn ngữ để làm gì? Có hai cách trả lời. Đắm chiêu với ngôn ngữ để diễn tả cho thật, trình bày cho sống động một quang cảnh đời, đó là khuynh hướng của văn chương hiện thực xã hội. Và đắm chiêu với ngôn ngữ để diễn tả cho đẹp, cho rung động về mỹ cảm, đó là khuynh hướng của văn chương vị nghệ thuật. Dĩ nhiên tả thực hay tả đẹp đều

đòi hỏi sự xúc cảm tâm tình của nhà văn, nếu không thì tác phẩm chỉ là một vô ngã không có nhân loại tính. Sự phân chia vị nhân sinh hay vị nghệ thuật là phân chia theo hai quan điểm chính thức đối lập, còn có khuynh hướng trung dung trộn lẫn hai quan điểm như nhà thơ Nguyên Sa đã nhiều lần bày tỏ trên tạp chí “Tiếng Nói” ngày nào, và còn có người nằm trong khuynh hướng này mà sử dụng chất liệu của khuynh hướng kia như nhà văn Thanh Tâm Tuyền trong cuốn “Đọc đường”. Lối tả thực một cách sống động của Thanh Tâm Tuyền trong tác phẩm này không có khuynh hướng hiện thực xã hội, tố cáo xã hội nhằm đấu tranh chính trị. Có lẽ ông chỉ sử dụng chất liệu là đời sống hàng ngày không có chút gì thơ mộng để chống lại vũ trụ thâm mỹ có tính chất ước lệ cổ điển của cái thời gió trăng mây nước, thưởng hoa vịnh nguyệt trong những phút trà dư tửu hậu. Ông vẫn nằm trong khuynh hướng truy tầm thâm mỹ, nhưng muốn đem vào một chất liệu khác thay thế chất liệu nghệ thuật xưa, nghĩa là muốn tìm một nghệ thuật mới chứ chưa phải bác bỏ thâm mỹ của nghệ thuật. Nhân vật của ông là người khách lỡ đường ôm bọc giấy bên lu nước, là người gác cổng hít hà chai dầu thơm của đứa con gái, là thầy canh sát giận vợ nên ôm cây đàn hát bài vọng cổ trên vông, là người lính nghĩa quân mút cái lá tre trên môi nghe chít chít từng hồi. Lối đối thoại trong cuốn “Đọc đường” cũng sống sượng cộc lốc trong hầu hết tác phẩm như: “Cha này giỡn hoài ta, ông già gân dữ quá ta, xuống lệ lên cha nội, tía tôi chịu không thấu mà”. Có lẽ vì phản ứng quá mạnh chống lại cái thâm mỹ ước lệ mà Thanh Tâm Tuyền trình bày một sự thật không cần thơ mộng, chất liệu là đời sống hàng ngày cứ việc cho vào tác phẩm, nhưng đôi khi một vài hình ảnh xuất hiện chứng tỏ Thanh Tâm Tuyền vẫn là một tâm hồn có nhiều rung động thâm mỹ. “Tôi không rõ thêm điều gì cả ngoài màu trời di chuyển chậm chạp cho đến lúc giống hết với cái khe hở thông với ngoại giới của cái trí nhớ mỗi mồn. Suốt đêm không một tiếng súng nổ”. Thời tiền chiến, Xuân Diệu đem vào văn chương hình ảnh thơ mộng của rừng thông trong “Phân thông vàng”, hay hình ảnh bản cùng hóa của bọn mèo hoang trên thế giới mái nhà, cả hai trở thành

những áng văn chương đẹp. Nhà họa sĩ vẫn tạo ra cái thẩm mỹ bằng màu sắc phối hợp từ hình ảnh một xóm nổi xấu xí dưới chân Cầu Ông Lãnh. Nghệ thuật bắt nguồn từ thực tại nhưng sửa đổi thực tại thành một kết cấu thẩm mỹ. Máy chụp hình mô phỏng thực tại, máy ghi âm thu nhận mọi âm thanh hỗn độn, đó không phải là nghệ thuật.

Sở dĩ Roland Barthes không tìm xem tác giả nói cái gì, để làm gì trong tác phẩm vì ông đứng trên bình diện nhà phê bình, và phê bình của ông là phê bình cơ cấu. Vậy không có vấn đề viết văn cơ cấu mà chỉ có phê bình cơ cấu. “Nhà văn làm việc với những quan niệm, nhà phê bình làm việc với các ký hiệu... Cái là ý nghĩa nơi nhà văn lại trở thành ký hiệu cho nhà phê bình”. (*Thuyết cơ cấu và phê bình văn học*, Gérard Genette, tạp chí Bách Khoa số 289). Như thế đối với nhà văn có lẽ không có vấn đề viết để mà viết, có lẽ quan niệm viết để mà viết là sự lầm lẫn việc làm văn chương với phê bình cơ cấu. Phê bình cơ cấu là dùng những ký hiệu tức là hình thức của tác phẩm mà tìm một tương quan nhằm đưa ra một chủ đề. Thí dụ Roland Barthes nhận thấy tương quan giữa các nhân vật trong tác phẩm Racine là sự biểu lộ quyền bính: người khỏe cưỡng ép người yếu nhận mỗi tình của mình, người cha cưỡng ép người con phục tùng mệnh lệnh khe khát, và Roland Barthes đưa ra một chủ đề về bạo động để nói về tác phẩm của Racine.

Đó là thí dụ một tương quan chìm hiện hữu trong mọi tác phẩm mà nhà phê bình cơ cấu cần phải tìm ra. Tương quan chìm đó có khi trái ngược với nội dung mà nhà văn gửi gắm vào tác phẩm.

Phê bình cơ cấu khác phê bình cổ điển ở chỗ không nêu ra ý nghĩa nội dung, không nêu ra văn phạm thẩm mỹ, mà chỉ cốt ý đưa ra một chủ đề có tính chất phát giác (hay sáng kiến) của nhà phê bình. Chẳng hạn phê bình tìm cái dở hay cái hay như thế này là cổ điển: Thơ lục bát của nhà thơ Viên Linh có vài câu phối hợp từ ngữ không được chặt chẽ nên mất vẻ tự nhiên, cũng như phải cần một lớp hồ đặc biệt làm dính liền những viên gạch của một kiến trúc thì mới không thấy được những khe hở tuy rằng rất nhỏ. Câu thơ “Cây rù bóng tối đi do” của Viên Linh trở nên khó hiểu

vì lẽ đó, chắc ý ông muốn nói là bóng cây đổ xuống như đo ngang mặt đường và râm rì trong bóng tối. Phê bình cổ điển cũng nhằm đưa ra những ưu điểm, và ưu điểm của thi ca nếu không là ý tưởng thì là cái đẹp của phối hợp từ ngữ thẩm mỹ, như câu thơ sau đây cũng của Viên Linh là một câu thơ đẹp và mới lạ. Ta hình dung một người ngồi quán chênh choáng trong một chiều bốc rượu, đối diện chân trời đỏ rực hoàng hôn, màu đỏ của ráng chiều cũng là một màu đỏ trên da mặt của người ngồi quán cô đơn: “Xa em rượu uống ngon hơn. Ngồi đây đỏ mặt hoàng hôn mới về”. Nhưng phê bình tìm ra ưu và khuyết điểm như thế xin nhắc lại là có tính chất cổ điển, và phê bình cơ cấu là tìm ra những tương quan hình thức nhằm quy tụ thành một chủ đề, có bao nhiêu tương quan về hình thức là có bấy nhiêu chủ đề. Thí dụ trong ba bài thơ của Viên Linh (các bài *Chiếc xe đồ cũ sơn màu vàng*, *Ngồi quán*, *Bài số 73*) có tới hai mối tương quan về hình thức nên có thể đặt ra hai chủ đề sau đây. Chủ đề thứ nhất tương ứng ý nghĩa của ba câu thơ có những ý nghĩa giống nhau là sự chần chờ chưa dứt khoát tạo thành một cơ cấu mang cái chủ đề là: “Sự căng thẳng của các dự định”. Chủ đề thứ hai tương ứng với ý nghĩa của những câu thơ cũng trong ba bài thơ đó: “Quán thừa buồn tạt bụi đầy ghé con. Hồn im nghe chiếc xe đồ về không” và “Ga đêm lẻ đợi bến vui nằm chờ. Đêm đang rời rã bên ngoài hành lang” và “ Ầm vang biển nhớ lê thê phố sâu. Làm chim xếp cánh trên lầu mộng hư”. Sáu câu thơ vừa trích ra ấy đều có một ý nghĩa gần giống nhau là sự trống vắng của tâm hồn bên trong, tất cả quy tụ thành một cơ cấu có ý nghĩa mang cái chủ đề là “Sự đồng tình giữa con người và đồ vật”. Tóm lại phê bình cơ cấu nhằm đi tìm những tương quan chìm ẩn trong tác phẩm, vì vậy phê bình cơ cấu có cái hay là tránh được nạn phê bình thiên vị, bè phái ca ngợi lẫn nhau, bởi lẽ phê bình cơ cấu đứng ngoài mọi bình phẩm ưu và khuyết điểm.

TRẦN VĂN NAM

[1] Những bài khác cũng thuộc nhan đề này đã

đăng rải rác trong tuần báo “Khởi Hành” (1970); tạp chí “Văn Học” số 80, 115, 119; tạp chí “Văn” số 142 (1969); tạp chí “Văn Đề” số 7 (1967).

- GHI CHÚ CỦA TÒA SOẠN TRÌNH BÀY

Bài trên đây của ông Trần văn Nam chúng tôi nhận được đã khá lâu nhưng chưa có dịp nào thuận tiện để đăng tải. Nay, tờ báo ra số “Tạm biệt bạn đọc” trước khi phải tự đình bản vì những sửa đổi của Luật Báo chí, hơn nữa trước những biện pháp chế tài nặng nề sẵn sàng chụp xuống người cầm bút hiện nay và nhất là nếu muốn cho số báo này tới tay bạn đọc, chúng tôi tìm mãi cũng không thấy có con đường nào khác hơn là con đường “văn chương phục vụ cái Đẹp”, “văn nghệ viễn mơ” mà tác giả đã vạch ra. Bởi vậy, đây có lẽ là cơ hội thuận tiện hơn cả (và trước khi quá muộn!) để chúng tôi có thể chiều ý ông Trần văn Nam đăng tải nguyên văn bài báo này. Về phần chúng tôi, mặc dù rất tôn trọng quan niệm văn chương của ông Trần văn Nam nhưng lại chưa bao giờ dám coi nhẹ cái nghề làm văn của mình [1], chúng tôi cảm thấy không thể nào chấp nhận được bất cứ một ý định nào nhằm buộc văn chương phải lấy việc “phục vụ cái Đẹp” làm bốn phận duy nhất. Chính vì lý do đó, mà sau số báo này, tờ Trình Bày sẽ đình bản.

TRÌNH BÀY

[1] Về quan niệm “văn chương phục vụ cái Đẹp” và quan niệm “văn chương là một thực tại lịch sử, là chứng tích của một người biểu lộ nhân quan của mình về thế giới, cảm nghĩ của người đó về lịch sử của thời đại mình và lịch sử của chính mình”, xin xem “Văn nghệ và thực tại của Dân tộc”, *Trình Bày* số 21, 1-6-1971, tr. 3. Về văn nghệ “viễn mơ” tại miền Nam từ hơn 15 năm nay, xin xem: Thế Nguyên : “Trong vòng phấn trắng”, tạp chí *Đất-Nước*, số 9, tháng 2-1969, tr. 84 ; “Văn nghệ trong hệ thống chiến

MỤC THƯỜNG XUYÊN

**SÁNG TÁC THƠ VĂN, NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC, DI
SẢN VĂN CHƯƠNG, ĐIỂM SÁCH, GIỚI THIỆU
MỘT TÁC GIẢ...**

VIÊM TỊNH

ĐÃ THẤY LẠI CHỐN YÊN BÌNH

gửi NG.

Đã rất nhiều thời gian tôi khắc khoải em
Căn phòng ấy khuôn viên ngôi trường của em, em chìm
vào nỗi niềm
Bởi anh không là trái hồng quân
Cho nụ cười em ngọt ngào

Tôi biết như vậy là bóng đêm
Nhưng em quay tâm nhìn
Mỗi phiếm thời gian là một ấn tượng
Rất riêng cho mỗi người
Tôi đã nhiều lần mong em cho tôi bình an
Giữa chốn nhiễu nhương này
Tôi không còn nơi ẩn trú nữa

Vì tôi chỉ còn em
Đã đưa tôi vào giấc ngủ yên bình mỗi đêm
Tôi xin được bày tỏ cùng em
Lời thì thầm của trái tim mang nhịp đập giang hồ cuối thời:
Tôi yêu em !
VIÊM TỊNH

TÌM NHAU

Truyện ngắn của Nguyễn Âu Hồng



Biển Rạng (Chu Lai) – Núi Thành - Quảng Nam nhìn từ Dung Quất - Quảng Ngãi.

Ảnh: Khanhtrungtravel.

(Trước năm 1975 Biển Rạng thuộc huyện Lý Tín, tỉnh Quảng Tín - VNCH)

Hai người yêu nhau ấy đã tìm nhau nhiều năm trước và nhiều năm sau của mốc thời gian 1975, mà không lần ra dấu vết.

Hai người yêu nhau đương nhiên là một nam và một nữ (thời ấy đồng tính luyến ái chưa nhiều). Nam là một y tá kiêm thông dịch viên QLVNCH, nữ là một y tá người Mỹ sang Việt Nam làm thiện nguyện. Họ gặp nhau tại bệnh viện 101 Chu Lai năm 1969.

Năm 1969 là năm Mỹ bắt đầu áp dụng chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, tiến hành chuyển giao vũ khí, trang thiết bị và phương tiện chiến tranh cho Việt Nam Cộng Hòa. Bệnh viện 101 Chu Lai, nơi Katrina cô y tá người Mỹ làm thiện nguyện, cũng nằm trong kế hoạch chuyển giao. Y tá Trần là thông dịch viên của đoàn quân dân y được cử đến bệnh viện 101 để học cách sử dụng những trang thiết bị y tế hiện đại và cung cách làm việc thích hợp. Trong chương trình có đề ra như vậy nhưng cung cách làm việc

xem ra rất khó chuyển giao. Nội việc trực ở bãi tiếp nhận bệnh thời, mỗi khi trực thẳng đáp, y tá Mỹ xách băng ca khom lưng chạy còn y tá Việt Nam cũng khom lưng nhưng đi từ từ. Do vậy, việc học cách sử dụng trang bị y tế chỉ mất 15% thời gian, còn lại, cán sự y tá của đoàn được cử đến các *ward* để cùng làm việc với bác sĩ, y tá Mỹ.

Trong số cả chục cô y tá Mỹ trẻ trung xinh đẹp đang làm việc ở bệnh viện, y tá Trần không chú ý đến ai mà chỉ chú ý đến Katrina. Là phiên dịch, đáng lẽ Trần phải đi từ *ward* này sang *ward* kia để xem phía Mỹ hay Việt có cần gì không, nhưng anh chỉ luẩn quẩn trong *ward* có Katrina. Trần có biệt tài trong việc tìm *vein* để chuyển nước biển hay chuyển máu. Lúc đầu anh chỉ giúp Katrina thôi, về sau nổi tiếng đến mức, gặp bệnh nhân bị “*chìm vein*”, các y tá khác cũng nhờ đến anh. Không tìm ra *vein*, muốn chuyển hay chích “*i.v.*” phải mổ *vein*, người lớn mổ ở ống chân không nói gì, trẻ con bị mổ ở háng trông rất tội nghiệp. Anh vừa làm vừa hướng dẫn, vậy mà cả y tá Mỹ lẫn Việt không ai đạt được mức thiện nghệ như anh. Anh nói, “*Khi vein bị chìm, đưa mũi kim vào đúng chỗ nữa, máu cũng không dội ngược lại. Phải dùng ngón tay trở dò vein rồi dùng ngón tay cái và ngón tay giữa giữ lại, sau đó mới nhích lui ống syringe. Lúc nhích lui, cần nhất là phải giữ cho kim và vỏ syringe nằm yên.*”

Một hôm Katrina hầu như đâm nát chỗ mạch máu của một em bé mà không tìm ra *vein* thì may thay y tá Trần bước vào. Anh muốn giúp, nhưng cái khó cho anh là em bé bị bom xăng làm phỏng nặng một cánh tay, cánh tay còn lại bị Katrina phá hỏng chỗ mạch chính. Trẻ em khi bị sốt cao hoặc bị phỏng nặng, vein bị chìm rất khó tìm. Anh thử dò tìm chỗ mạch phụ trên mu bàn tay và thật may mắn, thật tài tình, mũi kim đưa vào một lần là đúng *vein* ngay. Katrina mừng và cảm phục đến nỗi, sau khi dán băng keo ổn định đầu đó, đứng lên, cô đã bất ngờ ôm siết lấy y tá Trần, “*Cám ơn anh nhiều lắm! Cám ơn anh nhiều lắm!*”. Chưa hết, trong giờ giải lao cô đã đến bên Trần rủ anh chủ nhật cùng đi Long Beach tắm biển.

Long Beach tưởng đâu xa, chính là Biển Rạng nằm trong căn cứ Chu Lai. Biển Rạng thuộc xã Tam Quang, quận Lý

Tín, là vùng biển nổi cảng Kỳ Hà - Quảng Tín với cảng Dung Quất - Quảng Ngãi. Khi xây dựng căn cứ quân sự và sân bay Chu Lai, đồng minh đã dời dân lùi về phía sau cửa biển Kỳ Hà của sông Trường Giang để chiếm trọn một bãi biển hoang sơ dài trên mười cây số. Nước biển ở Biển Rạng trong như mắt mèo, bãi biển hình trăng lưỡi liềm đường cong lồm vào đất liền, cát trắng mịn được một dải dương liễu xanh ngát bao bọc. Người dân địa phương trồng dương liễu không phải để cho đẹp mà để chắn gió, chống cát di động và để lấy củi, lấy gỗ. Nhiệm vụ chắn cát di động được coi là quan trọng nhất nên khi khai thác họ cố tránh bày ra những khoảng trống lớn và chuẩn bị sẵn cây con để trồng mới gần như ngay lập tức. Bị buộc phải ra đi, họ để lại những đám dương liễu liền nhau, nối tiếp thành rừng. Những cánh rừng nhỏ này được quân đồng minh bảo dưỡng, xanh tốt mát rượi. Đã vậy còn trồng hoa, trồng cỏ như chỗ bãi đậu xe và khu nghỉ mát của bệnh viện 101 và của Sư đoàn Bộ binh American. (Sau vụ thảm sát Mỹ Lai - Sơn Mỹ, sư đoàn này đổi tên thành Sư đoàn Hai - Bộ binh, Hoa kỳ; trùng tên với Sư đoàn Hai - Bộ binh, QLVNCH). Khi đã vào khu nghỉ mát, không khí chiến tranh, bom đạn, thương tật như lùi xa những đâu đâu. Y tá Trần có cảm giác như đang đi nghỉ hè tại một khu du lịch nào nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, nằm ngoài vùng đất nóng bỏng của Quảng Ngãi và Quảng Tín khói lửa. (Bệnh viện 101 tuy ở vị trí biệt lập, không nghe tiếng đạn bom, không nghe cả tiếng máy bay chiến đấu, nhưng những chiếc trực thăng tải thương là sự nối kết thường xuyên giữa bệnh viện với chiến trường). Ở khu nghỉ mát này thì khác hẳn - một xứ bình yên tách biệt...

Katrina như đã quen đi tắm nhiều lần nên cô dẫn Trần đi thẳng đến một chỗ thật vắng. Cô giúp sắp xếp mọi thứ đồ mang theo, cởi bỏ chiếc váy dài rồi với bộ đồ tắm *bikini* hai mảnh nhỏ xíu, nắm tay Trần cùng chạy ào xuống nước. Cô bơi lượn uyển chuyển như cá heo. Trần bơi khỏe nhưng chỉ là những kiểu bơi hoang dã, không biết bơi bướm, bơi ếch cũng không đúng kiểu. Mà nào có gì hệ trọng, miễn sao hai người được cùng bơi lượn, cùng vui thú là đủ rồi.

Lên bờ, Katrina nhờ Trần xoa kem chống nắng phần vai,

lưng rồi bảo anh xoay người lại để cô xoa giúp. Trân rất lầy lăm lầy ở chỗ bàn tay con gái Mỹ, tuy không mềm dịu bằng bàn tay con gái Việt Nam, nhưng lại có sức kích dục mạnh mẽ hơn rất nhiều. Rõ là không đúng lúc, nhưng ngọn gió của anh đã giương lên. Cũng may Katrina không chịu ngồi dưới bóng mát kín đáo của rừng dương mà lấy khăn lớn trải ra ngoài bãi, nằm tắm nắng. Katrina hết nằm sấp lại nằm ngửa, rồi nằm nghiêng, rồi ngồi đọc báo. Y tá Trân cứ tự nhiên chiêm ngưỡng mọi hình khối, đường nét của tượng nữ thần sắc đẹp, được một nghệ sĩ tài hoa, bậc thầy của mọi bậc thầy, là Đấng Tạo Hóa, tạc qua nhiều tư thế, được trưng bày sát bên cạnh, giữa thanh thiên bạch nhật: mái tóc vàng ướt nước, đôi mắt xanh lúc như reo vui lúc như buồn xa xăm, khuôn mặt trứ tình đắm đuối, thân thể với những đường cong ngọt ngào và những hình khối rạo rực, nóng bỏng. Tuy bị hai mảnh vải *bikini* che đi những chỗ hấp dẫn nhất, bức tượng sống động này vẫn là một kiệt tác, ngoài việc chiêm ngưỡng trực tiếp ra, bút mực không thể nào tả xiết. Trên hai mảnh vải *bikini* có in những sọc đỏ trên nền trắng và những ngôi sao trắng trên nền xanh - lá quốc kỳ của nước Mỹ. Lá quốc kỳ Mỹ tung bay khắp nơi trên thế giới, trên những đất nước yêu chuộng tự do nhưng người dân nước đó không đủ sức tự bảo vệ mình đã nhờ đến sự giúp đỡ của Mỹ, như vậy vẫn chưa đủ sao? Đường như người Mỹ cho rằng sẽ là thiếu chu đáo nếu lá quốc kỳ không trực tiếp bảo vệ người phụ nữ của họ. Lấy lá quốc kỳ may đồ lót hoặc in hình quốc kỳ lên đồ lót phụ nữ, là tỏ ý quý trọng cả hai, lá quốc kỳ và người phụ nữ? Đồ lót có hình lá quốc kỳ sẽ che chắn, bảo vệ chỗ cần mật nhất, nhạy cảm nhất, chỗ mà bọn côn đồ dâm dăng thường chọn làm mục tiêu xâm hại?

Khi xuống nước lần thứ hai thì thủy triều đã rút. Hai người lội ra một quãng xa mà biển vẫn còn cạn, mực nước chỉ ngang bụng. Katrina không bơi nữa mà chỉ giỡn nước. Rồi như không dần được cơn yêu dẫu, cô choàng tay qua cổ Trân, trao một nụ hôn môi thật dài thật mạnh và cứ hút mãi, hút mãi như muốn uống cạn nước sông Trường Giang. Đáp trả, Trân cũng hôn dài và mạnh, cũng hút mãi, hút mãi như muốn uống cạn nước của những dòng sông và

hồ ao của nước Mỹ.

Như tất cả những tình nhân trên thế giới nói tiếng Anh, họ cũng “*I love you - I love you, too*”, “*with all my heart, with all my soul*”. Nhưng Katrina thì yêu bằng trái tim còn Trân thì yêu bằng lòng dạ, ruột gan. Trân thấy lòng mình phơi phới, mà ruột gan thì như sóng cuộn gió gào. Anh hôn lên hai lá cờ phía trên, loay hoay thế nào làm nó chệch lên trên, hai bầu vú lộ ra, hồng hào tươi tắn như hai quả đào tiên còn ắp ử sương mai. Katrina không nói gì, còn đồng tình xoa xoa lên tóc nên anh mạnh dạn áp má áp môi lên hai quả đào căng tròn. Sự kích thích cao độ dẫn anh đến lá cờ phía dưới. Anh hôn lên lá cờ, rồi để tránh xúc phạm, anh mở gút tháo dây buộc, thả rơi



*...sẽ nhẹ nhàng ra đi cùng với thiên đường của tình yêu
mơ ước, có biển xanh, rừng dương liễu xanh và cát trắng
và nắng gió chan hòa của vịnh Chu Lai...*

xuống một bên vế. Katrina bầu cả hai tay lên tóc anh, ngửa mặt nhìn trời. Trân định đứng lên đưa đầu ngọn gió đang hùng hực lửa vào sinh đạo, nhưng khi ngược lên, mặt chạm vào hai lá cờ phía trên, anh lại thôi, chỉ ôm siết lấy tấm thân cũng đang hùng hực lửa của Katrina.

Đôi tình nhân đã thực sự bay đến một vùng bình yên tách biệt, và biển xanh, và rừng dương liễu xanh, và cát trắng và nắng gió chan hòa như cũng cùng hai người bay vào cõi

thần tiên...

Tình hình chiến sự bỗng lắng dịu sau các chiến dịch xuân hè, nhưng y tá Trân vẫn tình nguyện trực đêm. Katrina cũng tình nguyện tăng ca. Hai người xuống ca lúc 2 giờ sáng, nhưng họ không về ngủ mà rủ nhau đi ăn khuya ở nhà ăn của trạm hành khách phi trường. Đây là nhà ăn duy nhất trong căn cứ mở cửa 24/24 để phục vụ hành khách đi máy bay quân sự. Katrina rành đường lái xe chở Trân. Ăn xong, về lại *compound*, họ đứng trước cửa phòng khu trại nữ hôn nhau nhưng Katrina không chịu chia tay mà mở cửa đưa Trân vào bên trong. Cô lôi ra một chai rượu, chuyển tay nhau tu rồi lần lượt đi tắm.

Trân tắm trước ra ngồi uống rượu, Katrina từ buồng tắm ra, choàng tắm khăn rộng đứng trước mặt rồi bất chợt thả tắm khăn rớt xuống sàn. Pho tượng Nữ thần Ái tình hiện ra lồ lộ và sinh động lạ thường. Trên người pho tượng kiệt tác không có một mảnh vải nào che đậy, cũng không có lá cờ nào che chở, nên khi Trân đứng lên ôm vào lòng, anh dễ dàng vuốt ve những đường lượn ngọt ngào và sờ nắn những hình khối nóng bỏng. Anh hôn lên những chỗ cần mật nhất, nhạy cảm nhất và lẹ làng tìm ra viên ngọc quý, tài tình như tìm *vein* bệnh nhân, làm Katrina cứ phải rướn cong người ú ớ. Cô chộp lấy ngọn giáo, xem xét độ bén nhọn rồi đưa vào cửa quan ải, một cửa quan ải ướt át, trữ tình. Bỗng cô giật nảy người lên, toàn thân run rẩy. Trân lập tức dừng lại, vừa vuốt tóc, vừa dịu dàng hôn lên đôi môi hé mở:

“Anh làm em đau, phải không?”

Katrina vẫn chưa hết run rẩy, lắc đầu.

Việc lập tức dừng lại và hỏi câu hỏi ngắn gọn đó của Trân được Katrina ghi vào bộ nhớ và đánh giá cao. Cô cho rằng Trân là một người tình lý tưởng, một người đàn ông có đủ bản lãnh để làm chủ nhục dục của mình, coi dục tình chỉ là bước tiếp nối và là bàn tay nâng đỡ tình yêu chứ không phải là đích điểm. Nhiều năm sau này, càng từng trải, càng va chạm với đời, Katrina càng thấy rõ nhận định của cô về Trân là chính xác. “Anh làm em đau, phải không?” Katrina đã ghi vào nhật ký của mình: “Người nữ đồng trinh được nghe câu hỏi đó thì dù có trao một lần, chớ trao một trăm

lần, một ngàn lần cũng không tiếc. Được nghe câu hỏi đó thì cho hết, không tiếc một mảy may.”

Sang mùa xuân năm 1970, tuy bệnh viện 101 chưa chuyển giao cho QLVNCH nhưng Katrina đã hoàn tất chương trình thực tập - thiện nguyện. Katrina về Mỹ rồi, Trân muốn tránh xa vùng kỷ niệm, đã xin chuyển về bệnh viện quân-dân y tỉnh Q.T, sau đó phải ra đơn vị tác chiến.

- Bác ơi, bác đã đồng ý cho cháu được dùng địa chỉ nhà bác để liên lạc thư tín, sao lại đi đốt thư của cháu?

- Thư từ gì toàn là phản chiến. Cậu thông cảm cho, tôi chỉ muốn yên ổn làm ăn, không muốn liên lụy.

- Cô ấy không phản chiến cũng không hiểu chiến. Cô ấy là y tá đã từng tình nguyện sang Việt Nam để giúp cứu chữa cho người mình. Bác tin cháu đi.

- Thăng út nhờ thầy dạy tiếng Anh của nó đọc giùm. Nào là mong muốn sớm có hòa bình, nào là mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh, không phản chiến là gì?

- Thưa bác, tất cả mọi người ai ai cũng đều mong muốn vẫn hồi hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Đó là ước mong của cả nhân loại, nhất định đó không phải là phản chiến. Bác ơi, bác thương xót chúng cháu, lần sau có thư mong bác đừng đốt, cứ trao cho cháu, cháu chịu mọi trách nhiệm.

- Thăng lớn tôi nói, tốt nhất là đốt ngay.

- Thư từ gì mà rất một luận điệu diễn biến hòa bình.

- Bác ơi, cô ấy chỉ là y tá, cô ấy có biết gì đến chính trị đâu.

- Cô ấy không biết nhưng những người đứng sau lưng cô ấy thì biết đấy. Y tá gì mà nào là cầu cho đất nước Việt Nam được an lành, nào là mau chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, không phải âm mưu diễn biến hòa bình là gì?

- Bác ơi, bác thương xót chúng cháu, thương xót cho cô y tá người Mỹ đó với. Chúng cháu chỉ muốn tìm nhau, muốn liên lạc được với nhau.

- Thăng út tôi nói, tốt nhất là đốt ngay.

Trước năm 1975, y tá Trân đã một lần cưới vợ, nhưng rồi

tình duyên tan vỡ.

Sau năm 1975, y tá Trân cưới vợ một lần nữa, rồi gia đình cũng lại tan vỡ.

Năm 1982, y tá Trân vượt biên đi tìm Katrina.

Sau hai năm ở trại tỵ nạn, anh được đi Mỹ tái định cư và việc đầu tiên khi đặt chân lên miền đất tự do là đi tìm Katrina. Trân đi nhiều nơi, nhưng qua mười năm lặn lội vẫn không tìm ra dấu vết. Anh không xin vào một công ty nào nhất định mà làm nhiều nghề, chọn những nghề không cần phải ký hợp đồng dài hạn để dễ dàng đi đây đi đó. Những lúc thất nghiệp, anh đi câu cá (để bán) và đi lượm lon đem bỏ máy tái sinh. Lượm lon chỉ hợp pháp khi được chủ nhà cho phép, vì khi mua bia hay nước ngọt, người tiêu dùng phải ứng trước 5 cents một lon. Một hôm anh đang ngồi lượm từng chiếc lon bỏ vào bao nhựa thì một mũi giấy đen bóng kê lên miệng bao, ngược lên, sừng sững một sĩ quan cảnh sát. Viên sĩ quan thu hết giấy tờ, may sao anh kịp nói: “Bất cứ nhà nào tôi gom lượm lon, tôi đều có hỏi xin và được chủ nhà cho phép. Nhà này cũng vậy, bà chủ đã đồng ý.” Viên sĩ quan bước vào nhà, anh đi theo thì bị chỉ định phải đứng ngay “hiện trường”. Đang mùa đông, sáu giờ chiều trời đã tối, nghe bấm chuông chủ nhà bật đèn ngoài hiên sáng lên rồi mới mở cửa. Anh nhìn thấy bà chủ nhà, cũng với dáng mỗi mệ, với mái tóc vàng buông xõa mà anh đã gặp tuần trước, đứng ngang ngưỡng cửa nói chuyện. Sau đó, viên sĩ quan quay ra trả lại giấy tờ. Anh đi vào định cảm ơn nhưng bà đã đóng cửa, tắt đèn.

Khu này xe *recycling* đổ vào sáng sớm thứ bảy nên chiều thứ sáu anh phải đi gom trước. Sáng thứ bảy hôm đó, thay vì đi gom lon ở những khu *recycling* đồ muộn, anh đi mua một bó hoa hồng đem đến tặng bà chủ nhà đã cứu anh. Bà mở cửa, vẫn mái tóc vàng buông xõa, dáng bơ phờ, có vẻ hơi khó chịu. Anh đưa tặng bó hoa, nói đôi lời. Bà đưa tay nhận bó hoa, tươi tắn lên một chút nhưng không mời anh vào nhà. Khi bàn tay bà đưa ra nhận bó hoa, Trân nhìn thấy trên cánh tay bên phải có xăm chữ “Chu Lai-101 H”. Linh cảm giục anh cầm lấy cánh tay nhìn kỹ hơn: ngoài chữ “Chu Lai-101 H” còn có một rêu cát vàng và biển xanh

được bố cục rất hài hòa. Trân nhìn lên và nhận ra sự thân quen từ đôi mắt, từ đôi môi của người đàn bà, mà thời gian và tuổi tác chưa xóa hết dấu vết. Anh nắm lấy cánh tay, run run, nghẹn ngào:

- Katrina Redmond phải không?

Bà chủ nhà đứng chết cứng như bị trời trồng.

- Katrina Redmond ơi, Trân đây. Anh đã tìm em trên khắp năm mươi tiểu bang của nước Mỹ, suốt mười năm qua. Trân đây. Trân ở bệnh viện 101 vịnh Chu Lai năm xưa đây.

Bà chủ nhà vẫn đứng chết cứng như bị trời trồng.

- Katrina Redmond ơi, em đúng là Katrina ở bệnh viện 101 hồi chiến tranh Việt Nam rồi. Sao em không nói gì?

Bà chủ nhà vẫn chưa hết sững sờ.

- Katrina ơi, gia đình chồng con em thế nào, em sống có được hạnh phúc không?

Đôi mắt xanh lúc như reo vui lúc như buồn vời vợi càng buồn xa xăm hơn, nhưng đôi môi thân yêu của năm xưa đã bắt đầu mấp máy:

- Anh là Trân thật sao? Trân ở bệnh viện 101 hồi chiến tranh Việt Nam thật sao?

Bà chủ nhà, từ đây về sau là Katrina, nói với Trân mà như nói thầm với chính mình.

- Vâng, Trân đây. Anh đã tìm em khắp nước Mỹ, suốt mười năm qua.

- Em đã luôn viết thư cho anh, rỗng rã mấy chục năm, chưa bao giờ ngưng.

Katrina đứng ngay trước mặt Trân mà tiếng nói nghe sao mơ hồ như từ cõi xa xăm nào vọng lại. Anh bước lên thêm nhà, muốn ôm tấm thân yêu dấu vào lòng mà còn ngại:

- Gia đình chồng con em thế nào? Em sống có hạnh phúc không?

Mãi tới lúc đó Katrina mới nhận biết tình huống cách rõ ràng. Cô ôm chầm lấy Trân, thì thào:

- Ôi Trân, ôi người yêu dấu của tôi! Ôi kho báu bị thất lạc của tôi! Tôi làm gì có chồng con, có biết tới hạnh phúc nào khác ngoài hạnh phúc lứa đôi thời chúng ta yêu nhau ở bệnh viện 101 trong chiến tranh Việt Nam.

- Anh cũng vậy, anh không tìm thấy hạnh phúc nào khác

ngoài hạnh phúc thời chúng ta bên nhau ở bệnh viện 101 vịnh Chu Lai.

Đôi mắt cả hai đều rung rung ngấn lệ. Họ hôn nhau, những nụ hôn dài như vô tận. Nhưng không như hồi tuổi trẻ đầy khát khao muốn hút cạn nước của những dòng sông và hồ ao trên quê hương hai nước, giờ đây lứa đôi muộn màng này chỉ muốn uống cạn đi những dòng nước mắt đã từng chảy suốt hai mươi năm xa cách.

Năm ấy, về lại Hoa Kỳ, ngoài việc hoàn tất chương trình y tá ngoại khoa, Katrina đã học tiếp và trở thành chuyên viên gây mê và hồi sức. Cô đã xin tình nguyện sang Việt Nam một lần nữa, nhưng sau 1973 Mỹ chỉ còn bảo trợ những chương trình y tế công cộng. Để được sang Việt Nam cô theo học ngành mới này, nhưng khi cô vừa tốt nghiệp thì Sài Gòn cũng vừa sụp đổ. Về tình duyên, Katrina đã hai lần có bạn trai, sống với nhau như vợ chồng, nhưng rồi cả hai đều là những thử nghiệm thất bại. Không có người nào đưa cô tới được thiên đường mơ ước của tình yêu đích thực. Từ sau hai lần tan vỡ, quan hệ nam nữ với cô chỉ là những cuộc phiêu lưu tình ái, những tìm kiếm vô vọng về một thiên đường đã mất. Rồi khi biết mình bị nhiễm chất độc màu da cam, Katrina hầu như khép kín cõi lòng, “mặt không phấn son trang điểm, tóc biêng lợt cài”.

Về phần Trân, anh cũng đã trải qua hai cuộc thử nghiệm bất thành. Đi tìm Katrina, anh có quyết tâm nhưng “bóng chim tắm cá”, “tìm em như thể tìm chim”. Anh đã đến trên một ngàn bệnh viện, cả chục ngàn phòng khám, kể cả bệnh viện và phòng khám quân đội mà quên mất Sở y tế hoặc các tổ chức y tế, nơi Katrina là chuyên viên về y tế công cộng. Gặp Katrina anh biết ngay cô sống không có hạnh phúc. Chỉ cần nối kết hai hình ảnh, một vào buổi chiều và một vào buổi sáng hôm sau, rồi đi ngược tuần trước lúc anh bấm chuông, Katrina ra mở cửa với dáng mệt mỏi, và cả ba lần mái tóc vàng của cô đều buông xõa cách cẩu thả, biết ngay cô thiếu ân cần với bản thân mình, và cũng thiếu ân cần với cuộc sống.

Hai người yêu nhau ấy đã tìm nhau và đã gặp lại nhau, liệu

họ có uống cạn hết những dòng nước mắt đã chảy trong hai mươi năm xa cách? Liệu họ có tìm lại được thiên đường đã mất, khi tất cả đều đã muộn màng, khi tất cả đều đã xanh xao, nhàu úa?

Tuần trước khi Trân bấm chuông, Katrina uể oải mở cửa, tưởng là một người homeless nào, nói đồng ý rồi khép ngay. Cô vào thả mình lên sofa, rũ rượi. Ngày hôm đó các kết quả xét nghiệm cho biết Katrina bị bệnh Leukemia. Ai còn để ý chải chuốt son phấn, tóc tai khi biết mình bị bệnh nan y? Các nghiên cứu không tìm thấy sự liên quan giữa chất độc màu da cam và bệnh Leukemia, nhưng những đồng nghiệp nữ của Katrina ở bệnh viện 101 Chu Lai, người nào có ra chiến trường tải thương đều bị nhiễm chất độc và đều bị bệnh giống như cô.

Các bác sĩ cho biết, bệnh của Katrina chỉ chữa khỏi khi có người bà con trực hệ, trùng *gene*, chịu hiến tủy. Katrina là con út, trên cô có hai anh trai, một chị ruột, có đến sáu đứa cháu gọi bằng cô đã trưởng thành nhưng không ai chịu hiến tủy. Cô chỉ còn sống lây lất mà chờ ngày tàn của cuộc đời mình trong tuyệt vọng.

Trong tuyệt vọng, đúng như vậy. Leukemia là một căn bệnh kỳ lạ. Nó không đau đớn mà làm người bệnh quẩn quại; nó không tê điếng mà làm người bệnh khắc khoải; nó không nhức mõi mà làm người bệnh rũ liệt. Nó khiến người bệnh buông xuôi, chán chường. Nó đẩy người bệnh xuống hố tuyệt vọng.

Hai người yêu nhau ấy đã tìm nhau và đã gặp lại nhau. Dù gặp lại nhau trong muộn màng, dù tất cả đã nhàu úa, Trân vẫn cho đây là một ân sung, như trước kia, việc có được Katrina là một ân sung. Cho dù Katrina với mái tóc vàng buông xõa cầu thả, với khuôn mặt xanh xao, với thân thể tiêu tụy, anh vẫn chấp nhận vì đó là định mệnh của anh, buộc anh phải đi cho trọn vòng đời. Anh còn biết đi cùng ai ở chặng cuối này khi ngoài cô ra, anh chưa hề biết có hạnh phúc nào khác. Mà, hạnh phúc thì luôn có ngọt bùi, có đắng cay. Anh tự thấy phải có nghĩa vụ với hạnh phúc gắn liền với định mệnh của mình. Cùng nhau đi cho trọn đường đời dù đắng cay dù mặn nồng, bởi trong trí tưởng

của Trân, hình bóng Katrina luôn tràn ngập. Đó là tấm nhan sắc Katrina hồng hào tươi tắn trong nắng gió chan hòa của biển Chu Lai và tấm thân Katrina lồ lộ sinh động trong đêm đầu tiên hai thể xác và linh hồn hòa quyện vào nhau ở khu trại nữ của bệnh viện 101. Anh đi tìm Katrina là tìm lại hai hình bóng ấy, cũng chính là tìm lại linh hồn mình, tìm lại thiên đường đã mất.

Việc gặp lại Trân, dù gặp lại nhau trong muôn màng, dù tất cả đã nhàu úa, tàn phai vẫn là một an ủi lớn đối với Katrina. Chỉ mới bảy ngày đêm một mình vật lộn với căn bệnh hiểm nghèo, cô đã thấm, đã biết thế nào là sự cô đơn lạnh vắng khi không có người thân yêu bên cạnh. Đây không phải chỉ là cảm giác mà là thấm thía sự trợ trọi, thấm thía nỗi bơ vơ trong đêm hoang vu trên mặt đất khi nhận ra không một ai, không một người thân nào, không người anh người chị nào, không đứa cháu nào, không một người bạn nào, không người hàng xóm nào, không người đồng sự cũ nào, không người yêu cũ nào còn quan tâm đến mình nữa. Rơi vào tình cảnh như Katrina, con người thấm thấu cái lạnh lẽo của cuộc đời, cái hoang vu của mặt đất vào từng tế bào, vào tận xương tủy. Nó vừa đau đớn vừa đau thương nhiều lần hơn căn bệnh quái ác. Nó chính là cái lạnh của huyết mộ. Việc các bác sĩ, chuyên viên, cán sự, y tá, nhân viên điều dưỡng tới lui vồn vã, thể hiện tính ưu việt của hệ thống chăm sóc y tế và an sinh xã hội Hoa Kỳ đối với bệnh nhân cận tử - hospice tại gia - có phần khoa trương nhiều hơn là nội dung tình người. Đêm về, ngôi nhà sẽ lại vắng lạnh như một nấm mồ. Mà tình người cũng chỉ là giải pháp, tình yêu mới là phép giải thoát. Trân và tình yêu của anh là phép giải thoát đối với Katrina. Cơ duyên có được Trân trước kia cũng như gặp lại anh bây giờ, với cô là một ân sủng mầu nhiệm. Trân đã kịp thời chặn lại để cô không bị tuột quá nhanh trên con dốc dẫn tới điểm đến cuối cùng ấy. Anh đã luôn túc trực bên Katrina, chăm sóc chuyện trò, vỗ về an ủi, để cô không bị cô đơn trống vắng trong những ngày còn lại ngắn ngủi trên trần gian. Bên Trân, bên kho báu bị thất lạc, Katrina như bắt chập căn bệnh đang làm tiêu hao dần dòng máu đang tuần hoàn

trong cơ thể mình, bất chấp luôn hiện tại héo hắt, mà điềm
nhiên trở lại sống trong một vùng bình yên tách biệt của
vịnh Chu Lai năm xưa. Cô như được sống lại những ngày
tuổi trẻ, và nếu phải ra đi, cũng sẽ nhẹ nhàng ra đi cùng với
thiên đường của tình yêu mơ ước, có biển xanh, rừng
dương liễu xanh, và cát trắng và nắng gió chan hòa của
vịnh Chu Lai...

Jan - Mar 2015

Nguyễn Âu Hồng

Nhà Bốn Anh Em

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

1

Em Út thích ngồi nơi chân cầu thang, ôm cây đàn guitar. Em đã biết đàn gì đâu, chỉ bắt chước các anh ôm đàn. Anh Cả hứa sẽ dạy cho em Út đàn. Anh Hai cũng hứa. Và anh Ba cũng hứa.

Người ta bảo làm em gái của nhiều anh thì lời lắm. Thật vậy! Nhà có bốn anh em. Em gái út được cưng “hết biết”.

Má sinh một dãy ba con trai, rồi ngưng. Má nói con trai không giúp mẹ nhiều được như con gái, chỉ có ăn và phá. Rồi mười năm sau má “lọt ra” đứa con gái. Đứa con nào cũng được ba má đặt tên đẹp. Nhưng trong nhà vẫn có thói quen gọi nhau là anh Cả, anh Hai, anh Ba, rồi thì em Út. Nghe giản dị.

Chưa có anh nào dạy đàn cho em Út. Anh nào cũng nói mình bận!

Anh Cả học Văn khoa. Anh học cái gì như là... Văn chương văn minh Anh, Văn chương văn minh Mỹ, rồi cũng có Văn chương Việt nữa. Tài hùng biện của anh Cả không ai qua được. Còn thêm tài sáng tác nhạc và trình diễn của anh ngay trong trường và khắp nơi trong giới sinh viên thì thật là “đáng nể”. Anh thường đi tới các trường bạn để giới thiệu những bản nhạc của anh. Em Út khâm phục anh lắm!

Anh Hai học Dược, cũng “đáng nể” không kém. Em Út thường nói anh Hai thật “chì”. Bởi em Út không thể tưởng tượng được làm sao mà một đấng nam nhi lại có thể trì chí làm những công việc tỉ mỉ và chính xác trong bốn bức tường của phòng thí nghiệm như anh. Anh giải đáp thắc mắc liên: có những công việc cần sự kiên nhẫn, tính cẩn thận và chính xác thì mới không gây ra điều tai hại, như công việc của các ngành Y và Dược. Em Út lại nể anh nữa. Nhưng chưa hết, anh Hai cũng có sáng tác nhạc. Nhạc của anh vượt cả bốn bức tường của phòng thí nghiệm, phổ biến

rộng rãi, được yêu mến lắm. Anh là người nhạc sĩ viết nhạc tình.

Anh Ba đi lính. Đi lính, nghe rất tự nhiên. Em Út chỉ biết là anh đi lính, không thắc mắc. Nghe lóm mọi người nói với nhau bình chủng này, bình chủng nọ, em Út nghe tai này lọt qua tai kia, đôi khi có thắc mắc, được giải thích, rồi cũng quên ngay. Nhưng em Út rất thích mỗi lần anh Ba về phép, làm gì thì làm, anh cũng mua quà cho em Út. Có khi là một trái bầu già làm bình đựng nước anh mua ở một buôn Thượng. Có khi là một cái tráp đựng son phấn, làm từ một quả dừa khô, sản phẩm từ một miền sông nước. Có khi là một mảnh gỗ thơm hay một trái thông khi anh trở về từ miền rừng núi cao nguyên. Em Út nâng niu những món quà đơn sơ đó và chưng bày trên bàn học của mình. Chưa hết, anh Ba cũng “đáng nể”, bởi vì anh Ba cũng biết “làm nhạc”. Nhạc của anh Ba là nhạc tả về những nơi anh đi qua, là tâm tình của anh đối với bà con ở những vùng hẻo lánh, là nỗi nhớ nhà, là tình cảm của anh với những người đồng đội, là cảm xúc khi anh đi vào khói lửa, nhiều nhiều lắm, em Út không nhớ hết. Nhạc của anh Ba, anh nói, là “nhạc lính”. Anh nói có những người không đi lính nhưng cũng viết “nhạc lính”, đó là do họ có sự cảm thông với lính, nên họ viết tâm tình “cho lính”.

2

Anh Cả dạy cho em Út đàn. Anh khen em Út thông minh, nói đâu hiểu đấy. Rồi thì anh Hai cũng có chỉ vẽ cho em Út đôi điều. Em Út học đàn và tự mình tìm hiểu, dần dần đã khá lên. Em Út có thể đàn bất cứ bản nhạc nào, tự đệm đàn cho mình hát. Em Út cũng dần dần khám phá những đặc điểm của tác phẩm của các anh mình. Nhạc của anh Cả mang nét ray rứt về chiến tranh, biểu lộ tâm trạng hoài nghi, buồn chán. Nhạc của anh Hai lãng mạn, mộng mơ, như mây như gió phiêu bồng. Còn nhạc của anh Ba, lại cũng chỉ nói được gọn gàng và đầy đủ trong hai chữ “nhạc lính”. Anh Ba không có nhiều thì giờ như hai anh lớn. Có khi anh đi biệt cả mấy tháng liền. Nhưng lúc anh về nhà, anh cũng thường ngồi cùng em Út nơi chân cầu thang, đàn hát cho em nghe.

Em Út hiểu và thích cả ba loại nhạc. Có lẽ “máu văn nghệ” từ ba má đã ăn sâu vào tim óc, nên cả nhà bốn anh em đều thích âm nhạc. Em Út thấy cuộc đời thật là phong phú.

Có một ngày giáp Tết, em Út theo Má đi thăm anh Ba đang trú đóng ở một quận miền Tây. Chỉ mới kịp đưa cho anh túi quà nào bánh tét, mứt món, nào vật dụng cần thiết, chưa kịp hàn huyên, anh Ba đã có lệnh chuyển quân. Má và em Út ngẩn ngơ. Khi về lại Sài Gòn, em Út thấy Má cứ lau nước mắt hoài. Lòng em Út cũng buồn rười rượi. Em Út chưa hiểu gì là gian khổ, là cách chia. Sự hiểu biết về chiến tranh chưa rõ rệt, nhưng từ đó đã thấm sâu trong lòng em Út một ý niệm: đi và sống như anh Ba, chẳng trách nhạc của anh sâu sắc là thế, tình cảm là thế.

Em Út càng thương anh Ba hơn, khi trong một lần về phép anh Ba dẫn một thiếu nữ về nhà giới thiệu với Ba Má và các anh em. Bạn gái của anh Ba, ngay sau đó đã được nhanh chóng gọi lén là “chị Ba”. Ai cũng mến người con gái dịu dàng ấy. Và từ đó, trong những bản nhạc anh Ba viết, có bóng dáng của những người thương lính.

3

Cuối mùa xuân, tiết trời gay gắt lạ thường. Như hợp cùng cái nóng bức của đất trời, tin chiến sự bùng lên phá tan nét yên bình vốn có của thành phố thủ đô.

Năm nay, anh Hai đang học năm cuối ở Dược khoa. Anh Cả thì đã ra trường được hai năm rồi, đang làm việc ở một trung tâm văn hóa. Các anh đang có một con đường êm ả, một tương lai đầy hứa hẹn. Chỉ có anh Ba vẫn bôn ba đời lính.

Trong những ngày cuối tháng Tư, anh Cả có thái độ lạ lắm. Anh thường không ăn cơm nhà, lại về rất khuya. Anh lộ vẻ bồn chồn. Anh Hai thì lại thường xách xe chạy vào trường để xem có giờ học hay không. Anh Hai trở về với nét thất vọng, vì những xáo trộn không dừng ở bên ngoài mà vào cả trong trường. Thầy cô không đến lớp, sinh viên kẻ ở người đi, xao xác, hoang mang. Còn anh Ba hơn một tháng nay không về, cũng không thấy thư từ gì cả.

Thành phố thở những hơi thở gấp như người hấp hối. Người tản cư từ các tỉnh chạy đến, người bỏ nước hối hả chạy đi. Em Út học sinh “trung học đệ nhất cấp” được cho

ở nhà khỏi phải đến trường.

Và trong cái ngày mà mọi thứ sụp đổ, anh Cả xách cây đàn guitar chạy biến khỏi nhà. Mọi người sau đó biết anh đã lên đài phát thanh. Anh cùng một số bạn của anh hát vang từ những chiếc radio khắp mọi nhà những bài ca “mừng chiến thắng”.

Rồi anh Ba cũng về. Anh Ba bị thương nặng vừa mới được tải về bệnh viện đã bị mấy người “cách mạng” đuổi đi. Anh được mấy người bạn công ra đường gọi xe đưa về nhà. Cái không khí gia đình như vỡ tung ra.

Em Út ngồi bên anh Ba suốt ngày. Anh Ba trao cho em Út một tập nhạc anh viết bằng tay. Đó là gia tài còn lại của anh.

4

“Anh Hai, đã bốn mươi năm!”

Anh Hai gật đầu nhẹ. Mắt anh nhìn ra nơi xa vắng. Nơi đó là một màu xanh tươi của rừng mới thay lá. Anh chọn nơi ở này rất thích hợp với tính cách mơ mộng của anh. Bao nhiêu năm vừa vất vả kiếm sống nuôi em vừa học hành rồi ra trường làm việc, anh Hai vẫn cái tính cách đó, mơ mộng và nghĩ nhiều về tình yêu. Anh vẫn viết nhạc tình.

Hai anh em thuở đó được Ba Má “lo” cho đi vượt biên. Em Út mang cái hình ảnh cuối cùng của anh Ba và gia tài cuối cùng của anh. Những bản nhạc của anh Ba đã thành “di sản” của một thời binh lửa. Ai cũng biết. Và nhiều người thuộc lòng những bài hát đó.

Giờ đây Ba Má không còn. Một ngày cuối năm, anh Hai và em Út sững sờ khi thấy báo đăng tin anh Cả lâm trọng bệnh. Trong những giây phút cuối đời, anh Cả đã nói lên sự thất vọng và ăn năn của mình vì đã cống hiến tài văn nghệ của một thời thanh niên để ca ngợi một chế độ phi nhân. Anh Cả cũng đã ra đi.

Em Út bây giờ không còn là một cô bé thơ dại tuổi mười ba như năm nào. Ngày đó cô bé không hiểu gì nhiều, cứ tròn mắt nhìn người lớn buồn, vui, đau khổ, hạnh phúc. Xa gia đình, em Út dần trở thành người lớn, biết quán xuyến mọi việc. Hòa nhập với cuộc sống mới rất dễ dàng, nhưng

hầu như lúc nào em Út cũng canh cánh chuyện xưa, khi còn ở trong vòng tay của Ba Má, nhõng nhẽo với các anh, đòi bánh đòi quà. Em Út nhớ lắm những lúc ngồi nơi chân cầu thang, nghe anh Ba đàn và hát “nhạc lính”. Kỷ niệm sâu đậm, rạt rào, nhức nhối. Em Út tự hỏi tại sao ngày đó các anh mình, và mình, không thể có được một “ban nhạc” với cùng một lối chơi đàn, cùng một ý tưởng, cùng một ước mơ? Em Út băn khoăn, rồi cũng tự tìm ra câu giải đáp. Các anh mình, như những góc cạnh của một xã hội, một đất nước. Mỗi người một vẻ.

“Anh Hai, em Út muốn nghe anh đàn và hát.”

“Em Út muốn bản nào?”

“Đương nhiên là nhạc tình yêu anh viết.”

Anh Hai có vẻ hơi tự lự. Có lẽ anh Hai đang chọn bản nào hay nhất theo ý anh để tặng cô em gái. Em Út nghĩ, anh Hai quả thật là một người may mắn, vì ngoài thành công anh có được trong công việc, anh còn có môi trường thuận lợi để sáng tác và giới thiệu tác phẩm của mình. Nhạc tình của anh được đón nhận nồng nhiệt. Anh cũng đi đây đi đó để trình bày những bản nhạc của anh. Anh đã có nhiều “fan” hâm mộ!

Anh Hai đàn và hát cho em Út nghe bản nhạc tình mới nhất của anh. Tiếng đàn guitar ngọt ngào. Giọng hát của anh Hai trầm ấm. Em Út nhắm mắt lại, chợt liên tưởng đến giọng hát của anh Cả và anh Ba. Các anh của mình, ai cũng viết nhạc hay và đàn hay, hát hay. Em Út bỗng ao ước mình đang về dưới một mái nhà, có Ba Má chăm sóc thương yêu, có anh em cùng vui chơi đùa dặt nhau. Tất cả đã mất! Giờ đây chỉ còn lại hai anh em. Mỗi người đều có một gia đình riêng, nhưng thỉnh thoảng họ vẫn ngồi lại với nhau như hôm nay.

Trong bản nhạc tình mới viết của anh Hai, có lời ca ngợi tình yêu, ca ngợi cảnh rạng rỡ của mùa xuân nơi miền đất phong phú xinh đẹp này. Giọng hát của anh Hai bay bổng, quện trong tiếng đàn dịu dặt... Bỗng như có một cái dấu gạch ngang vô nghĩa chen vào một câu văn, tiếng hát của anh Hai tắc nghẹn. Âm thanh từ cây đàn buông thông, lạc loài. Em Út mở mắt ra, giật mình khi thấy anh Hai đang ôm đầu. Em Út kêu lên thảng thốt:

“Anh Hai, anh sao vậy? Anh Hai bệnh hử?”

Anh Hai không trả lời. Em Út hỏi đến lần thứ ba, chợt nghe tiếng anh Hai nấc lên. Rồi anh Hai khóc thành tiếng.

“Anh Hai nói đi, đừng làm em sợ.”

“Út ơi, anh nhớ anh em của mình quá!”

Em Út ôm chặt lấy anh, khóc theo. Em Út rất sợ mất anh Hai như đã mất Ba Má, mất anh Cả, mất anh Ba.

“Anh cũng buồn cho anh nữa, em Út ơi!”

“Tại sao? Anh Hai buồn chuyện gì?”

“Em Út ơi, bao nhiêu năm anh viết nhạc tình yêu dễ dàng, mà có một điều anh chưa làm được.”

“Là điều gì?”

“Anh... anh... chưa bao giờ viết về chiến tranh, về đất nước buồn đau của mình.”

Và anh Hai lại nức nở. Em Út lạ lùng nhìn anh, rồi bỗng thấu hiểu.

Màu xanh tươi của rừng đàn ông xa kia bỗng thẫm lại. Em Út thấy đó là khu rừng anh Ba đã đi vào. Đôi mắt của anh Hai như cũng thẫm lại. Anh đã lấy lại vẻ bình yên.

“Anh Hai đừng có buồn. Anh em mình còn có nhau. Em Út bây giờ là “bà cụ non” tuy không còn non, nhưng anh Hai cho em Út khuyên anh Hai một điều nhé!”

“Út nói đi!”

“Anh Hai ơi, đất nước mình còn đó, nỗi buồn đau còn đó, anh Hai còn có thể hướng về.”

“Vâng, em Út, “bà cụ non” của anh, anh hiểu.”

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Tháng Giêng 2015

LẠI CHỬI

Tản mạn của NGUYỄN VĂN XUÂN

Vừa rồi, nhân đọc Võ Phiến ở B.K. (271), tôi thấy ông bàn đến vấn đề chửi khá hăng giữa lúc chiến tranh còn hơn là sự đe dọa mà đã là sự thực ở ngay trung tâm các thành phố. Thật là một thái độ bình thản của người muốn xoay lưng lại đến mức tối đa với thời cuộc. Nhưng nghĩ cho cùng, chửi là gì nếu không phải là một trận giặc nhỏ bên một trận kinh thiên động địa? Và phải chăng, chính từ ý nghĩa tranh chấp, chửi đã xuất hiện như hình thức thô sơ nhất rồi tự tìm lấy lối phát triển riêng và chậm tiến bên cạnh những lối khác, chẳng hạn dùng bạo lực và chính trị?

NHƯNG TRƯỚC HẾT CHỬI LÀ GÌ?

Theo lối định nghĩa thông thường, *chửi* là dùng những lời hỗn, rất hỗn bất chấp nặng đến thế nào đối với kẻ khác. Và khi có đối thoại thì đó là *chửi lộn*. Nhưng thế nào là *hỗn*? Là dùng những tiếng mà đại vị mình không được dùng để nói với người ngang hàng hoặc người trên. Đứa con nói với mẹ và dùng lời của chú, cha mình hoặc không thưa hỏi gì đã là vô phép là hỗn, là hỗn láo. Nhưng các trường hợp như thế hoặc có nặng hơn như dùng những lời loạn luân thì cũng chỉ mới là *nói hỗn*. Chửi còn ở trên tình trạng nói hỗn một bậc vì không chỉ dùng lời nói hỗn mà giọng và điệu bộ đã bày tỏ thái độ khinh bỉ, chống đối, miệt thị, không chỉ hỗn láo mà còn *hỗn hào*. Vậy khi cha mẹ nói: “mày chửi cha mày đó à?” là chỉ trích con vô lễ chứ chưa hẳn con đã dám chửi. Khi hai người hàng xóm nói nặng nhẹ với nhau thì cũng có thể là tình trạng đôi co, xô xát (bằng lời) mắng mỗ, nói hỗn chứ chưa hẳn chửi. Chửi phải có nét mặt, thái độ, giọng nói cho thấy tinh thần người nói đã có sự biến đổi ít nhiều, nước đã bắt xối tẩm và nước có thể sôi sục nếu không khéo tự dàn xếp, không nuốt tự ái, không nhờ đệ tam nhân giải quyết. (Nhưng nhiều khi tại các đệ tam

nhân mà nước thực sự vụt sôi.) Chửi có thể chỉ là chửi thuần túy nghĩa là chửi một cách hỗn hào, hoặc bao hàm nhiều loại chửi sau: Chửi bới là đào bới những người bà con, ông bà kẻ đối thoại ra mắng một cách tổng quát; hỗn nhất là dám động chạm hoặc dám gọi thẳng tên húy cha mẹ đối thủ ra rồi còn bảo ăn cái này, cái nọ... Chửi đến mức độ đó là cao nhất. Vì thường thường hề phạm đến những điều ấy là có thể đánh nhau, đưa tới làng xã, nằm vạ.... *Chửi rửa* là trong lời chửi có bày tỏ những ước nguyện kẻ đối thủ sẽ gặp sự rủi ro, nguy hiểm như ông Phường Chèo, bà Đồ Mỏ hay Âm hồn Dịch bớp bắt họ đi, khi qua sông dò chìm, khi lên núi cộp ăn. Có khi là *chửi thề*. Không phải lời chửi thề “thông thường ở Sài Gòn là gặp đâu “Đ... mẹ” đó. Chửi thề là vừa chửi, vừa thề để tự mình oan. “Nếu tau có làm, Hà bá vật tau, tau chế không thấy chồng con”. Có khi biến thành một sự thề bồi hăn hoi ở miếu khi cả hai tin tưởng chân lý mình viện ra là đúng và cần thần linh chứng giám, phán đoán “làm học máu, bóp đứt cuống họng đưa gian”. Còn *chửi tục* là chửi không chút thanh nhã văn hoa gì, toàn dùng những tiếng cụ thể, chỉ những vật cụ thể như các bộ phận sinh dục, kể cả những chất dơ ngay có kinh hoặc dề dái, rất kém vệ sinh. Nhiều khán giả hâm mộ môn chửi (vì đời sống ngày trước rất vô sự, không có gì xem) thề mà khi nghe nhiều bà chửi tục đến độ kinh tởm phải bỏ chạy. Nhiều bà khác còn đủ can đảm cời cả q... vất lên cổ để tênh hênh ra như thế mà chửi. *Chửi mắng* phần lớn là dùng tiếng chửi và lời la rầy mắng nhiếc dạy dỗ của kẻ bề trên. Lời chửi này tuy thường xảy ra nhưng bao giờ cũng có sự hạn chế chứ không quá kinh khủng trừ khi là *chửi ghen*. Nhiều bà chủ nhà mắng đứa ở, nhiều bà di ghẻ chửi con chồng, bà gia chửi dâu..., chửi mắng vì là phần uất, bực tức, giận dữ nhưng không muốn đánh mồm tay, không thể rầy vì thiếu lời nói, thiếu uy thế hay vì kẻ dưới mình lì lợm quá nên chửi mắng cho hả dạ.

Lại còn có *chửi trộm* là ghét mặt ai, khi nó đi qua, lén lút chửi vài tiếng cho đã giận. *Chửi đổng* là chửi vu vơ, chửi giữa trời *chửi trời*. “Cha thằng nào ngứa cổ xỏ miệng vô là đại! Tao có chửi nó đâu (thề mà là chửi chúng nó). *Chửi thảm* là không dám chửi lớn mà chỉ chửi trong miệng, như

trường hợp người ở chữ chủ nhà. *Chửi chối* là ngồi buồn, tức bực, chửi lên ít tiếng mà cũng không định chửi ai. Có rất nhiều lối chửi theo từng hoàn cảnh, trường hợp, khó nói cho hết (1).

Lại có trường hợp tự chửi: “Thằng cha, ông nội tôi ngu như vậy đó! Kệ cao tăng cổ tổ tôi” nhưng ai cũng hiểu tôi ở đây là *kẻ đối thoại*, ngôi thứ hai trong nhân vật đại danh từ.

Chửi còn có khi không chửi gì cả. Như khi thù nhau, anh A đem tên của ông cha anh B đặt cho tên con mình hay con chó nhà mình. Vậy là sinh sự với nhau rồi, huống chi gặp lúc B đi qua nhà, A lại kêu con, kêu chó mà mắng? Hay trường hợp những bà tức giận nhau rồi thì không cần chửi nhiều mà chỉ thi nhau vừa nhảy vừa vỗ... Ai nhảy cao nhất vỗ nhiều nhất và ai dám biểu diễn cả môn thoát y vũ thì thường là thắng.

Ngoài ra, thực sự chữ chửi còn nhiều nghĩa, chẳng hạn trong câu thơ của Trần Tế Xương mắng một tên công tử nghênh ngang áo quần lờ lợt tráp điều sang trọng: “Thằng tiểu Phù Lương nó *chửi* mày.” Chửi đây có nghĩa là thách vô giá trị đã ngủ với mẹ anh công tử một cách cụ thể, anh đừng làm tàng nữa.

NHƯNG TẠI SAO LẠI CHỬ?

Trong bài của Võ Phiến, ông có trích lời Nguyễn văn Trung trong tác phẩm “Ca Tụng Thân Xác.” “Người ta không thể chửi tục nếu không dựa trên một số niềm tin có tính chất tôn giáo.” Rồi ông Võ Phiến hỏi: “Thật vậy chăng? Nói những câu như “Đồ mất dạy, mày cứ há hốc mồm ra thì ông ị vào...” Không biết có phải tại cố ý hiểu chữ *chửi tục* của Nguyễn văn Trung cho đúng và họ Võ phát biểu hai lần những thí dụ loại ị đó? Vì như ta thấy chửi tục vẫn tồn tại khi tôn giáo hay niềm tin có tính chất tôn giáo mất. Nhưng chửi tục sẽ mất khi khoa vệ sinh cơ thể và mỹ thuật Tây phương tìm được chỗ đứng ở Việt Nam. Ví như hiện nay, nếu có phim nào quảng cáo là có nhiều con gái khỏa thân dơ đủ “đồ nghề” ra, những nhà trí thức, nhà đạo đức giả hay thật, những tay bảo vệ luân lý,

những cụ giáo mang kính dày liền hăm hờ chen nhau mu vé đi xem trước nhất. Vậy mà ngày xưa người ta gọi đó bằng một chữ rất thô tuy rất xác đáng “dòm l...”. Ở Hội An, trước kia có một khách trú lại nổi tiếng lừng lẫy vì những hoạt động tích cực trong ngành này và chỉ cần nhắc Hòa Chư là lớp trung niên hiểu muốn nói cái gì rồi. Ấy thế mà y rất bị khinh bỉ, miệt thị. Bây giờ, ta thử tưởng tượng một cô gái cứ làm như các bà, các cụ ngày xưa mỗi khi đầu khẩu kịch liệt lại thoát ý thì quang cảnh sẽ ra sao? Có lẽ “vừa chửi vừa la cũng đắt hàng”! Sự thực, hình như các cô biết rõ tâm lý sẵn sàng xung phong của các thanh niên, học thức ngày nay cho nên môn chửi-tục-có-trình-diễn ấy gần như ít khi phô bày ra nữa. (2) Còn chửi bới, chửi rửa, chửi thề thì đúng như nhận xét ông Trung là khi nào người Việt không thờ cúng tổ tiên (phải nói thêm là quí thần) thì nó không còn ý nghĩa. tác dụng. Tôi nói thêm quí thần vì tin sự linh ứng của các bậc đó nên mới có. Còn *chửi bới* thì chỉ do ý muốn làm tổn thương, lăng nhục đối phương và ông bà của y chứ không nặng về tin tưởng thần linh (3) bằng.

Vậy chửi là một hiện tượng của Văn hóa là một loại phong tục, tập quán nhưng thiết yếu là một sự tranh đấu, một hình thức tranh đấu trong một hoàn cảnh xã hội. Nói cách khác đi, nếu xã hội của ta có tổ chức hành chánh vững vàng, có kỷ luật nghiêm minh, có cảnh sát ở cơ sở địa phương, không có tham nhũng thì không cần có chửi. Và nhất là nếu đời sống dân chúng phong phú và công dân giáo dục được khuếch trương thì lại càng không có chửi nữa. Chửi là một hình thái không thể thiếu trong hoàn cảnh xã hội thiếu tổ chức. Trong làng tôi có nhiều bà mà tôi lấy một bà làm tí dụ. *Bà rất nghèo nhưng không có tính khuất phục.* Do đó, khi nào bà mất con gà là cả xóm phải biết. Thôi thì bà kêu đủ tam đại những đứa nào ăn trộm gà của bà ra mà cho nó ăn đủ thứ. Hoặc có ai đánh con bà, bà cũng dùng tiếng chửi để đối phó. Tại sao? Tại vì bà biết nếu đi thưa với làng thì đời nào những ông tai to mắt lớn thềm để ý đến con gà tuy nó là báu vật của nhà bà. Làng cũng không có cảnh sát để đi tìm hộ cho bà con gà hoặc bệnh vực cho con bà. *Cái lệ* làng ngày xưa chỉ có đánh nhau rồi *nằm vạ*

mới được chiếu cố. Chiếu cố thường là *nguyên* hay *bị* gì cũng bị phạt hay thiệt thòi ráo cả. Thành ra bà đại gì đánh nhau vì: a/ bà sẽ thua b/ bà sẽ phải rạch mặt rạch mày để nằm vạ rồi phải nhịn đói cho được nhiều ngày để trầm trọng hóa vấn đề, mong mau được xử c/ bị phạt. Đã mất gà, con lại bị đánh rồi thân mình phải chịu thiệt thòi như thế thì tội gì? Tốt hơn hết là chửi! Biết hay không biết đưa trộm gà, đưa đánh con mình cũng hãy cứ chửi như nhà thơ trào phúng, kẻ làm về cứ sáng tác rồi đem đọc cùng xóm, dân cùng làng chơi!

Dân bao giờ chẳng tìm cách né tránh pháp luật và tranh đấu hợp pháp khi mình có khả năng? Thản hoặc cũng đôi khi làng bắt những người *chửi* hoặc *chửi lộn* đấy, nhưng đó là trường hợp bị những lực lượng có uy thế làm áp lực, còn thì ít khi xảy ra. Hoặc cũng có kẻ nổi xung xông vào đánh kẻ chửi mình nhưng kẻ chửi kia cũng tinh khôn lắm! Với kẻ ngang bằng thì chửi thẳng, kẻ có máu mặt, có sức khỏe thì *chửi xéo*, *chửi xa*, *chửi gần* hay gọi con cháu chó mèo mình ra mà chửi. Miễn thể nào chửi cho *đã nư*, *há giận* lẫn nhục đối phương và ít bị hậu quả tai hại hơn kết. Rồi thường thường tiếng chửi ấy vẫn có tác dụng quan trọng. Vì chính những kẻ bắt trộm gà vẫn coi chừng con gà của ai trước khi bỏ vào nồi nước sôi, nếu là của con-mẹ-hay-chửi thì “Thôi, thả nó ra! Ăn của con mẹ hồn đó rồi nghe nó chửi cho sướng cả ông bà à?” Hoặc “Lũ bay đừng có đánh con của con-chó-dại đó! Bay muốn nó kêu hết ba đời ra à?” Thành ra *chửi trước hết chính là hình thức tranh đấu của kẻ yếu thế, cô thế, kẻ bị chèn ép và lời chửi là phương tiện để đạt mục tiêu của nó*.

Nói vậy, không phải kẻ bề trên, kẻ có uy thế không dùng tiếng chửi. Nhưng chung qui nó cũng chỉ là phương tiện tranh đấu, một áp lực dùng để sửa đổi, miệt thị hay thúc đẩy công việc và thêm uy quyền cho mình. Những trường hợp này rất thông thường tuy vậy như đã nói trên, loại *chửi mắng* ấy tương đối vẫn được hạn chế, âm ỉ, rồi rạc nhiều khi được che dấu kỹ như những cái xấu xa chỉ nên xảy ra ở buồng kín. *Chửi mắng* chỉ bùng ra to khi xô xát quyền lợi thực sự như đũa ở ăn cắp, con gái bỏ nhà theo trai, nàng dâu muốn lần lượt mẹ chồng trên đồng tiền, bát gạo. Chửi

mắng ít khi biến thành *chửi lộn* vì con cháu ít khi dám dùng lời hỗn, lời chửi đối đáp kẻ bề trên nên nó tiêu biểu cho một thứ quyền lực bất công của chế độ đại gia đình, phong kiến coi rẻ giá trị con người. (4)

Nó cũng thuộc phạm vi nội bộ các gia đình, chứ không có những công dụng lớn lao, rộng rãi của cái *Chửi* nói chung trong xã hội và đã giữ một vai trò quan hệ trong các mối tiếp xúc giữa người với người, giữa đoàn thể với đoàn thể ngày xưa.

NHỮNG AI CHỬ!

Nhiều người sẽ trả lời liền “Thì ai hỗn mà cần chửi là họ chửi chó ai nữa.” Đúng, nhưng chưa hẳn.

Trước hết, ta phải nhận là có hỗn mới chửi được. Vì nhiều người tức giận ghê gớm, giận “trần hông trào máu” nhưng mở miệng chửi là run, hoặc không biết nói cái gì, cứ lờ quớ những là cha mi, mẹ mi... trong khi đó đối phương có thói quen *chửi bới* thôi thì moi hết gia sản và những cái gì dấu kín của kẻ địch phô bày ra cho thiên hạ biết, khiến cho chính kẻ địch cứng mồm, phải đem về giật tóc mai, đồ giùng vô miệng, hơ lửa cho lai tinh! Vậy chửi cũng phải quen như đánh lộn, lâm trận luôn mới dạ dĩ, chửi khắp thiên hạ mới có đủ ngón hay, từ *gnwx* mới, cách đặt câu gây xúc động, cách tạo hình ảnh khiến khiếp sợ (như bà Đồ Mỏ, bà Phùng Chà) và những phương pháp đẩy cho tấn kịch mỗi lúc một đi tới và có những phương pháp mãnh liệt triệt hạ đối phương. Không gì vô duyên bằng một cuộc chửi mà ban đầu thì có kho từ ngữ tàn nhẫn nhất cho ra hết rồi rốt cuộc cứ nhai đi, nhai lại nhằm chán. Cũng như không có cuộc chửi nào lạt lẽo bằng hai bên moi miệng rồi thì huề. Chửi vậy không độc, chưa đáng gọi là tay chửi cừ khôi và lỡ gặp địch thủ là tay lão luyện ngành này thì đành thất bại, có khi mất cả chồng, cả sản nghiệp là khác. Lại có khi chửi cũng phải biết tự kìm hãm. Giả dụ hai người còn cần phải giao dịch với nhau, nhưng cần cho kẻ kia biết là đừng đi quá trớn thì phải lựa lời gì và chấm dứt ở chỗ nào. Nói tóm lại, chửi thông thường chỉ là do tức giận giữa cá nhân, những nhóm người (vì vẫn có chửi thập

thể và thủ lĩnh tiền phong là tay chửi giỏi nhất nhưng lãnh tụ thực sự là quân sư lẫn lộn bên trong) cần phải phát biểu bằng lời hồn hào, ra bộ tịch rất hung bạo, tàn tệ nhưng không cần đánh đá gì để thỏa tự ái, trả đũa, trả thù hoặc đòi hỏi, tranh giành quyền lợi trong một xã hội không có luật mà *cai trị bằng lệ* (5). Nhưng vì lâu ngày, nó trở thành một nghệ thuật được đào luyện qua nhiều thế hệ (có giọng chửi) nhiều năm tháng, nhiều kinh nghiệm và đào tạo được những người chửi chuyên môn hoặc hạng chửi thuê.

Nghề chửi thường bị xem như đề tiện nhất và không cần phải học hỏi, nghiên cứu, thật ra đó chỉ là chửi vì giận, vì tức nhất thời. Còn những ai muốn thắng đối thủ, bằng cách chửi cho hay, cho dai phải:

a) Giọng nói thật to, thật tốt, càng tốt chừng nào càng phát biểu rõ ràng rành rói – giọng phải uyển chuyển để có thể lên xuống nhấn mạnh những chỗ cần mọi người để ý, đối phương xúc động, ăn nói phải lưu loát và có óc sáng kiến về cách đặt câu, chọn chữ. Nói tóm lại, phải có tài hùng biện, đối thoại thật linh hoạt, biết mở đầu và kết thúc khéo léo.

b) Phải có cơ mưu quyền biến, tùy người, tùy nơi, tùy việc mà đương đầu, chứ không phải bạ lúc nào cũng xông ra để hứng sự nguy hiểm. Phải không ngoan biết chọn địa điểm để có đường tiến và thoái.

c) Phải có óc nhớ dai, biết nhiều, hiểu rộng để chờ đối phương có lệch lạc, nhược điểm gì thì tung ra. Nếu không nhớ thật kỹ những sự việc đã xảy ra, hoặc mình làm ơn, hoặc cha mẹ đối thủ làm bậy, ông bà nghèo nàn khốn nạn ra sao... hay không hiểu những nhân vật, phong tục, làng xã, vấn đề cho vay, thuê má, cung cấp, thuê mua, bệnh hoạn súc vật, hàng hóa lên xuống... thì lấy gì mà cãi, mà biện bác, mà đối thoại sát-sàn-sạt mà chẹn họng đối thủ?

d) Phải biết cách theo dõi đối phương để phản ứng kịp thời bằng lời nói hay cử chỉ. Phải bạch rõ những mâu thuẫn trong lời biện luận, những sai lầm trong việc kể lể, những điều láo xược của nhân chứng. Phải biết cách trào phúng đánh trống lấp bằng lời, lố bịch hóa bằng cử chỉ để làm nhục đối phương. Phải biết tâm lý khán giả để kéo họ về hòa với mình, ngấm ngấm ủng hộ mình hoặc cười chê đối

phương.

Nhiều người không quen nghe chửi mà đọc thấy những lời trên đây thì tưởng e kẻ viết bài này làm nó với một cuộc cãi lộn. thật ra muốn chửi lâu dài để thắng đối phương không chỉ bằng lời lẽ mà còn bằng cả hơi sức và thời gian nữa. *chửi lộn* không phải chỉ dùng lời hỗn, lời tục mà đủ thắng và thắng như thế đâu phải vinh dự. Chửi lộn còn thắng bằng chính lời lẽ, sự lý, tuy mỗi lời lẽ, sự lý không phải bắt đầu bằng “thưa anh, thưa chị” mà là “Tổ cha mi! thằng đầu giấy nhà mi mi có nhớ không...?” Ngày nọ, tháng kia cao tăng đưa nào mang cái mặt méo xệch vô lạy dwowiss đá quần tao mà mượn hai chục (giả giọng y như đối thủ): “thưa chị, chị cho em mượn đỡ, đúng ba ngày em đem sang trả chị. Em biết là chị...” Ba ngày rồi ba tháng. Đồ chó đẻ cứ rúc trong bếp v.v... và v.v...

Có thể nói là nếu kiểm duyệt những lời chửi, tiếng hỗn, tiếng tục... thì một trận chửi lộn là một cuộc tranh luận quá lớn tiếng, nhưng vẫn có nội dung và lối tranh luận thường rất linh hoạt, lời lẽ lưu loát đôi khi đầy ý nghĩ mà *nhà văn học, xã hội học phải lưu ý*.

Người nghe chửi thường không thiếu dù vẫn bị kẻ bẻ trên mắng. Và loại khán giả này rất giữ ý, ít khi biểu lộ rõ ý kiến ngoài tiếng cười. Vì sợ bị... chửi lây! (Thật ra, muốn viết về khán giả chửi cũng mất mấy trang, nhưng sợ lạc đề!)

Chuyên môn chửi là một số đàn bà rỗi cá. Hạng này vì sống riêng biệt, ít tiếp xúc với những đám dân khác lại buồn phải món hàng *dễ ươn, dễ thối* một cách *nặng nhọc* nên hay sinh nóng tính, hỗn hào. Nhiều người hờ cái gì cũng chửi, chửi cộc cằn, thô bạo. Nước ta vẫn có thành ngữ “Hỗn như rỗi cá” hay “ăn nói kiêu hàng tôm hàng cá.” Yếu hơn hạng bán cá là hạng ở ghe, hạng bán thịt, hạng cho vay nhỏ, hạng thu thuế chợ, bán rau hành, tạp hóa thường ở chợ nhiều hơn là các khu vực khác. Thản hoặc cũng có đàn ông biết chửi ngon lành. Nhiều ông sợ chửi mang tai tiếng nên phải uống vài chén rượu, giả say rồi lên giọng lè nhè đi cùng xóm trên, xuống xóm dưới, chửi lung tung. Nếu có ai bắt vạ thì họ thể có một giá trị tiêu cực dù hay bao nhiêu đi nữa. Vì dân Việt Nam xem ra *yếu*

môn này và ai cũng mong đẩy nó vào dĩ vãng bằng những cảnh sát viên đứng đắn, những vụ phân xử nghiêm minh, những luật lệ tôn trọng danh dự và quyền lợi cá nhân... và nhất là bằng chính sự thảo luận. Vì không hay thảo luận, không có tập quán thảo luận nên phải chửi, chứ nếu đã thảo luận giỏi, tranh luận hay có thể dàn xếp được, không đến nỗi cộc, nổi dóa, nổi hờn, nổi chửi.

Nhưng trong cáo dờ nào cũng có cái hay. Những kẻ quen chửi, những vùng quen chửi là kẻ dám đương đầu và vùng có tài đấu khẩu. Do đó, những kẻ, những nơi ấy khi học thảo luận, tranh luận họ sẽ có những khả năng gần như thiên phú để thành những tay hùng biện cừ khôi. Và chúng ta đang chờ những nhà hùng biện nhiều nhà hùng biện.

Nguyễn Văn Xuân

(1) Chẳng hạn trong một tạp chí ở Sài Gòn (hình như Văn Lang) có kể chuyện bà T... vợ một thượng quan ở Huế. Bà trẻ trung có nhan sắc diễm kiều và đại hờn. Người ta kể nhiều trường hợp đơn cử một: trong một bữa tiệc lớn đủ các cụ lớn, ông T... phát biểu gì đó mà cả tiệc cười. Bà cũng cười rồi bảo chồng: Mình nghiêng tai, em nói nhỏ điều này! Khi ông nghe bà thì thầm, luôn luôn gật đầu thích thú lắm. Bà cũng tươi cười. Nhưng khi tan tiệc, người lính hầu đứng phía sau ông bà T... bảo chẳng có chi thích thú vì bà chửi: Thằng cha cổ tổ mi, ăn nói chi mà ngu như chó. Mi uống máu q..." Đó phải chăng là lỗi chửi riêng (à part)?

(2) Môn chửi tục này, nếu đem qua Thụy Điển chẳng hạn chắc không có chỗ đứng.

(3) Môn chửi hờn và thù, mà đem qua các nước vô thần chắc không có chỗ đứng.

(4) Xem như ở nước ta hiện nay, vì người ở khó tìm nên sự kiện chủ nhà chửi dứa ở ít khi xảy ra, chứ không như trước kia đó là chuyện cơm bữa và nói thế, trước kia những kẻ lép vế bị chửi mắng mãi không phải không biết cách cư xử, chống đối hay trả đũa, nhiều khi rất kinh khủng đâu!

(5) Dù có luật chẳng cũng xin các luật gia đừng đem ni ra mà bắt bẻ kẻ viết bài này. vì một lẽ dễ hiểu là cơ sở xóm làng xưa

chẳng ai cần biết luật mà chỉ cần biết lệ trong các hoạt động thông thường. (Phép vua cũng thua lệ làng.)

(nguồn Vấn Đề số 29 tháng 12 năm 1969)

BÀI THƠ KHỐC THỊ BẰNG KHÔNG PHẢI CỦA VUA NGUYỄN DỤC TÔNG

Phan Văn Dật

Ngay từ năm 1942, trong thi văn bình chú, cuốn thứ nhất (từ sách Tao Đàn Hà Nội, trang 105), ông Ngô Tất Tố dưới bài thơ " Khóc Nàng Bằng ". ở phần tham khảo, đã viết rằng: " *Bài này nhiều người bảo là của vua Tự Đức. Nhưng các vị cổ lão thì nói là của ông Nguyễn Gia Thiều khóc nàng Bằng Cơ, một người vợ lẽ của ông.*

Xét ra vua Tự Đức cũng ít khi làm thơ phúc âm. Coi tập Việt sử tổng vịnh và những nhời phê của ngài ở bộ Việt-sử Khâm-định thì biết tính ngài rất bệ vệ, lúc nào cũng muốn tỏ mình là đáng anh quân. Với cái tính kiêu sức ấy, chắc không khi nào ngài chịu dùng những chữ tình chữ duyên để khóc một người đàn bà.. Huống thơ vua Tự Đức rất dở, cả tập Việt-sử tổng-vịnh không mấy bài nghe được. Vậy mà bài này lại là một bài rất hay, có lẽ sức ngài không thể làm nổi.

Vậy nay theo lời các vị cổ lão trả lại ông Nguyễn Gia Thiều."

Thơ vua Dục Tông có đến nỗi dở như nhà văn quá cổ họ Ngô nói không, chúng tôi là kẻ hậu-học không dám lãnh trách nhiệm xét đoán lời phê bình ấy. Và ở đây chúng tôi cũng không nhắm mục đích phê bình.

Trong đặc san Vì Dân, số 26,27 ra ngày 8-11-1952, trang 9, ông Bửu Kế trong bài "Tập thi quốc văn của vua Tự Đức " cũng viết rằng: " Những thi văn tập của vua Tự Đức để lại rất nhiều, trước kia ai đã vào thư viện Huế để nghiên cứu chắc cũng rõ. Nhưng có một quyển rất quý cho tài liệu

văn học sử Việt Nam mà không mấy ai được đọc đến là một tập thi bằng quốc văn của ta. Một tập thi gồm có hơn trăm bài, đủ cả các thể. Cạnh mỗi bài thơ đều có lời phê bình của bà Nguyễn Nhược thị Bích (tác giả tập Hạnh Thực ca) viết bằng thứ chữ son rất nhỏ. Ngoài ra lại có một xấp mỏng của vua Tự Đức phê bình và sửa chữa truyện Kiều. Mấy quyển sách này thuộc loại sách ngự-chế, cất kỹ trong Nội-các. Cho mãi đến tháng 9 năm 1945, những sách ấy mới chở ra thư viện nhưng cũng để riêng ra một nơi chưa kịp làm nhãn, vô thư-sách, trưng bày cho độc giả xem, thì tất cả sách của Thư viện đã phải tản cư ra Hiền-lương và bị mất sạch cả.. Có một điều tôi nhớ rõ là trong tập thi quốc văn ấy không có bài "Khóc thị Bằng" và chỉ có bài " Than đời " mà thôi. Bài này chính là bài người ta thường cho là bài vua làm ra gần lúc thăng hà. Bài " Than đời " mở đầu bằng những câu:

*Sự đời ngòi nghĩ, nghĩ mà ghê,
Sống gửi rồi ra lại thác về.*

Bài này có nhiều sách đã chép rồi, tưởng không cần lựa ra đây làm gì nữa. Còn bài " Khóc thị Bằng " cũng có nhiều người vẫn nghi ngờ là không phải của vua Tự Đức.

Ông Bửu Kế là cựu nhân viên Viện Văn Hóa lại phụ trách phần thư khố, cho nên biết rõ việc này hơn ai cả. Bài " Than đời " ông nói đây, các sách thường theo Dương Quảng Hàm đề là " Ngẫu cảm ". Trong tập thơ nôm của ông Kế nói, có nhiều bài tứ-khúc và bài về " Giá ngự Thuận an ". (1) Như vậy các ông Ngô tất Tố và Bửu Kế đều có ý cho bài thơ " Khóc thị Bằng " không phải là của vua Dực Tông, duy hai ông còn chưa nói một cách quả quyết . Thế nhưng trong tất cả sách giáo khoa ngày nay, cũng như trên các tờ tạp chí giáo dục và văn học, vua Dực Tông vẫn được coi như là tác giả của bài thơ ấy. Lại có người còn xét khuynh hướng văn nghệ và con người tình cảm của nhà vua qua giọng điệu bài thơ đó.

Chúng tôi có bằng chứng đích xác rằng bài " Khóc thị

Bằng " không phải của vua Dục Tông, như sẽ nói dưới đây. Nhưng cái lầm trên bắt đầu từ đâu mà có và người lầm trước nhất là ai? Chúng tôi chưa tìm ra manh mối. Chỉ biết rằng trong mục " Nam âm thi thoại " bài thứ nhất đăng ở tạp chí Nam Phong số 8 tháng 2 năm 1918, trang 81 (loạt bài này sau đã gộp lại thành sách lấy nhan là " Chương Dân thi thoại ", nhà in Đắc Lập Huế. 1936, trang 8 và 9), ông Phan Khôi đã có viết một đoạn như sau:

" Nghe truyền tụng có câu:

*Ngọn nước chảy xuôi trời lật ngửa,
Mảnh gương úp sấp đất nằm nghiêng*

Ngài Tuy Lý Vương cũng có câu:

*Đất e biển cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.*

Hai câu ấy một câu thì rất vẻ tiêu xảo, một câu thì ngụ ý trầm hùng, mà đều là khắc hoạch cả. Đức Dục-tôn ngự chế điều một bà phi, có câu rằng:

*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn ý lại để dành hơi.*

Cũng là khắc hoạch, nhưng có cái chí tình.

Thế là từ năm 1918, ông Phan Khôi đã yên chí rằng hai câu thơ trên là của vua Dục Tông, tức là cả bài cùng một tác giả. Như vậy sử nhận lầm ấy chắc đã có từ trước nữa. Đến năm 1926, ông Trần Trung Viên cho ra " Văn đàn bảo giám " quyển thứ nhất (Nam kỳ thư quán Hà Nội xuất bản, trang 68) dưới đầu đề " Khóc Bằng phi ", cũng in trọn bài thơ như ta biết và đề tác giả là Dục Tôn Hoàng đế. Từ đó về sau, sách nào cũng chép như vậy, kể cả hai quyển " Quốc văn trích diễm " và " Việt văn giáo khoa thư " năm thứ ba và thứ tư của Dương Quảng Hàm, một học giả rất thận trọng và có nhiều uy tín. Cho đến hiện nay, trong các lớp học, ở đâu cũng cho bài " Khóc thị Bằng " là của vua

Dực Tông. Đối với một tác giả qua đời cách đây không đầy 80 năm, hơn nữa lại là một bậc đế vương trị vì những 36 năm, nhất cử nhất động đều có ghi chép mà còn có sự lầm lẫn như thế, thì nói chi đến các tác giả khác sống xa ta hơn, những điều mậu ngộ sẽ nhiều đến thế nào.

Từ khi đọc những lời nhận xét của ông Ngô tất Tố, chúng tôi đã lấy làm ngờ. Vì xét cho kỹ, tại sao bài ấy lại thường lấy tên là " Khóc Bằng phi" ? Trong bài, tác giả chỉ gọi kẻ quá cố là Thị Bằng chứ có chữ gì bảo rằng người ấy là một bà phi đâu. Huống chi đối với một bà trong nội cung đã lên đến ngôi vị là nhất, nhị giai phi thì nhà vua lẽ nào lại khóc kẻ mình đã có bụng yêu mến bằng một tiếng gọi rẻ rúng là "thị"? Vua muốn giữ gìn thể thống cho mình, ít nhất cũng phải gọi là "ái phi" hoặc " ái khanh" mới phải. Vì vậy tôi đã có ý tìm tòi từ đó, nhưng vì thiếu ngày giờ và phương tiện nên đành gác lại một nơi.

Năm 1948, nhân đi khảo sát về các di tích lịch sử của cựu-đô Huế, và khi muốn tìm hiểu sự thật về Bình-an-đường (2) tôi đã gặp bà Tiếp-dư họ Trần, triều Khải Định, và được cho biết rằng tất cả những người trong nội cung từ xưa đến nay, trừ Hoàng thái hậu cùng Hoàng quý phi, thì không ai được chết trong hoàng thành. Cho dầu là ai, đến lúc yêu gần mất cũng phải đưa ra nằm tại Bình-an-đường, phía sau hoàng thành. Bà ấy nghe nói chỉ có một người được cái ân huệ tắt hơi thở cuối cùng ngay trong cung cấm, ấy là bà Bằng phi. Thật là rắc rối! Lời nói của bà Tiếp-dư càng làm cho tôi thêm ngờ vực khó nghĩ. Không lẽ một người ở vào địa vị ấy và sống trong cung lâu ngày lại không rõ những việc có liên quan mật thiết đến mình lại bịa ra những câu chuyện không từng có. nhưng liền đó, tôi lại gặp cụ Thủ khoa Trần Trinh Cáp, trước làm ở Nội các, quả quyết bảo rằng vua Dực Tông không có bà phi nào tên là Bằng phi cả. Thì ra bà Tiếp dư cũng như nhiều bà khác đều đã bị đánh lừa bởi bài thơ " Khóc thị Bằng " mà họ được đọc trên các sách báo. Họ đã nghĩ rằng một người được sủng hạnh như thế chắc là được chết trong cung. Sự phỏng đoán ban đầu dần dần đã biến thành một điều tin

tướng. Hỏi họ có biết gì hơn về Bằng phi, ngoài bài thơ trên, thì họ thú nhận rằng không biết gì hơn nữa.

Sau ngày chiến tranh bao nhiêu quốc thư đều tán lạc cả, cho đến những bộ Thực-lục, Liệt-truyện và nhất là bộ Ngọc-diệp rất khó tìm lại cho trọn bộ. Gần đây mới sưu tầm lại được và tôi mới có bằng cứ chắc chắn rằng không có bà nào là Bằng phi dưới triều Dục Tông. Trước hết hãy xin nói về qui chế các bà trong nội cung triều Nguyễn.

Nếu các quan lại chia làm cửu phẩm, thì nội cung cũng chia làm cửu giai. Trên hết là nguyên phối của vua, tức Chánh cung là Hoàng quý phi và không thuộc về cửu giai. (Lệ triều Nguyễn trước không lập Hoàng hậu). Xuống mới là cửu giai chia ra như sau:

Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai tiếp dư, Lục giai tiếp dư, Thất giai quý nhân, Bát giai mỹ nhân, Cửu giai tài nhân, và dưới nữa là các cung phi. (Theo Hồ Đắc Hàm: les Mystère de la cour de Hue, V - Le harem, Thân kinh tạp chí quyền 4 năm 1927 phần Pháp văn, trang 382).

Vua Dục Tông đối với phái đẹp như thế nào? Vì lên đậu mùa nên mang phải bí-tật , vua không thể có sự ân ái với đàn bà, vì vậy cảm tình đối với họ cũng không thể nồng nàn thắm đượm lắm. Sự thân mật giữa vua và bà Lê-tân Nguyễn nhược thị Bích có lẽ không vượt ra ngoài địa hạt văn chương hàn mặc. Mối liên hệ của các cung nhân đối với vua chỉ ở trong phạm vi phục dịch. Theo Thân Trọng Huề (có chép lại trong Việt nam sử lược của Trần Trọng Kim. Nhà in Vĩnh Thành, Hà Nội, 1928, quyển hạ, trang 213), vua Dục Tông thường làm việc ở chái đông điện Cần Chánh "ngài ngời làm việc một mình, vài tên thị nữ đứng hầu, để mài son, thấp thuốc hay là đi truyền việc ". Vì vậy mà số cung tần vẫn rất nhiều.

Trong sách " L' Empire d'Annam" của Đại úy Ch. Gosselin (Perrin et Cic. Libraires-Editeurs, Paris, 1904, trang 230), tác giả có thuật lại rằng: " vua Tự Đức lúc mất năm 1883, có một trăm lẻ ba bà vợ, chia ra nhiều cấp bậc, theo qui

chế của nội cung. Các bà ấy phần nhiều là con các thế gia vọng tộc, các quan đại thần mà bước công danh buộc phải có một trong những người con gái của họ bên cạnh nhà vua. Nhờ trí thông minh của mình, một người đàn bà vẫn thường chiếm được lòng sủng ái của nhà vua và làm cho ơn vũ - lộ tưới xuống nhà mình. Hơn nữa, những người con khác mẹ vẫn là con chính thức ngang hàng với nhau, sự tình cờ có thể, khi một người con ấy lên ngôi cửu ngũ, đưa một gia đình trước kia ở vào một địa vị tương đối thấp thỏi, lên đến cực phẩm triều đình.

Trong số một trăm lẻ ba bà được ở trong cung đó, tôi (lời của Gosselin) chưa kể đến vô số là những vũ nữ, ca nữ, nhạc nữ, cả những kẻ nữ tỳ nữa, họ đã được gọi nhuần quán ân trong suốt ba mươi sáu năm trị vì của vua Tự Đức "

(Le roi Tu Duc, au moment de sa mort en 1883, avait cent trois femme, vivant au palais, et divisées classes, suivant la règle établie pour le harem royal. Elles étaient pour la plupart filles d'illustres familles, de grand mandarins, auquel leur intérêt impose d'avoir une de leurs filles auprès du souverain. Une femme, en effet, peut souvent, par son intelligence, prendre de l'empire sur son royal époux et alors les faveurs tombent sur sa famille. En outre, tous les enfants nés de diverses femmes étant légitimes au même titre, le hasard peut, un de ces enfants arrivant un jour au trône, faire parvenir au sommet de la hiérarchie une famille qui jusqu' alors ne possédait qu'une situation relativement inférieure.

Parmi ces cent trois femmes entretenues au palais, nous ne comptons pas les innombrables danseuses, chanteuses, musiciennes, servantes même, qui furent pendant un règne de trente six ans, honorées des faveurs de Tu Duc)

Số cung tần sở dĩ nhiều như vậy còn vì lý do các quan thường đua nhau đưa con gái mình vào cung, hễ may con được lên làm bà phi thì cha cũng được ban tước Quận công vậy. Nhưng lên đến nhất, nhị giai phi thì có đâu cho nhiều. Bởi thế, vua Dục Tông, ngoài bà Hoàng Quý phi ra, cũng chỉ có hai bà phi nữa thôi. Sau đây là tên ba bà ấy mà tôi

đã tra cứu cùng đối chiếu được theo các sách Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện chánh biên, Ngọc Diệp và quyển " Thiên Gia quý sách " là sách viết tay của ông Ứng Quan, nhân viên Văn hóa viện Huế cho xem:

- Bà Hoàng quý phi Võ thị Duyên Hải, con của Ngự tiền Đại thần, Đông các đại học sĩ, sung Hoàng thân tư bảo Võ Xuân Cẩn (Đại Nam Nhất Thống Chí, Phan Kế Bính dịch, Đông dương tạp chí số 101, trang 4480). Bà này sau được tấn phong là Lệ Thiên Phụ Thánh Trang ý Thuận Hiếu Cẩn Thứ Ôn Từ Hiền Minh Tĩnh Thọ Anh hoàng hậu, ta thường gọi tắt là bà Trang-Ý hay Lệ Thiên Anh hoàng hậu.

- Bà Thiện phi, nữ danh là Nguyễn Đình thị...(khuyết danh), con của Nguyễn Đình Tân và là mẹ nuôi của vua cảnh Tông (tức Đồng Khánh) (3).

- Bà Học phi, nữ danh là Nguyễn văn thị Hương (chưa rõ con ai), mẹ nuôi của vua Giản Tông (tức Kiến Phúc).

Viết là Nguyễn đình thị và Nguyễn văn thị...là để phân biệt với họ Nguyễn Phúc là họ của nhà vua. Cũng như bà Nguyễn Thị Bích, ta thường gọi là Nguyễn nhược thị Bích, vì bà này con của Nguyễn nhược Sơn. Không phải họ Nguyễn thì không phải thêm chữ lót.

Không có sách nào chép đến tên một bà Bằng phi chỉ vì lẽ không bao giờ có bà ấy.

Vậy bài thơ " Khóc thị Bằng" của ai làm ra? Ông Ngô Tất-Tổ, theo lời các cổ lão, đã cho là Nguyễn Gia Thiều, và người được khóc đây là nàng Bằng Cơ, ái thiếp của tác giả Cung Oán Ngâm Khúc. Theo sách " Nam Phong giải trào" (xem lời chú thích của Dương Quảng Hàm trong Việt văn giáo khoa thư, năm thứ ba và thứ tư, trang 138 và của Nguyễn Văn Ngọc trong Nam Thi hợp tuyển, Vĩnh-hưng-long thư quán, Hà Nội 1927, trang 193) thì hai câu năm sáu, tức là hai câu luận đã thấy trong bài thơ của Ôn Như Hầu, nhưng có khác là hai chữ " cổ kính" thì đề là " mảnh gương" và hai chữ "tàn y " thì đề là " manh áo". Hai câu ấy trong thơ Ôn Như Hầu như sau:

Đập mảnh gương ra tìm lấy bóng

Xếp manh áo lại để dành hơi.

Hai câu này sau ông Trần Danh-Ấn dịch ra chữ Hán:

*Đã phá lãng hoa tâm cự ảnh
Trùng phong sam tử hộ dư hương.*

Ta thường ngỡ rằng hai câu bằng tiếng Việt là dịch ở chữ Hán ra , nhưng sự thật thì trái lại. Và hai chữ " mảnh gương " và " manh áo" thì cố nhiên là không hay bằng chữ " cô kính" và "tàn y", trong ấy hai chữ " cô" và "tàn" bao hàm một ý tiếc thương những cái gì đã mất, có cái chí tình như lời ông Phan Khôi nói. Có lẽ vì thế mà một nhà thơ nào ở về thời sau đã đổi lại như câu ta thường truyền tụng chẳng? hay chính người đổi đó lại là vua Dục Tông, cho nên mới có sự nhận lầm xưa nay? Ví ta thấy nhà vua cũng sính việc chữa văn người và đã từng chữa cả văn Kiều nữa vậy.

Chúng tôi rất tiếc chưa bao giờ được thấy bài thơ của Ôn Như Hầu và cũng chưa hề được xem sách " Nam Phong giải trào" mà chúng tôi vẫn thường nghe các cụ xưa nói đến. Nhưng dù sao bài thơ " Khóc thị Bằng" cũng không phải của vua Dục Tông vì làm sao lại có thể khóc cái chết của một người chưa từng sống? Và từ đây, ta cũng nên đề là " Khóc thị Bằng" chứ đừng đề là " Khóc Bằng phi" nữa, vì không có một lý do gì cho phép ta làm như thế.

Nếu chưa thể quyết bài thơ ấy là của Ôn Như Hầu, ta cũng đã có rất nhiều lý lẽ để tạm nhận nó là của Hầu. Ôn Như Hầu có làm hai mươi bốn bài " Cung Oán thi", theo thể thất ngôn bát cú (xem thi pháp của Diên Hương, trang 262-270), lời văn tuy không đẹp bằng Cung Oán Ngâm Khúc, nhưng bài nào cũng trang nhã chải chuốt, giọng điệu cũng thiết tha tình tứ, không khác với giọng trong bài " Khóc thị Bằng " một tí. Dưới đây, xin phụ chép một bài thơ của vua Dục Tông, nhan đề là " Thuật Hoài ", tuy làm bằng chữ hán, nhưng trong ấy nhà vua tự phê-bình mình, có thể giúp cho ta hiểu thêm được ít nhiều tâm lý của nhà vua.

*Tuy vô Đường -thái tài
Diệc hữu Hán-văn chất,
Nan tử Nhan-tử ngu,
Cảm vị Bá -ngưu tật.*

*Thậm qui Y-Xuyên dưỡng,
An đắc Vũ-hầu bát?
Hạnh ngộ Tạ-Huyền hạc,
Hựu phùng Giản-Địch ất.
Miễn như Phi-tướng số,
Duy vọng linh y-thuật,
Thăm giới Lý -Quý ngôn,
Nguyên giảm Thánh Thang thất.*
(Theo Quốc triều chánh biên toát yếu, trang 368)

Nghĩa là:
Tuy không có tài như vua Thái Tông nhà Đường,
Nhưng cũng được cái chất của vua Văn Đế nhà Hán.
Không bị được cái ngu của thầy Nhan- Hôi (4)
Nhưng cũng khỏi cái bệnh ác nghiệt của thầy Nhiễm Cầu. (5)
Rất hổ thẹn với cái đức hàm dưỡng của thầy Trình Y-Xuyên.
Chỉ mong sao được người phụ bát như Vũ hầu Gia cát Lượng
Được cái may như Tạ Huyền nhà Tấn nhớ tiếng hạc trợ uy để phá một trăm vạn quân của Phù Kiên. (6)
Và cũng được cái may như bà Giản-Địch nuốt trứng chim én mà mở nghiệp cho nhà Ân. (7)
Khỏi bị cái số phận hẩm hiu của Phi tướng Lý Quảng nhà Hán, bảy mươi trận thắng Hung nô mà vẫn không được phong hầu (8)
Chỉ cầu được có thuốc hay để chữa bệnh.
Hết sức răn mình, không dám chỉ mặt trời mà nói khoác như tên Hạ Kiệt kia. (9)
Nguyên bắt chước vua Thành Thang tự trách mình để cầu mưa cho dân nhờ, (10).

Mười hai câu thơ, mười hai cái điển, đại để trong ấy nói rằng dầu mình không tài giỏi gì cho lắm nhưng cũng tránh được cái gương xấu đời xưa, nhờ hồng phúc trời ban cho cũng tránh được nhiều cái may khỏi nhiều cái rủi và cuối cùng là nơi mình cũng cố gắng học đòi các đấng anh quân

thời cổ vậy. Nói tóm lại là vua muốn tỏ ra rằng mình vẫn có đức độ của một vị vua hiền.

Bài " Than Đòi" thì tưởng ai cũng đã có đọc rồi, không cần phải dẫn ra đây làm gì.

Viết bài này chúng tôi chỉ mong đính chính một mõi sai lầm đã được công nhận gần một nửa thế kỷ nay, tuy thỉnh thoảng cũng có người nghĩ khác. Cũng trong mục này, chúng tôi hy vọng sẽ có dịp tiếp tục trình chính những điểm mà chúng tôi tưởng là có sự thất thiệt trên lĩnh vực văn học.

Phan Văn Dật

Ghi chú:

(1): Năm 1952, tôi có đem bài này đọc cho các anh chị em học sinh chép ở lớp Dự bị Sinh ngữ trường Khải Định cũ. Trong trận lụt tháng 9 năm 1953, bài này cũng nhiều tài liệu khác của tôi đã bị tiêu hủy. vậy bạn nào còn giữ được vở cũ xin chép giùm và vui lòng gởi cho, tôi rất cảm ơn.

(2) : Bình -an- đường là một ngôi nhà nằm ngoài và phía sau hoàng thành, ở về mé đông-bắc. Dưới chế độ quân chủ, không một người dân bà nào được phép chết trong khuôn viên hoàng thành. Ai đau nặng xem chừng không thể qua khỏi được thì phải đưa ra nằm tại đó để chờ lúc tử giả côi đời. Nhà ấy hiện nay đương còn, nhưng đã quá đổ nát.

(3): Chúng tôi viết là Dực Tông, Cảnh Tông và Giản Tông theo miếu hiệu của các vua cho đúng, chứ không theo niên hiệu như người Pháp đã gọi các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức..v...v...mà sau người Việt ta cũng bắt chước theo. Vì một ông vua chỉ có một miếu hiệu mà có khi có nhiều niên hiệu. Chúng ta nói là vua Lê Thánh Tôn chẳng hạn chứ có nói là vua Quang Thuận hay Hồng Đức bao giờ.

(4): Không Tử nói: Ta cùng anh Hôi ngồi nói chuyện suốt ngày, anh Hôi không bao giờ hỏi lại cái gì, y như người ngu vậy, nhưng đến khi về nhà, cứ xét theo cách ăn ở thì cũng tỏ ra hiểu những điều ta nói. Anh Hôi chẳng ngu đâu (Tử viết: Ngô di Hôi ngôn chung nhật, bất vi như ngu, Tháo 1t nhi tình kỳ tư, diệt túc di phát. Hôi già bất ngu - Luận ngữ)

(5): Ông Bá Ngự (tên tự thầy Nhiễm Cẩu) phải bịnh hủi.

Không Tử đến hỏi thăm, từ cửa sổ cầm lấy tay ông Ngưu mà than rằng: số mạng người làm chết thật! Người như thế mà có bệnh như thế; người như thế mà có bệnh như thế! (Bá Ngưu hữu tật. Tử vấn chi, tự dư chấp kỳ thủ viết; vong chi mệnh hĩ phù! Tự nhân đã nhi hữu tư tật đã! Tự nhân đã nhi hữu tư tật đã! - Luận ngữ).

(6) Tạ Huyền: cháu Tạ An đòi Tấn, có tài kinh quốc, giặc Phù Kiên vào quấy nhiễu, Huyền được cử làm Kiến-vũ tướng quân đem 8000 quân tinh nhuệ phá một trăm vạn quân của Phù Kiên ở Phi-thủy. Trong khi quân giặc bỏ chạy lại có tiếng hạc kêu, tướng là quân của Tạ Huyền, càng thêm hoảng sợ và dễ tan vỡ.

(7): Giản Định con gái họ Hữu-Nhung thời thượng cổ, vợ của vua Đế Cáo và mẹ ông Khiết. Theo Liệt-Nữ-truyện, dưới thời vua Nghiêu, bà cùng em gái đi tắm ở sông Huyền Khâu chợt có con chim đen ngậm một quả trứng bay ngang qua và làm rơi xuống, năm sắc rất đẹp, bà lượm lấy và nuốt đi, sau thụ thai và sinh ra ông Khiết là người sáng nghiệp của nhà Ân.

(8): Lý Quảng: tướng nhà Hán, dưới thời vua Văn Đế đánh giặc Hung Nô có công, được làm Vũ kỵ thường thị, qua đời Cảnh Đế được thăng làm tướng quân, cùng Hung nô đánh hơn bảy mươi trận, giết được quân giặc rất nhiều, giặc sợ gọi là Phi tướng quân. Dưới triều Vũ Đế lại theo Vệ Thanh đánh Hung Nô, nhưng rút cục không được phong hầu.

(9): Lý Quý: Tên vua Hạ Kiệt, một ông vua hung bạo hay tàn hại dân và thường chỉ mặt trời khoe rằng bao giờ mặt trời ấy mất, và mới mất. dân tình oán giận nói rằng: Mặt trời kia, bao giờ mày mới mất cho, tao cùng mày cùng mất (Thời nhật hạt tằng, ngô dĩ nhi giai vong - thư: Thương thệ).

(10): Đời nhà Thương, trời làm đại hạn bảy năm liền làm cho dân phải lâm vào nạn đói rất kịch liệt. Vua Thành Thang bèn tự cắt tóc và móng tay vào trong rừng dâu để tự chịu tội với trời đất. Trời liền mưa to và mùa màng năm ấy rất tốt.

(nguồn : Sáng Tạo 23 tháng 8- 1958)

Ca Huế

Thanh Lăng

Dưới danh từ Ca Huế, chúng tôi muốn chỉ thị tất cả một loại văn chương mà hình thức và thể cách khác hẳn ca dao, tục ngữ. Chúng tôi tách biệt CA HUẾ ra ngoài ca dao, tục ngữ, vừa phần vì thể cách và bố cục bài ca Huế có nhiều điểm khác ca dao, tục ngữ, vừa phần vì nó ít phổ thông hơn ca dao, tục ngữ. Ca dao, tục ngữ bao giờ cũng có yêu vận. Ca Huế, trái lại, chỉ có cước vận; một đàn là di sản hoàn toàn Việt nam, một đàn là sản phẩm do kết hợp giữa hai phân số quốc gia và ngoại lai.

NGUỒN GỐC CA HUẾ

Theo tài liệu kể cứu của mấy ông Đào-Duy-Anh, Dương-Quảng-Hàm, Lương-Thiệt, Thái-Văn-Kiểm... thì ca Huế thoát thai do sự phối hợp của hai dòng ảnh hưởng Chăm và Tàu. Các ông tựa vào mấy việc lịch sử sau đây:

1. Nguồn gốc Chăm:

Năm 1044. Lý Thái Tôn đánh Chiêm Thành, chém Sạ Đầu, rồi vào thành Phật Thệ bắt các cung nữ vua Chiêm biết hát khúc "Tây Thiên" đem về làm cung riêng cho họ ở.

Đến năm 1202. Lý Cao Tôn lại sai "nhạc công" soạn ra khúc nhạc mới gọi là " Chiêm-Thành-Âm ", tiếng ai oán, sầu thương.

Theo các ông, khúc Tây Thiên và "Chiêm-Thành-Âm" là nguồn gốc các điệu Nam của ca nhạc Huế ngày nay: "Ta có tiếp xúc với ca nhạc của Chiêm-Thành và chịu ảnh hưởng của ca-nhạc ấy. Sau này, khi dân tộc Chiêm-Thành đã mất nước, nỗi buồn rầu, lòng căm cực thổ lộ trong giọng hát, cung đàn nên có nhiều vẻ não nùng, ai oán truyền sang và nhạc của ta". (Dương Quảng Hàm, Việt-

Nam văn học sử)

2. Nguồn Gốc Tàu:

Cũng theo sử, ta thấy đời Hồng Đức (1470), Lê Thánh Tông sai ba ông Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh khảo cứu âm nhạc Tàu đặt ra hai " bộ Đồng văn" chuyên lập ra nhạc và " bộ Nhã nhạc" chuyên dùng tiếng người để ca hát, có qua Thái Thường quân đốc của hai bộ. Đời Lê Trung Hưng, trong phủ Trịnh còn đặt ra đội bả-lệnh.

Tựa vào mấy tài liệu lịch sử đó, người ta kết luận ca Bắc giọng vui vẻ...là chịu ảnh hưởng Trung Hoa.

Để rút ra một kết luận tổng quát, ta có thể nhận:

a. Về phương diện văn thể. Tất cả các bài ca Huế đều phỏng theo các từ khúc của Tàu bị Việt hóa do óc chống đối ngoại xâm và tinh thần sáng kiến của thường dân Việt Nam

b. Về cung điệu. Yếu tố cơ bản vẫn phải nhận là một di sản quốc gia nhất là đối với điệu ca ai oán sầu thương. Những điệu buồn thương, bởi vậy, không hoàn toàn là một sản phẩm nhập cảng. Những bài hát ru em, nhất là những bài hát trai gái tương tư có người đã gọi là những tiếng rạn nứt của trái tim biết đâu không phải là không ảnh hưởng sâu xa để cấu tạo nên các điệu ca buồn thương kia.

Tuy nhiên, ta cũng có thể nhận rằng những điệu ca buồn thương của Chàm đã ảnh hưởng sâu xa đến các điệu ca Việt Nam. hay nói khác đi, các điệu ca buồn thương của dân quê đất Việt đã gặp một miếng đất phì nhiêu để nảy nở tức là sự va đụng Việt Chàm. Do sự va đụng Việt Chàm đó mà có những điệu: Nam ai, Nam thương, Nam bình, Vọng phu...

Còn các điệu hát Bắc, giọng vui vẻ là do bản chất thích vui đùa của người dân quê Việt Nam. Tuy nhiên, do sự va chạm với Trung Hoa, các điệu ca đó càng thêm hoa mỹ và thành khoa học hơn. Ta có thể kể đến các điệu: Cổ bản, Kim tiền, Tứ đại cảnh, Bắc xướng, Chấn trập..v.v..

PHẦN LOẠI CA HUẾ

1. Cổ Bản

Cổ bản là một điệu ca hát có sáu khổ, sáu vần. Theo Bùi Kỳ, nhà văn Bình dân đã phỏng theo khúc " mộng trùng phùng " (Bùi Kỳ, Quốc văn cụ thể)

Tự Tình

*Duyên thắm duyên càng đượm, vì giống đa tình
Thêm nhiều ngày, mặn nồng càng xinh
Bực khuynh thành thực là tài danh
Sóng duyên kia đừng phụ, nào trách chi mình
Chỉ non thê nguyện cùng trời xanh,
Lòng dạn lòng cho đành
Nối kết mình (kết mình)
Thư nhận đưa tin (đưa tin) tháng ngày
Nguồn ân ái dắm đâu vui đây.
Thương càng bận, làm bận lòng đây
Vấn vương tình tự từ đây
Tơ hồng kéo xe, thật là may.*

*Trăng rọi thêm hoa
Lầu ngọc sáng lò
Hương thơm ngát nhà
Khấp gần xa
Tiếng đàn hòa ca.*

*Ngâm vịnh mấy chén quỳnh
say sưa cùng mình*

*Sánh tay vai
Nhân ngãi (nhân ngãi) lâu dài
Thực là vui, dắm nào phai
Tâm đầu ý hợp, như rửa mấy người
Ngọc vô -hà, Biện-hòa mới hay
Một ngày tương tri tình si, ấy là ai
Muôn ngàn không ngại mua một tiếng cười
Gọi mười người như mười.*

*Anh hùng có đâu, có là đâu
Thôi thôi đừng, thôi đừng năn nỉ, suy nghĩ thêm sầu
Mặc ai dầu*

*Lại hầu thương yêu
Mặn nồng bao nhiêu
Đường còn lâu
Chút tình sâu,
Vui lòng ưng ý, danh lợi chi sâu !*

2. Kim-tiền.

Kim-tiền là một lối ca có hai khổ, hai vắn gọi là song điệp. Theo Bùi Kỷ, điệu này phỏng theo khúc " Hành lộ nan" của Tàu:

TRAI GÁI TỰ TÌNH

*Xa xôi gửi lời thăm
Lúc nhẩn nhe đô bạn sắt cầm
Mong kết nghĩa đồng tâm
Với người tri âm.*

*Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi
Thương nhau hoài, ai cho phụ tình ai
Duyên vì trúc mai
Trúc mai hòa hợp cùng bạn lâu dài,
Đặng lâu dài, lâu dài
Thương thì xin đó đừng phai (thương thì xin đó đừng
phai)*

*Ấy, ai tình tự, tạc dạ (tạc dạ) chớ phai
Chớ phai, hỡi người tình tự!*

3. TỨ-ĐẠI-CẢNH.

Tứ-Đại-Cảnh là một lối ca có bảy khổ, bảy vắn gọi là thất điệp. Theo Bùi Kỷ, điệu này phỏng theo khúc " Động phòng án" của Tàu.

GẶP ANH HÙNG

*Con phong trần, tay trí võ, nay mới tỏ (mới tỏ) tài tình
Thôi thôi thực gặp buổi (danh) giương danh
Ngắm trời xanh
Mở hội hoàn doanh
Bảy cuộc đua tranh.*

Xui nên chuyện
Vang châu huyện
lắm chuyện kỳ thay!
Ai là kẻ hào kiệt (tay) ra tay?
Nay mừng thay!
Cờ mở gió bay
Trống động trời lay.

Trông ra dạng
Nguy nga trạng
Chức trọng quyền cao
Nghiêng trời bể lòng lấy (bao) xiết bao!
Xưa phỉ nguyên rầy ước mai ao,
Ngày khác đêm khao

Người người đầu tung hoành thế?
Mới hay, biết tay anh hùng
Luống những mong
Lượng bể bao dung
Phận liễu đoái trông
Lòng lòng mong
Ân tình thấm, có xong
Có xong chẳng là?

Mưa sa, chầm hoa sân ngọc rườm ràp (rườm ràp xuân)
thêm xuân.
Tư quân mây phận chung tình
Xin xét đến có chừng ấy chuyện,
Xin ghi tạc có chừng ấy câu

4. LƯU THỦY.

Lưu thủy là một điệu hát có bốn khổ, bốn vãn.

GỬI TÌNH NHAU

Kể từ ngày (* từ ngày) gặp nhau
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau
Dây tơ mảnh xe chặt lấy nhau;

Xe không dăng, đem tình thương nhớ,

Cảm thương người ngậm ngùi ba thu

*Xa cách nhau đêm nằm vẫn thấy
Thấy là thấy (là thấy) chiêm bao,
Biết bao lại vẫn vương bên mình,
Mình giật mình (giật mình)đôi con.*

*Biết bao lại quan sơn một đường
Tình (tình) thương, tơ vương mọi đường
Xin cho trọn (cho trọn)cương thường.*

*Ai đơn bạc thì mặc lòng ai
Xin cùng bạn (cùng bạn) trúc mai
Trăm năm lâu dài.*

5. HÀNH VÂN.

*hành vân là một điệu hát có bốn khổ, bốn vãn, gọi là tứ-
hiệp.*

NHẮN TRI ÂN

*Một đôi lời (một đôi lời)
Nhắn bạn tình ơi!
Thẻ non nước, giao ước kết đôi,
Trăm năm tạc dạ.
Dầu xa cách, song tình thương nhớ phụ thì thôi.
Niềm trọn niệm, xin đừng xao nhãng
Trời kia định, nợ ba sanh,
Đẹp duyên lành
Trọn niềm phu phụ bậc tài danh (tài danh)*

*Dầu tiên có tại non bông,
Kết mối tơ hồng,
Ấy thời trông (thời trông).*

*Nghĩa sắt cầm,
Hòa hợp trăm năm.
Bởi vì xa cách, nhắn nhe cùng bạn tri âm.*

6. VONG PHU.

Vọng phu là lời hát mà khuê phụ chẵn đơn gối chiếc tưởng nhớ đức lang quân cõi xa ngàn dặm hay của những con người tương tư xa vắng.

Ngảnh mặt ra bóng Nga đã xế!

Quay mặt vô tiếng đế kêu sầu

Trời, trời ôi! ôi trời, trời ôi!

Quay mặt vô tiếng đế kêu sầu.

Thôi nghỉ đi mần chỉ mà nghỉ

Nhắm mắt rồi rủ rỉ chiêm bao

Trời, trời ôi! ôi trời, trời ôi!

Nhắm mắt rồi rủ rỉ chiêm bao.

7. NAM AI.

Nam ai là điệu hát ai oán của phương nam, có ba khổ, ba vần gọi là tam điệp.

KHUYẾN HIẾU

Khuyên ai gấn bó báo đền công trình thầy mẹ,

Ân nặng nhường sông, nghĩa chất non cao.

Ơn cức dục cù lao

Sinh thành lo sự xiết bao

Lo cơm bữa nhường nao

Ấm bông (vào) ra cửa.

Nâng niu bú mớm đêm ngày, xem tày vàng ngọc,
hay chạy, hay đi, lúc nắng lúc mưa.

Từ xưa đến giờ

Lúc hãy còn thơ.

Đến bây giờ,

Chịu nuốc nơ

Biết bao nhiêu mà,

Trông năm trọn ngày qua,

Da mồi tóc bạc mây xa.

Khuyên trong cõi người ta,

Thảo ngay mới là.

NAM THƯƠNG.

Nam thương là điệu hát có ba khổ, ba vần.

TÌM BẠN

*Tay mang khăn gói băng ngàn, vô hàng tìm bạn,
Nguyên đồng học ngày xưa, cách trở mấy năm.
Nay nhớ bạn tri âm,
Băng ngàn bất quản sơn lâm.
Nay nhớ nghĩ tình thâm
Xui lòng dạ (thâm) thương thâm.
Non cao suối hểm, không nài (không nài) khó nhọc.
Trông cho gặp thái-huynh, kéo trong dạ ư lang.
Trắng kia xế tàn,
Núi hàn san
Khôn thở than
Nhớ bạn vàng.
Khó nổi hời han,
Nên chi tôi băng ngàn,
Nay băng ngàn cũng vì nhớ bạn,
Nay anh gởi thư ra,
Thân hành bất quản đường xa,
Xui trong dạ tôi bồn ba
Phút đâu tới nhà.*

NAM BÌNH.

Nam Bình là điệu hát có ba khổ, ba vần.

TÌNH LY BIỆT

*Ôi! tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước.
Ngàn dặm chơi vơi,
Mấy lời nào dễ sai lời.
Ai ơi! chớ đem dạn dối dời,
(Ứng tình ưa ý) ý ương tình thêm càng đa ý,
Thiệt là đáng mấy người,
Lại sai lời.*

*Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì.
Nhớ khi cuộc rượu, câu thi,
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì.*

nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ rằng ai,

*Buộc lại người sinh,
vấn vương tơ tình.*

Ngoài những lối phỏng theo từ khúc, người dân Việt còn phỏng theo cổ thi để chế tạo ra mấy lối văn rất phổ thông trong đám dân gian. **Đây là một lối văn vần luật lệ rất phóng túng, tỏ ra cá tính người dân Việt rất mãnh liệt: họ bắt chước mà không chịu nô lệ.** là những bài văn dài ngắn, tùy hứng củ người đặt, đối nhau, hay không đối nhau cũng được. Chỉ cần gọn gàng.

Minh: là một bài văn khắc vào vật gì hay dán lên tường nhà dùng để ghi nhớ sự nghiệp của một người bà con, hay ca tụng một câu cách ngôn cổ.

TU THÂN

*Người xấu chớ nên nói
Mình hay chớ nên khen
Làm ơn chớ nên nhớ
Chịu ơn chớ nên quên
Lời khen không đủ nên
Chỉ lấy đức làm nền.*

TRÂM: là một bài văn làm ra tự khuyên răn mình hay răn dạy người khác.

CẤN NGÔN

*Lòng người phát động
Bởi nói mà ra
Lòng chớ nóng nảy
Trước giữ khoan hòa
Cái mấy đầu lưỡi
Nên hay, nên vạ
Lành dữ nhục vinh.
Bởi tự đó cả.*

TÁN: là một bài văn khen mình hay khen người khác.

TỰ THÁN

*Lấy ngu làm khôn,
Lấy vụng làm khéo
Vào đàn cũng hợp.
Không tròn không méo
Biết mình đỡ lo
Nhường người khỏi bận
Tị được ganh hơn,
Không bằng yên phận*

NỘI DUNG CA HUẾ

Nội dung ca Huế đại thể giống như nội dung của ca dao. Phần đa số là những bài trai gái tự tình, hay những bài kể công đức cha mẹ...Nó chỉ khác ca dao ở chỗ không có những bài mô tả đời sống nông nghiệp.

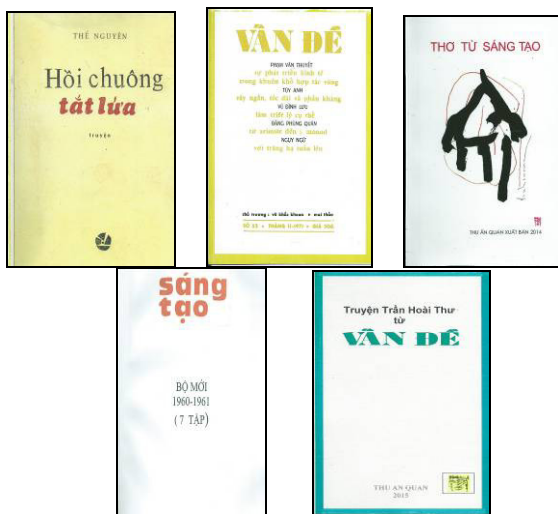
(Nguồn sưu tầm: Giao Đoàn đặc san của Hội Sinh viên du học tại New England US, năm 1971)

GIỚI THIỆU SÁCH

(Phạm văn Nhân phụ trách)

*Trong tháng 3 và 4-2015 TQBT chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ trong và ngoài nước gửi đến. Chúng tôi xin giới thiệu đến các bạn đọc TQBT những sách của các tác giả gửi đến cho chúng tôi. TQBT thành thật cảm ơn những tác giả đã gửi sách. Và xin giới thiệu đến độc giả. Mặt khác, nếu gửi xin gửi về địa chỉ chúng tôi (Đã ghi nhiều kỳ trên các số trước) thay vì địa chỉ của Thư Ấn Quán (qua anh THT).
Trân trọng (PVN).*

TỦ SÁCH DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM



Thư Quán Bản Thảo chúng tôi vừa mới nhận được những tạp chí sau đây của Thư Ấn Quán do nhà văn Trần Hoài Thư gửi tặng. Gồm:

(1)**Hồi Chuông Tắt Lửa:** Truyện của Thế Nguyên. Sách dày 95 trang. Giá bán 40 \$. Giấy phép xuất bản số: 3838/BTTCH/BC3/XB ngày 7 tháng 12 năm 1966. Đây là một truyện từng gây sôi nổi một dạo, và được tái bản nhiều lần. Quý vị nào cần, xin liên lạc với tòa soạn.

(2) **Nguyệt San Vấn Đề Số 52:** Chủ trương: Vũ Khắc Khoan. Mai Thảo. Giá bán: 50 \$. Giấy phép số: 6068 BTTCH-BC1 Ngày 2-12-1966. Vấn Đề số 52 bị chính quyền TỊCH THU. Trong số 52 này, gồm các tác giả: Phạm văn Tuyết. Tùy Anh. Vũ Đình Lưu. Đặng Phùng Quân. Ngụy Ngữ. Du Tử Lê. Mang Viên Long. Vĩnh Lộc. Như vậy Vấn Đề số 52 bị tịch thu không đến tay độc giả. Chỉ có một câu rất ngắn " Cáo Lỗi : *Vì bị tịch thu nên Vấn Đề số 52 tháng 11-71 không đến tay độc giả*" Đì trên TQBT 63 mà tôi đọc được. Không biết người chủ trương có giải thích cho độc giả hay không ở số 53?? Đọc Vấn Đề số bị tịch thu (52) người đọc mới thấy truyện ngắn của Ngụy Ngữ : **Với Trăng Hẹn Tuần Lên** . Đây là truyện ngắn mà tác giả (NN) đã bôi bác người lính VNCH rất thậm tệ. Có lẽ Vấn đề bị tịch thu vì truyện ngắn của ông nhà văn này? Xin giới thiệu với độc giả TQBT. Liên hệ: Thư Ấn Quán: tranhoaitu16@gmail.com

(3) **Thơ Từ Sáng Tạo:** Tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam đã sưu tầm được tất cả những bài thơ có trên **Sáng Tạo**. Từ số Một (1) đến số Cuối . Gồm tất cả 38 số của những tác giả (Tên tác giả và số bài thơ). Đây là một công trình sưu tầm rất công phu của nhà văn Trần Hoài Thư, mà TQBT chúng tôi nghĩ khó có ai thực hiện được. Sách dày 274 trang. Bìa láng. Đẹp. Độc giả TQBT nếu cần nghiên cứu về thơ văn miền Nam trước 1975. Xin liên lạc với Thư Ấn Quán.

(4) **Nguyệt San Sáng Tạo Bộ Mới** (1960-1961): Đây chỉ là một trong bốn tập đóng bộ. Tập 1 gồm số 1 đến số 10. Tập 2 gồm số 11-20; Tập 3 gồm số 21- 31. Và Tập 4 (gọi là ST bộ mới) gồm số ST số 1 đến số 7 .Khổ lớn: 21cm x 29cm (11^{1/4} " x 8^{1/8} ").

Trước đến nay, rất hiếm người giữ toàn bộ Sang Tạo (cả

bộ cũ và bộ mới). Nay anh Trần Hoài Thu đã ra công chụp lại từ microfilm, và làm “sạch” lại từng trang vàng ố, lem luốc để hoàn thành cả 38 tập ST. Theo anh cho biết, tiền lệ phí mượn từ thư viện Mỹ rất cao, và tiền chụp mỗi trang tại thư viện địa phương là 20 cent (vì chỉ ở thư viện mới có máy đọc và in microfilm: microfilm reader). Mỗi bộ trung bình từ 800 trang- 900 trang, giấy khổ 8.5x11 inch, khổ chữ lớn rất thuận tiện cho người đọc lớn tuổi. Độc giả TQBT cần những bộ sách văn học cũ liên lạc với nhà văn Trần Hoài Thu để biết thêm chi tiết. Qua địa chỉ : tranhoaithu16@gmail.com.

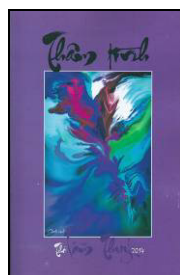
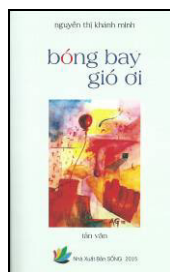
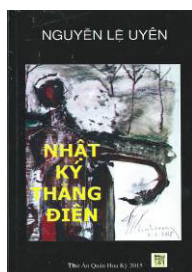
(5) Truyện Trần Hoài Thu từ Vắn Đề: Đây là tập truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Thu thứ ba, sau *Truyện THT từ Bách Khoa* và *Truyện THT từ Vắn*; mà anh đã sưu tập đầy đủ đi trên các tạp chí văn học một thời ở Sài Gòn. Những truyện ngắn anh viết khi còn trong quân ngũ. Những sáng tác của anh, gần như đã tìm lại được đầy đủ qua những tạp chí từ Bách Khoa, Khởi Hành, Vắn và Vắn Đề.

Truyện Trần Hoài Thu từ Vắn Đề gồm 8 truyện ngắn. Viết vào những năm 1970-1971. Độc giả TQBT yêu thích văn của Trần Hoài Thu từ xưa đến nay, xin liên lạc với anh qua địa chỉ email tranhoaithu16@gmail.com.

Sách không bán. chỉ ủng hộ cước phí.

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

*** Nhật Ký Thăng Diên:** Tân truyện của Nguyễn Lệ Uyên. Thư Ấn Quán xuất bản lần đầu vào tháng 4 năm 2015. Sách dày 166 trang. Bìa: Họa sĩ Đinh Cường. Minh họa: Lê Ký Thương. Ký họa chân dung: Đỗ Hồng Ngọc. Đọc và sử bản in: Trần Thị Nguyệt Mai. Kỹ thuật: Trần Hoài Thu. Không ghi giá bán. Địa chỉ liên lạc: Thư Ấn Quán: tranhoaithu16@gmail.com.



* **Bóng Bay Gió ơi:** Tản văn của Nguyễn Thị Khánh Minh. Nhà xuất bản Sống 2015. Giá 18 USD.

* **Thâm Tình:** thơ của Lâm Thúy. Sách dày 284 trang. Chia làm 4 phần: Phần I: Từ Phụ. Phần 2: Thâm Tình. Phần 3: Từ Biệt Ngô Thị Lệ Hằng. Phần 4: Thâm Tình. Được biết đây là tập thơ thứ hai, sau tập thơ Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi. Lâm Thúy, nhà thơ nữ. Quê ở Phong Điền. Cần Thơ. Tốt nghiệp ĐHSP/Cần Thơ ban Việt Hán. Sau tập thơ Thâm Tình. Lâm Thúy sẽ xuất bản tiếp tập thơ Từ Mẫu. Không ghi giá bán. Liên lạc: lamthuyct@gmail.com.

* **Có Một Mùa Trăng xa Như Biển.** Thơ Cái Trọng Ty. Thư Ấn Quán xuất bản. Tháng 4 năm 2015. Được biết đây là tập thơ đầu tay của nhà thơ. Sách dày 173 trang. In trên giấy tốt. Bìa ép laminate hai mặt. Tranh bìa: Đinh Cường. Phụ bản: Đinh Cường và Thân Trọng Minh. Trình bày bìa :Phạm Cao Hoàng. Chăm sóc: Nguyệt Mai và Trần Hoài Thư. Layout: Phạm Văn Nhân. Kỹ thuật: Trần Hoài Thư.

Theo lời giới thiệu của Thư Ân Quán: ...Dù nhà thơ làm thơ cho ông, nhưng khi đọc " Có Một Mùa Trăng Xa Như Biển " chúng ta nhận ra ông làm cho chúng ta. Chúng ta thấy lại chính hình bóng của mình, người thân yêu và cả một miền Nam của mình trong thời " chập chùng khổ nạn" . (Mượn từ chữ của Cái Trọng Ty...

Với thi tập: Có Một Mùa Trăng Xa Như Biển. nhà thơ đã: Đắm đuối hồn thơ từ tiền kiếp/ Em về mang nắng tựa phù sa.

Một tập thơ hay. Độc giả TQBT cần có, xin liên lạc tác giả qua địa chỉ email: tycai46@yahoo.com. Sách dành biếu tặng.

LỜI QUA TIẾNG LẠI

LTS: Trước năm 1975, chúng tôi được nghe nhiều về chuyện hai nhà văn nữ là Túy Hồng và Nhã Ca đăng thư ngỏ phản đối nhà văn Trần Phong Giao - thư ký tòa soạn tạp chí Văn - về điều mà họ cho là bôi bác gái Huế. Nay chúng tôi sưu tầm những bài vở có liên quan đến lời qua tiếng lại này để giúp quý bạn hiểu rõ vấn đề bằng những tài liệu dẫn chứng xác thực.

Chúng tôi lần lượt đăng:

1 Nhớ Y Uyên của Trần Phong Giao (Văn số 129)

2. Thư gửi Trần Phong Giao của Túy Hồng, Nhã Ca (tuần báo Khởi Hành số 3)

3. Thư trả lời của Trần Phong Giao. (Văn số 131)

Nhớ Y Uyên Trần Phong Giao

Bây giờ, thú thật, tôi không còn nhớ nổi những liên lạc đầu tiên giữa Y Uyên và tôi. Có điều chắc chắn đó là, ít nhất trong giai đoạn khởi đầu, mỗi liên lạc bình thường giữa một thư ký tòa soạn và một nhà văn trẻ có nhiều triển vọng.

Một trong những chủ trương của VĂN, ngay từ những số đầu tiên, là quy tụ, hướng dẫn và khám phá những cây bút trẻ. Nếu việc “bắt liên lạc” với Thế Uyên là do anh Nguyễn Mạnh Côn, thì việc tìm tới Y-Uyên hẳn do anh Võ Phiến. (Tôi không nhớ rõ, vì lỡ để lạc đầu đó những thư từ liên lạc với Y-Uyên).

Y-Uyên có mặt trong VĂN số 6, tuyển tập đầu tiên giới thiệu những cây bút trẻ. Đăng truyện *Bấm đốt ngón tay* rồi, tôi có gửi cho Y-Uyên một lá thư. Thư này dường như làm cho anh không hài lòng, nên mãi lâu lắm về sau, tới số 18, VĂN mới lại đăng truyện *Sương rơi ngoài vườn*. Cùng với bưu phiếu nhuận bút, lại có một cánh thư dài của tòa soạn. Mặc dù thư được viết rất khéo léo, nhưng chắc chắn cũng

đã không làm cho người nhận vui lòng. Gần tết Ất Ty, nhận được bài mới của Y-Uyên, tôi biết là anh buồn mà không giận (truyện *Vết chân thần thoạ* đăng trong VĂN số 28).

Tới đây ghi dấu giai đoạn “căng thẳng” quan trọng trong mối giao tình giữa Y-Uyên và tòa soạn VĂN. Những bài anh gửi về, liên tiếp bị chúng tôi gửi trả lại anh, kèm theo những lá thư luôn luôn thúc giục đòi hỏi nơi văn tài anh một cái gì “khác hơn thế nữa, mới hơn thế nữa.” Tôi nhớ, vào dạo đó, có một lần tôi viết gửi anh đại ý “cậu có cố che sợi tóc làm tư đi nữa thì giỏi lắm cậu cũng chỉ bằng được Võ Phiến là cùng; hãy viết khác đi, hãy dời bỏ những thăm dò ngược về quá khứ, hãy xông vào cuộc đời trước mặt, chất liệu truyện hãy lấy ngay từ cuộc sống thường nhật, cuộc sống của một thầy giáo dạy trường làng miền Trung đang chìm trong khói lửa...”

Thiết tưởng tôi cũng cần mở một dấu ngoặc để nói rõ thêm về sự “trả lại bài” của các cộng tác viên. Chúng tôi làm việc đó chỉ vì mong muốn các bạn mình sẽ đi xa, đi nhanh hơn. Nếu các bạn đó đưa bài gì chúng tôi cũng cứ thế mà đăng thì, chao ôi, yên ổn quá. Sẽ chẳng làm gì có chuyện mất lòng mất bề với bất cứ ai... Cùng lúc với Y-Uyên, chúng tôi còn trả lại bài của nhiều anh em khác. Có người, giận, không bao giờ đưa bài cho VĂN nữa, nay đã trở thành một tác giả có sách bán chạy. Một tác giả khác, bạn thân của Y-Uyên, đưa chúng tôi ba truyện, chúng tôi đăng một, hoàn lại hai. Anh bạn này giận, không cho truyện nào khác. Ít lâu sau, gặp chúng tôi, anh kêu “Nhất, truyện *Bão khô* của Y Uyên là nhất.” Chúng tôi chỉ còn biết cười buồn, vì biết làm sao hơn với người tự bằng lòng đứng giậm chân một chỗ!

Khác với mấy bạn vừa kể, Y-Uyên lẳng lặng viết, có phần nào nghe theo ý kiến của các anh em trong tòa soạn VĂN. Truyện ngắn *Tượng đá sườn non* đăng trong VĂN số 40, tôi còn nhớ đã gửi cho Y-Uyên hai bưu phiêu, một bưu phiêu nhuận bút và một “để cậu đi nhậu với một vài người bạn ngoài đó, coi như đi nhậu với anh em trong này, để ghi dấu ngày cậu bắt đầu viết khác...”

Truyện đăng trong VĂN số 42 (cái nhan đề do tòa soạn đặt: *Có heo may Hà Nội*) là một trường hợp ngoại lệ, cho hợp với chủ đề số báo.

Truyện *Tiếng hát của người gác cầu* đăng trong VĂN số 46, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi có gửi Y-Uyên hai lá thư. Một thư viết trên giấy mang tiêu đề của nhà xuất bản Giao Điểm, hẹn sẽ in một tập truyện của anh, gồm một số truyện do tôi lựa chọn. Thư sau, tôi còn nhớ đã viết trong một buổi tối kẹt mưa phải ngồi lại tòa soạn tới khuya, thư viết dài tới bốn trang giấy pelure. Trong thư này tôi thuật lại trường hợp đặc biệt của đoàn tác *Thư từ Tuy Hòa* (của Cảnh Cừu, đăng trong VĂN số 45): đọc bài này, tôi thích quá, không chuyển cho Ban Tuyển Đọc tác phẩm như những bài lai cáo khác, tự ý cho đăng ngay vào trong một số không phải là tuyển tập thơ văn (số 45 là số giới thiệu Françoise Sagan). Bài đăng rồi, anh em “chịu” tôi là tỉnh, và đồng ý nên khuyến khích tác giả. (Đáng tiếc thay, tác giả này đã làm chúng tôi thất vọng. Mặc dù sau đó chúng tôi đã cố vớt, cố đăng thêm một hai đoản thiên nữa của anh, nhưng anh đã không không thể đi được xa hơn). Tôi lưu ý Y-Uyên về cái “không khí đặc biệt Tuy Hòa” trong đoàn tác vừa kể. Tôi còn dẫn Camus (on ne pense que par des images), dẫn thêm nhiều kinh nghiệm khác rút trong cuốn *Esquisse d'un roman* v.v..., và dặn cậu có thể rồi bỏ những nhân vật thầy giáo, cô giáo rồi đó.

Truyện *Những ngày cuối năm trên miền núi* đăng trong VĂN số Xuân Bính Ngọ; truyện *Bên ngoài khán đài* đăng trong VĂN số 52, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi không viết gì. Điều ấy dường như làm cho Y-Uyên thất vọng, Uy viết gửi tôi, rào đón, ngần ngại. Tôi trả lời: được rồi, cứ tiếp tục, tôi sẽ in những truyện đó trong tập truyện đã dự trù.

Đầu tháng 8/1966, nhận được truyện *Bão khô*, tôi vội viết ngay cho Y-Uyên: tới tôi, cố giữ lối viết đó, không khí đó, cái souffle đó. Trong thư, tôi kể tên sáu truyện đã chọn và đề nghị đặt nhan tập truyện là *Bão khô*, nhà Giao-điểm sẽ lo ngay việc xuất bản. *Bão khô* đăng trong VĂN số 58 rồi, tôi viết gửi Uy, đại ý nói: từ nay, cậu gửi bài về, tôi không đọc lại nữa, cứ thể cho xếp chữ in ngay. Ít lâu sau, tôi nhận

được thư Uy, có vẻ xúc động trước lời ngợi khen biểu lộ qua sự tin cậy của tôi, nhưng lúng túng vì nhà Thời Mới đã lấy trước mất hai truyện tôi chọn để in thành sách (*Mùa Xuân qua đèo* và *Tiếng hát của người gác cầu*), Uy đề nghị tôi thay thế bằng hai truyện khác: *Ngoài khán đài* (VĂN số 52) và *Cái cối xay dưới đồng bằng* (Nghệ Thuật số 51). Tôi trả lời Uy đại ý không tiếc vì hai truyện đã bị “phổng tay trên”, nhưng chỉ tiếc là nếu nhà Thời Mới in hai truyện đó với những truyện Uy viết trước *Tượng đá sườn non* thì hơi uổng, vì sách sẽ không được “nhất trí”. Tôi cũng tiếc *Bão khô* không được là tác phẩm đầu tay của Uy. Đoàn văn *Trong ánh sáng lân tinh* là trích đoạn truyện dài. Uy yêu cầu tôi đăng để “có trớn viết tiếp”, và Uy cũng hỏi han tôi nhiều về sự khác biệt giữa truyện ngắn và truyện dài. Tôi thu thập ý kiến của nhiều anh em và đã trả lời Uy trong một thư khá dài.

Truyện *Kiểm diện* đăng trong VĂN số 66, Uy đã viết vội để cuốn *Bão khô* có đủ số trang.

Những đoạn tác đăng sau đó trên VĂN, hoặc là trích đoạn truyện dài, hoặc là đoạn thiên, đều không có gì đặc sắc (*Gió cuối năm*, VĂN số 71; *Dáng thú*, số Xuân Đinh-Mùi; *Cái xương lá mục* số 87; *Pho tượng đứng đó*, số 92; *Có mùa hoa nào lấy vợ*, số 97), nhưng tôi không nói gì với Uy về những nhận xét của riêng tôi hoặc của anh em, bởi lẽ tôi biết Uy đã hoàn thành những sáng tác đó trong một nỗi ám ảnh nặng nề: ám ảnh bị gọi lính. Sau lần vào quân trường mấy ngày rồi lại được về vì “thặng dư tài nguyên”, Uy có than thở với tôi “rã rời, hết muốn viết, anh ạ.”

Truyện dài *Ngựa tía*, thật ra, nhà Giao-diểm in. Sau khi đọc một vài trích đoạn, tôi có viết thư cho Uy, trình bày những nhận xét cùng đề nghị của riêng tôi. Uy không trả lời thư này và cũng không thấy gửi bản thảo cho tôi, tuy là cách đó ít lâu Uy nói “sắp viết xong những trang cuối.” Tôi còn đang đinh ninh là Uy còn đang sửa, viết lại không chừng, thì một hôm anh Võ Phiến đến đưa cho tôi tập bản thảo *Ngựa tía*, nói “ông in đi, tôi đi khắp cả mà không nhà in nào dám nhận, vì tác giả viết chữ nhỏ quá, khít quá, thợ sắp chữ không nổi.” Tôi nhận tập bản thảo rồi viết gửi Uy.

Trả lời: tôi biết là anh không thích, nhưng nếu có thể thì anh in giùm, tôi sắp đi lính v.v...

Từ Tuy-hòa, Y-Uyên vào Sài-gòn, lấy khoản tác quyền *Ngựa tía* để “đi thanh toán một chuyện tình cảm vướng mắc đã từ lâu, mong là lần này nó sẽ dứt khoát.” Dứt khoát rồi, anh chàng buồn, đòi tôi dẫn đi uống rượu say mèm, đêm khuya tôi phải chờ về nhà; ít bữa sau anh chàng trở ra Tuy-hòa, quên cả ghé nhà in ký tên trước lên cahier đầu sách. (Chuyến về này, Y-Uyên đem biểu thân phụ tôi một chai rượu sâm Cao-ly. Chai rượu nay mới vơi có phân nửa, mà người cho rượu đã ra người thiên cổ!) Thời gian sau đó và suốt cả thời gian sống trong quân trường Thủ-đức, Uy không viết được gì. Mãn khóa, ngay sau khi trở lại miền Trung, Uy gửi về đoàn tác *Cao nhất*, một vài ghi chép đầu tên cho một thiên truyện dài sẽ được khởi viết “*trong những ngày không phải xuống đồ dẫn lính đi lấy nước.*” (trích thư 4-10-1968).

Thư 3-10-68 (có bản kèm chụp trang thứ nhất, in đầu số VĂN này) Y-Uyên nhờ tôi hai việc:

Việc thứ nhất: “*có một thằng bạn văn vừa mới chết một cách thê thảm, để gián tiếp báo tin cho một số bạn bè và coi như thấp cho nó một nén hương, nhờ anh đăng cho ít lời chia buồn (đính kèm)...*”

Việc thứ hai: “*...nên anh thấy có thể in giúp được tập “Đuốc sậy” mà không phiền lòng anh Võ Phiến, nhờ anh in cho một tập nữa...*”

Việc thứ nhất, tôi đã cho đăng mẫu “chia buồn”, ngay trong VĂN số 118. Việc thứ hai, hôm mới đây, gặp Võ Phiến, tôi nói: “Nếu ông không in *Đuốc sậy*, ông có thể chuyển nó cho tôi. Tôi sẽ in, mặc dù hai lần in sách của Y-Uyên rồi, lần nào tôi cũng bị lỗ khá nặng...” Võ Phiến xem thư Y Uyên, rồi ít bữa sau, anh đưa tập bản thảo *Đuốc sậy* tới giao cho tôi. Chúng tôi dự định tập hợp tất cả những truyện ngắn khác chưa in thành sách của Y-Uyên, phân loại lại, rồi sẽ in, có lẽ thành hai hoặc ba tập.

(Nhân đây, xin được thưa thêm một chuyện: Chúng tôi được biết, trước ngày nhập ngũ, hồi còn ở ngoài Trung, Y-Uyên có viết được một số đoản tác, giao cho những anh

em có ý định ra báo, in tuyển tập, nội san v.v...Chúng tôi rất mong những anh chị em nào còn giữ được những bản thảo chưa in của Y-Uyên vui lòng gửi cho chúng tôi, để việc xuất bản được thêm phần đầy đủ. Trường hợp anh chị đã cho in những sáng tác đó trong những ấn bản phổ biến hạn chế tại địa phương, cũng xin vui lòng gửi cho chúng tôi một bản. Muôn vàn cảm tạ.)

Trên đây chúng tôi đã ôn lại mối giao tình giữa Y-Uyên, tác giả và chúng tôi, thư ký tòa soạn VĂN.

Nhắc lại những kỷ niệm về Y-Uyên thì thật không có gì đáng nhớ. Tìm trong xấp thư cũ, thấy một vài điểm mà các bạn khác, trong những bài đăng cùng số này, chưa nói tới, tôi lục chép ra đây, nghĩ cũng là để “soi sáng” thêm về cuộc sống của Y-Uyên.

“...Trong đó anh kêu “thảm lắm!” thì ngoài này cũng kêu “bực lắm!”. Suốt từ đầu niên học tới giờ, làm hiệu trưởng một cái trường toàn đàn bà với ông già, tinh thần như chỉ còn một chút công văn, chỉ thị. Ngoài một truyện gửi về cho Nghệ-thuật số gần đây vì dịp hè có hứa với anh Viên Linh, không còn viết được gì. Đầu óc lớn vồn toàn chuyện bỏ nghề mà không quyết định vì thấy kém thực tế. Nhận thư anh, mừng vì có phút được kéo khỏi những lo toan thường trực vụn vặt, nhưng cũng ngại không có bài gửi về anh kịp thời. Dù sao cũng phải gắng như từ trước tới giờ vẫn gắng nghe theo lời anh. Nhất là tại nghe anh nói “một tuyển tập lạ lắm”, thấy hấp dẫn không ít. Về...muốn hỏi ý kiến anh trước...”

(Trích thư Tuy-hòa, 15-10-1966)

Thì ra cu cậu cũng có lần tính bỏ nghề. Không phải vì sợ bị “sa lầy” trong nghề dạy học, mà vì thấy “kém thực tế” – ôi, cái thực tế đã làm thui chột biết bao tài năng ở đất nước ta!

“...Ở ngoài này chấy đều đều – mùa lạnh, cần lửa mà. Lại vừa gặp một “cú” tình cảm nên bỗng dung thấy mình không còn là một tên viết lách mà là một nhân vật tiểu thuyết của bà Tùng-Long, – cái đó mới ly kỳ...”

(Trích thư Tuy-hòa, 15-12-1967)

(Lửa ở thư trên là lửa đam mê của thú đánh bài; cháy là cháy túi. Thư còn yêu cầu gửi một số VĂN trong đó có đăng bài của Uy tặng một cô gái ở đường Duy Tân, An-cựu, Huế)

Cô gái Huế này tôi không rõ là ai (báo nhờ gửi cho một người đàn ông, cạy chuyển lại), nhưng khi nghe Y-Uyên hỏi ý trong chuyện về Sài-gòn, tôi có lèm nhèm, đại ý “gái Huế, ái tình lãng nhăng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân của một vài anh em có vợ Huế khác.” Y-Uyên gật gù. Không biết trong “vụ” này, cu cậu đã làm nhân vật tiểu thuyết đến đâu, được bao lâu?

“Hồi này đã hết sức tu thân, không hiểu các anh ở nhà có còn tiếp tục cái chuyện “coi như cho ăn mày...”

(Trích thư Tuy-hòa, 17-4-1967)

Hắn đến tòa soạn và đòi đưa đi chơi. Chơi cái gì? Đang hẹn đến NĐT làm canh xì còm đây. Nghe thấy chữ “xì”, mắt hắn sáng hẳn lên. Gặp đồng đảo anh em quanh chiếu bạc, hắn mừng ra mặt. “Mòng đây, mòng mới từ Tuy-hòa về đây. Tây tây xì, đi hai chục.” Anh em nhao nhao: “Hai chục rẻ quá, coi như cho ăn mày...” hắn thích thú lỏm nói đó. Ra tới Tuy-hòa còn tiếc cái không khí đó, cái không khí không thể nào có ở bất cứ một nơi nào khác, với anh em bạn bè nào khác...

“Nhận được thư anh giữa lúc đang bệnh, lo bài gửi về sẽ không kịp đúng kỳ hạn quá. Bây giờ viết hết được dòng cuối mới thấy mừng. Mừng như thoát nợ. Mừng hơn hết mọi lần khác. mấy hôm trước cứ ân hận không biết rõ ngày số Nắng Hè ra nên mới lâm vào cảnh “cuối cùng vẫn phải viết”. Ngày hôm qua vừa đi mổ cái nhọt, từ nay mỗi sáng phải lên bệnh xá một lần, như vậy không mong gì tính chuyện về Sài-gòn. Lá thư vừa rồi của anh có điều gì bất thường, đọc đi đọc lại vẫn không có được một giải thích hợp lý. Ở nhà có điều gì “kẹt” bất ngờ chẳng? Đã định viết hỏi anh ngay hôm nhận được thư nhưng lại nghĩ phải

viết bài trước đã, hậu tính. Giờ thì có thể nghỉ ngơi, mượn chường về đọc và chờ thư anh...” (Trích thư Tuy-hòa, 3.5.1967)

Mới đây nhận được bài của anh Trần Huệ Ân, tôi đã phì cười khi thấy anh nhắc lại chuyện đã làm cho Y-Uyên thắc mắc trong thư dẫn trên. Tôi phì cười cũng như Y-Uyên nói “buồn cười”. Số Nặng Hề tôi có ý định đăng bài của những anh em có mặt trên chiếu bạc nhà NĐT hôm Y-Uyên về chơi. Góp bài không đủ. Trong số người vắng mặt, có cả Y-Uyên, mặc dù hẳn bị đau (phải đi mổ ruột) vẫn cố viết bài gửi về mà không kịp kỳ báo. Cu cậu cố viết bài tuy đau, có phải tại vì đã “sợ” lời “đe dọa” của tôi? Nếu đúng thế, nghĩ thật tội nghiệp, tội nghiệp vì chuyện chỉ đáng “buồn cười”!...

“Lộ xỉ, lộ hầu, tướng đi không chắc bước...tay này chết yểu”, một nhà văn lão thành đã nói bằng quơ như thế, khi cụ nhìn theo Y-Uyên lúc đó mới vừa bước ra khỏi cửa tòa soạn.

Nghe lời vị tức nhỏ cao niên nọ nói mà tôi bỗng rùng mình. Lúc đó Y-Uyên đang thụ huấn trong quân trường. Tôi có nói với một vài chỗ quen biết nhờ lưu ý kéo cho hắn đi ngành. Tôi được trả lời là cứ yên chí. Vốn tính cả tin, tôi yên chí mãi. Mãi cho tới hôm hắn mãn khóa, về chơi nhà tôi, ngật ngưỡng nốc cạn ly cognac, chặm rãi ngã lưng vào thành ghế bành, rồi mới khặc khừ “em đi địa phương quân anh ạ”. Tôi bảo hắn, nếu được chọn, chọn ngày vùng I cho tôi nhờ. Ít bữa sau, hắn ghé báo quán, cho biết đầu hắn được đi Côn-lôn, nhưng hắn tình nguyện xin đi Bình-thuận. Tôi xô ghế đứng lên, nói như quát: “cậu quên lời tôi dặn rồi à?” Hắn nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, tia nhìn mới thanh thản và trong sáng làm sao, và hắn áp ứng: “tôi...tôi có duyên nợ với vùng duyên hải Trung-phần lắm mà anh...” Bữa đó tôi giận lắm, giận hắn, giận những người tôi cậy nhờ, giận tôi, giận tất cả, nên tôi để mặc hắn ra về mà không buồn dẫn hắn đi nhậu một bữa tiễn hành như đã dự trù từ trước. Duyên nợ? Hừ, duyên nợ cái mốc xì! Đại gái, hầu hết nếu không muốn nói tất cả những thằng con trai mới lớn đều đại gái. Tôi đã nghĩ về Y-Uyên

như vậy khi nhìn theo hần leo lên chiếc xe “lam” ngừng bên mé đường bên kia rước khách...

Ít tuần sau, nhận được thư hần báo tin nơi đóng đồn cũng nhàn, lại có an ninh, viết lách được nhiều, tôi cũng thấy người ngoại.

Ít lâu sau, chúng tôi được biết quân đội đã chiếu cố tới hần. Một bưu điệp đã được gửi ra tiểu khu nơi hần trú đóng, cho hần nộp đơn xin thuyền chuyển về Sài-gòn.

Chờ lâu chưa thấy hần về, một nhà văn bạn lại xin với thượng cấp cho hần được đặc cách thuyền chuyển về Sài-gòn.

Tôi được tin văn hữu nọ đã lo xong mọi thủ tục cần thiết, (việc gọi Y-Uyên về Sài-gòn chỉ còn là việc thu xếp trong vòng vài ngày), ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y-Uyên đã từ trần, chiều hôm trước, tại Phan-thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: “Cám ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y-Uyên đã từ trần.” Đầu dây bên kia, anh bạn văng tục và nói cao giọng: “Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó...” Như mọi người, anh không tin là Y-Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục vào, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chảo, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh.

TTY, xin cho tôi được cám ơn anh lần nữa. Con người ta sống, chết, riêng tôi tin là có mệnh số. Riêng anh, anh đã lo lắng giùm Uy nhiều hơn là lo cho một bạn văn không thân thiết, với trọn vẹn tấm lòng thẳng thắn và đôn hậu. Tấm lòng đó đã làm anh khác hẳn với những người khác, – những người miệng đã nói với chúng tôi nhiều điều nhân nghĩa, nhưng rút cục chỉ toàn là “đánh trống bỏ dùi”...

Mặc dù tin nhắn thân nhân phải ra ngay nhận xác, nếu không sẽ không kịp; mặc dù tôi đã gạt hết mọi công việc, lao xe như bay lên Gò-vấp, báo tin cho gia đình Uy; mặc dù nước mắt đã ứa ra...chính tôi, tôi vẫn chưa kịp tin là Uy

đã chết. Chết. Tại sao lại chết, trong lúc biết bao người chăm lo cho mạng sống của Uy? biết bao nhiêu người chạy theo kim đồng hồ, cố kéo Uy về chốn an toàn?

Kỷ niệm của tôi về U-Uyên thật ít (một vài lần dẫn nhau đi ăn nhậu, đánh bài, du hí; một vài lần hẫ đi phép ghé nhà tôi “tắm một cái rồi thay đồ, vào trường cho khỏe”...có đáng gọi chăng là kỷ niệm?) nhưng tôi thật tình quý mến Y-Uyên.

Tôi coi Y-Uyên như em. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm cho Y-Uyên nhà văn, Y-Uyên chuẩn úy. Việc làm của tôi có thể không có kết quả, hoặc kết quả chỉ đến quá muộn màng, quá chậm. Giờ đây, tất cả những gì tôi còn có thể làm cho hẫ, ấy là tôi nghĩ thế, là thu nhặt những gì hẫ đã viết rải rác đem in thành sách. Những cuốn sách đó có chịu đựng được sự thử thách của thời gian không, đó là một việc. Đối với riêng tôi, việc in chúng ra là việc cần làm. Tôi sẽ làm. Và tôi thiết tha mong mọi anh chị em khắp nơi sẽ dễ tâm giúp đỡ tôi trong công việc đó. Không phải vì tôi, hẫ thế. Mà vì bạn của chúng ta, vì Y-Uyên...

Trần Phong Giao (17-4-1969)

Nguồn: *Tạp chí VĂN, Sài Gòn, số 129, số đặc biệt thương nhớ Y Uyên*

(Nguồn: <http://damau.org>)

██████████

Thư lên tiếng của nhà văn Túy Hồng, Nhã Ca.

Kính gửi anh Trần Phong Giao, Thư ký Tòa soạn Báo Văn

Chúng tôi là những gái Huế viết văn, viết được sáng tác nào là gửi đăng trên các báo, rồi sau đó mới xuất bản thành sách. Một trong những tờ báo đăng bài chúng tôi là báo “Văn”, một tờ báo khá ái, linh động và còn là diễn đàn chung cho những cây bút mới. Bài của chúng tôi gửi đăng ở “Văn” tuy ít oi, nhưng cảm tình của chúng tôi đối với “Văn” hay nói đúng hơn, đối với anh Trần Phong Giao bao giờ cũng chan chứa và tròn trịa... Cảm tình đó, chúng tôi tin rằng, bất cứ ai đã từng cộng tác với “Văn” đều thấy rõ. Đùng một cái, chúng tôi tình cờ thấy trên một số báo “Văn” thương nhớ Y Uyên, có đăng một lời nói của anh Trần Phong Giao : “Gái Huế, ái tình lãng nhãng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cũng là đúc kết của một vài anh em có vợ Huế khác... Quả là một câu nói ngùn ngụt hắc ý đối với một quê hương đã đi vào văn nghệ bằng một vẻ đẹp và một linh hồn, một quê hương chiến tranh mà tổng số những đứa con gái lấy Mỹ đếm không vượt quá xa những móng của 10 ngón tay, một quê hương đã từng ép xác đàn bà bằng một lối giáo dục của khối đá ngàn cân đè nặng (8 chữ đọc không rõ)...một quê hương thâm u của những bà Chúa, những Công tử Tôn nữ nhìn đời không quá cái hàng rào vương giả... và, một quê hương còn lại sau cuộc thảm sát ... Đành rằng chỗ đất nào cũng có người thom kẻ thối, gái Huế cũng như gái Bắc, gái Nam... gái xứ nào chẳng có đứa làm đĩ, chứa hoang, ngoại tình, giết chồng người khác, ăn cắp, ngủ lang, hàm hồ, chua ngoa, ác độc.... nhưng, không bao giờ ta nên căn cứ trên một thiểu số người làm bậy rồi quyết đoán cả một tỉnh ly, quận ly, cả một thành phố, cả một cố đô, cả một quê hương... toàn thể phụ nữ đều làm bậy như nhau, đều lãng nhãng nhên nhện như nhau để đến nỗi một người, một người thôi, phải lên cái tiếng lớn cười mũi vào cái thể thống của một quê hương...Tất cả một xứ Huế con gái chỉ đáng cho ông nhà văn tính chuyện lãng nhãng hay sao ? Tất cả xứ Huế con gái đều là những kẻ nhẹ tư cách, rẻ nhân phẩm nên không ai buồn để ý đến chuyện “xây dựng gia đình với !” hay sao ?... Thật tội

nghiệp cho những nắm mồ non thiếu nữ vùi chôn trong năm
thăm sát Mậu Thân, thật tội nghiệp cho những người con gái
dài tóc còn sống dư sau vụ vạ huyết vừa rồi phải bê những rổ
rau quả ra ngồi bán bên đường khi cơn đói đến liền sau cuộc
thăm sát, và cũng thật tội nghiệp cho những cô gái Huế yêu
văn chương vẫn nghiền ngấm đọc báo “Văn” lâu nay (xin quã
quyết rằng khắp trên mấy miền quê hương gái Huế chịu đọc
sách báo và đọc báo “Văn” nhiều nhất)... Chúng tôi, những
gái Huế viết văn đã bỏ quê hương mà đi nên may mắn còn
sống để góp mặt vào cái chiếu làng văn miền Nam này, Chúng
tôi là những kẻ quen thân với anh Trần Phong Giao, là những
kẻ lấy chồng Bắc, nghĩa là những kẻ ở trong cái mục “đúc kết
kinh nghiệm” của anh Trần Phong Giao, mỗi kẻ biết cầm một
cây bút của cái giá đựng bút miền Nam này... thấy thể diện
của quê hương mình bị cào xước như vậy nên chúng tôi phải
có một phản ứng để trả lời câu nói khinh nhờn của anh Trần
Phong Giao đăng trên báo “Văn” Túy Hồng và Nhã Ca từ
nay xin thôi không cộng tác cùng báo “Văn” nữa.

Quê hương đang là một vòm trời đen. Kẻ làm văn không xử
dụng ngòi bút của mình trên những giọt nước mắt, lại đi lai
rai từng hàng cho cái bầu hình thức, thể thống... nghĩ thật tự
mình lấy làm bất mãn, nhưng quê hương còn cả tương lai,
ngòi bút của mình nhận thấy rằng có những điều nói trước
được và có những điều cần phải nói sau...

Túy Hồng, Nhã Ca

(nguồn: Tuần báo Khởi Hành số 3 ngày 15-5-69)

III

Trần Phong Giao

THƯ NGỎ

kính gửi hai chị TÚY- HỒNG và NHÃ-CA

Thưa hai chị,

Tôi đã đọc lá thư ngỏ của hai chị đăng trên tuần báo Khởi Hành.

Câu văn của lời vốn đã không được rành rẽ , bị đem ra khỏi mạch văn của nó lại càng dễ gây thêm sự hiểu lầm. Có điều tôi xin được nói lại cho rõ để tránh gây hiểu lầm thêm nữa : tôi không có ý đánh giá người phụ nữ Huế như hai chị nghĩ.

Câu văn-nói của tôi chỉ là một lời khuyên thân tình, được nhớ lại trong một dịp đau buồn. Câu đó không có dụng ý giễu cợt hay bĩ thỉ người bạn của người bạn trẻ thân mến và đáng thương xót của tôi. Nó càng không có ý miệt thị các bạn đọc phái đẹp ở đất Thànhkinh. Thật tình, đó là một lời báo trước về tính hạnh khắc khổ, đoan trang của người gái Huế, khi đã trở thành người vợ, người mẹ - người vợ và người mẹ biết, và dám quyết tâm bảo vệ gia đình. Đó, theo như tôi vẫn nghĩ, là một lời khen thay vì một lời chê. Không “xây dựng”, nói tóm lại, có nghĩa là “khi chưa bỏ hẳn được tính phóng túng hào hoa (nói cho rõ hơn, trong mạch văn câu tôi viết: khi còn thấy mình là một nhân vật tiểu thuyết thì đừng có nghĩ đến lập gia đình vội).”

Phần khác, tôi nghĩ câu văn đó chỉ là một câu văn nói có giới hạn hạn hẹp của nó trong một bài sáng tác. Mọi suy diễn ngoài phạm vi văn chương được gán ghép cho câu nói đó không phải là ý tưởng của người viết.

Tuy nhiên, sự hiểu lầm đã có rồi. Tôi chỉ còn mong ước rằng những thiện cảm của tôi dành cho xứ Huế-đau-thương, những hảo ứng của nhiều anh chị em văn nghệ xứ Huế giàu-văn-nghệ-tinh dành cho tôi trong nhiều năm tháng qua, giúp tôi khỏi bị bạn đọc trách cứ nhiều hơn.

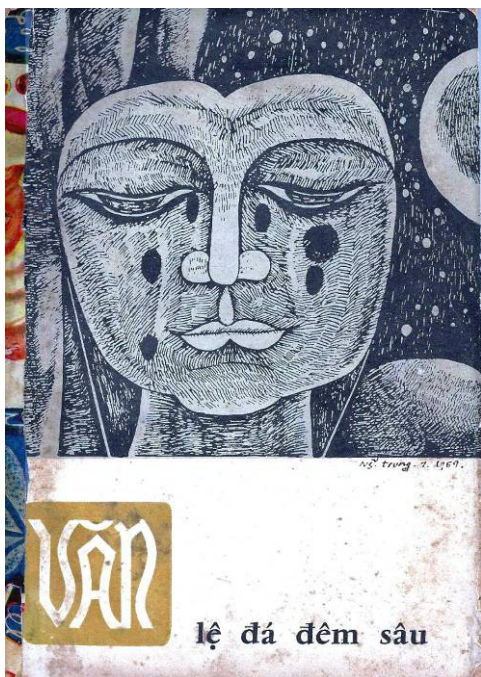
Hai chị không được vui, cùng quyết định không hợp tác với báo VĂN (1) nữa. Các bạn đồng nghiệp đều lấy làm tiếc, và riêng tôi rất ân hận, vì một lời nói không mấy quan trọng (một lời nói lèm nhèm) rất nhiều bạn đọc báo VĂN sẽ không được thỉnh thoảng đọc tác phẩm của hai chị. - Tôi mong là sự hiểu lầm rồi qua đi. Và tôi tin là tình thân hữu giữa những người làm văn nghệ sẽ không vì một sự hiểu lầm nhỏ mà bị sứt mẻ.

Với niềm tin đó, tôi xin trang trọng gửi tới hai chị, - cùng toàn thể bạn đọc nữ giới ở Huế, - lời xin lỗi chân thành nhất của tôi.

Trần PhongGiao (18.5.1969)

(1) Nhân đọc nhan đề “Túy-Hồng Nhã-Ca lên tiếng về một nhận định của báo Văn , chắc hẳn của Toà-soạn KHỎI HÀNH, tôi cũng xin minh xác rằng một bài báo mang tên Trần Phong Giao, không thể được coi như một nhận định chung của cả toà báo.

(nguồn: Văn số 131 ngày 1-6-1969, chủ đề: Lệ đá đêm sâu)



GIỮA THÂN HỮU VÀ TÒA SOẠN

Cáo lỗi

- Trước đây, phần lớn việc đánh máy là nhờ thân hữu. Nay vì nhu cầu bài vở cũng như thời gian phát hành đòi hỏi nên chúng tôi - PVN và THT phải ra tay. Phần già phần mất kém và đánh máy thì chỉ gõ 1 ngón tay, nên có khi đánh sai, đánh sót mà không biết. Mặc dù chúng tôi cố gắng dò lại, nhưng đôi khi sơ sót không sao tránh khỏi. Vậy nếu quý bạn thấy sự sơ sót này xin vui lòng bỏ qua, đừng chấp trách.

- Có một số bài vở của quý thân hữu đóng góp chúng tôi phải đành gát vì số trang không cho phép. Xin quý bạn thông cảm dùm.

Trân trọng.

Sáng Tạo đóng tập.

Chúng tôi đã hoàn tất 90% việc layout 38 số Sáng Tạo (gồm 2 bộ mới và cũ).

Mỗi tập 10 số, riêng bộ mới có 7 tập.

Trung bình mỗi tập từ 700-800 trang giấy khổ letter (8.5x11 inch)

Vì phải dùng Microfilm reader ở thư viện địa phương mới có thể chụp được microfilm (mỗi trang chụp là 20 cent), và lệ phí mượn Microfilm rất cao, nên công sức tiền bạc bỏ ra cho dự án Sáng Tạo rất lớn. Nếu quý bạn nào cần toàn bộ 4 tập đóng bộ ST, xin vui lòng liên lạc với chúng tôi.

Đây là cách giúp chúng tôi duy trì tạp chí TQBT.

Trân trọng

Thông báo

Hiện trong tủ sách di sản văn chương miền Nam có lưu trữ 56 số Vấn Đề chưa layout (gồm có cả số 52 bị tịch thu) và cuốn Hội Chuông Tắt Lửa của Thế Nguyên. (đã layout

xong), Lược đồ văn học VN của Linh mục Thanh Lăng
khoảng 840 trang (chưa layout, chỉ chụp)
Quý bạn nào cần tài liệu để tham khảo, chúng tôi có thể
giúp quý bạn. (Vui lòng cho biết tên bài, tên tác giả v.vvv)

Anh NHQ: Rất cảm kích khi nghe anh dám bỏ một số tiền
lớn để tậu cái máy scanner tối tân hầu chụp giúp TQBT
những tài liệu hay những sách báo quý hiếm trong Tủ sách
Di sản văn chương miền Nam.

Đang chờ anh gởi USB toàn bộ tạp chí Văn Nghệ và Hiện
Đại.

Trân trọng